

MARY MAPES DODGE

CÂU CHUYỆN VỀ LƯỚI TRƯỢT BĂNG BẠC

Hàn Băng Vũ dịch

Tiểu thuyết



NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

CÂU CHUYỆN VỀ LƯỖI TRƯỢT BĂNG BẠC

Nguyên tác: Hans Brinker, or The Silver Skates (1865)



Tác giả: Mary Mapes Dodge

Dịch giả: Hàn Băng Vũ

NXB Lao Động & Đình Tị – 2019

Nguồn: VCTVEGROUP

PDF: Trúc Quỳnh

Text: Caruri

Xin tặng cuốn sách này cho cha tôi – James. J Mapes
Đây là cuốn sách dành riêng cho lòng biết ơn và tình yêu.

Lời nói đầu

Thấm nhỏ này là sự kết hợp giữa một cuốn cẩm nang hướng dẫn du lịch và sự hấp dẫn của một câu chuyện cổ địa phương. Trải đều khắp các trang sách là những dòng mô tả con người Hà Lan, phong tục tập quán và những đức tính chung của họ được nhìn nhận qua lăng kính chân thực. Nhiều sự kiện trong đây được lấy cảm hứng từ thực tiễn, câu chuyện của Raff Brinker cũng được xây dựng gần sát dựa trên sự kiện có thực.

Vốn hiểu biết của tôi có chút hạn hẹp về những tác gia nổi tiếng viết về lịch sử Hà Lan, cả nền văn học và nghệ thuật của họ, thế nên tôi chân thành biết ơn những người bạn Hà Lan của mình, với lòng nhiệt tình vô hạn, đã thay tôi tìm hiểu về hình ảnh quê hương của họ hai chục năm về trước, ngày mà mái nhà của Brinker vẫn còn đứng khép nép dưới ánh nắng và trong bóng tối.

Hy vọng lời nói đầu ngắn gọn này sẽ đưa đến cho các bạn độc giả trẻ tuổi hình ảnh chân thực nhất về tài nguyên và đất nước Hà Lan, tái hiện lại chân thực những người dân chất phác và cuộc sống hàng ngày của họ, thoát khỏi những định kiến xưa cũ, hiểu về những con người đáng quý và tài ba như họ. Nếu được vậy thì tôi đã đạt được mục đích chính của mình rồi.

Dù cho cuốn sách có giúp một trái tim thêm tin tưởng vào lòng tốt và tình thương của Chúa, hay hướng dẫn cho bất kỳ mảnh đời nào đang tìm lối vượt qua những khó khăn chướng ngại, sợi chỉ vàng sẽ không bao giờ bị mài mòn hay đứt đoạn, và lời nguyện cầu nơi sợi chỉ bắt đầu và kết thúc sẽ được hồi đáp.

Lá thư gửi từ Hà Lan

Amsterdam, ngày 30 tháng 7 năm 1873

Thân gửi các cậu bé và cô bé đang ở nhà,

Giá mà các cháu có thể ở bên ta ngày hôm nay, chúng ta sẽ có khoảng thời gian vui vẻ biết bao để cùng nhau dạo quanh thành phố xinh đẹp ở đất nước Hà Lan này! Chúng ta sẽ trầm trồ ngắm nhìn những căn nhà xiêu vẹo quay lưng lại mặt phố; những chiếc gương nhỏ nghiêng nghiêng treo ngoài cửa sổ; những đôi hài gỗ và những cỗ xe chó kéo; những chiếc cối xay gió ở tận phía xa bên cạnh nhà kho lớn; những con kênh mang cả hai nhiệm vụ: vừa là con sông với dòng chảy hiền hòa, lại vừa là con đường giao thông qua lại; những hàng cây và cột buồm xen lẫn nhau có thể trông thấy được từ mọi hướng. Ôi, sẽ thật là dễ chịu biết bao! Nhưng giờ ta đang ngồi đây, trong một khách sạn tuyệt vời, ngắm nhìn tất cả những thứ mới lạ ngoài kia, ta hiểu được rằng các cháu chẳng thể vượt ngược dòng thời gian để về đây, kể cả có được thần linh Hà Lan – một thứ toàn năng – trợ giúp đi chăng nữa. Tuy vậy, cũng là một sự thoải mái cho ta khi đi quanh thị trấn tuyệt vời ở Hà Lan này mà không có các cháu, thật đáng sợ nếu chẳng may có ai đó ngã xuống dòng kênh hay dưới những bánh xe to oành của chiếc xe ngựa kênh càng nơi đây. Ta biết làm gì nếu có cháu nào ngã xuống bên dưới chúng chứ? Hơn nữa, lỡ may có cậu cháu nghịch ngợm nào động chân động tay vào một con cò thì sao, rồi cả đất nước Hà Lan sẽ chĩa guơm vào chúng ta mất! Không, cứ thế này là tốt nhất. Rồi thời gian trôi qua, các cháu sẽ lần lượt tự đặt chân tới đây và tự mình chứng kiến tất cả.

Hà Lan vẫn tuyệt vời như hơn hai mươi năm trước, khi Hans và Gretel còn trượt băng trên nhánh Y đóng băng. Thật ra, nó còn tuyệt vời hơn thế bởi điều kỳ diệu rằng nó ngày càng được bồi đắp thêm thay vì bị biển sóng dữ dội cuốn trôi đi mất. Các thành phố phát triển dân lên, nhiều nét đặc trưng đã biến mất khi được hội nhập với các nền văn hóa khác; nhưng Hà Lan vẫn, và sẽ mãi đây ắp điều kỳ diệu, lòng dũng cảm và sự chăm chỉ –

một đất nước nhỏ bé mà can trường nhất thế giới. Ta sẽ không kể về các phong tục, thành phố, những tòa lâu đài, những mái nhà thờ, các phòng triển lãm tranh và viện bảo tàng trong bức thư này – bởi tất cả đều hiện diện trong cuốn sách rồi – nhưng ta đảm bảo với các cháu rằng chúng vẫn ở đây thôi, đẹp đẽ như hồi năm 1873, bởi hầu như ta đã ghé thăm tất cả chỉ trong một tuần.

Hôm nay, ta cùng một cậu bé người Mỹ ghé thăm một căn nhà cổ ở khu thương nghiệp của Amsterdam, hãy đoán xem chúng ta thấy gì nào? Một bà lão bán nước nóng và lửa giữa mùa hè! Bà cụ kiếm sống bằng nghề đó. Cả ngày dài, bà ngồi trông chừng đồng lửa lớn đốt bằng than bùn và giữ cho chiếc bình đồng sáng choang lúc nào cũng đầy nước nóng. Những đứa trẻ đến và đi, mang theo cái thau đá lạ mắt đựng ấm nước sôi sục cùng những mẩu than bùn cháy. Chúng đưa bà cụ một đồng Hà Lan để trả cho những thứ đó, một đồng ấy cũng chẳng bằng một nửa đồng tiền của chúng ta. Nhờ thế mà những người không thể giữ lửa cháy liên tục trong những ngày nóng nực vẫn có thể có được một cốc trà hoặc cà phê hay một chút cá hoặc khoai tây luộc bất cứ khi nào mình muốn.

Sau khi chúng ta tạm biệt bà cụ nhóm lửa, bà cụ cũng đã gật đầu chào lại vẻ hài lòng và nhét mấy đồng bạc được trả vào túi áo ngoài rộng thùng thình, chúng ta lái xe qua những con phố và thỏa thích ngắm nhìn ngày giặt giũ công cộng. Đúng vậy, ở một vài nơi trong thành phố, cách xa những con kênh, là những con phố hết sức nhộn nhịp với những người phụ nữ đang chăm chỉ giặt giũ. Hàng trăm người phụ nữ với những đôi giày gỗ vụng về, tà váy vẫn cao, đôi tay trần cùng chiếc mũ ôm vừa khít đầu, họ cúi người trên những bồn giặt bằng gỗ cao đến ngang eo – vừa vò dờ vừa buôn chuyện, vừa giữ nước vừa buôn chuyện chẳng ngại ngần chi giữa chôn đông người, và tất cả đều giặt bằng nước lạnh chứ không dùng nước nóng như chúng ta. Sẽ tuyệt vời cho bà cụ bán lửa biết mấy nếu đột nhiên nước nóng được dùng trong những ngày giặt giũ thế này nhỉ!

Giờ thì ta phải nói lời tạm biệt thôi. Ồ! Ta còn chuyện này cần kể nữa. Hôm nay, chúng ta tìm thấy cuốn sách về Hans Brinker bằng tiếng Hà Lan trong một hiệu sách ở Amsterdam. Cuốn sách dày đến chóng mặt, được in tuyệt đẹp với những bức tranh sắc sảo, nhưng câu từ lại đáng sợ đến mức ta thật sự thấy tiếc nuối cho những đứa trẻ Hà Lan sắp đọc cuốn sách.

Tạm biệt lần nữa nhé, lần này là với một câu nói cảm động của người phiên dịch Hà Lan mà ta chắc chắn mọi người sẽ đều đồng tình: Tôi rất cảm ơn những người đồng bào đã giúp đỡ tôi thật nhiệt tình bằng thứ tình cảm mà tôi hy vọng mình hân hạnh được nhận mãi.

Thân gửi các cháu,

Tác giả

I

Hans và Gretel

Đã lâu lắm rồi, vào một buổi sáng đẹp trời của tháng Mười hai, có hai đứa bé ăn mặc phong phanh quỳ gối bên bờ một con kênh đóng băng ở Hà Lan.

Mặt trời vẫn chưa lên nhưng nơi chân trời, bầu trời đã được những tia hừng đông ló rạng xua tan màu xám ngắt, báo hiệu một ngày mới sắp bắt đầu. Hầu hết những người Hà Lan đông hậu vẫn đang say giấc. Kể cả ngài von Stoppelnoze, ông lão người Hà Lan đáng trọng, cũng còn đang nói mớ “trong giấc ngủ êm đềm”.

Chốc chốc lại có một người phụ nữ nông thôn đội trên đầu một chiếc thúng đầy ắp, nhanh nhẹn lội qua bờ kênh rạp cỏ; hoặc một cậu trai trượt băng đến nơi làm việc trong thị trấn, về mặt hiên lạnh, đôi mày khế nhíu lại khi nhìn lướt ngang qua bọn trẻ.

Trong khi đó, vừa thở phì phò vừa ra sức kéo thật lực, có hai anh em vẻ như đang buộc thứ gì đó vào chân – rõ là không phải những lưỡi trượt băng mà chỉ là những mảnh gỗ mỏng, với mặt dưới mài nhẵn và đục vài lỗ để luồn dây da qua.

Thứ lạ lùng đó là tác phẩm của cậu bé Hans. Mẹ cậu là một phụ nữ nông thôn nghèo đến nỗi chưa bao giờ dám nghĩ đến việc sắm lưỡi trượt băng cho các con mình. Khó khăn là vậy, nhưng gia đình vẫn cho phép hai đứa trẻ nhà mình chơi đùa thỏa thích nhiều giờ trên băng tuyết. Và giờ thì hai đứa trẻ người Hà Lan này đang khom mình xuống sát gần đầu gối, dùng những ngón tay đỏ ửng vì lạnh túm chặt lấy sợi dây; dù không có giày trượt để sát thì cũng chẳng thể làm phai nhạt đi sự háo hức sáng bừng trên khuôn mặt chúng.

Một lúc sau, người anh nhồm dậy và vung hai cánh tay một cách khoa trương. Cậu lơ đãng nói “Đi nào, Gretel” rồi nhẹ nhàng trượt trên bề mặt con kênh.

“Ôi, anh Hans ời.” Đứa em gái buồn bã gọi với theo. “Chân em còn chưa lành hẳn. Mấy sợi dây cứa rách chân em từ phiên chợ hôm nọ, giờ lại thít chặt vào chỗ bị thương ấy nữa thì em không chịu nổi đâu.”

“Thế thì em buộc dây lên cao hơn đi.” Hans đáp, cậu trượt thành một đường lượn tuyệt đẹp trên lớp băng mà không quay lại nhìn em gái.

“Làm sao em buộc cao hơn được chứ? Sợi dây này ngắn quá.”

Cậu bé phản ứng bằng một tiếng huýt sáo kiểu Hà Lan, có vẻ như nó có nghĩa là bọn con gái thật phiền phức, rồi cũng chịu lại gần đứa em.

“Em đúng là ngốc mới mang đôi giày này, Gretel ạ, khi mà em có hẳn một đôi giày da chắc chắn. Kể cả đôi guốc gỗ của em cũng còn tốt hơn đôi này đây.”

“Gì cơ, anh Hans! Anh quên rồi à? Bố đã ném đôi giày mới xinh đẹp đó vào lửa rồi còn đâu. Em chưa kịp định thần thì chúng đã rúm ró lại thành tro giữa đống than rồi. Em trượt băng bằng đôi giày này còn được chứ không dùng đôi giày gỗ kia được đâu. Giờ chỉ cần cẩn thận thôi...”

Hans lấy ra từ trong túi một sợi dây. Cậu khẽ ngâm nga khi quỳ xuống bên cạnh em gái, buộc lại lưỡi trượt băng cho Gretel mạnh hết sức bằng đôi tay khoẻ khoắn của mình.

“Ái! Đau em!” Cô bé kêu lên.

Hans tháo nút buộc bằng một cú giật tay thiếu kiên nhẫn. Nếu không lén thấy giọt nước mắt chảy xuống gò má em gái mình, cậu hẳn đã quẳng sợi dây theo cách mà một đứa anh trai vẫn thường làm khi ra oai.

“Anh sẽ sửa lại... Đừng lo mà.” Cậu nói với sự dịu dàng bất ngờ. “Nhưng chúng ta cần phải nhanh lên. Mẹ sắp gọi chúng ta về rồi đấy.”

Nói xong, cậu nhìn quanh với vẻ đắm chiêu, lướt mắt tìm khắp mặt đất, rồi đến những cành liễu trơ trụi trên đầu, cuối cùng là bầu trời tuyệt đẹp xen kẽ những dải màu xanh, đỏ thẫm và vàng.

Chẳng thấy thứ gì có ích cả, thế rồi, đột nhiên mặt cậu sáng bừng lên như thể vừa khám phá ra mình cần phải làm gì. Cậu liền cởi mũ, tháo lớp vải lót sần rách ra, chỉnh nó thành một tấm đệm nhỏ lót lên trên chiếc giày mòn vẹt của Gretel.

“Giờ thì...” Cậu hân hoan reo lên trong khi những ngón tay lạnh cứng vẫn nhanh nhẹn chỉnh lại sợi dây. “Em có thể chịu đựng bị kéo căng một chút không?”

Gretel hé môi như muốn nói “Kéo luôn cái đầu của em đi đi” nhưng rồi lại thôi.

Chỉ một lát sau, hai đứa trẻ đã cùng nhau cười vang, tay trong tay bay nhảy dọc con kênh, chẳng hề lo sợ liệu lớp băng có chịu nổi sức nặng của chúng hay không, bởi băng đá ở Hà Lan lúc nào cũng vững như bàn thạch suốt cả mùa đông. Lớp băng yên vị phía trên dòng nước chắc chắn vô cùng, chẳng có vẻ gì là bị mỏng đi hay dễ vỡ dù những tia nắng chiếu xuống có gay gắt hơn đi chẳng nữa, cứ như lớp băng mỗi ngày đều gom góp sức mạnh, trở nên vững vàng hơn để tự vệ trước từng tia nắng.

Bỗng nhiên dưới chân Hans có tiếng lách tách. Sải chân cậu cứ ngán dần, rồi đột ngột dừng lại với một cú giật người ngã sõng soài trên lớp băng, đôi chân huơ huơ trên cao vài lần trông đến là buồn cười.

“Ha ha!” Gretel cười phá lên. “Anh ngã đẹp đấy!” Nhưng bởi cô bé sở hữu một trái tim ấm áp ẩn dưới lớp áo khoác xanh dương bằng vải thô, nên dù cười vậy, cô bé vẫn lại gần anh trai mình sau một đường trượt duyên dáng.

“Anh có bị đau không, anh Hans? Ồ, anh vẫn đang cười kìa! Thử bắt em đi!” Rồi cô bé vội lướt đi. Người cô bé không còn run lẩy bẩy nữa, đôi má cô ửng hồng và đôi mắt lấp lánh niềm vui.

Hans bật dậy và nhanh chóng đuổi theo. Dù vậy, cậu chẳng dễ gì mà bắt nổi Gretel. Nhưng chưa trượt được bao nhiêu, lưỡi trượt của cô bé cũng bắt đầu kêu rít lên.

Biết rằng mình không nên tiếp tục liều lĩnh nữa, cô bé đột ngột quay người lại và lao thẳng vào vòng tay người đang đuổi theo mình.

“Ha! Ha! Anh bắt được em rồi nhé!” Hans reo lên.

“Ha! Ha! Là em bắt được anh đấy chứ.” Cô bé đáp, vùng vẫy để thoát khỏi anh mình.

Đúng lúc đó, hai đứa trẻ nghe thấy một tiếng gọi ngắn gọn rõ ràng: “Hans! Gretel!”

“Mẹ gọi rồi đấy.” Hans nói, mặt cậu thoát trở nên buồn bã.

Lúc này con kênh đã ngập tràn nắng. Không khí trong lành của buổi sáng vô cùng khoan khoái, những người đi trượt băng cũng càng lúc càng nhiều. Thật khó khăn để có thể vâng theo lời mẹ gọi. Nhưng Gretel và Hans đều là những đứa trẻ ngoan; chúng không cố tình nán lại chơi mà

mau mắn tháo đôi lười trượt, để lại một nửa số nút thắt còn chưa mở. Hans, với đôi vai vuông vức cùng mái tóc vàng rậm, trông thật cao lớn bên cạnh cô em gái mắt xanh trên đường về nhà. Hans năm nay mười lăm tuổi, còn Gretel mới mười hai. Cậu bé trông rắn chắc, nhiệt huyết với đôi mắt không biết nói dối cùng vầng trán rộng như đủ mang bằng hiệu BẢN CHẤT RẤT TỐT như tấm biểu ngữ treo trước cổng căn nhà hóng mát ở Hà Lan vậy. Gretel thì mảnh mai và lạnh lẽ; đôi mắt cô bé chứa những tia sáng lấp lánh và khi bạn ngắm nghía đôi má cô bé, chúng sẽ nhạt màu đi rồi đậm trở lại như cái cách gió thổi tung một mảnh vườn đầy nụ hoa hồng và trắng vậy.

Chỉ cần xoay đi khỏi con kênh, lũ trẻ đã có thể trông thấy căn nhà của cha mẹ chúng. Dáng người cao ráo, gọn gàng trong chiếc áo khoác ngoài cùng váy lót và chiếc mũ vừa khít của mẹ đang đứng gù gù nơi cửa nhà như một bức tranh tĩnh. Kể cả nếu căn nhà có cách xa đến một dặm đi nữa, chúng vẫn thấy nó thật gần. Đất ở đây bằng phẳng đến nỗi có thể thấy rõ mọi vật ở tít xa, từ đàn gà cho đến những chiếc cối xay gió. Thực tế, nếu không vì những con dê và hai bên bờ kênh, người ta có thể đứng ở gần như bất cứ chỗ nào giữa xứ Hà Lan này mà không bị một đụn đất hay chòm núi nào chắn tầm nhìn.

Không ai có lý do tốt hơn để tìm hiểu lẽ tự nhiên của những con dê này hơn Dame Brinker và hai đứa trẻ đang hồn hển chạy về với cô. Nhưng trước khi đặt câu hỏi tại sao, hãy để tôi đưa bạn đến vùng đất xa xôi đó trên chiếc ghế bập bênh, nơi mà bạn sẽ lần đầu tiên được chứng kiến những điều kì quặc mà Hans và Gretel thấy mỗi ngày.

II

Hà Lan

Hà Lan là một trong những đất nước kì lạ nhất dưới ánh mặt trời. Nó nên được gọi là Đất Lạ hay Đất Nghịch mới đúng, bởi gần như mọi thứ ở đây đều khác so với ở các nước khác. Đầu tiên phải kể đến là phần lớn diện tích lãnh thổ thấp hơn mực nước biển. Người Hà Lan đã tiêu tốn cả núi tiền bạc cùng rất nhiều công sức để xây những con đê bao biển lớn, hay còn gọi là tường chắn, để giữ cho biển cả không lấn vào đất liền. Có vài chỗ trên bờ biển, sóng biển đôi khi vẫn ào ạt dùng hết sức lực của biển khơi xô vào bờ hòng nuốt lấy đất liền, nhưng đất nước Hà Lan tội nghiệp chỉ có thể chống đỡ được đến thế. Có những lúc, con đê đầu hàng trước sóng biển mà nứt ra và rồi thảm họa kinh hoàng nhất ập đến. Những con sóng cao lớn dữ dội cuốn theo các tòa nhà và những hàng cây đổ gãy. Nó cuốn đi những con đường thơ mộng, mấy chú ngựa nhốt trên cao cũng có thể trông xuống nhiều căn nhà ẩn hiện bị nhấn chìm trong từng lớp sóng. Đáy những con thuyền nổi lên cao hơn cả mái những ngôi nhà giờ đã ngập trong biển nước. Chị cò ôm chặt đứa con trên một nóc nhà, tưởng rằng tổ của mình được cách ly xa khỏi nguy hiểm, thế nhưng chú ếch kêu ồm ộp trong bụi cây nổi gần đó vẫn còn gần bầu trời hơn cả chị. Mấy con bọ nước nhảy qua nhảy lại trên miệng ống khói. Đến cây liễu có vẻ cũng chùng xuống vì hổ thẹn, bởi ngọn không thể với cành lá lên cao bằng đám sậy đang trôi lênh bênh cạnh đó.

Kênh, mương, hồ, sông nước ở tất cả mọi nơi. Cao mà không hề khô ráo, chúng lấp lánh dưới ánh mặt trời, chứng kiến gần như tất cả mọi sự hối hả tấp nập và tỏ ý khinh thường những cánh đồng yên ả trải dài lúng liếng bên cạnh. Có người sẽ phải thốt lên rằng: Hà Lan là gì đây – bờ biển hay triền nước?" Màu xanh rì đáng lẽ thuộc về đất liền đã nhấm lấm mà hạ cánh thẳng xuống hồ cá. Cả đất nước này cứ như một miếng bọt biển ướt sũng, hay như nhà thơ người Anh tên Butler đã mô tả nó:

Một đất nước chèo lái với mỏ neo, với dây cột

Nơi họ không sinh sống, mà thay vào đó đi du thuyền.

Con người nơi đây được sinh ra, lớn lên rồi chết đi, thậm chí cả vườn cây cũng được trồng trên những con thuyền xuyên kênh. Những nông trại với mái nhà to oành như chiếc mũ sụp xuống mắt, sừng sững đứng trên những cái trụ gỗ, nín thở như thể muốn nói: “Chúng ta sẽ giữ cho mình không ráo hết sức có thể.” Kể cả lũ ngựa cũng phải buộc những cái ghế đầu lớn vào từng móng để giữ cho chân không chìm xuống bùn. Rốt cuộc, vùng đất này chỉ là thiên đường dành cho loài vịt. Một đất nước có mùa hè lý tưởng để các cô bé, cậu bé chạy chân trần. Sẽ có màn lội nước thật vui! Sẽ có những con thuyền giả lướt đi! Sẽ thật lý tưởng để chèo thuyền, đánh cá và bơi lội! Cứ thử nghĩ về những hồ nước nối tiếp nhau, nơi chúng ta có thể bắt đầu những chuyến đi thuyền suốt cả ngày dài và chẳng cần quay trở về. Tôi chỉ kể như vậy thôi cũng đủ rồi. Nếu nói tiếp, có lẽ tất cả thanh niên đất Mỹ sẽ nhào sang vịnh Zuider Zee ngay lập tức mất thôi.

Các thành phố ở Hà Lan ban đầu trông như một khu rừng chằng chịt những căn nhà, cầu đường, nhà thờ và tàu thuyền, mọc lên san sát những cột cờ, tháp chuông và cây cối. Ở một vài thành phố, những con tàu lớn được buộc như ngựa trước cổng nhà để chủ thuyền chuyển hàng xuống qua cửa sổ tầng trên. Những bà mẹ hét lên dặn dò Lodewyk và Kassy đừng có đánh đu trên cổng vườn, không thì chúng sẽ chết đuối mất. Đường thủy ở đây còn thông dụng hơn đường bộ và đường sắt; thay vì hàng rào thì ở đây là những nương nước xanh lững lờ chảy bao quanh sân chơi, nông trại và vườn tược.

Thi thoảng, đây đó có những bụi cây xanh tươi tốt mọc lên, nhưng ở nơi này không bao giờ có loại hàng rào gỗ như ở Mỹ. Ngay cả hàng rào đá cũng hoàn toàn xa lạ với họ. Ở đây không có đá sỏi gì hết, trừ những tảng đá khổng lồ được nhập khẩu từ nước khác để che chắn bờ biển. Nếu có sỏi nhỏ hay đá cuội đi chẳng nữa thì có lẽ cũng bị vùi chôn dưới vỉa hè hoặc đã tan chảy rồi. Những chàng trai với đôi cánh tay khỏe khoắn nhanh nhẹn, từ khi còn mặc áo choàng không tay của con nít cho đến khi mọc đủ bộ râu rậm rạp, chẳng ai biết làm thế nào cho bánh xe nước hoạt động hay cho thỏ biết bay. Đường thủy chính là những con kênh từ khắp mọi ngả chạy ngang dọc đất nước. Chúng có đủ mọi kích cỡ, từ con kênh Bắc Hà Lan dành riêng cho tàu thuyền, một trong những kì quan của thế giới, cho đến con kênh mà một cậu bé có thể nhón chân nhảy qua. Thuyền ngựa kéo, còn

được gọi là *trekschuiten*, liên tục chạy tới lui khắp các ngã đường để đưa đón hành khách; còn những chiếc xe thồ nước, được gọi là *pakschuyten*, được dùng để chở nhiên liệu và hàng hóa. Thay vì đường quê với cỏ xanh rì là những con kênh xanh trải rộng từ cánh đồng đến nông trại và từ nông trại ra vườn tược; các trang trại, hay thường được gọi là đất lấn biển, không khác gì những cái hồ lớn được rút cạn nước. Bên cạnh nhiều con đường được lát gạch thì những con phố tập nập nhất cũng là nước. Những con tàu thủy thành phố với đuôi tàu bo tròn, mũi tàu bọc vàng và lớp sơn tươi sáng hai bên mạn, là loại tàu đặc biệt nhất chốn địa cầu này; còn cỗ xe ngựa Hà Lan, với cái cột cờ nhỏ nhỏ cong cong đến là buồn cười của nó, cũng là một bí ẩn hoàn hảo.

“Có một đi đâu rõ như ban ngày.” Ông chủ Brightside nói. “Đó là cư dân ở đây sẽ không bao giờ phải chịu cảnh khát nước.” Nhưng không, Đất Lạ rõ là vẫn cứ lạ kì như thế. Ngoài thứ nước mặn đang chờ nuốt chửng vùng đất, những hồ nước sắp sửa bực ra, những con kênh, dòng sông và suối quá đầy nước, thì ở nhiều con phố chẳng có lấy một loại nước nào uống được. Người dân Hà Lan tội nghiệp phải chịu cảnh khát khô cả cổ hoặc uống rượu, bia, hay đi sâu tít vào trong đất liền vùng Utrecht và vài nơi hẻo lánh khác để có được thứ chất lỏng đáng quý, lâu đời hơn cả Adam nhưng lại thanh mát hơn cả sương sớm. Đôi lúc, cư dân nơi đây có thể uống ực cả nước tắm nếu họ được cho thứ gì để hứng, nhưng nói chung họ như những thủy thủ bị hải âu ám trong bài thơ *Người thủy thủ xưa* nổi tiếng của Coleridge. Họ thấy...

Nước, nước, nước khắp mọi nơi

Nhưng chẳng có một giọt nào uống được!

Những chiếc cối xay gió tạo ra âm thanh tựa như cả một đàn chim biển khổng lồ đang sà xuống. Từ khắp nơi, người ta có thể thấy những cái cây với dáng vẻ cực kì ngộ nghĩnh, uốn mình theo đủ kiểu hình thù thú vị, thân cây sơn màu trắng, vàng hoặc đỏ. Những chú ngựa thường được buộc theo hàng ba. Đàn ông, phụ nữ và trẻ con bước đi lạch cạch trên những đôi giày gỗ quá khổ; các cô gái nông dân không thể lấy được người thượng lưu vì tình yêu thì trở thành người hộ tống họ tới chợ phiên để kiếm thêm thu nhập. Những cặp vợ chồng tình tứ sánh bước bên bờ kênh và kéo chiếc xe thồ nước đi chợ.

Một đặc điểm nữa của Hà Lan là những đụn cát và đống cát. Có vô số những đụn cát dọc bờ biển. Trước khi người ta kịp trồng cỏ sậy và các loại cỏ dại khác để lên cát xuống, những trận bão cát lớn vẫn thường xuyên đổ vào đất liền. Vậy nên, như để thêm vào sự lạ lùng vốn có, những người nông dân thì thoảng đào sâu xuống dưới lớp đất cát để tìm đá sỏi, để rãi vào những ngày gió lộng, mưa cát sẽ ào ào trút xuống những cánh đồng vốn đã “ướt đầm” sau một tuần nắng chan hòa.

Điều quen thuộc duy nhất mà người Mỹ có thể tìm thấy ở đất Hà Lan này là bài hát thu hoạch khá thịnh hành ở đây, mặc dù chẳng có chuyên gia ngôn ngữ nào có thể dịch được nó. Dù vậy, chúng ta nên nhắm mắt mà thưởng thức thứ giai điệu đó, ta sẽ để cho các cháu đoán thử nó tuyệt vời đến đâu nhé!

Yanker didee dudel down

Didee dudel lawnter;

Yankee viver, voover, vown,

Botermelk and Tawnter!

Mặt khác, nhiều nét kì lạ của Hà Lan đều minh chứng cho tính tiết kiệm và nhẫn nại của người dân nơi đây. Không nơi nào có thể chăm sóc nên một khu vườn màu mỡ, được tỉa tót cẩn thận hơn ở đất nước tràn trề sức sống này. Không thể có một dân tộc nào can đảm và anh hùng hơn con người nơi đây, dù trông họ có vẻ bình dị và thụ động đi nữa. Chẳng mấy quốc gia có thể sánh bằng nơi đây về những phát hiện và phát minh quan trọng; cũng chẳng quốc gia nào vượt qua Hà Lan về mặt thương mại, hàng hải, học thuật và khoa học, hay là đưa ra những tấm gương sáng giá hơn về mặt giáo dục và từ thiện; và chẳng có đất nước nào với diện tích tương tự có thể cung ứng nhiều vốn và sức người đến thế cho những công trình công cộng.

Hà Lan có hẳn những trang lịch sử sáng chói về những người đàn ông và phụ nữ ưu tú lừng lẫy, những tài liệu lịch sử hào hùng về tính nhẫn nại, kháng cự bền bỉ và chiến thắng cuối cùng, sự tự do tôn giáo, khả năng sáng tạo bùng nổ trong hội họa, âm nhạc và văn học. Nơi đây thực sự được mệnh danh là “chiến trường của Châu Âu”; và ta cũng có thể gọi nó là chốn ẩn náu của thế giới, bởi những người bị áp bức từ mọi nước khác đều tìm thấy sự chở che và lòng dũng cảm từ nơi đây. Nếu người Mỹ có

thể cười cợt người dân nơi đây hay gọi họ là hải li và bóng gió rằng đất nước họ chẳng mấy mà sẽ trôi dạt theo sóng biển, thì chúng ta vẫn có thể tự hào và nói rằng người Hà Lan đã chứng tỏ được bản thân, và rằng đất nước ấy sẽ không bao giờ chịu cảnh trôi dạt chỉ cần còn một người Hà Lan vẫn kiên gan đưa tay nín lấy nó.

Người ta nói có ít nhất chín nghìn chín trăm chiếc cối xay gió lớn ở Hà Lan, với những cánh quạt dài từ hai mươi tư đến ba mươi sáu mét. Chúng có thể cưa gỗ, đập sợi gai, nghiền và làm đủ thứ việc khác nữa; nhưng nhiệm vụ chính vẫn là bơm nước từ miền đất thấp vào những con kênh, và cản nguồn nước ngọt từ vùng nội địa đột ngột dâng lên làm ngập cả vùng quê. Hằng năm, chính phủ phải chi trả gần mười triệu đô la để duy trì hoạt động của chúng. Cối xay gió càng to thì càng khỏe. Tòa tháp tròn khổng lồ ở đây đó mọc lên sừng sững giữa các nhà máy, lại bị chiếm mất sự chú ý bởi một tháp nhỏ hơn có mái thon vút lên như chiếc mũ chóp. Tòa tháp cao hơn này được bao quanh bởi một ban công bên dưới, trục quay tít trên cao là bốn cánh quạt đồ sộ.

Nhiều chiếc cối xay gió ở đây là những chiếc cối xay gió kiểu cổ, chúng có vẻ như đang rất cần “sự cải tiến” của người Mỹ, nhưng có một vài chiếc kiểu mới rất tuyệt vời. Khi xây chúng, người ta đã tính toán sao cho cánh quạt hướng đúng về phía gió lộng để cung cấp cho nó năng lượng nhiều nhất có thể. Nói cách khác thì người phụ trách cối xay giờ có thể chợp mắt một chút mà vẫn yên tâm rằng chiếc cối của mình sẽ tự xoay xở được cho đến khi anh ta tỉnh dậy. Chỉ cần có một chút gió thoảng qua, những cánh quạt sẽ vươn mình ra đón lấy, tuy nhiên nếu có dấu hiệu của cơn bão, chúng sẽ ngay lập tức rút mình lại như lá hoa trinh nữ, không cho cơn bão lấy nửa cơ hội để thổi bay mình.

Một trong những nhà tù cổ ở Amsterdam có tên là Rasphouse, bởi những tên trộm và kẻ du mục làm tù binh ở đó thường bị bắt vào rừng để khai thác gỗ cây huyết mộc. Nhà tù có một phòng giam riêng dành cho các tù nhân lười biếng. Một góc này phòng giam là một cái bơm, ở góc còn lại là một cánh cửa thông ra một dòng suối nước chảy đều đều. Tù nhân có hai lựa chọn, một là đứng yên đó mà chết chìm, hai là ra sức mà bơm nước ra ngoài cho đến khi người cai ngục quyết định tha cho họ. Tôi thấy có vẻ như trên khắp đất Hà Lan này, thiên nhiên đã phân chia nguồn nước thật

hào phóng. Người Hà Lan luôn trong tình thế bắt buộc phải bơm nước và có lẽ sẽ phải làm vậy suốt cuộc đời mình.

Cứ mỗi năm, hàng triệu đô lại được chi trả để sửa sang đê và đi đầu chỉnh mực nước. Nếu bỏ qua những nhiệm vụ quan trọng này, hẳn sẽ chẳng một ai có thể cư ngụ được ở đây. Như tôi đã nói, có rất nhiều thảm họa từng xảy ra sau khi đê vỡ. Hàng trăm ngôi làng và thị trấn hết lần này đến lần khác đã bị chôn vùi dưới sự hung dữ của nước biển, kèm theo mạng sống của cả triệu người. Một trong những trận đại hồng thủy đáng sợ nhất xảy ra vào mùa xuân năm 1570. Hai mươi tám trận lụt đã từng xảy ra trước thảm họa đó, nhưng chưa có lần nào tồi tệ đến vậy. Đất nước bất hạnh này đã phải chịu ách đô hộ rất lâu dưới quyền chính thể chuyên chế Tây Ban Nha; giờ thì tiếp tục đến thiên nhiên mang đến sự bất hạnh. Khi đọc lại lịch sử của Motley về sự nổi dậy của Cộng hòa Hà Lan, chúng ta biết cần tôn kính những con người quả cảm đã chịu đựng, gánh vác và liều lĩnh đến vậy.

Ngài Motley trong sự xúc động với kí ức về trận đại hồng thủy năm nào, kể lại cho chúng ta nghe về cách mà cơn gió thô bạo không dứt đã kéo dòng nước từ Đại Tây Dương ập vào Biển Bắc, xếp từng chồng nước lên bờ biển địa phương; những con đê bị quá tải đã vỡ òa ở mọi phía. Ngay cả Hand-bos, con đê chắn sóng dựng bằng gỗ sồi, bên ngoài bọc sắt và buộc vào những chiếc mỏ neo nặng trĩu, được gia cố bằng sỏi và đá granite, cũng bị đập tan thành từng mảnh nhỏ. Những chiếc thuyền đánh cá, tàu chở hàng nổi lềnh bềnh trôi dạt vào thành phố và bị mắc kẹt lại trên tán cây hoặc mái và tường của các tòa nhà lớn. Khắp tỉnh Friesland biến thành một vùng biển giập dứ. “Vô số đàn ông, phụ nữ, trẻ nhỏ, ngựa, cừu, bò và mọi gia súc khác đều chới với giữa làn nước mênh mông. Mọi con thuyền và mọi vật dụng có thể dùng làm thuyền đều được mọi người nhanh nhẩu tận dụng. Mọi căn nhà chìm trong nước; kể cả nghĩa địa cũng thất thủ. Cơn lũ từ xa xưa dường như cũng mang trong mình diện mạo mới. Ở mọi nơi, trên ngọn cây, trên gác chuông nhà thờ, con người túm tụm lại, cầu Chúa tha thứ và xin Người giúp đỡ. Khi cơn bão cuối cùng đã qua, thuyền bè bắt đầu tản đi mọi hướng để vớt lấy những người đang vật lộn tìm đường thoát, đón những kẻ chạy nạn từ trên mái nhà và tán cây, thu lượm xác người chết đuối.” Không dưới một trăm ngàn người đã bỏ mạng chỉ trong

vài giờ. Hàng ngàn sinh vật câm lặng, im lìm trôi nổi trên dòng nước và thiệt hại về tài sản lên đến con số không thể đong đếm được.

Robles, thống đốc Hà Lan, là người tiên phong trong nỗ lực cứu người và giảm thiểu thiệt hại của thảm họa. Trước đó, ngài bị người Hà Lan ghét bỏ bởi dòng máu Tây Ban Nha hay Bồ Đào Nha của mình, nhưng sự tốt bụng và hành động của ngài trong thời khắc hiểm nguy đã giành được mọi trái tim của người Hà Lan. Ngài nhanh chóng đưa ra phương pháp cải tiến để xây dựng đê điều và ban hành một bộ luật về việc chúng sẽ được bảo vệ bởi chủ nhân vùng đất. Sau này, những trận lũ kinh hoàng như vậy đã giảm thiểu, dù vậy, trong vòng chưa đến ba trăm năm cũng đã có đến sáu trận lụt đáng sợ càn quét qua vùng đất.

Mỗi mùa xuân, mực nước ngấm dâng lên từ miền nội địa luôn là một mối nguy lớn, đặc biệt là vào mùa tuyết tan, bởi khi đó những dòng sông, vốn đang đầy những tảng băng, đầy tràn nước đi khắp nơi trước khi nước kịp đổ ra biển khơi. Thêm vào đó, biển cả lại tiếp tục ép sát vào bờ đê, đẩy Hà Lan vào thế tiến thoái lưỡng nan. Cả đất nước được đặt trong sự cẩn trọng cao độ để phòng tránh thiên tai. Các kĩ sư và công nhân được đi đầu động tới tất cả những nơi dễ xảy ra bất trắc, quan sát ở đó cả đêm lẫn ngày. Mỗi khi tín hiệu nguy hiểm xuất hiện, tất cả người dân sẽ gấp rút chạy tới để hỗ trợ, nôn nóng tập hợp để chống lại kẻ thù quá quen thuộc kia. Ở mọi nơi khác trên thế giới này, rơm là thứ vô dụng nhất giữa một trận lũ, nhưng ở Hà Lan nó trở thành thứ cốt yếu để chống lại những con nước ào ạt xô tới. Những tấm thảm bện bằng rơm to được đắp vào đê, gia cố bởi đất sét và đá tảng nặng trĩu, một khi đã được sắp xếp như vậy, biển xiết chỉ có thể ra sức đập cửa trong vô vọng.

Raff Brinker, cha của Gretel và Hans, đã làm việc tại con đê này trong nhiều năm. Trong một trận bão lớn, khi tất cả chìm trong tối tăm và mưa tuyết, khi các công nhân đang trực tại điểm nguy hiểm gần cửa cống Veermyk, ông đã trượt ngã khỏi giàn giáo và trở nên ngơ ngẩn từ đó. Ông không thể làm việc được nữa; mặc dù giữ được mạng sống, nhưng khả năng suy nghĩ và ghi nhớ của ông đã mất.

Gretel không thể nhớ gì khác về cha mình ngoài hình ảnh một người đàn ông xa lạ, luôn im lặng với đôi mắt trống rỗng dõi theo mỗi lần cô bé quay người, nhưng Hans thì nhớ rất rõ về một người cha nhiệt tình với giọng nói phấn khởi luôn không hề mệt mỏi mà kênh cạo lên trên vai, cùng

những lời ca hát vô tư vẫn còn vang vọng mỗi khi cậu thao thức nằm trên giường.

III

Lưỡi trượt băng bằng bạc

Bà Brinker chỉ kiếm được một khoản ít ỏi cho gia đình nhờ vào việc trồng rau, quay sợi và đan lát. Bà cũng từng làm việc trên boong những chiếc sà lan chạy lên xuống dọc con kênh và thỉnh thoảng làm công việc thời vụ là kéo tàu chở hàng dọc Broek và Amsterdam cùng nhiều phụ nữ khác. Nhưng khi Hans đã đủ lớn và khỏe mạnh, cậu khẳng khái đòi làm thay công việc nặng nhọc đó cho bà. Hơn nữa, lúc này ông Brinker đã không còn tự lo liệu được nữa và cần sự chăm sóc thường xuyên của bà. Mặc dù trí tuệ của ông giờ còn chẳng bằng một đứa con nít, ông vẫn có đôi cánh tay rất khỏe và cường tráng, đi đâu đó khiến bà Brinker đôi lúc gặp khó khăn rất lớn trong việc quản lý ông.

“Ôi! Các con ạ, ông ấy từng rất khỏe mạnh và là chỗ dựa vững chãi.” Thỉnh thoảng bà nói. “Lại còn khôn ngoan chẳng kém vị luật sư nào. Kể cả ngài thị trưởng cũng sẽ phải ngừng lời để nghe ông ấy nói. Nhưng giờ thì, than ôi! Ông ấy còn chẳng nhận ra vợ và con mình. Con nhớ cha con chứ, Hans, khi ông ấy còn là chính mình – một người đàn ông dũng cảm tuyệt vời – con nhớ chứ?”

“Vâng, chắc chắn rồi, thưa mẹ, cha biết mọi thứ và có thể làm mọi việc trên thế gian này – và cả cách cha hát vang nữa! Ôi, mẹ từng cười và nói rằng tiếng hát của cha là đủ để khiến mọi chiếc cối xay gió nhảy nhót.”

“Phải rồi. Chúa phù hộ ta! Con nhớ thật giỏi! Gretel, con yêu, nhanh lấy cái kim đan từ tay cha con đi, không thì ông ấy sẽ tự đâm vào mắt mình mất thôi. Đi giày cho cha con nữa. Bàn chân ông ấy lạnh như băng rồi kìa, nhưng mẹ lại không thể đi tất cho cha được, mẹ chỉ có thể...” Nửa than vãn nửa ngậm nga, bà Brinker lại ngồi xuống và lấp đầy căn hộ thấp tè bằng tiếng rì rì của chiếc máy quay sợi.

Gần như mọi công việc ngoài trời và việc nhà đều do Hans và Gretel quán xuyến. Vào những mùa nhất định, mỗi ngày, hai đứa trẻ lại ra ngoài

để nhặt nhanh những cục than bùn. Chúng xếp gọn than bùn thành hình vuông vức, to khoảng bằng viên gạch, để làm nhiên liệu đốt. Những khi không có bài tập về nhà, Hans sẽ cưỡi vài con ngựa kéo thuyền bên bờ kênh để kiếm vài đồng stiver một ngày, trong khi Gretel chặn ngõng cho các nông dân gần nhà.

Hans có tài khắc gỗ, cả cậu và Gretel đều chăm sóc vườn cây rất giỏi. Gretel có thể hát, may vá và chạy trên những chiếc cà kheo cao lênh khênh giỏi hơn bất kì cô bé nào khác trong vùng này. Cô bé có thể học một bản ballad trong vòng năm phút và tìm ra mọi loại hạt hay loài hoa mà bạn gọi tên – chỉ cần mùa đó có. Nhưng cô bé ghét sách vở, chỉ thoáng thấy chiếc bảng đen ở lớp học cũ thôi cũng đủ khiến cô bé rung rung nước mắt. Hans thì khác, cậu chậm rãi mà chắc chắn. Học tập hay lao động, việc càng khó thì cậu lại càng ưa. Mấy thằng con trai cùng lứa tỏ ra khinh khỉnh với cậu vì cậu mặc bộ đồ vá chằng vá đụp cùng chiếc quần da ống túm sờn nát, đều buộc phải chịu thua trước cậu trong gần như mọi môn học. Chẳng mấy chốc mà cậu trở thành đứa trẻ duy nhất trong trường chưa lần nào phải đứng vào Góc sám hối, cái chỗ mà treo lơ lửng một cây roi đáng sợ cùng dòng chữ: “Học đi! Học đi! Nhóc con lười nhác, không là sẽ bị ăn đòn đấy.”

Hans và Gretel chỉ được đi học vào mùa đông, trong tháng vừa qua hai đứa trẻ chỉ quanh quẩn ở nhà để hỗ trợ mẹ. Raff Brinker cần được chăm sóc thường xuyên, bánh mì đen cần làm, nhà cửa cần dọn dẹp, đồ cần khâu vá và những món đồ khác nữa cần mang ra chợ bán.

Một buổi sáng tháng Mười hai lạnh giá, khi hai đứa trẻ đang bận rộn giúp đỡ mẹ chúng thì thấy một nhóm các cô bé cậu bé trượt xuống dọc theo con kênh. Lũ trẻ đi những đôi giày trượt tuyết đẹp, nhìn từ xa, những bộ quần áo đủ màu sắc lướt ngang qua cứ như lớp băng trên con kênh bỗng chốc tan chảy và thay vào đó là cả một dòng hoa tulip tươi sáng trôi bồng bồng.

Trong nhóm đó có con gái của ngài thị trưởng giàu có, Hilda van Gleck, mặc chiếc áo lông đắt tiền khoác ngoài chiếc váy thụng bằng vải nhung. Bên cạnh là cô bé nông dân xinh xắn Annie Bouman, duyên dáng trong chiếc áo khoác đỏ bằng vải thô và chiếc váy xanh dương đủ dài chỉ để lộ đôi tất xám vải thô tự dệt. Rồi có Rychie Korbes đầy kiêu hãnh, cô bé có cha là van Korbes, một trong những người đứng đầu thành phố

Amsterdam. Vây xung quanh cô bé là Carl Schummel, Peter và Ludwig van Holp, Jacob Poot, và cuối cùng là một cậu bé nhỏ thó so với cái tên hoành tráng Voostenwalbert Schimmelpenninck. Có gần hai mươi cô cậu bé nữa trong nhóm, ai cũng trông đầy hào hứng và vui vẻ.

Chúng trượt tới lui dọc con kênh dài tằm nửa dặm, rồi tăng tốc độ trượt lên mức cao nhất. Đứa trẻ nhanh nhẹn nhất trong nhóm thường trượt lắt léo ngay trước mặt người làm luật hoặc vị bác sĩ kênh kiểu nào đó, những người đang vừa khoanh tay vừa nhàn nhã trượt vào thị trấn. Một hàng dài các cô bé sẽ đôi lúc bị cắt ngang bởi một vị thị trưởng già béo núng nính, đội chiếc mũ chớp vàng chói thẳng lên trời, vừa thở phò phò vừa trượt vào Amsterdam. Với đôi lười trượt tuyệt đẹp cùng những sợi dây da cứng cáp và đôi giày chạy tuyệt hảo bó sát mu bàn chân được trang trí hình những quả cầu lấp lánh bên trên, ông ta mở to đôi mắt béo múp của mình mỗi khi có cô bé nào trượt ngang qua và nhún chào, nhưng ông chẳng dám cúi đầu chào lại vì sợ mình sẽ mất thăng bằng mà ngã nhào mất.

Không chỉ những người dạo bộ và quan chức có mặt trên dòng kênh, mà còn có cả những người công nhân với đôi mắt mệt mỏi vội vàng đi tới cửa hàng hay nhà máy; các bác các cô bán hàng trong các khu chợ mang thật nhiều đồ trên cái thúng đội đầu; người bán dạo còng lưng vì giỏ hàng thật nặng; những người lái sà lan râu tóc bờm xờm cùng khuôn mặt đỏ đần thô lỗ chen lấn nhau trên đường; những vị mục sư với đôi mắt hiền từ có lẽ đang tăng tốc đi tới bên giường của người đang hấp hối; sau đó một quãng là từng nhóm trẻ con với cặp sách trên vai nhanh chóng đi thẳng tới ngôi trường phía xa. Tất cả đều mang giày trượt, ngoại trừ một người nông dân quần đầy quần áo quanh người kéo theo một chiếc xe hàng kì quặc bước đi đầu đầu bên bờ con kênh.

Chẳng mấy chốc các cô bé cậu bé phấn khích kia gần như hòa vào nhau trong mê cung màu sắc, trong những chuyển động không ngừng cùng ánh sáng loang loáng của lười trượt phản chiếu lại tia nắng mặt trời. Cả nhóm đột ngột dừng lại và túm tụm một chỗ để không cản đường của mọi người, tất cả tranh nhau nói với một cô bé xinh xắn, người mà chúng đã kéo lại từ dòng người đổ vào thị trấn.

“Ôi, Katrinka!” Chúng reo lên đồng thanh. “Cậu chưa biết sao? Cuộc đua ấy, chúng mình muốn cậu tham gia!”

“Cuộc đua nào cơ?” Katrinka vừa cười vừa hỏi. “Đừng nói cùng một lúc như thế, mình không thể hiểu được.”

Tất cả thở hỗn hển và nhìn sang Rychie Korbes, người mà chúng cho là đại diện phát biểu.

“Chẳng là thế này!” Rychie nói. “Chúng ta sẽ có một cuộc đua lớn vào ngày Hai mươi, đúng ngày sinh nhật của phu nhân van Gleck. Đầu là sáng kiến của Hilda đây. Họ sẽ trao giải thưởng tuyệt vời nhất cho người thắng cuộc.”

“Đúng đấy.” Phải đến cả tá tiếng nói chen vào. “Một đôi lười trượt băng bằng bạc – đẹp hoàn hảo – với, ôi chao! Những sợi dây buộc cùng chuông và khóa bằng bạc!”

“Ai nói chúng có chuông cơ?” Cậu bé nhỏ thó với cái tên hoành tráng xen vào.

“Mình bảo vậy đấy, thưa ông Voost.” Rychie đáp.

“Vậy là đúng rồi.”; “Không, mình chắc chắn là không có đâu.”; “Ồ, sao cậu chắc chắn được thế?”; “Phải là mũi tên chứ.”; “Chính ngài van Korbes bảo mẹ mình là đôi lười trượt có chuông mà.” Cả nhóm lại nhao nhao lên đầy phấn khích, nhưng cậu Voostenwalbert Schimmelpenninck chốt lại đầy quả quyết: “Chà, tất cả các cậu chẳng biết gì cả; làm gì có bằng chứng họ sẽ đính chuông lên đôi lười trượt chứ, họ...”

“Ồ!Ồ!” Và rồi cả nhóm lại ào lên tranh luận.

“Đôi lười trượt dành cho nữ sẽ gắn chuông.” Hilda nhẹ nhàng cắt ngang. “Nhưng đôi lười trượt cho nam sẽ gắn mũi tên ở hai bên.”

“Thấy chưa! Mình bảo rồi mà!” Hầu như tất cả các cô cậu bé đều reo lên.

Katrina nhìn cả nhóm với đôi mắt mở to ngạc nhiên.

“Ai sẽ tham gia vậy?” Cô hỏi.

“Tất cả chúng ta.” Rychie đáp. “Sẽ vui lắm đấy! Cậu cũng phải tham gia nữa đấy, Katrina ạ. Nhưng đến giờ học rồi, chúng ta sẽ bàn bạc tiếp vào giờ nghỉ trưa.Ồ! Cậu tất nhiên là cũng phải tham gia đấy nhé.”

Katrina không trả lời mà xoay một vòng thật đẹp trên mũi chân rồi bật cười duyên dáng. “Các cậu có nghe thấy tiếng chuông cuối cùng chưa? Thử

đuổi kịp mình xem nào!” Rồi cô vụt lướt về phía trường học cách chỗ bọn trẻ đang đứng trên kênh tằm nửa dặm.

Tất cả đều vụt đuổi theo thật nhanh và lộn xộn sau lời thách đố ấy, nhưng chẳng ai bắt kịp được cô gái có đôi mắt ngời sáng đang cười khanh khách kia, với mái tóc vàng lấp lánh dưới nắng, thì thoảng lại ném về phía sau những ánh nhìn đắc thắng trong khi vẫn lao về phía trước.

Katrina xinh đẹp! Đây sức trẻ và sức khỏe, tràn trề nhựa sống, vui tươi và hăng hái. Thảo nào mà hình ảnh diệu kỳ ấy vụt qua giấc mơ của một cậu bé tối hôm đó. Một đi đầu tuyệt vời mà nhiều năm sau biến thành một khoảng trống đen kịt, bởi sự hiện diện ấy đã rời đi mãi mãi.

IV

Hans và Gretel tìm được một người bạn

Trưa đến, các cô bạn cậu bạn trẻ tuổi của chúng ta ùa ra từ trường cho một giờ luyện tập trên dòng kênh.

Lũ trẻ mới trượt được một lúc khi Carl Schummel bảo Hilda với vẻ nhạo báng: “Có hai đứa vừa từ đâu chui ra kìa! Hai đứa khố rách áo ôm! Lưỡi trượt của chúng chắc là món quà nhà vua trực tiếp ban xuống đấy.”

“Họ kiên trì lắm.” Hilda nhẹ nhàng đáp. “Trượt trên cái thứ kì lạ như vậy hẳn là rất khó. Cậu thấy đấy, họ là những đứa trẻ nông dân nghèo khó. Cậu bạn kia có lẽ đã tự làm mấy lưỡi trượt đó.”

Carl trông có chút sượng sùng.

“Kiên trì thì làm sao, trượt băng ấy à, xuất phát tốt đến mấy thì chẳng phải cuối cùng vẫn ngã chổng vó đó sao? Mình nghĩ chúng nhảy trên nền nhạc đứt quãng mà cậu mới học có khi lại được đấy.”

Hilda bật cười dịu dàng rồi rời đi. Cô bạn tách khỏi đoàn người đang đua và lướt qua từng người một, rồi dừng lại bên cạnh Gretel đang chăm chú quan sát mọi người đua với ánh mắt háo hức.

“Cô bé, tên em là gì?”

“Là Gretel, thưa cô.” Cô bé trả lời, có phần kính sợ địa vị xã hội của Hilda mặc dù họ gần như là bằng tuổi. “Còn anh trai em là Hans.”

“Hans là một cậu bạn khỏe mạnh.” Hilda vui vẻ nói. “Cả người cậu ấy như một cái lò nung vậy, nhưng em trông lạnh quá. Em cần mặc nhiều áo ấm hơn, em gái nhỏ ạ.”

Gretel, dù không còn bất cứ thứ gì khác để khoác thêm, vẫn cố gượng cười và trả lời: “Em không nhỏ đến vậy đâu ạ. Em qua mười hai tuổi rồi.”

“Ồ, thứ lỗi cho chị. Em thấy đấy, chị gần mười bốn tuổi, mà chị phổng phao hơi quá so với tuổi của mình nên các cô bé khác đều trông thật nhỏ bé bên cạnh chị, nhưng không thành vấn đề. Có khi em sẽ lớn nhanh hơn chị

ấy chứ, nhưng muốn thế thì em cần phải mặc ấm. Những cô bé lạnh cóng đâu thể lớn được.”

Hans đỏ mặt khi cậu thấy nước mắt Gretel dâng lên.

“Em gái tôi chưa bao giờ phàn nàn về cái lạnh cả, nhưng quả thực năm nay rét hại người, ai cũng nói vậy.” Rồi cậu buồn bã nhìn sang Gretel.

“Không sao mà.” Gretel đáp. “Em thấy ấm, rất ấm áp mỗi khi được trượt băng. Chị thật là tốt bụng, thưa quý cô, vì đã lo lắng cho em.”

“Không, không.” Hilda vội đáp, hơi giận dữ với chính mình. “Chị thật là bất cần, thô lỗ, nhưng chị không có ý xấu. Chị chỉ muốn hỏi em... ý chị là nếu...” Hilda lắp bắp không thể nói ra trước hai đứa trẻ nghèo khó nhưng đáng mến.

“Cô cần gì, thưa cô?” Hans nhiệt tình hỏi. “Nếu là việc tôi có thể làm, bất kì...”

“Ồ, không, không phải.” Hilda cười, rũ bỏ sự ngượng ngùng của mình. “Tôi chỉ muốn cho hai người biết về giải thi trượt băng. Hai người không định tham gia sao? Cả hai đều trượt băng rất giỏi, cuộc thi thì miễn phí. Ai cũng có thể tham gia thi đấu cả.”

Gretel nhìn Hans đầy mong chờ. Anh trai cô bé kéo chỉnh chiếc mũ trên đầu, rồi cẩn trọng đáp lại:

“Ồ, thưa quý cô, kể cả nếu chúng tôi có tham gia được đi nữa, chúng tôi chỉ có thể làm vài sai chân so với các ứng viên còn lại mà thôi. Lưỡi trượt của chúng tôi làm bằng gỗ cứng, cô thấy đấy.” Cậu nâng bàn chân mình lên. “Nhưng rồi chúng nhanh chóng bị ẩm, trở nên dính dớp và làm chúng tôi ngã.”

Đôi mắt Gretel lấp lánh vẻ buồn cười khi cô bé nhớ lại cảnh Hans ngã soài lúc sáng, nhưng rồi cô bé đỏ bừng mặt và ngượng ngập lắp bắp: “Ồ, không, chúng em không tham gia được đâu, nhưng chúng em có thể đến đó xem buổi thi đấu không, thưa quý cô?”

“Tất nhiên rồi.” Hilda đáp, cô dịu dàng nhìn hai khuôn mặt nghiêm trang trước mặt và ước gì mình không dùng nhiều tiền mua vòng tay và quần áo đẹp đến thế. Cô giờ chỉ còn có tám đồng kwartje, và từng ấy chỉ đủ mua nhiều nhất là một đôi lưỡi trượt.

Thở dài và nhìn xuống hai đôi bàn chân khác hẳn nhau về kích cỡ, cô hỏi:

“Ai trong hai người trượt băng giỏi hơn?”

“Là Gretel.” Hans ngay lập tức trả lời.

“Là anh Hans ạ.” Gretel cũng đồng thanh.

Hilda mỉm cười.

“Tôi không thể mua cho mỗi người một cặp lưỡi trượt, hay thậm chí là một cặp chất lượng, nhưng đây là tám đồng kwartje. Hãy quyết định xem ai trong hai người sẽ có khả năng chiến thắng cao hơn rồi mua giày cho người ấy. Tôi ước gì mình có đủ tiền để mua một đôi thật xịn cho hai người. Tạm biệt nhé!” Chỉ kịp gửi lại một cái gật đầu cùng một nụ cười mỉm, Hilda dúi tiền vào tay Hans đang ngơ ngàng bất động rồi nhanh chóng trượt về phía hội bạn của mình.

“Thưa cô! Thưa quý cô van Gleck!” Hans hô to, cậu cà nhắc chạy đến chỗ cô bởi một trong hai lưỡi trượt của cậu còn chưa được buộc dây.

Hilda quay người lại với một bàn tay đưa lên che mắt khỏi ánh mặt trời, cậu có cảm giác như cô đang trôi trong không khí, càng lúc càng gần mình hơn.

“Chúng tôi không thể nhận số tiền này.” Hans hỗn hển nói. “Dù tôi hiểu lòng tốt của cô.”

“Tại sao lại không chứ?” Hilda đỏ mặt và hỏi.

“Vì...” Hans đáp và cúi người xuống như một cận thần, nhưng đôi mắt cậu nhìn thẳng vào mắt cô như cách một chàng hoàng tử nhìn nữ hoàng. “Chúng tôi không kiếm ra nó.”

Hilda rất nhanh trí. Cô để ý thấy sợi dây chuyền bằng gỗ xinh xắn trên cổ Gretel.

“Làm cho tôi một chiếc vòng cổ đi Hans, như chiếc mà em gái cậu đang đeo ấy.”

“Tôi sẽ làm nó với tất cả tâm huyết, thưa quý cô. Chúng tôi có gỗ trắng ở nhà, chất lượng không kém ngà voi; tôi sẽ đưa cô vào ngày mai.” Rồi Hans vội vàng cố trả lại số tiền.

“Không, không.” Hilda quả quyết đáp. “Đó chỉ là số tiền công ít ỏi mà tôi có thể trả cho chiếc vòng.” Rồi cô nhanh chóng lao đi còn nhanh hơn cả người đang trượt nhanh nhất trên dòng băng.

Hans chỉ biết ngơ ngẩn nhìn theo; giờ có phản đối cũng không có tác dụng gì nữa.

“Đúng.” Cậu lẩm bẩm với chính mình và với Gretel. “Mình phải làm việc thật chăm chỉ từng phút một, kể cả có phải ngủ đêm và thấp nển nếu mẹ cho phép, nhưng cái vòng phải được hoàn thành. Chúng ta sẽ được giữ khoản tiền này, Gretel ạ.”

“Chị ấy đúng là một cô gái tốt bụng!” Gretel reo lên và vỗ tay trong hạnh phúc. “Ôi! Anh Hans ơi, có phải đi đầu may mắn này đến từ con cò đậu lên nóc nhà ta vào hè năm ngoái không? Mẹ nói rằng nó sẽ mang đến may mắn, và mẹ còn khóc khi Janzoon Kolp bán con cò nữa. Mẹ bảo đi đầu đó sẽ mang đến điềm xui cho anh ta. Nhưng may mắn cuối cùng cũng đã đến với chúng ta! Giờ thì anh Hans ơi, nếu mai mẹ sai chúng ta vào thị trấn, anh có thể mua đôi lười trượt mới ở chợ r ấ.”

Hans lắc đầu. “Quý cô trẻ tuổi đã đưa chúng ta tiền để mua lười trượt, nhưng một khi nó trở thành tiền anh kiếm ra, nó phải được dùng để mua len. Em cần có một cái áo ấm.”

“Ôi!” Gretel bu ồm bã thốt lên. “Anh không mua lười trượt sao? Tại sao chứ, em không thấy lạnh mà! Mẹ bảo máu liên tục chạy lên chạy xuống dọc các huyết mạch của những đứa trẻ nghèo khó và ngâm nga: *Ta phải sưởi ấm cho lũ trẻ này! Ta phải sưởi ấm lũ trẻ này!*” Ôi, anh Hans.” Cô bé tiếp tục nức nở. “Đừng nói anh sẽ không mua lười trượt nhé. Đi đầu đó làm em muốn òa khóc. Hơn nữa, em thà chịu lạnh còn hơn. Ý em là, em thực sự thấy cực kì ấm áp vào lúc này!”

Hans vội ngược nhìn lên. Cậu có nỗi sợ hãi, nước mắt hay tình cảm của một người Hà Lan đích thực, và trên hết, cậu khiếp sợ đôi mắt xanh biếc của em mình khi đơng đầy nước.

“Anh ơi, nghe này.” Gretel kêu lên, cô bé có thể thấy mình đang thắng thế. “Em sẽ thấy tệ hại lắm nếu anh từ bỏ đôi lười trượt. Em không muốn chúng. Em không keo kiệt đến thế; nhưng em muốn ANH có chúng, r ấ khi nào em lớn lên, em sẽ dùng lại chúng... Ôi... Anh đếm số đồng tiền đi này, anh Hans. Anh đã bao giờ thấy nhiều tiền đến vậy chưa?”

Hans tr ần tư nhìn xuống khoản tiền trong tay mình. Cậu chưa bao giờ mong mỗi một đôi lười trượt đến thế, khi mà giờ cậu đã biết về cuộc thi và thực sự muốn giành lấy cơ hội so tài với những đứa trẻ khác. Cậu tự tin

rằng mình sẽ dễ dàng bỏ xa hầu hết những cậu bé còn lại trên kênh, chỉ cần cậu có được một đôi lưỡi trượt bằng thép. Hơn nữa, lập luận của Gretel cũng không phải là vô lý. Mặt khác, cậu hiểu, với thân hình tuy khỏe mạnh nhưng gầy gò nhỏ bé như thế, Gretel cần ít nhất một tuần luyện tập với một đôi lưỡi trượt tốt mới có thể bắt kịp Rychie Korbes hay thậm chí Katrinka Flack. Một khi suy nghĩ đến đây, cậu liền đưa ra quyết định. Nếu Gretel không thể có chiếc áo ấm, cậu sẽ cho con bé đôi lưỡi trượt.

“Không, Gretel ạ.” Cậu trả lời. “Anh đợi được. Rồi sẽ có ngày anh tiết kiệm đủ tiền để mua được một đôi lưỡi trượt tốt. Còn lần này thì dành cho em.”

Đôi mắt của Gretel bừng sáng long lanh, nhưng rồi ngay lập tức cô bé yếu ớt phản kháng. “Quý cô trẻ tuổi cho anh tiền cơ mà. Sẽ thật tệ nếu em lấy nó.”

Hans quả quyết lắc đầu khi cậu rảo bước về phía trước, làm cho em gái cậu phải vừa nhảy vừa bước đuổi theo. Lúc này, cả hai đã tháo lưỡi trượt gỗ ra và vội quay về nhà để thông báo tin tốt với mẹ.

“Ồ! Em biết rồi!” Gretel reo lên. “Anh có thể làm như này. Anh mua một đôi hơi nhỏ so với anh, nhưng hơi rộng so với em, rồi cả hai anh em ta có thể thay nhau dùng. Vậy có tốt không?” Gretel vỗ tay.

Tội nghiệp Hans! Đó là một lời đề nghị vô cùng hấp dẫn, nhưng cậu gạt nó sang bên như một cậu bé dửng dưng.

“Không được, Gretel ạ. Em làm sao đi được đôi to hơn cơ chứ. Em từng ngã dúi ngã dụi với lưỡi trượt gỗ này như một con gà mờ, cho đến khi anh bảo đi phần gót. Giờ thì em cần có một đôi vừa khít, và em phải luyện tập bất cứ khi nào có thể cho đến ngày Hai mươi. Gretel nhỏ bé của anh sẽ giành được đôi lưỡi trượt bằng bạc.”

Gretel không thể không bật cười hạnh phúc với suy nghĩ đó.

“Hans! Gretel!” Một giọng nói quen thuộc vang lên.

“Chúng con đang về đây, thưa mẹ!”

Hai đứa trẻ vội vàng chạy về căn nhà nhỏ, những đồng bạc vẫn kêu leng keng trong lòng bàn tay Hans.

Ngày hôm sau, Hans Brinker trở thành cậu trai tự hào và hạnh phúc nhất Hà Lan khi cậu quan sát em gái mình, với những đường trượt khéo léo, bay qua lượn lại giữa những người trượt băng kéo đến đây con kênh

vào xế chiều. Hilda tốt bụng đã cho con bé một chiếc áo khoác ấm, đôi giày sắp bọc của con bé đã được bà Brinker vá lại cho tử tế. Khi sinh vật nhỏ bé ấy vụt lướt tới lui, mặt đỏ lên vì hạnh phúc và không đoái hoài gì đến ánh nhìn tò mò của mọi người, cô bé cảm thấy cặp lưỡi trượt sáng loáng dưới chân mình như đã biến trái đất thành một miền cổ tích, trái tim đong đầy lòng biết ơn của cô bé liên tục hô lên: “Anh Hans yêu quý, anh Hans tốt bụng của em!”



Hans Brinker trở thành cậu trai tự hào và hạnh phúc nhất Hà Lan khi cậu quan sát em gái mình, với những đường trượt khéo léo, bay qua lượn lại giữa những người trượt băng

“Ôi trời ời!” Peter van Holp thốt lên với Carl Schummel. “Mà cô bé con mặc cái áo khoác đỏ và chiếc váy lót vá chằng vá đụp đó trượt giỏi thật. Trời! Cô bé như có ngón chân ở gót giày và có mắt ở sau gáy vậy!”

Nhìn mà xem! Sẽ thật bất ngờ làm sao nếu cô bé tham gia cuộc đua và đánh bại cả Katrinka Flack.”

“Suýt! Nói nhỏ thôi!” Carl đáp bằng vẻ khinh bỉ. “Cái con bé mặc giẻ rách đó chỉ như thú cưng của Hilda van Gleck thôi. Nếu tôi không nhầm thì đôi lười trượt kia là quà của cô ta đấy.”

“Ái chà! Ái chà!” Peter thốt lên với nụ cười rạng rỡ, bởi Hilda là bạn thân nhất của cậu. “Cậu ấy đã làm một việc thật tốt!” Rồi cậu van Holp, sau khi trượt đường số tám kép, một đường chữ P thật lớn, nhảy lên rồi cắt băng theo một đường chữ H, liền trượt về phía trước tới chỗ Hilda.

Họ nắm tay nhau cùng trượt băng, ban đầu phá lên cười vui vẻ, rồi sau đó chậm rãi trầm giọng trò chuyện.

Kì lạ làm sao, Peter van Holp bỗng dưng nhanh chóng tuyên bố rằng em trai cậu cũng cần có một sợi dây chuyền gỗ như của Hilda.

Thế là hai ngày sau đó, vào ngày mừng Thánh Nicholas, với ba cây nến đã đốt hết sạch và thêm nhiều vết cắt trên ngón tay cái, Hans đứng giữa khu chợ ở Amsterdam và mua thêm một đôi lười trượt nữa.

V

Bóng tối trong nhà

Cphù hộ bà Brinker! Ngay sau khi bữa tối thiếu thốn được dọn đi vào chiều hôm đó, bà mặc lên người bộ lễ phục để tạ Thánh Nicholas. Bà nghĩ nó sẽ khiến bọn trẻ vui lên và bà đã không nhầm. Suốt mười năm qua, bộ trang phục này chẳng mấy khi được đựng tới; nhưng trước đó, nó đã được diện kiến ở nhiều vũ hội và lễ hội mùa hè, khi mà người ta biết đến bà lúc còn là quý cô Meitje Klenck xinh đẹp. Bọn trẻ thì thoảng mới được thoảng thấy chiếc váy bởi nó được cất trong chiếc rương bằng gỗ sồi cổ. Dù chiếc váy đã nhạt màu và mòn vẹt, nó vẫn thật lộng lẫy trong mắt hai đứa trẻ, với chiếc khăn choàng bằng vải lanh trắng, quàng lên chiếc cổ đã trở nên đầy đặn hơn của bà và biến mất dưới phần thân váy bó dẹt bằng vải thô xanh da trời, đi kèm tà váy nâu đỏ viền đen. Đôi găng tay hở ngón bằng len cùng chiếc mũ xinh xắn để lộ một phần tóc khiến bà Brinker trông gần như là một nàng công chúa đối với Gretel, trong khi Hans ra vẻ ưu tư và cư xử đúng mực khi ngắm nhìn bà.

Chẳng mấy chốc cô gái nhỏ, tay vẫn đang tết những lọn tóc vàng hoe của mình, vui vẻ nhảy chân sáo quanh mẹ với sự ngưỡng mộ tột cùng.

“Ôi, mẹ ời, mẹ ời, mẹ ời, mẹ thật là đẹp! Anh Hans, anh nhìn xem! Không phải giống như tranh vẽ quá sao?”

“Đúng là đẹp như tranh.” Hans phẩn khởi công nhận. “Đẹp như tranh... chỉ là con không thích cái thứ đồ len mẹ đeo trên tay kia.”

“Anh không thích đôi găng sao? Trời ời, chúng quan trọng lắm đấy. Anh nhìn này, chúng đã che đi phần đỏ rộp trên tay mẹ rồi. Ôi, mẹ ời, tay mẹ thật là trắng ở những chỗ găng tay để lộ ra, còn trắng hơn da con nữa. Con thấy thân váy hơi chật mẹ ạ. Thế có nghĩa là mẹ đang lớn lên! Mẹ chắc chắn đang lớn lên rồi!”

Bà Brinker bật cười.

“Bộ váy này được may lâu rồi, bé cưng ạ, khi đó eo mẹ không lớn hơn chiếc muống đánh bơ là bao nhiêu. Con có thích chiếc mũ này không?” Bà hỏi, quay đầu mình sang trái rồi sang phải.

“Ồ, con rất thích, mẹ ạ. Nó đẹp-tuyệt-vời! Mẹ nhìn kia, cha đang ngắm mẹ đấy!”

Chồng bà đang nhìn sao? Ôi không! Là nhìn với đôi mắt trống rỗng. Người phụ nữ của ông giật mình quay lại, gò má bà hơi ửng hồng lên, tia hy vọng lấp lánh trong mắt bà. Nhưng rồi tia sáng ấy vụt tắt ngay lập tức.

“Không, không phải đâu.” Bà thở dài. “Ông ấy chẳng thấy gì đâu. Hans à, lại đây...” Bà dấn nở nụ cười. “Đừng có trăn trờo ngắm mẹ cả ngày như thế, đôi lưỡi trượt mới vẫn đang đợi con ở Amsterdam đấy.”

“Ôi, mẹ à.” Hans đáp. “Mẹ đang cần rất nhiều thứ mà. Sao con lại đi mua chúng làm gì?”

“Vớ vẩn nào. Tiền con được trả là để phục vụ mục đích đó, hoặc là công việc con... Như nhau cả thôi. Đi nhanh đi khi mặt trời còn chưa lặn.”

“Đúng đấy anh, đi nhanh về nhanh anh Hans nhé!” Gretel cười khanh khách. “Tối nay chúng ta sẽ ra đùa trên con kênh, nếu mẹ cho phép.”

Khi ra tới ngưỡng cửa, cậu quay lại và nói. “Khung cửi của mẹ cần một cái bàn đạp mới.”

“Con làm cái mới cũng được, Hans ạ.”

“Cái đó con làm được. Thế thì không tốn tiền. Nhưng mẹ còn cần da, len và đồ ăn nữa, rồi còn...”

“Rồi, rồi! Thế là được rồi. Từng kia tiền đâu thế mua mọi thứ chứ. À! Hans này, nếu số tiền bị mất trộm của chúng ta có thể quay trở lại vào ngày mừng Thánh Nicholas vui vẻ này, chúng ta sẽ vui biết bao! Đêm qua mẹ đã cầu nguyện đến thánh...”

“Mẹ!” Hans ngơ ngàng kêu lên.

“Sao lại không chứ, Hans? Sao con dám chỉ trích mẹ vì việc đó chứ? Mẹ là đứa con thực sự của đạo Tin Lành, cũng như mọi quý cô đi nhà thờ ngoài kia thôi, nhưng thi thoảng tin vào Thánh Nicholas thì có gì là sai kia chứ? Thôi! Có vẻ như chẳng ai có thể làm vậy mà không bị con cái phản ứng lại... Ngài ấy là vị thánh của mọi cậu bé cô bé. Ôi! Có lẽ ngựa đực con vẫn tốt hơn là ngựa cái trưởng thành chẳng?”

Hans hiểu mẹ mình quá rõ để không tiếp tục phản đối bà, nhất là khi giọng bà đã trở nên nóng nảy và gay gắt (nó thường trở nên như thế mỗi khi bà nói về khoản tiền đã mất), vậy nên cậu chỉ hỏi nhẹ nhàng: “Thế mẹ đã hỏi xin Thánh Nicholas đi đâu rồi vậy?”

“Chà, ta cần cho lũ trộm không thể nào chộp mất cho đến khi chúng chịu trả lại tiền, tất nhiên là nếu Ngài có thể làm được vậy, hoặc khai sáng cho chúng ta để chúng ta tự tìm. Như con biết đấy, mẹ không thể tìm thấy số tiền ấy từ khi cha con bị thương.”

“Con biết, thưa mẹ.” Cậu buồn bã trả lời. “Mặc dù mẹ đã lật tung cả căn nhà này lên chỉ để tìm kiếm.”

“Ừ, thế mà cũng vô dụng.” Bà than thở. “Những kẻ giỏi giấu mới là những kẻ giỏi tìm.”

Hans giật mình. “Mẹ nghĩ cha biết không?”

“Ừ, hẳn rồi.” Bà Brinker gật đầu đáp. “Mẹ cũng nghĩ thế nhưng không có dấu hiệu gì cả. Mẹ không bao giờ tin vào chuyện gì quá hai ngày. Có lẽ cha con đã dùng số tiền ấy để mua chiếc đồng hồ bạc mà chúng ta đã vất vả giữ gìn từ ngày đó. Nhưng, không... mẹ không tài nào tin chuyện ấy được.”

“Cái đồng hồ đấy không đáng một phần tư số tiền mình đã mất, mẹ ạ.”

“Tất nhiên rồi, cha con là một người đàn ông khôn ngoan cho đến khi xảy ra biến cố. Một người thận trọng và tiết kiệm như ông ấy sẽ không làm chuyện ngu ngốc vậy đâu.”

“Nhưng con không hiểu chiếc đồng hồ đó ở đâu ra.” Hans lẩm bẩm.

Bà Brinker lắc đầu và buồn bã nhìn sang chồng mình, người đang chờ dẫn trông ra cửa. Gretel đứng bên cạnh ông và đang đan len.

“Chúng ta sẽ không bao giờ biết, Hans ạ. Mẹ đã cho ông ấy xem chiếc đồng hồ nhồi lầy rồi, nhưng ông ấy chẳng thể hiện gì là mình biết hết. Cái đêm kinh hoàng ấy, khi trở về nhà ăn tối, ông ấy đưa mẹ chiếc đồng hồ và bảo mẹ cẩn thận giữ gìn nó cho đến khi ông ấy hỏi đến lần nữa. Ông ấy chưa kịp nói hết thì Broom Klatteboost phi thẳng vào nhà và thông báo đang trong tình trạng nguy hiểm. Ôi! Dòng nước khủng khiếp tuôn Pinxter ngày ấy! Rồi ông ấy, trời ơi, lấy đồng hồ và chạy thẳng ra ngoài. Đó là lần cuối mẹ được thấy cha con ở trạng thái minh mẫn. Nửa đêm, người ta đưa ông ấy về nhà trong tình trạng sống dở chết dở, cái đầu đáng

thương đầy những vết trầy vết cắt. Con sốt thuyên giảm, nhưng sự ngớ ngẩn thì không... nó thậm chí còn tệ hơn sau mỗi ngày. Chúng ta sẽ không bao giờ biết được mất.”

Hans đã từng nghe câu chuyện này rồi. Cũng đã hơn một lần cậu thấy mẹ mình, những khi quá túng thiếu, lấy chiếc đồng hồ ra từ nơi cất giấu, gần như quyết định đem đi bán, nhưng rồi bà lại từ bỏ ý định.

“Không, Hans ạ.” Bà nói. “Chúng ta còn có thể túng thiếu hơn nữa trước khi phải bội tín với cha con!”

Kí ức ấy vụt quay trở lại với Hans. Cậu thở dài nặng nhọc, tung một mẩu vụn sáp ong sang cho Gretel ở đầu bàn bên kia, rồi nói. “Vâng, mẹ à, mẹ thực sự đã rất can trường khi giữ gìn chiếc đồng hồ ấy... Là người khác thì đã bán nó đổi lấy vàng từ rất lâu rồi.”

“Họ thật đáng xấu hổ nếu làm vậy!” Bà nóng nảy thốt lên. “Mẹ sẽ không làm thế. Với lại, những kẻ giàu có sẽ sinh nghi nếu thấy đồ vật giá trị đến vậy trong tay kẻ nghèo, kể cả nếu chúng ta có kể hết đầu đuôi câu chuyện cho họ đi nữa, họ vẫn có thể nghi ngờ rằng cha con...”

Mặt Hans đỏ bừng vì giận dữ.

“Họ không dám nói vậy đâu, thưa mẹ! Nếu họ dám, con sẽ...”

Cậu siết chặt nắm tay, cho rằng nửa sau của câu nói quá tệ hại để có thể thốt thành lời.

Bà Brinker mỉm cười tự hào với đôi mắt đầm nước.

“Ôi, Hans, con thực sự là một chàng trai trung thực, dũng cảm. Chúng ta sẽ không bao giờ đem bán chiếc đồng hồ. Biết đâu đến phút sắp chết, ông ấy lại tỉnh ra và đòi nó thì sao.”

“Sẽ tỉnh sao, thưa mẹ?” Hans hô lên. “Tỉnh ra... và nhớ ra chúng ta sao?”

“Đúng thế đấy con.” Mẹ cậu gần như thì thầm. “Kiểu như vậy đấy.”

Đến giờ phút này, Hans gần như đã quên khuấy mất nhiệm vụ đến Amsterdam của mình. Mẹ cậu chưa bao giờ thoải mái chia sẻ với cậu đến thế. Cậu cảm thấy mình không chỉ là con trai bà nữa, mà còn là bạn của bà, là người cố vấn của bà.

“Mẹ nói đúng. Chúng ta không được từ bỏ chiếc đồng hồ. Vì cha, chúng ta sẽ bảo vệ nó. Còn số tiền kia, có thể nó sẽ quay về vào lúc chúng

ta không ngờ nhất.”

“Không bao giờ!” Bà Brinker kêu lên. Bà đan mũi cuối với một cái giắt mình, rồi đặt món đồ đang đan dở nặng nề trên đùi. “Không thể nào! Một ngàn đồng guilder... tất cả biến mất chỉ trong một ngày! Là một ngàn đồng guilder đây. Ôi, chúng giờ đang ở đâu? Nếu chúng bị đem đi sử dụng cho mục đích xấu, tên trộm nên thú nhận trước khi hắn chết. Hắn sẽ không dám chết khi có ngàn ấy tội lỗi lảng cấn trong tâm hồn!”

“Có thể hắn ta chưa chết.” Hans nhẹ nhàng nói. “Chúng ta có thể nghe được tin về hắn một ngày nào đó.”

“Ôi, con yêu.” Giọng bà Brinker thay đổi. “Tên trộm nào mà thêm mớ tới đây kia chứ? Căn nhà này luôn gọn gàng và sạch sẽ, ờn Chúa, nhưng nó không đẹp dễ, vì cha và mẹ tích góp từng li từng tí một. *Năng nhặt chặt bị*, đúng thế thật. Hơn nữa, cha con cũng từng có một khoản thu nhập khá tốt, là tiền công làm việc ở vùng Heernocht khi mà trận lụt lớn xảy ra. Cứ mỗi tuần chúng ta lại để dành được một đồng guilder, đôi khi còn nhiều hơn; vì cha con còn làm ngoài giờ và được trả lương cao cho công sức lao động của ông ấy. Cứ mỗi tối thứ Bảy, chúng ta lại tiết kiệm thêm được một ít, trừ hồi con bị sốt và khi Gretel chào đời. Cuối cùng, túi tiền tiết kiệm của chúng ta đầy đến nỗi mẹ phải vá lại một chiếc tất cũ và bắt đầu cho tiền vào đó. Giờ khi nhìn lại, có vẻ như tiền tăng lên rất nhanh trong những tuần nắng ấm. Người công nhân nhanh nhẹn sẽ được trả lương hậu hĩnh trong những ngày ấy. Chiếc túi cứ ngày càng đầy đồng, bạc và... ừ, cả vàng nữa. Con có thể mở mắt được rồi, Gretel ạ. Mẹ thường cười và bảo cha con rằng mẹ mặc chiếc váy cũ này không phải vì nhà mình nghèo. Khi chiếc túi cứ đầy dần và đầy dần, thì thoảng khi mẹ chợt tỉnh giấc giữa đêm, mẹ sẽ dậy và lặng lẽ, nhẹ nhàng, ngắm nhìn thứ tài sản ấy dưới ánh trăng. Rồi, mẹ quỳ gối cảm ơn Chúa trời rằng những đứa con của mình sẽ được đi học, rằng chông mình sẽ được nghỉ ngơi lúc tuổi già. Đôi lúc, trong bữa tối, cha và mẹ sẽ nói về cái ống khói mới và cái chuồng mùa đông cho con bò, nhưng cha con có ý tưởng khác hay hơn. *Một con thuyền lớn*, ông ấy đã nói, *thuận theo hướng gió... chúng ta sẽ làm được những gì mình muốn, sớm thôi*, rồi chúng ta cùng nhau ca hát khi mẹ rửa bát. *A, một ngọn gió êm ả sẽ giúp thuyền trôi yên lành*. Không có gì làm phiền lòng mẹ từ sáng sớm tới đêm muộn. Mỗi tuần, cha con sẽ lấy túi tiền ra và thả vào thêm vài đồng, rồi cười và hôn mẹ khi chúng ta buộc lại cái túi. Còn con

nữa đấy, Hans! Con vẫn mơ màng ng ờĩ đó mà ngày thì sắp hết r ồi kìa!” Bà Brinker thêm vào một cách tiếc nuối, hơi ngại ngùng khi nhận ra mình đã nói với con trai quá nhiều: “Con nên đi ngay bây giờ đi.”

Hans ng ờĩ thẳng dậy và chân thành nhìn thẳng vào mặt mẹ. Cậu đứng dậy, r ồi hỏi bằng giọng không to hơn lời thì th ầm là mấy: “Mẹ đã thử chưa ạ?”

Bà hiểu cậu đang muốn hỏi gì.

“R ồi, con ạ, nhiều lần r ồi. Nhưng cha con chỉ cười thôi, hoặc ông ấy sẽ nhìn chằm chằm mẹ một cách thật kì quặc khiến mẹ thà không hỏi nữa còn hơn. Khi con và Gretel lên cơn sốt mùa đông năm ngoái, bánh mì dự trữ thì đã gần cạn kiệt, còn mẹ thì không thể kiếm được đ ồng ti ền nào, sống trong nỗi sợ hãi rằng lỡ các con sẽ ra đi khi mẹ quay mặt đi, ôi! Mẹ đã thử! Mẹ vuốt tóc ông ấy và thủ thủ với ông ấy nhẹ nhàng như một con mèo, về số ti ền ấy... Nó ở đâu r ồi, ai đang cần nó? Chúa ơi! Ông ấy nghịch tay áo mẹ và làm nhảm những đi ều vô nghĩa cho đến khi mẹ mất hết kiên nhẫn. Cuối cùng, khi Gretel đã trắng bệch hơn cả tuyết, còn con thì mê sảng trên giường, mẹ đã hét lên với ông ấy... như là ông ấy buộc phải nghe thấy mẹ... rằng: ‘Raff, ti ền của chúng ta đâu? Anh có biết gì về số ti ền đó không, Raff? Ti ền trong túi và ti ền trong chiếc tất đan, cất trong rương ấy?’ Nhưng chẳng khác nào hét lên với một tảng đá. Lẽ ra mẹ nên...”

Giọng bà dần trở nên kì lạ, mắt bà sáng rực khiến Hans lo sợ mà đặt tay lên vai bà.

“Thôi, mẹ ơi.” Cậu nói. “Mẹ hãy thử cố gắng quên số ti ền đó đi. Con giờ đã cao lớn và khỏe mạnh. Gretel cũng rất nhanh nhẹn và tháo vát. Chúng ta sẽ sớm kiếm lại được số ti ền đó thôi. Hơn nữa, mẹ à, con và Gretel thà thấy mẹ vui vẻ hạnh phúc còn hơn là có được tất cả ti ền bạc trên thế giới, phải không Gretel?”

“Mẹ hiểu đi ều đó mà.” Gretel thõn thức đáp.

VI

Ánh mặt trời

Bà Brinker sửng sốt trước cảm xúc của hai đứa trẻ nhà mình; bà cũng thấy mừng nữa, bởi đi đâu đó cho thấy chúng là những đứa trẻ trung thực và đầy lòng yêu thương.

Những cô gái xuất thân từ những căn nhà lộng lẫy thường cười thật thoải mái mà cũng thật ngọt ngào, làm không khí vui vẻ tràn ngập xung quanh, nhưng tôi ngờ rằng nụ cười ấy vẫn không thể được Chúa đón chào hơn tiếng cười vang lên giòn giã của cô bé và cậu bé ăn mặc sơ sài đến từ căn nhà lụp xụp kia được. Bà Brinker cảm thấy mình đã thật ích kỉ. Đồ mặt nhưng rạng rỡ, bà nhanh chóng lau mắt và nhìn hai đứa trẻ với ánh mắt mà chỉ một người mẹ mới có được.

“Thôi đi! Chúng ta đã có một cuộc chuyện trò thật tuyệt vời, còn ngày lễ của Thánh Nicholas cũng sắp đến rồi! Thảo nào sợi len cứ làm ngứa ngáy ngón tay mẹ! Nào, Gretel, đến đây lấy đồng tiền này ra chợ mà mua bánh quế, còn Hans đi mua đôi lười trượt cho con đi.”

“Mẹ để con ở nhà với mẹ đi.” Gretel nói, ngược lên nhìn bà với đôi mắt lấp lánh nước. “Anh Hans sẽ mua luôn bánh cho con.”

“Vây cũng được, con yêu, và Hans... Khoan đã. Nốt ba hàng này thôi mẹ sẽ làm xong cái tất này, rồi con sẽ có đôi tất ống tốt nhất từng được đan (biết thêu thùa là một lợi thế vô cùng tốt) để bán cho người bán quần áo trên phố Herengracht. Rồi chúng ta sẽ có ba đồng kwartje, nếu con mặc cả giỏi sẽ mua được bốn chiếc bánh quế bởi chúng ta đang trong mùa đói kém. Tất nhiên là chúng ta vẫn sẽ ăn bữa tiệc mừng Thánh Nicholas.”

Gretel vỗ tay. “Thế thì tuyệt quá ạ! Annie Bouman bảo con rằng tối nay bên trong những ngôi nhà khang trang sẽ có khoảng thời gian tuyệt vời. Nhưng chúng ta cũng sẽ vui như thế. Hans sẽ có một đôi lười trượt mới đẹp đẽ... rồi chúng ta có cả bánh quế nữa! Ôi! Anh Hans, anh đừng làm vỡ

bánh nhé. Anh gói chúng thật kĩ vào, rồi cất chúng trong lớp áo khoác của anh thật cẩn thận.”

“Tất nhiên rồi.” Hans đáp lại hơi cộc lốc với sự hài lòng về tầm quan trọng của chính mình.

“À! Mẹ ời!” Gretel reo lên bằng giọng cao vút. “Lát nữa mẹ sẽ phải bận rộn với cha, nhưng giờ mẹ chỉ đang đan len thôi. Mẹ kể cho chúng con nghe về Thánh Nicholas được không?”

Bà Brinker bật cười khi thấy Hans đã vội treo mũ lên và chăm chú lắng nghe. “Nào, nào, mấy đứa này.” Bà nói. “Mẹ kể cho các con nghe nhiều lần lắm rồi mà.”

“Mẹ kể lại đi ạ! Ôi, mẹ kể đi mà!” Gretel kêu lên, cô bé thả mình xuống chiếc ghế dài bằng gỗ tuyệt hảo mà anh Hans đã làm hồi sinh nhật mẹ năm ngoái. Hans, dù cố tỏ ra trưởng thành, cũng rất hào hứng được nghe lại câu chuyện, cậu đứng tựa vào lò sưởi và lơ đãng đưa đôi lưỡi trượt.

“Chà, các con, các con có thể nghe lại, nhưng đừng lãng phí ánh sáng ban ngày thế chứ. Gretel, hãy nhặt cuộn len lên và tiếp tục đan tất trong khi nghe mẹ kể chuyện. Lắng nghe không có nghĩa là phải dừng làm. Thánh Nicholas, các con biết đấy, là một vị thánh tuyệt vời. Ngài ấy trông chừng cho các thủy thủ, nhưng đối tượng ngài quan tâm nhất là những cô bé, cậu bé nhỏ tuổi. Một lần, khi ngài còn đang sống trên trái đất, một nhà buôn châu Á đã gửi ba người con trai của mình tới một thành phố lớn tên là Athens để học tập.”

“Athens có phải ở Hà Lan không hả mẹ?” Gretel hỏi.

“Mẹ không biết nữa, con ạ. Có thể lắm chứ.”

“Ồ, không phải đâu, mẹ ời.” Hans lễ phép nói. “Con học được trong tiết Địa lý từ lâu rồi, Athens là ở Hy Lạp.”

“Chà.” Người mẹ đáp. “Cũng không quan trọng. Hy Lạp có thể thuộc về nhà vua mà, nếu chúng ta không nhầm. Dù sao đi nữa, nhà buôn giàu có này đã gửi con mình tới Athens. Trên chuyến hành trình, họ dừng chân tại một quán trọ tồi tàn, dự định qua đêm để sáng hôm sau tiếp tục lên đường. Chà, họ mặc những bộ quần áo rất đẹp – có lẽ là bằng vải nhung và lụa, những đứa trẻ giàu có trên thế giới này đâu để tâm chúng mặc cái gì – còn thất lưng của chúng thì giắt đầy tiền. Tên chủ nhà trọ nham hiểm ở đó đã vạch ra kế hoạch giết mấy đứa trẻ để cướp tiền và bộ trang phục quý giá

của chúng. Đêm hôm ấy, khi cả thế giới chìm vào giấc ngủ, hắ ta thức dậy và giết ba đứa trẻ.”

Gretel đan chặt hai tay vào nhau và rùng mình, trong khi Hans cố tỏ ra bình thản.

“Thế vẫn chưa phải đi đầu t ỏi tệ nhất.” Bà Brinker tiếp tục, đôi tay vẫn chầm chậm đan len và lăm nhăm đếm số mũi đan trong khi kể chuyện. “Vẫn chưa đến đi đầu t ỏi tệ nhất. Tên chủ nhà trọ đáng sợ ấy còn định phi tang xác của hai đứa trẻ.”

“Ồi!” Gretel hét lên đầy sợ hãi, dù cô bé đã nghe câu chuyện này nhiều lần rồi. Hans vẫn ng ỗ bất động.

“Đúng vậy, lúc này mọi người hắ cho là lũ trẻ đã tiêu đời rồi. Nhưng không. Đêm hôm đó, Thánh Nicholas đã mơ thấy lũ trẻ bị tên chủ trọ hãm hại. Nhưng các con biết đấy, ngài không cần phải hấp tấp vì ngài là thần mà; sáng hôm sau, ngài tới quán trọ và kết tội tên chủ trọ. Chẳng mấy mà hắ ta thừa nhận hết tội lỗi và quỳ rạp xuống cầu xin sự tha thứ. Hắ hối lỗi đến mức cầu xin vị thánh hãy h ồi sinh các cậu quý tử.”

“Ngài có đồng thuận không ạ?” Gretel hỏi, tỏ ra vui vẻ vì đã biết trước câu trả lời.

“Tất nhiên rồi. Những cái xác d ần ấm lại, và các cậu công tử nhỏ ng ỗ dậy. Chúng quỳ xuống dưới chân Thánh Nicholas để ngài ban phước, và... Ôi! Chúa phù hộ chúng ta, Hans, con mà không đi ngay thì trời sẽ tối trước khi con kịp trở về mất!”

Lúc này, bà Brinker gần như hết cả hơi và trở nên căng thẳng. Bà không thể nhớ nổi đã lần nào trông thấy con mình lần nữa cả một giờ đồng hồ như thế này chưa, ý nghĩ về một món đồ xa xỉ làm bà khá hoảng sợ. Như để đền bù chút thời gian nào đó, bà cứ đi đi lại lại trong phòng một cách hấp tấp. Bà đặt một hòn than b ền lên lửa, thổi bùng lên ngọn lửa vô hình từ bàn ăn, đưa cho Hans chiếc quần tất – tất cả đều được hoàn thành cùng một lúc.

“Đi đi, Hans.” Bà giục khi thấy cậu bé vẫn đang nán lại ở ngưỡng cửa. “Đi đầu gì n ứ giữ con vậy, con yêu?”

Hans hôn lên bầu má tròn vẫn luôn hồng hào và tươi sáng dù trải qua biết bao nhọc nhàn của mẹ.

“Mẹ con là người mẹ tuyệt nhất thế gian, con nên mừng khi có được một đôi lười trượt, nhưng...” Cậu phiền não nhìn sang bóng dáng kì quặc đang lom khom bên bệ đá lò sưởi, trong khi tay bận rộn cài nút áo khoác. “Nếu số tiền này có thể mời được bác sĩ từ Amsterdam đến xem xét bệnh của cha, có thể sẽ có ích hơn.”

“Bác sĩ sẽ không đến, cho dù là chúng ta có gấp đôi số tiền đó đi chăng nữa, Hans ạ, mà có đến cũng chẳng được gì. Mẹ cũng đã mất bao nhiêu tiền vì đi đầu đó rồi, nhưng con yêu, cha con sẽ không tỉnh lại đâu. Cái này phải phụ thuộc ý Chúa. Đi đi, Hans, đi mua đôi lười trượt đi.”

Hans bước ra ngoài với trái tim nặng trĩu, nhưng chỉ sau năm phút, trái tim trẻ trung trong lồng ngực của cậu bé đã khiến cậu vừa đi vừa huýt sáo. Mẹ vừa gọi cậu là “con yêu”, đi đầu đó đã đủ để khiến nắng lên trong một ngày âm u. Người Hà Lan không hay gọi trêu mếu như thế giống như người Pháp hay người Đức. Nhưng bà Brinker đã từng may vá cho một gia đình ở Heidelberg hồi trẻ, từ đó bà đã mang những từ *yêu* và *cưng* về với gia đình khô khan của mình để sử dụng trong những trường hợp đầy trêu mếu và yêu thương.

Thế nên câu nói “Đi đâu gì nín giữ con vậy, con yêu?” cứ vang lên như một bản nhạc nền cho tiếng huýt sáo của cậu bé và khiến cậu cảm thấy nhiệm vụ của mình thật tươi đẹp.

VII

Hans thỏa lòng ước nguyện

Thị trấn Broek có những con phố vắng lặng, dòng suối nhỏ đóng băng, vỉa hè lát gạch vàng cùng những căn nhà gỗ tươi sáng. Đó là một ngôi làng nơi mọi sự gọn ghẽ và trang hoàng được phô bày, nhưng người dân nơi đó như thể đang ngủ hoặc như đã chết hết.

Không có lấy nổi một dấu chân để lại dọc con đường cát rải đầy đá cuội và vỏ sò theo những hình họa tiết vui mắt. Mọi cánh cửa sổ đều đóng chặt im lìm như thể không khí và ánh mặt trời ngoài kia là chất độc, còn những cánh cửa trước to lớn chỉ được mở khi có lễ cưới, lễ thánh hoặc lễ tang.

Những đám khói thuốc lá bay lững thững qua từng góc khuất, còn bọn trẻ con – thành phần đáng ra sẽ làm cho nơi này sống dậy – lại đang học ở những khu vực khuất xa nơi này hoặc đang trượt băng trên con kênh gần đây. Một vài con công và chó sói đứng trong vườn, nhưng chúng chẳng đoái hoài gì đến sự sống của loài người. Chúng được cất tĩa từ những bụi cây hoàng dương và có vẻ như đang trông chừng khu vườn với bộ dạng xanh ngắt. Vài bụi cây tĩa theo hình đàn vịt, những người phụ nữ, người chơi thể thao được cất gọn lại trong những căn nhà hóng mát, đợi đến mùa xuân để tập hợp và chống lại người chủ của mình theo cách sống động nhất. Những lớp mái ngói sáng bóng, khoảnh sân trong chia thành từng ô nhỏ, cộng thêm lối trang trí bên ngoài trang trọng, âm thầm bày tỏ lòng tôn kính đến trời cao, nơi mà một hạt bụi nhỏ bé cũng không có chỗ đặt chân.

Hans liếc nhìn khu làng, cậu xóc những đồng kwartje bạc và tự hỏi liệu đi đâu cậu thường nghe có phải là sự thật không, rằng một vài người Broek giàu đến nỗi họ còn dùng dụng cụ làm bếp bằng vàng ròng.

Cậu đã từng thấy món pho mát ngọt của bà van Stoop trong chợ, cậu biết bà ấy đã kiếm được rất nhiều đồng guilder bạc lấp lánh từ việc bán thứ pho mát đó. Nhưng bà ấy có đun bơ sữa trong cái chảo bằng vàng

không? Liệu bà ấy có dùng cái thìa hót kem bằng vàng không? Vào mùa đông, liệu có đúng là bà ấy buộc đuôi những con bò của mình bằng ruy băng không?

Những ý nghĩ đó cứ quanh quẩn trong đầu Hans khi cậu tiến bước tới Amsterdam, chỉ còn cách đó chưa đến năm dặm và nằm ở phía bên kia của nhánh Y đóng băng. Lốp băng trên con kênh thì hoàn hảo, nhưng đôi lười trượt băng gỗ của cậu, như thể nhận ra còn quá sớm để bị từ bỏ, kêu rít lên tiếng từ biệt đầy đau khổ khi cậu ra sức kéo lê và trượt trên nó.

Khi băng qua nhánh Y, cậu trông thấy vị bác sĩ tuyệt vời Boekman đang trượt về phía mình. Ông là bác sĩ và nhà phẫu thuật nổi tiếng nhất Hà Lan. Hans chưa bao giờ gặp ông trước đây, nhưng cậu đã từng thấy hình chân dung của ông qua cửa kính của rất nhiều cửa hàng ở Amsterdam. Dù là người Hà Lan chính gốc, ông có khuôn mặt khó có thể nào quên được, mỏng và gầy gò, đôi mắt xanh dương nghiêm nghị, đôi môi mím chặt lại một cách kì quặc như thể muốn nói: “Không được cười.” Ông trông có vẻ không phải một người vui vẻ hay hòa đồng, bất kì một cậu bé biết đi đâu nào cũng sẽ không dám nguyền ý lại gầy.

Nhưng Hans thì có, bởi cậu bị thúc giục bởi một giọng nói mà cậu hiếm khi lơ đi – đó là lương tâm cậu.

“Đây chẳng phải là vị bác sĩ giỏi nhất thế giới hay sao.” Giọng nói đó thì thảo. “Chúa đã gửi ngài ấy đến đây. Làm sao mình lại đi mua lười trượt băng trong khi có thể mời được ngài ấy về xem bệnh cho cha mình với số tiền này chứ!”

Đôi lười trượt băng gỗ vội rít lên trong hân hoan. Hàng trăm đôi lười trượt đẹp đẽ vụt sáng rồi biến mất trong không khí trước mắt cậu. Cậu cảm thấy số tiền kia như đang khiến những ngón tay mình trở nên nhức nhối. Vị bác sĩ lớn tuổi trông thật khắc khổ và khó tính. Trái tim Hans nhảy vọt lên trên cổ họng, nhưng cậu vẫn cố cất giọng gọi vị bác sĩ khi ông đi ngang qua: “Thưa ngài Boekman!”

Vị bác sĩ dừng lại, môi dưới của ông hơi chìa ra, rồi ông nhìn cậu bé với vẻ bức bối.

Không còn gì ngăn Hans lại nữa.

“Thưa ngài.” Cậu thở hổn hển và tiến lại gần vị bác sĩ đang có vẻ khó chịu. “Cháu biết ngài là bác sĩ Boekman nổi tiếng. Cháu muốn hỏi xin

ngài...”

“Hừ!” Vị bác sĩ bật lên một tiếng, rồi chuẩn bị trượt qua kẻ làm phiền. “Tránh ra đi. Ta không có tiền... để cho kẻ ăn xin đâu.”

“Cháu không phải ăn xin, thưa ngài.” Hans kiêu hãnh đáp lại, cùng lúc đó cậu chìa ra những đồng bạc trong tay mình. “Cháu hy vọng ngài sẽ lắng nghe câu chuyện về cha cháu. Cha cháu còn thở nhưng chỉ ng ồi như đã chết. Cha cháu không thể suy nghĩ. Cha chỉ nói sảng, nhưng không phải cha bị ốm. Cha bị ngã ở bờ đê.”

“Hả? Sao cơ?” Vị bác sĩ kêu lên, bắt đầu chú ý lắng nghe.

Hans li ền kể toàn bộ câu chuyện một cách rời rạc, đôi lúc rơi một hai giọt nước mắt trong lúc nói, rồi kết thúc đầy thống thiết: “Ôi, thưa ngài, hãy đến xem bệnh cho cha cháu. Bên ngoài cha trông ổn cả, nhưng vấn đề nằm ở bên trong tâm trí cha. Cháu biết từng này tiền là không đủ, nhưng ngài hãy cứ cần lấy nó trước. Cháu sẽ kiếm thêm, cháu biết là cháu sẽ kiếm được. Ôi! Cháu sẽ làm mọi việc cho ngài, nếu ngài có thể chữa bệnh cho cha cháu!”

Vị bác sĩ già phản ứng ra sao đây? Mặt ông sáng lên như có ánh mặt trời chiếu rọi. Mắt ông trở nên hi ền từ và xúc động, bàn tay lúc trước nắm chặt lấy cây gậy như thể chuẩn bị đánh người, giờ nhẹ nhàng đặt lên vai Hans.

“Cậu bé, cháu hãy cất tiền đi, ta không muốn nó. Ta sẽ đến thăm cha cháu. Dù bệnh của ông ấy thật là vô vọng, ta e là thế. Cháu nói ông ấy đã bị bao nhiêu năm rồi nhỉ?”

“Là mười năm, thưa ngài.” Hans thốn thức, mừng rỡ với niềm hy vọng chợt đến.

“Ôi! Ca này thật tệ quá, nhưng ta vẫn sẽ đến thăm bệnh cho ông ấy. Để ta nghĩ đã. Hôm nay ta đến Leyden, một tuần sau mới trở về, khi đó ta sẽ tới. Nhà cháu ở đâu?”

“Nhà cháu cách Broek một dặm về phía nam ạ, ở ngay gần con kênh. Đó chỉ là một túp l ều nghèo nàn, xập xệ thôi. Bất kì đứa trẻ nào ở đó cũng có thể chỉ căn nhà đó cho ngài ạ.” Hans nói thêm với một tiếng thở dài nặng nề “Chúng nó có phần sợ nhà cháu, chúng còn gọi nó là căn l ều của gã ngốc.”

“Thế là được rồi.” Vị bác sĩ nói, gật đầu với Hans. “Ta sẽ tới. Dù đó là trường hợp vô vọng đi nữa.” Ông lẩm bẩm với chính mình. “Nhưng thằng bé này làm ta vừa lòng. Mắt thằng bé như mắt của Laurens tội nghiệp nhà ta vậy. Quỷ tha ma bắt nó đi, ta sẽ không thể nào quên thằng oắt con đó!” Cứ như vậy, ông vừa khe khẽ cầu nhàu vừa tiếp tục chặng đường của mình.

Và Hans lại lên đường hướng tới Amsterdam trên đôi lười trượt gỗ kêu rít, ngón tay cậu lại như bị châm chích bởi những đồng tiền trong túi, tiếng huýt sáo trẻ con vô thức lại thoát ra trên môi.

Mình nên nhanh chóng về nhà, cậu nghĩ, để kể lại chuyện tốt này, hay nên đi mua bánh quế và lười trượt mới trước nhỉ? Ồ! Mình nghĩ mình cứ nên đi tiếp đã!

Và thế là Hans đã sắm được cho mình đôi lười trượt mới.

VIII

Giới thiệu Jacob Poot và anh họ của cậu ấy

Hans và Gretel đã có một cuộc dạo chơi vui vẻ vào sớm hôm ngày lễ Thánh Nicholas. Hôm đó trăng sáng rọi, mẹ của hai đứa trẻ, mặc dù không còn chút hy vọng nào vào sự tiến triển của chúng mình, đã hạnh phúc với tin tức về ngài bác sĩ đến mức bà cho phép hai đứa trẻ đi trượt băng một giờ trước khi đi ngủ.

Hans rất sung sướng với đôi lưỡi trượt mới của mình, cậu háo hức chỉ cho Gretel thấy chúng “hoạt động” hoàn hảo như thế nào, bằng cách trình diễn thật nhiều trò trên băng khiến cho cô em gái nhỏ chấp tay lại trong sự ngưỡng mộ chân thành. Không chỉ có hai anh em đi trượt, nhưng dường như như chẳng ai trên con kênh đó chú ý đến hai đứa trẻ.

Anh em van Holp và Carl Schummel đang ở đó để thử nghiệm tốc độ nhanh nhất của mình. Trong bốn lần thử thì Peter van Holp đã thắng đến ba. Điều đó khiến cho Carl, vốn chưa bao giờ là một cậu bé tử tế, vô cùng hậm hực. Cậu ta đành tự làm mình khuây khỏa bằng cách chế nhạo cậu nhóc Schimmelpenninck, đứa bé nhất cả đám và luôn nhu mì đi theo chúng nhưng chẳng bao giờ cảm thấy đó là nơi mình thuộc về. Nhưng rồi cậu ta lại nghĩ ra một ý tưởng khác và bắt đầu công kích.

“Nghe mình bảo này, mấy cậu, gạt hai đứa khố rách áo ôm đến từ căn lều của gã ngốc ra khỏi cuộc chơi đi. Hilda chắc bị điên rồi mới nghĩ ra cái trò đó. Katrinka Flack và Rychie Korbes cực kì tức tối vì phải thi đấu với con nhãi kia. Chẳng thể trách họ được. Còn thằng nhãi kia, là các quý ông thì chúng ta cần phải lên án kịch liệt ý tưởng...”

“Tất nhiên rồi!” Peter van Holp xen vào, cố tình hiểu nhầm ý của Carl. “Còn gì phải nghi ngờ nữa chứ? Chẳng quý ông nào lại đi từ chối cho hai bạn trẻ ấy thi đấu chỉ vì họ nghèo cả!”

Carl quay ngoắt sang đây châm biếm. “Đừng nhanh nhẩu đoảng thế, thưa cậu! Mình sẽ rất biết ơn nếu cậu không nhảy vào mồm người khác

như vậy. Đừng có mà làm thế nữa.”

“Ha, ha!” Voostenwalbert Schimmelpenninck bé nhỏ bật cười, vui vẻ với viễn cảnh về một cuộc ẩu đả mà nếu có xảy ra thì chắc chắn là Peter đáng mền của nó có thể đánh gục được đến mười hai thằng nhãi để bị kích động như Carl.

Ánh mắt của Peter có gì đó khiến Carl đành quay sang bắt nạt kẻ yếu hơn. Cậu ta lại chuyển hướng sang Voost với vẻ căm cău.

“Cậu đang kêu rít cái quái gì vậy đồ con chồn lẩn lút này? Đúng là cái đồ cá trích giờ xương, đồ khỉ con với cái tên dài như đuôi vậy!”

Phải đến nửa tá người qua đường dừng lại để hô hào tán thưởng cho lời nhận xét bạo dạn dí dỏm này, đi đâu đó khiến Carl cảm thấy như mình đã đánh bại được kẻ đối đầu và khiến tâm trạng cậu ta trở nên tốt hơn. Dù vậy, cậu ta đã biết đường mà thận trọng thu lại quyết tâm cản đường Hans và Gretel cho đến khi Peter không có mặt.

Vừa lúc ấy, bạn của cậu ta, Jacob Poot đi tới. Ban đầu, lũ trẻ không nhận ra cậu ta, nhưng bởi cậu ta có thân hình cao to nhất làng này nên chúng cũng không thể nhận nhầm cậu ta với ai khác.

“Xin chào! Bé Bự đã đến đây à!” Carl thốt lên. “Còn mang theo ai nữa kìa, một anh bạn lạ hoắc ồm nồm.”

“Ha! Ha! Nghe cứ như một miếng thịt ba chỉ ngon tuyệt.” Ludwig reo lên. “Một dải thịt nạc và một dải mỡ.”

“Đây là anh họ người Anh của Jacob.” Cậu Voost nói, vui vẻ vì có thể cung cấp thông tin. “Anh họ đến từ Anh quốc, và, ồ, anh ấy có cái tên buồn cười lắm... Ben Dobbs. Anh ấy sẽ ở với cậu ta đến tận sau cuộc thi đấu.”

Suốt từ lúc nãy, các cậu trai này đã xoay tròn, quay người, lẩn vòng và làm nhiều trò khác nữa trên đôi giày trượt của mình một cách khê khàng và trò chuyện với nhau. Nhưng giờ chúng đứng yên, gồng mình trong làn không khí lạnh giá khi Jacob Poot và người bạn mới bước tới gần.

“Đây là anh họ của mình.” Jacob hớn hển nói. “Benjamin Dobbs. Anh ấy là một John Bull, anh ấy cũng sẽ tham gia cuộc đua.”

Tất cả liền vây quanh người bạn mới. Benjamin chẳng mấy chốc mà cho rằng người Hà Lan, nếu không kể đến thứ ngôn ngữ kì lạ của họ, thì cũng là mấy người bạn tốt phết đấy chứ.

Thực ra, Jacob đã giới thiệu tên anh họ mình là Penchamin Dopps, gọi cậu ta là người Shon Pull, nhưng tôi cho rằng sửa đổi đôi chút tiếng Anh của lũ trẻ sẽ công bằng hơn. Cậu Dobbs lúc đầu còn thấy ngại ngùng trước những người bạn của em họ mình. Mặc dù phần lớn chúng đều được học tiếng Anh và tiếng Pháp, nhưng chúng vẫn rất ngại giao tiếp bằng hai thứ tiếng ấy, còn cậu thì mắc những lỗi rất buồn cười khi cố gắng nói tiếng Hà Lan. Cậu đã học được vài từ, như *vrouw* nghĩa là vợ, *ja* là ừ, *spoorweg* là đường sắt, *kanaal* là con kênh, *stoomboot* là tàu hơi nước, *ophaalbruggen* là cầu kéo, *buiten platen* là trang trại, *mynheer* là quý ông, *tweegevegt* là tay đôi, *koper* là cảnh sát, *zadel* là yên ngựa; nhưng làm sao mà nói thành câu chỉ bằng mấy từ này được, mà cũng không thể dùng cái danh sách cụm từ dài ngoằng mà cậu đã học trong cuốn *Những đoạn hội thoại tiếng Hà Lan* được. Các chủ đề trong cuốn sách thì cũng ổn thôi, nhưng các cậu trai ở đây lại chẳng ai nhắc đến chúng cả. Chẳng hạn như cái anh chàng tội nghiệp đã học ở Ollendorf câu hỏi “Bạn có thấy con bò đỏ của bà tôi không?” một cách hoàn hảo, để rồi khi đến Đức, anh chàng mới nhận ra mình chẳng có cơ hội mà hỏi dò con vật thú vị đó, Ben thấy cuốn sách dạy tiếng Hà Lan ấy chẳng giúp ích được gì nhiều như cậu tưởng. Cậu rất ghét Jan van Gorp, tác giả người Hà Lan đã viết một cuốn sách tiếng La tinh để chứng minh Adam và Eva có nói tiếng Hà Lan, cậu mỉm cười đầy ý tứ khi người chú Poot trấn an cậu rằng tiếng Hà Lan “cũng *rõ* tiếng Anh thôi nhưng nó *tuyệt* hơn, *tuyệt* hơn *nhều*”.

Dù sao thì niềm vui của trò trượt băng cũng lớn hơn rào cản ngôn ngữ. Nhờ đó mà Ben nhanh chóng cảm thấy thân quen với các cậu bé còn lại hơn, giờ khi Jacob (với một chút tiếng Anh pha tiếng Pháp) nói với cậu về dự án lớn mà mọi người đã lên kế hoạch, người anh họ cũng đã có thể thi thoảng gật đầu hoặc ậm ừ đồng tình được rồi.

Đây là một dự án lớn, và sắp tới sẽ là một cơ hội tuyệt vời để tiến hành nó, bởi bên cạnh kì nghỉ cho ngày lễ mừng Thánh Nicholas, lũ trẻ còn có thêm bốn ngày nghỉ nữa để nhà trường thực hiện tổng vệ sinh.

Jacob và Ben đã được cho phép trượt băng một chặng đường dài – không kém gì quãng đường từ Broek đến La Hay, thủ đô của Hà Lan, một chặng đường gần năm mươi dặm.

“Bây giờ nhé, các cậu.” Jacob nói sau khi đã thuật lại xong kế hoạch. “Ai sẽ đi cùng bọn mình nào?”

“Tó! Tó!” Bọn nhóc nhao nhao lên.

“Mình cũng sẵn sàng.” Voostenwalbert nhỏ bé cũng lên tiếng.

“Ha! Ha!” Jacob phì cười, ôm lấy đôi má béo phúng phính của cậu nhóc. “Cậu ấy à? Một cậu nhóc nhỏ xíu như cậu sao? Cậu còn chưa tháo miếng đệm kia kìa!”

Bấy giờ, ở Hà Lan, mọi đứa bé đều đeo một miếng đệm mỏng quanh đầu, lồng trong khung bằng xương cá voi và ruy băng, để bảo vệ chúng nếu chúng có vấp ngã. Khi lớn đến một độ tuổi nhất định, miếng đệm ấy sẽ được tháo ra. Voost đã chạm đến ngưỡng tuổi danh dự vài năm trước rồi, vậy nên lời của Jacob mang tính xúc phạm khá lớn đối với Voost.

“Cẩn thận với những gì anh nói đây!” Cậu nhóc rít lên. “Thật may khi anh được bỏ miếng đệm ra rồi, chính anh bây giờ là miếng đệm rồi còn gì!”

“Ha! Ha!” Tất cả các cậu bé đều cười ầm lên trừ Dobbs, người chẳng hiểu gì cả. “Ha! Ha!” Còn Jacob thì cười nhiều hơn tất cả.

“Nó nà đồng mõ của em... *phải* đấy... thằng nhóc nói người em nh ồi đây mõ!” Cậu giải thích với Ben.

Rồi một cuộc bầu chọn được đồng lòng mở ra để biểu quyết là sẽ cho phép Voost tham gia vào cuộc chơi, nếu gia đình cậu bé đồng ý.

“Ngủ ngon nhé!” Cậu bé nói đầy hạnh phúc và trượt về nhà nhanh nhất có thể.

“Ngủ ngon!”

“Jacob này, chúng ta có thể dừng chân tại Haarlem và cho anh họ của em thấy chiếc đàn ống vĩ đại.” Peter van Holp hào hứng nói. “Rồi ở Leyden nữa, ở đó có thể phóng tầm mắt hun hút không thấy điểm dừng luôn ấy. Rồi dừng chân một ngày một đêm tại La Hay, bà chị gái đã lập gia đình của anh ở đó sẽ rất vui mừng chào đón chúng ta, rồi sáng hôm sau chúng ta hãy về nhà.”

“Được thôi.” Jacob trả lời, cậu vốn không phải kiểu người dài dòng.

Ludwig vẫn luôn nhìn lên anh mình với vẻ ngưỡng mộ nhiệt thành.

“Hoan hô anh, Pete! Phải mất bao công sức anh mới lên được kế hoạch này! Mẹ sẽ mừng đến thế nào khi chúng ta báo với mẹ rằng chúng ta có thể trực tiếp gửi lời yêu thương của mẹ tới chị van Gend cơ chứ. Nhưng Chúa

oi, trời lạnh quá.” Cậu nói thêm. “Đủ lạnh để đóng băng đầu luôn ấy. Chúng ta nên về nhà thôi.”

“Lạnh thì có sao, anh bạn già da-nhạy-cảm?” Carl kêu lên, cậu ta vẫn đang bận rộn luyện tập kiểu trượt mà cậu ta gọi là “rìa đôi”. “Chúng ta hẳn sẽ có một mùa trượt băng tuyệt vời nếu thời tiết ấm áp được như tháng Mười hai năm ngoái. Thế cậu không biết là nếu không phải vì năm nay mùa đông đến sớm và kéo dài, thì chúng ta đã không có cơ hội được trượt băng rồi sao?”

“Mình chỉ biết đêm nay lạnh hơn mọi khi, vậy thôi.” Ludwig nói. “Thôi! Mình về nhà đây!”

Peter van Holp lôi ra một chiếc đồng hồ bằng vàng nắp lồi, giờ nó lên dưới ánh trăng trong giới hạn những ngón tay đông cứng của cậu cho phép, rồi kêu lên. “Ôi trời! Đã gần tám giờ rồi! Thánh Nicholas sắp tới đây. Ngủ ngon nhé!”

“Chúc ngủ ngon!” Mọi người đồng loạt nói, rồi vừa ra về vừa hét, vừa hát lại vừa cười.

Còn Gretel và Hans đang ở đâu?

Ôi, niềm vui bất ngờ cũng phải đến lúc kết thúc!

Hai đứa trẻ trượt băng được khoảng một giờ, cách xa những người khác, chúng hài lòng dù chỉ có nhau, và Gretel reo lên: “Ôi, anh Hans, thật đẹp để làm sao! Thật tuyệt vời làm sao! Khi chúng ta đều có lưỡi trượt mới! Em bảo mà, chính con cò đã mang điềm lạnh đến với chúng ta!” Thế rồi hai đứa trẻ nghe thấy tiếng hét.

Đó là một tiếng hét – một tiếng hét rất khế. Không ai khác trên con kênh nghe thấy, nhưng Hans thì hiểu rõ đó là tiếng gì. Gretel thấy mặt anh trai mình bỗng chốc trắng bệch dưới ánh trăng khi cậu bận rộn tháo bỏ đôi lưỡi trượt.

“Là cha!” Cậu thốt lên. “Cha lại dọa sợ mẹ rồi!” Và Gretel vội chạy theo anh trai mình về nhà nhanh nhất có thể.

IX

Lễ hội mừng Thánh Nicholas

Tất cả chúng ta đều biết, trước khi cây thông Noel trở thành tâm điểm của mọi gia đình ở đất nước chúng ta, một vị “yêu tinh già lương thiện vui vẻ” cùng “tám chú tuần lộc tí hon” sẽ lái chiếc xe trượt tuyết đầy quà và hạ cánh lên mái nhà, đi xuống qua đường ống khói để lấp đầy những chiếc tất được treo đầy mong đợi trên kệ lò sưởi. Bạn bè gọi ông là Ông già Noel, những người thân quen nhất mới dám gọi là “Ông Nick”. Tương truyền rằng ông đến từ Hà Lan. Điệu này thì chắc rồi, nhưng nếu vậy thì hẳn ông ấy, cũng như nhiều người ngoại quốc khác, đã phải thay đổi phong cách khá nhiều khi đặt chân đến nước chúng ta. Ở Hà Lan, Thánh Nicholas là một vị thánh thực thụ, thường xuất hiện trong bộ trang phục đầy đủ với chiếc áo choàng thêu, đính đá quý và vàng lấp lánh, đội mũ, cầm cây gậy phép trong đôi găng tay đính đá. Ở đây, Ông già Noel đến chung vui vào ngày Hai mươi lăm của tháng Mười hai, sáng sớm lễ Giáng sinh thiêng liêng. Nhưng ở Hà Lan, Thánh Nicholas lại ghé thăm vào ngày mừng Năm, một ngày đặc biệt thuận lợi cho ngài. Sáng sớm ngày mừng Sáu, ngài sẽ phân phát kẹo, đồ chơi và cả tiền nữa, rồi ngài sẽ lại biến mất trong suốt một năm.

Lễ Giáng sinh là dịp để người dân Hà Lan thực hiện nghi lễ nhà thờ và thăm hỏi họ hàng. Vào ngày lễ của Thánh Nicholas, những con người trẻ tuổi gần như trở nên phấn khích với niềm vui và sự háo hức. Tuy nhiên, với một vài đứa trẻ thì đó lại là một dịp hối lỗi, bởi ngài là người rất thẳng thắn, nếu chúng đã cư xử tồi tệ suốt một năm vừa qua, ngài chắc chắn sẽ trách phạt chúng. Đôi lúc, ngài kẹp một cây roi dưới cánh tay và yêu cầu cha mẹ lũ trẻ trách mắng chúng thay vì dỗ ngọt, và dạy dỗ bằng roi vọt hơn là bằng đồ chơi.

Thật tốt là các cậu bé đã vội chạy về nhà trong buổi chiều mùa đông còn sáng trời ngày hôm ấy, bởi chỉ chưa đến một giờ sau đó, vị thánh đã xuất hiện ở một nửa số căn hộ của Hà Lan. Ngài ghé thăm cung điện của

nhà vua và xuất hiện tại căn nhà để chịu của Annie Bouman cùng một lúc. Có lẽ chỉ với một đồng bạc nửa đô, chúng ta đã có thể mua lại tất cả những gì ngài tặng cho cô bé nông dân Bouman; nhưng nửa đô đối với người nghèo có khi lại có giá trị hơn hàng trăm đô đối với người giàu ấy chứ. Chỉ từng đó cũng đủ làm họ hạnh phúc và biết ơn, khiến họ cảm thấy bình yên và được yêu thương.

Em trai, em gái của Hilda van Gleck vô cùng phấn khích vào đêm đó. Chúng được cho phép ra ngoài phòng khách lớn, được mặc những bộ đồ đẹp nhất của mình và mỗi đứa được cho hai chiếc bánh ngọt để ăn đêm. Hilda đã rất phấn khởi. Tại sao lại không cơ chứ? Thánh Nicholas sẽ chẳng bao giờ gạch bỏ một cô bé mười bốn tuổi ra khỏi danh sách chỉ vì cô bé ấy trông cao lớn và trưởng thành như một quý cô đâu. Trái lại, ngài có lẽ sẽ lấy làm vinh dự được tặng quà một quý cô thanh lịch thế này ấy chứ. Ai mà biết được? Thế nên cô vẫn thoải mái vui chơi, cười đùa và nhảy nhót không thua gì các em, hơn nữa còn là linh hồn của mọi trò chơi. Cha mẹ và bà của bọn trẻ ngẩng nhìn với vẻ hài lòng; ông lũ trẻ cũng vậy, trước khi ông trùm chiếc khăn tay to màu đỏ lên trên mặt, chỉ để lại chòm râu lộ ra. Hành động trùm khăn này báo hiệu ông đã ngủ.

Sớm hơn vào tối hôm đó, mọi người đã đều tham gia vào cuộc vui. Hài hước làm sao khi có vẻ như điểm khác biệt duy nhất giữa người ông và đứa bé là số tuổi. Rõ ràng, nét mong chờ chân thành phảng phất đây đó trên gương mặt của lũ trẻ khiến chúng trông còn trăn ngăm hơn cả người lớn.

Đến giờ thì niềm vui mới dâng tràn đến đỉnh điểm. Ngọn lửa nhón chân nhảy nhót trong chiếc lò sưởi bóng loáng. Đôi nến nghiêm trang đứng nhìn chăm chăm cây đèn treo không sắp bóng, nó bắt đầu bập bùng với hình ảnh phản chiếu trong chiếc gương phía xa. Một sợi dây chuông dài trong góc nhà thông xuống từ góc trần, được kết lại bởi chuỗi hạt thủy tinh đan thành lưới quanh cuộn dây to gần bằng cổ tay. Nó từng chỉ im lặng lừng lờ trong bóng tối, nhưng đêm nay nó lấp lánh từ đầu chí cuối. Tay cầm bằng thủy tinh đỏ của nó hắt lên những vệt đỏ tía bạo trên giấy dán tường, chuyển những sọc xanh dương thanh nhã của nó thành sắc tím. Người qua đường đều dừng lại để lắng nghe những tiếng cười giòn giã bay qua lớp rèm cửa và khung cửa sổ rồi trượt ra phố, nhảy chân sáo trên đường với một cái giật mình khi nhận ra cả căn làng này đã thức dậy từ bao

giờ. Không khí trở nên náo nhiệt đến nỗi làm ông cụ giật mình tỉnh giấc, chiếc khăn tay đỏ trượt khỏi mặt ông. Làm sao một quý ông già cả lịch sự có thể ngủ được giữa những huyền náo đến thế chứ! Ngài van Gleck kinh ngạc nhìn lũ trẻ. Kể cả em bé cũng đang cho thấy dấu hiệu kích động. Cần phải can thiệp rồi. Vợ ngài gợi ý nếu lũ trẻ muốn gặp Thánh Nicholas tốt bụng, chúng nên hát lại lời mời thăm thiết mà năm trước đã mang ngài đến với gia đình họ.

Em bé chỉ biết nhìn chăm chăm và đút nắm tay vào miệng khi người cha đặt nó xuống sàn. Nhanh chóng, nó ngẩng thẳng dậy và nhìn mọi người với vẻ phụng phịu đáng yêu. Với chiếc vòng tay, đồ chơi và vương miện làm từ ruy băng xanh và xương cá voi (vì nó còn chưa qua tuổi biết lẫy), trông nó như ông hoàng của những đứa trẻ vậy.

Những đứa trẻ khác, mỗi đứa bưng một chiếc giỏ xinh xắn kết bằng sợi liễu, nhanh chóng đứng thành vòng tròn và từ từ đi vòng quanh em bé, ngược mắt lên hướng tới vị thánh chưa có mặt mà chúng sắp đón tiếp.

Bà mẹ bắt đầu chơi đàn dương cầm. Những giọng hát nhanh chóng cất lên – những giọng ca thật nhẹ nhàng, trẻ trung – mang bao nhiêu ngọt ngào chất chứa trong giọng ca run rẩy:

“Chào mừng, bạn của cháu! Thánh Nicholas, chào mừng ngài!

Xin đừng mang roi vọt đến với chúng cháu vào tối nay!

Khi mà chúng cháu cất lời chào đón ngài

Với trái tim hân hoan ngập tràn ánh sáng!

Hãy cho chúng cháu biết mình đã làm gì sai

Chúng cháu sẽ lắng nghe lời khiển trách của ngài

Rồi chúng cháu sẽ hát, sẽ hát

Khi ngài nói cho chúng cháu biết mọi điều!

Chào mừng, bạn của cháu! Thánh Nicholas, chào mừng ngài!

Chào mừng ngài đến với dàn đồng ca vui vẻ này!

Những đứa trẻ hạnh phúc nơi đây chào đón ngài!

Ngài mang đến niềm vui cho toàn bộ miền đất này!

Lấp đầy mọi bàn tay và chiếc giỏ trống rỗng

Là những đứa trẻ của ngài đòi hỏi,

Thế nên chúng cháu hát, và cứ hát

Rồi ngài sẽ mang đến cho chúng cháu mọi điều!”

Giữa phần điệp khúc, những cái nhìn khác nhau, nửa háo hức, nửa sợ sệt, đều hướng về phía cánh cửa bóng loáng đang đóng im lìm. Rồi một tiếng gõ cửa lớn vang lên. Vòng tròn ngay lập tức bị phá vỡ. Một vài đứa nhỏ, với cảm xúc pha trộn giữa sợ hãi và vui sướng, bám chặt vào đầu gối của mẹ chúng. Người ông nhào thân người về phía trước và đặt cảm vào lòng bàn tay; người bà chỉnh lại gọng kính; ngài van Gleck thì ngồi bên lò sưởi, chậm rãi đặt tàu thuốc bằng đất sét trắng xuống trong khi Hilda và các em ngồi lại thật ngoan bên cạnh ông, sẵn sàng chào đón vị khách.

Tiếng gõ cửa vang lên lần nữa.

“Mời vào.” Bà chủ nhà nói.

Cánh cửa chậm rãi mở ra, Thánh Nicholas – trong bộ trang phục chỉnh tề – giờ đã đứng trước mặt họ.

Bầu không khí im lặng đến nỗi có thể nghe thấy tiếng kim rơi.

Rồi ngài bắt đầu cất tiếng. Giọng ngài mới thật quyên uy và huyền bí làm sao! Giọng ngài mới thật ấm áp và tử tế làm sao!

“Karel van Gleck, ta mừng khi được gặp anh, cùng người vợ đáng trọng của anh – Kathrine, cùng người con trai và vợ của cậu ấy – Annie!

Các cháu, xin chào! Hendrick, Hilda, Broom, Katy, Huygens và Lucretia! Cùng anh em họ của các cháu là Wolfert, Diedrich, Mayken, Voost và Katrina! Nhìn chung các cháu vẫn là những đứa trẻ tốt từ lần cuối ta ghé thăm. Diedrich đã cư xử thô lỗ tại hội chợ Haarlem mùa thu vừa rồi, nhưng dù sao cháu cũng đã cố gắng sửa chữa từ lần ấy. Mayken gần đây chênh mảng việc học hành, ăn quá nhiều đồ ngọt và quà vặt trong khi không đóng góp gì mấy cho quỹ từ thiện. Ta mong Diedrich sẽ trở thành một chàng trai mạnh mẽ, lịch sự trong tương lai, còn Mayken thì cố gắng cải thiện thành tích học tập đi nhé. Cháu nên nhớ rằng chi tiêu hợp lý và tiết kiệm là yếu tố không thể thiếu để xây dựng một cuộc sống ấm no đủ đây. Katy bé nhỏ đã đối xử tệ bạc với con mèo không dưới một lần. Thánh Nicholas có thể nghe tiếng con mèo kêu cứu khi cháu kéo đuôi nó đấy. Ta sẽ tha thứ cho cháu nếu cháu ghi nhớ kể từ giờ phút này rằng dù là con vật

nhỏ bé ngu ngốc nhất cũng có cảm giác và bằng mọi giá không được hành hạ chúng.”

Khi Katy bật khóc sợ hãi, vị thánh lịch sự chờ đợi cô bé bình tĩnh lại rồi mới nói tiếp.

“Cậu Broom.” Ngài nói. “Ta phải cảnh báo rằng những cậu bé hay rải thuốc lá bột lên trên lò sưởi chân sẽ sớm bị phát hiện và chịu phạt đòn đấy...”

Cậu Broom đỏ mặt và chỉ biết tròn mắt kinh ngạc.

“Nhưng vì cháu là một học sinh xuất sắc, ta sẽ không trách mắng gì thêm.

Hendrick đã chứng tỏ được bản thân trong cuộc thi bắn cung mùa xuân vừa rồi, cháu đã bắn trúng đích dù con chim đã lượn một vòng để đánh lạc hướng cháu. Ta công nhận sự xuất sắc trong thể thao và luyện tập của cháu, nhưng ta không thật sự ủng hộ việc đua thuyền, bởi nó khiến cháu chênh mảng trong việc học tập.

Lucretia và Hilda sẽ có một buổi đêm ngon giấc hôm nay. Lòng tốt với những người nghèo, tâm hồn luôn cống hiến hết mình cùng thái độ vui vẻ nhiệt thành đối với những người trong gia đình sẽ mang hạnh phúc đến cho các cháu.

Ta đã bày tỏ suy nghĩ về từng đứa trẻ một. Lòng tốt, nhận thức, tính khoan dung và tiết kiệm đều đã xuất hiện trong quá trình các cháu trưởng thành. Vì thế, lời chúc của ta gửi đến các cháu là: Hy vọng sang năm mới, các cháu sẽ tìm được những con đường đi thuận lợi, sự khôn ngoan và tình yêu. Ngày mai các cháu sẽ chứng kiến những bằng chứng quan trọng hơn mà ta để lại. Tạm biệt!”

Vừa nói dứt lời, một cơn mưa kẹo bị rơi xuống và vương đầy tấm thảm lan trải từ trong nhà ra tận ngoài cửa. Một trận tranh giành nổ ra. Những đứa trẻ gào như ngã lên nhau trong niềm háo hức hứng đầy chiếc giỏ của mình. Bà chủ cẩn thận đặt em bé vào giữa, cho đến khi hai tay đứa bé đầy kẹo. Rồi, đứa trẻ can đảm nhất nhồm dậm và bật tung những cánh cửa đang đóng chặt. Chúng cố gắng ngó vào căn hộ bí mật ấy. Nhưng Thánh Nicholas đã biến mất không dấu vết.

Chẳng mấy chốc lũ trẻ lại ùa vào một căn phòng khác, trong đó có bày một chiếc bàn, được phủ bởi một tấm vải lụa đa màu đẹp nhất và trắng

nhất. Mỗi đứa trẻ đều phấn khích đặt lên trên đó một chiếc giày. Cánh cửa sau đó liền được khóa lại cẩn thận, chìa khóa giấu trong phòng của mẹ. Rồi đến những nụ hôn chúc ngủ ngon, cả đại gia đình đi lên tầng trên, những tiếng chúc ngủ ngon rộn ràng vang lên nơi cửa phòng ngủ, rồi cuối cùng sự im lặng cũng bao trùm lên cả căn biệt thự nhà van Gleck.

Sáng sớm hôm sau, cánh cửa được thận trọng mở khóa và hé ra trước mắt tất cả mọi người trong căn nhà, mong chờ một dấu hiệu cho thấy Thánh Nicholas đã giữ lời hứa.

Mọi chiếc giày đều đầy ắp kẹo, bên cạnh mỗi chiếc còn có thêm một chõng bánh kẹo đầy màu sắc. Chiếc bàn chất đầy quà, kẹo, đồ chơi, đá quý, sách và các loại đồ vật khác. Ai cũng có quà cả, từ người ông cho đến em bé.

Katy nhỏ bé vỗ tay đầy hân hoan và thề hứa rằng cô bé sẽ không bao giờ trêu chọc con mèo kia nữa.

Hendrick lượn khắp phòng, giơ bộ cung tên hoành tráng cùng mũi tên lên trên đầu mình. Hilda bật cười hạnh phúc khi cô mở hộp quà màu đỏ thẫm và lấy ra một món đồ lấp lánh. Mọi người đều đang phấn khởi tràn trề với những món quà của mình, y như mọi người dân Mỹ làm trong ngày Giáng sinh.

Cần trên tay chiếc vòng cổ lấp lánh và một chõng sách, Hilda tiến về phía cha mẹ và nâng khuôn mặt tươi rói của mình lên chờ đợi một nụ hôn. Đôi mắt cô dịu dàng và nồng nhiệt đến nỗi khiến mẹ cô thì thầm một lời thành kính khi bà cúi xuống bên cô.

“Con rất vui vì cuốn sách này. Cảm ơn cha.” Cô bé nói và chạm cằm vào cuốn sách trên cùng. “Con có thể đọc nó cả ngày.”

“Được mà, con yêu.” Ông đáp. “Cũng không có việc gì tốt hơn thế. Chẳng ai được như Cha Cats đâu. Nếu con gái cha đã thuộc lòng cuốn *Biểu tượng đạo đức*, thì mẹ và cha còn biết góp ý gì nữa đây. Thứ con đang cần trên tay nằm trong bộ *Biểu tượng* – tác phẩm tuyệt vời nhất của ông ấy. Con sẽ thấy rất nhiều bản vẽ hiếm thấy của van de Venne trong cuốn sách đó.”

Xem xét bìa sau của cuốn sách, người cha nhận ra nét giống nhau đáng ngạc nhiên của cuốn sách đó với một cuốn còn chưa đọc, một món quà được gửi bởi Thánh Nicholas. Cũng thật lạ, vị thánh hân đã trông thấy mấy

thứ mà lũ trẻ lớn hơn để lại và đặt chúng lên trên bàn, và gắn tên của ông bà và cha mẹ bọn trẻ lên đó. Nhưng giờ đây, mọi người đang quá phấn khởi nên cũng không mấy ai chú tâm vào vấn đề còn con như thế. Hilda có thể thấy vẻ say mê trên mặt cha mình mỗi khi ông nhắc đến Jakob Cats, thế nên cô bé vội đặt chồng sách xuống sàn và chăm chú lắng nghe.

“Con ạ, Cha Cats già là một nhà thơ tuyệt vời, không giống như nhà viết kịch người Anh Shakespeare cùng thời với ông ấy. Ta đã đọc các tác phẩm của Shakespeare bằng tiếng Đức và phải công nhận chúng rất hay – rất, rất hay – nhưng không như của Cha Cats. Cats chẳng bao giờ thấy xích mích xung quanh mình, ông ấy không viết về những người phụ nữ da trắng yêu đương với người Moor da màu; ông ấy không viết về những tên gốc trẻ tuổi nguyện so găng vì một quý cô, cũng không viết về những chàng hoàng tử điên cuồng nhận nhầm các quý ông già cả đáng kính là những kẻ xấu xa. Không, không. Thứ duy nhất ông ấy viết nên là trí tuệ. Nó là sự khôn ngoan được gói ghém thành từng bó nhỏ, từng bó một sử dụng cho mỗi ngày. Con có thể đi đầu hành cả một đất nước chỉ với một bài thơ của Cats, hay dùng nó để ru em bé ngủ say. Ông ấy là một trong những người vĩ đại nhất đất Hà Lan này. Khi cha đưa con tới La Hay, cha sẽ chỉ con nhà thờ Kloosterkerk nơi ông ấy yên nghỉ. Đó là một người đàn ông đáng để các con học hỏi, các con trai của ta ạ! Ông ấy hoàn hảo từ đầu đến chân. Ông ấy đã nói gì nhỉ?

Ồn Chúa, hãy ban cho tôi

Vinh hạnh được sống kiên nhẫn, được chết an lòng!

Kiên nhẫn có phải là khoan tay đứng nhìn không? Không, ông ấy là một luật sư, một chính khách, một đại sứ, một nhà hiền triết, một sử gia và một nhà thơ. Ông ấy từng giữ chức vụ Đại Pháp quan ở nước Hà Lan này. Ông ấy là... Chà! Các con ồn ào quá, ta không nói được nữa.” Ông chủ nhà nhìn chiếc tàu thuốc rồng trơn của mình với vẻ kinh ngạc, rồi gạt đầu với vợ và nhanh chóng bước ra ngoài đường.

Sự thật là ông đã phải cạnh tranh với một dàn hòa âm của chó sủa, mèo rít, cừu kêu, thêm cả tiếng ồn ào của chiếc lờng dế bằng ngà mà em bé đang lắc lấy lắc để đầu vui thích. Cuối cùng, cậu Huygens nhỏ bé, nhân lúc ông chủ càng lúc càng nói to, liến thoải phù một phát vào chiếc kèn trumpet mới toanh, trong khi Wolfert hấp tấp thổi ngay chiếc trống mới. Những hành động này càng làm cho bầu không khí trở nên ồn ã, nhưng đi đầu này

cũng tốt cho mấy sinh vật nhỏ bé. Vị thánh không cho chúng cái vé nào để nghe Jakob Cats giảng đạo cả. Đây không phải là một phần có sẵn trong kế hoạch của ngày lễ. Vì thế nên khi lũ trẻ thấy người mẹ trông không có vẻ gì là hoảng sợ hay phật lòng, chúng lại càng táo bạo hơn. Tiếng ồn càng lúc càng lớn, niềm vui và sự phấn khởi được đẩy lên đến đỉnh điểm.

Hỡi Thánh Nicholas tốt bụng! Vì những cậu bé cô bé Hà Lan đây, tôi, một lần này, nguyện ý thừa nhận ngài và khẳng định sự hiện diện của ngài trước mọi sự ngờ vực.

Carl Schummel khá là bận rộn trong ngày hôm đó để bí mật khẳng định với những đứa em nhỏ hơn, rằng không phải Thánh Nicholas mà chính là cha mẹ chúng mới là chủ nhân thực sự của những lời khuyên răn và những món quà đầy ắp trên bàn. Nhưng CHÚNG TA biết rõ hơn thế mà.

Nhưng nếu đây thực sự là một vị thánh, vì sao ngài không hề ghé qua căn lầu nhà Brinker đêm hôm đó? Tại sao ngôi nhà tăm tối và u bu ồm ấy lại bị bỏ qua?

X

Điều các cậu bé đã thấy và làm ở Amsterdam

“**M**ọi người đến đây cả chưa?” Peter vui vẻ hỏi to khi cả nhóm tập hợp lại trên con kênh vào sáng sớm hôm sau, đã chuẩn bị sẵn sàng cho chuyến trượt băng. “Để xem nào. Vì Jacob đề cử mình làm đội trưởng, nên bây giờ mình sẽ điễm danh nhé. Carl Schummel, có không?”

“Có!”

“Jacob Poot!”

“Có!”

“Benjamin Dobbs!”

“Có!”

“Lambert van Mounen!”

“Có!”

“May quá! Chúng ta sẽ không thể bắt đầu mà thiếu cậu được, vì cậu là người duy nhất có thể nói tiếng Anh ở đây. Ludwig van Holp!”

“Có!”

“Voostenwalbert Schimmelpenninck!”

Không có tiếng trả lời.

“Á à, thằng oắt con bị giữ lại ở nhà rồi! Giờ thì, các cậu này, mới có tám giờ sáng – mà tiết trời mới đẹp làm sao, con kênh lại còn cứng như đá tảng nữa. Chúng ta sẽ tới được Amsterdam chỉ trong vòng ba mươi phút thôi. Một, hai, ba, **BẮT ĐẦU!**”

Đúng thế, chỉ trong chưa đến nửa giờ đồng hồ, bọn trẻ đã trượt qua một bờ đê kiên cố vào trung tâm của nơi tập nập nhất Hà Lan – một thành phố được bao quanh bởi chín mươi lăm hòn đảo cùng gần hai mươi cây cầu. Mặc dù đây đã là lần thứ hai Ben tới đây, cậu vẫn thấy vô cùng kinh ngạc; tuy nhiên, những người bạn Hà Lan của cậu, vốn đã sống ở khu vực gần đó, đều cho rằng ở đây cũng bình thường thôi. Mọi thứ đều khiến Ben

thích thú: những ngôi nhà cao cao với những chiếc ống khói và cuối h ời hướng ra mặt phố, những phòng chứa đồ gốm của các thương gia nằm ở tít trên cao chỉ ngay bên dưới mái nhà, với những chiếc cầu dài như cánh tay nâng lên hạ xuống thùng hàng qua cửa sổ; những tòa nhà cao lớn chọc thẳng lên trời trên những trụ gỗ bị lún xuống vùng đất trũng; những con phố hẹp; những con kênh đan xen ngang dọc thành phố; những cây cầu, cửa sông; những bộ trang phục đa dạng; và kì cục nhất là những cửa hàng và ngôi nhà nghiêng mình về phía cổng nhà thờ, chĩa những ống khói dài và không cân đối của mình lên phía trên dọc theo bức tường của tòa nhà tôn kính.

Khi ngược lên, cậu thấy những căn nhà cao vút san sát như sẵn sàng đâm thủng bầu trời bằng mái nhà sáng loáng. Khi ngó xuống, cậu thấy những con phố kì lạ, không có vạch kẻ đường hoặc lề đường – chẳng có gì để phân cách vỉa hè đá cuội với đường đi lát gạch – và nếu dừng mắt ở giữa phố, cậu lại thấy những chiếc gương nhỏ cầu kì được đính trên hầu hết mọi cửa sổ, đặt ở vị trí để làm sao người trong nhà có thể quan sát được mọi thứ đang diễn ra dưới phố hoặc ai đó đang gõ cửa nhà mình mà không phải ra mặt.

Thỉnh thoảng, một chiếc xe chó kéo chở đầy đồ gỗ đi ngang qua, rồi một con lừa cõng hai chiếc sọt đựng đầy đồ sứ hoặc thủy tinh, rồi một chiếc xe trượt kéo lê trên những hòn đá cuội (người kéo xe phải liên tục làm trơn bằng một miếng giẻ tẩm dầu để chiếc xe chạy được), và rồi, có thể sẽ có một chiếc xe ngựa gia đình hào nhoáng mà cũng kì kì, được kéo bởi giống ngựa Flanders có bộ lông nâu nhất, phe phẩy chiếc đuôi trắng như tuyết của nó.

Cả thành phố tràn ngập hương vị ngày lễ. Mọi cửa hàng đều trang hoàng lộng lẫy để chào mừng ngày của Thánh Nicholas. Đã hơn một lần đội trưởng Peter buộc phải kéo các thành viên ra khỏi chỗ cửa kính mê hoặc của các cửa hàng, nơi mà gần như mọi thứ đều được tái hiện qua cách sắp đặt của những món đồ chơi. Hà Lan nổi tiếng với ngành sản xuất này. Mọi thứ đều được tái hiện với mô hình tí hon cho trẻ nhỏ; những món đồ chơi phức tạp mà một đứa trẻ Hà Lan nghịch ngợm đây vô tư lại là mối quan tâm hàng đầu ở văn phòng chính phủ. Ben sáng khoái bật cười khi nhìn những mô hình thuyền đánh cá. Chúng trông thật nặng nề và ngắn tũn, cũng như thứ đồ mỹ nghệ kì cục mà cậu đã thấy ở Rotterdam. Nhưng cái

thuyền nhỏ xíu, chỉ dài có vài chục centimet mà trông như thật ấy làm tim cậu đau nhói. Cậu đã luôn mong mỗi mùa được một cái như thế cho đưa em trai đang ở Anh. Nhưng cậu lại chẳng có tiền, bởi với đức tính cẩn trọng vốn có của người Hà Lan, cả nhóm đã quyết định mỗi người mang theo số tiền vừa đủ rồi đưa ví cho Peter giữ. Chính vì thế mà Ben đành để dành hết năng lượng vào việc ngắm cảnh và cố gắng nghĩ về Robby nhỏ bé ít nhất có thể.

Cậu ghé nhanh qua trường Hải quân và cảm thấy ghen tị với các học sinh ở đây về những con thuyền hai buồm được trang bị đầy đủ, chiếc giường ngủ treo giữa những rương hòm và tủ đựng đồ cậu ngó nghiêng khu phố của người Do Thái, nơi mà những người cất kim cương giàu có sống cùng những kẻ áo quần rách rưới, và cậu đủ khôn ngoan để tránh xa khỏi nơi đó; cậu cũng tận hưởng chuyến thăm quan nhanh tới bốn đại lộ chính của Amsterdam là Prinsengracht, Keizersgracht, Herengracht và Singel. Chúng cong cong hình bán nguyệt, ba đại lộ đầu dài hơn đại lộ còn lại gần hai dặm. Một con kênh chạy qua trung tâm mỗi đại lộ, với con đường được lát khêu léo ở hai bên, bao quanh bởi các tòa nhà yên tĩnh. Những hàng cây du trụi bao bọc lấy con kênh, tạo nên một mạng lưới bóng râm trên mặt nước đóng băng, mọi thứ đều rõ ràng và tươi sáng đến nỗi Ben tâm sự với Lambert rằng nó trông tinh xảo đến đáng sợ đối với cậu.

May mắn thay, thời tiết đủ lạnh để người ta ủa ra dọn dẹp đường sá và lau rửa cửa sổ, nếu không những vị khách trẻ tuổi của chúng ta hẳn đã bị ướt sũng hơn một lần. Quét dọn, lau chùi và kì cọ là những niềm đam mê của các bà nội trợ Hà Lan, đối với họ, một vết bẩn trong nhà mình thôi cũng là cả một tội lỗi. Mọi người đều thấy mất thiện cảm với những ai không phải giày thật sạch trước khi bước vào nhà; ở một vài nơi, khách đến thăm còn phải bỏ giày ra trước khi bước qua cửa.

Ngài William Temple, trong cuốn hồi kí *Những gì đã qua tại Christendom từ năm 1672 đến năm 1679* đã kể câu chuyện về một vị quan khách khoa trương đến thăm một quý cô ở Amsterdam. Có một cô gái Hà Lan to khỏe ra mở cửa, báo ông rằng quý cô hiện đang có nhà, còn giày của ông thì không được sạch cho lắm. Chẳng nói thêm lời nào, cô đưa hai tay nâng bổng quý ông đang sừng sốt hết đổi kia lên lưng, vác ông ta băng qua hai căn phòng, đặt ông ta xuống thềm cầu thang, rồi lấy một đôi dép đi vào

cho ông ta. Chỉ sau đó, cô mới nói tiếp rằng quý cô đang ở lầu trên và ông có thể lên được rồi.

Trong khi đang trượt băng cùng các bạn trên những con kênh đông đúc người qua lại ở thành phố, Ben thấy thật khó có thể tin rằng những người Hà Lan trông có vẻ như ngái ngủ xung quanh mình, với cái miệng ngậm tẩu thuốc thật nhàn nhã và cái mũ như thể sẽ bị bay đi bất cứ lúc nào nếu họ không giữ chúng lại, có thể vượt qua những cuộc bạo động trong lịch sử nước họ, rằng họ thật sự là công dân của một đất nước với những vị anh hùng dũng cảm, can trường mà cậu đọc được trong sử thi Hà Lan.

Khi cả nhóm nhẹ nhàng lướt đi, cậu kể cho van Mounen về cuộc nổi dậy năm 1696 trong chính thành phố này, khi mà không chỉ đàn ông mà cả phụ nữ và trẻ nhỏ đều ra đường và làm giả một buổi tang lễ dọc các thị trấn, để cho những ngài thị trưởng thấy rằng đi đầu luật mới về việc chôn cất người chết đang bị phản đối kịch liệt – rốt cuộc thì đám đông trở nên mất kiểm soát và đe dọa gây thiệt hại lớn cho thành phố đến mức các thị trưởng tự thấy mừng vì đã thu hồi lại đi đầu luật kia.

“Góc kia kìa.” Jacob nói và chỉ vào một tòa nhà lớn. “Nơi đó khoảng mười lăm năm trước, những nhà máy ngô hoành tráng đã sụp xuống dưới lớp bùn. Chúng từng rất vững chắc và được xây dựng trên những cây trụ gỗ tốt, nhưng người ta chứa đến hơn ba triệu kilôgam ngô trong đó, và số lượng đó là quá lớn.”

Để kể ra cả câu chuyện thì có khi đến hết ngày, nên Jacob chỉ dừng tại đó.

“Làm sao cậu biết được từng có hơn ba triệu kilôgam ngô trong nơi đó vậy?” Carl đành hạnh. “Lúc ấy cậu còn đang quấn tã cơ mà.”

“Nhưng cha mình biết hết.” Jacob trả lời đầy hàm ý. Cố gắng giữ tỉnh táo khỏi cơn buồn ngủ, cậu nói tiếp: “Ben thích xem ảnh lắm. Cho anh ấy xem thêm đi.”

“Được thôi.” Đội trưởng đáp.

“Nếu còn thời gian, Benjamin ạ.” Lambert van Mounen nói bằng tiếng Anh. “Mình sẽ đưa cậu tới Hội trường Thành phố, còn có tên là Stadhuis. Có hàng đồng cột trụ cho cậu tha hồ xem! Nó được xây trên gần mười bốn nghìn cái trụ, cắm sâu hơn hai mươi một mét xuống lòng đất. Nhưng thứ

mình muốn chỉ cho cậu thấy ở đó là bức tranh to vẽ cảnh van Speyk làm nổ tung chiếc tàu của ông ấy – đúng là một bức tranh tuyệt vời.”

“Van gì cơ?” Ben hỏi.

“Van Speyk. Cậu không nhớ hả? Ông ấy sắp đạt được thỏa thuận với quân Bỉ thì nhận ra họ đã lợi dụng mình và sẽ cướp mất tàu của mình, thế nên ông ấy cho nổ tung con tàu và cả ông ấy nữa, thà làm thế còn hơn là đầu hàng.”

“Đó không phải van Tromp sao?”

“Ồ không. Van Tromp là một vị tướng quả cảm khác. Họ dựng hẳn một đài tưởng niệm ông ấy ở dưới Delfshaven – nơi mà người Pilgrim chiếm tàu cho nước Mỹ ấy.”

“Chà, thế còn van Tromp thì sao? Ông ấy cũng là một tướng vĩ đại của Hà Lan, đúng không?”

“Đúng thế, ông ấy tham gia đến hơn ba mươi trận thủy chiến. Ông ấy đánh bại đội tàu chiến của Tây Ban Nha và Anh quốc, rồi buộc một cái chổi lên cột cờ để chứng minh ông ấy đã quét hết quân Anh ra khỏi vùng biển nước mình. Đừng có đại động vào người Hà Lan, anh bạn ạ!”

“Khoan đã!” Ben kêu lên. “Chổi hay không chổi thì người Anh cuối cùng cũng đánh thắng ông ấy mà. Giờ mình nhớ hết rồi. Ông ấy bị giết đâu đó ở ngoài bờ biển Hà Lan trong một trận giao chiến mà quân đội Anh đã chiến thắng giòn giã. Thật là tiếc quá.” Cậu nói thêm với vẻ cay cú. “Phải chứ?”

“E hèm! Chúng ta đang ở đâu rồi nhỉ?” Lambert hô lên để đổi chủ đề. “Xin chào!!!! Mọi người vượt xa chúng ta rồi đấy – tất cả ngoại trừ Jacob. Ôi! Cậu ấy mới to béo làm sao! Cậu ấy sẽ ngã gục trước khi chúng ta kịp đi được nửa đường mất.”

Tất nhiên là Ben thích trượt băng bên cạnh Lambert, cậu này dù là một người Hà Lan trung kiên nhưng từng được đi học ở gần London và có thể nói tiếng Anh trôi chảy như nói tiếng mẹ đẻ, nhưng cậu không hề thấy tiếc nuối khi đội trưởng van Holp hô lên: “Tháo lưỡi trượt thôi! Viện bảo tàng đây rồi!”

Ngày hôm đó, bảo tàng mở cửa và không tính phí vào cửa. Trên đường bước vào, lũ trẻ thi nhau chà đế giày trên sàn bất cứ khi nào có cơ hội, chỉ bởi chúng thích thú được nghe tiếng giày kêu trên lớp gạch sàn bóng loáng.

Viện bảo tàng này thực chất là một triển lãm tranh trưng bày những tác phẩm đẹp nhất của các bậc thầy Hà Lan, bên cạnh gần hai trăm cặp giấy lưu giữ những bức khắc họa hiếm.

Ben ngay lập tức để ý thấy một vài bức tranh được treo trên những tấm ván đóng chặt vào tường bằng bản lề. Chúng có thể mở ra đóng vào như cánh cửa sổ, từ đó mà bức tranh có thể được chiêm ngưỡng dưới luồng ánh sáng tốt nhất. Nhờ vậy các cậu bé đã chiêm ngưỡng bức tranh mà Gerard Douw vẽ một nhóm nhỏ, bức tranh có tên là *Lớp buổi tối*, và quan sát được nét chấm phá tuyệt đẹp cùng cái cách mà bức tranh như có vẻ phát sáng khi ánh nắng từ ngoài cửa sổ chiếu vào. Peter chỉ ra vẻ đẹp của một bức tranh khác của Douw mang tên *Nhà tu khổ hạnh*, cậu còn kể cho những cậu bé còn lại vài giai thoại thú vị về người họa sĩ sinh ra ở Leyden năm 1613.

“Dành suốt ba ngày chỉ để vẽ một cái cán chổi!” Carl kinh ngạc kêu lên, trong khi vị đội trưởng vẫn đang đóng giả theo những nét vẽ vô cùng chậm chạp của Douw.

“Đúng thế đấy, các cậu, là ba ngày trời. Người ta còn bảo nhau là ông ấy dành đến năm ngày chỉ để hoàn tất bàn tay của một quý bà trong bức chân dung. Các cậu có thể thấy mọi thứ mới thật sáng sủa và chẵn chu làm sao trong bức tranh này. Những tác phẩm còn bỏ dở của ông ấy được cất giữ cẩn thận, cả dụng cụ vẽ cũng được bỏ trong hộp kín mít một khi ông ấy đã dùng xong trong ngày hôm đó. Mọi người còn nói, phòng vẽ của ông ấy chẳng khác gì một cái thùng lớn. Ông ấy luôn rón rén đi vào phòng và ngồi im re, cho đến khi những hạt bụi nhỏ nhất bay lên do ông ấy đi vào đã yên lặng nằm lại xuống thì ông ấy mới bắt đầu làm việc. Mình còn đọc được ở đâu đó là tác phẩm của ông ấy được hoàn thiện qua kính lúp nữa kia. Ông ấy cố hoàn thành các tiểu tiết nhỏ nhất nhất đến mức buộc phải đeo kính khi chưa tròn ba mươi tuổi. Đến năm bốn mươi thì ông ấy chẳng nhìn nổi nữa, cũng chẳng còn cái kính nào có thể giúp ông ấy được. Cuối cùng, một bà cụ già người Đức đã thử cho ông ấy đeo cái kính của bà ấy, nhìn chuẩn như được đo luôn. Điêu đó đã giúp ông ấy tiếp tục vẽ cho đến cuối đời.”

“Hừm!” Ludwig khó chịu nói. “Thế thì kì quá! Vậy bà ấy làm thế nào khi thiếu cặp kính?”

“Ồ!” Peter vừa cười vừa đáp. “Chắc bà ấy còn một cặp kính khác. Dù sao đi nữa thì bà ấy cũng khẳng khẳng muốn ông ấy nhận lấy cặp kính. Ông ấy cảm kích đến nỗi đã vẽ bức tranh cặp kính tặng cho bà ấy, và rồi

bà ấy bán lại bức tranh đó cho thị trường để nhận tiền trợ cấp hàng năm giúp cho bà ấy sống thoải mái đến cuối đời.”

“Các cậu!” Lambert nhỏ giọng thì thầm. “Lại đây nhìn bức tranh *Săn Gấu* này.”

Đó là một bức tranh đẹp của Paul Potter, một họa sĩ người Hà Lan ở thế kỷ mười bảy, người đã có nhiều kiệt tác trước khi tròn mười sáu tuổi. Các cậu bé trăn trồ chiêm ngưỡng bức tranh bởi chủ đề của nó làm các cậu thích thú. Chúng hò hững lướt qua những kiệt tác của Rembrandt và van der Helst, rồi nhao lên hứng thú trước bức tranh xấu xí của van der Vane về một trận thủy chiến giữa quân đội Hà Lan và quân đội Anh. Chúng cũng đứng mê mẩn trước một bức tranh vẽ hai đứa trẻ lang bạt, một đứa đang ném xúp còn một đứa thì ăn trứng. Điểm đáng chú ý của tác phẩm là ở chỗ thằng bé ăn trứng đã pha trò bằng cách làm lấm lem cả khuôn mặt nó bằng lòng đỏ trứng.

Tiếp đó, bản tái hiện tuyệt hảo *Bữa ăn của Thánh Nicholas* có vinh dự hấp dẫn được lũ trẻ.

“Này, van Mounen, nhìn kìa!” Ben nói với Lambert.

“Liệu có gì hay hơn biểu cảm của cậu bé này? Cậu bé đó trông như thể BIẾT mình đáng bị ăn đòn, nhưng lại hi vọng rằng Thánh Nicholas sẽ không phát hiện ra. Đó là kiểu tranh mà mình thích đấy; những bức tranh có thể nói lên cả câu chuyện.”

“Đi thôi, các cậu!” Đội trưởng hô lên. “Mười giờ rồi, đến giờ về rồi đây!”

Thế là lũ trẻ lại nhanh chóng ủa ra con kênh.

“Đeo lười trượt vào đi! sẵn sàng chưa? Một, hai... Khoan! Poot đâu rồi?”

Ừ nhỉ, Poot đang ở đâu?

Một hồ băng miệng vuông vừa được cắt trên bề mặt băng cách đó tám hơn chín mét. Peter thấy nó và vội vàng trượt tới mà không nói một lời.

Lũ trẻ ngay lập tức theo sau.

Peter ngó xuống dưới. Tất cả đều ngó xuống dưới, rồi chúng nhìn nhau đầy lo lắng.

“Poot ơi!” Peter gào lên, tiếp tục nhìn xuống cái hố. Đáp lại cậu là sự im lặng. Dòng nước tối đen chẳng chút gợn sóng, trên bề mặt đã vùi đóng một lớp băng mỏng.

Van Mounen lén quay sang Ben. “Không phải cậu ấy từng bị ngất xỉu một lần rồi sao?”

“Trời đất ơi! Phải rồi!” Ben hoảng hốt đáp.

Các cậu bé còn lại nhanh chóng hiểu vấn đề. Trong nháy mắt, các lưới trượt tuyết đầu biến mất. Peter vẫn còn đủ bình tĩnh để múc một mũ đầy nước từ cái hố, rồi vội vàng nhập hội các bạn đi giải cứu.

Thánh thần ơi! Cuối cùng chúng cũng tìm được Jacob đang thiêm thiếp, nhưng lại là thiêm thiếp ngủ. Cậu nằm trong một hốc của phòng tranh, ngáy như sấm rền. Nhìn thấy thế, bọn trẻ cười phá lên, tiếng ồn khiến người phụ trách giận dữ đi đến.

“Gì nữa đây!Ồn ào quá thế! Này, thằng nhóc bụng cóc kia, dậy mau!” Rồi cậu Jacob bị lay một cách thô bạo.

Khi Peter thấy Jacob không hề hấn gì, cậu nhanh chóng trượt lại ra phở để đổ nước khỏi cái mũ đáng thương của mình. Trong lúc cậu lột chiếc khăn tay vào trong để tránh cái lạnh thấu xương chạm vào da đầu mình, lũ trẻ cũng đã ra đến nơi, kéo theo một Jacob ngơ ngác và cái kính.

Lệnh xuất phát được hô vang lần nữa. Cậu Poot cuối cùng cũng tỉnh ngủ. Lớp băng có chút gồ ghề và đôi chỗ bị vỡ, nhưng cậu bé nào cũng vô cùng hào hứng.

“Chúng ta nên đi trên kênh hay trên sông?” Peter hỏi.

“Ồ, trên sông đi.” Carl nói. “Sẽ vui đáo để cho xem; người ta nói trượt xuôi hết con sông thì đúng là hoàn hảo, nhưng sẽ xa lắm đấy.”

Jacob Poot ngay lập tức trở nên hứng thú.

“Mình bỏ phiếu nên đi trên kênh!” Cậu kêu lên.

“Chà, vậy thì đi trên kênh.” Đội trưởng chốt lại.

“Nếu tất cả đồng ý.”

“Đồng ý!” Lũ trẻ đồng thanh bằng giọng khá thất vọng, rồi đội trưởng Peter dẫn đường.

“Được rồi, đi thôi. Chúng ta có thể tới Haarlem trong vòng một giờ nữa!”

XI

Hội chứng lớn và những điều kì quặc nhỏ

Trong khi đang trượt hết tốc độ, bọn trẻ nghe thấy tiếng những chiếc xe hơi từ Amsterdam tiến lại thật gần đằng sau mình.

“Này!” Ludwig kêu lên và nhìn về phía đường ray. “Ai mà chẳng đánh bại được động cơ chứ? Đua thôi!”

Tiếng còi xe vang lên như hưởng ứng ý tưởng này – lũ trẻ cũng vậy – và thế là cả bọn bắt đầu cuộc đua.

Chỉ một chốc, bọn trẻ vượt lên trước và hò reo phấn khích – dù chỉ vượt được có một chốc ngắn ngủi thôi, nhưng thế cũng là cả một thành tích rồi.

Khi sự hứng khởi qua đi, chúng bắt đầu trượt một cách chậm rãi hơn và bắt đầu trò chuyện, chơi đùa với nhau. Thỉnh thoảng, chúng dừng lại để trao đổi vài lời với những người canh gác túc trực từng đoạn dọc bờ kênh. Vào mùa đông, họ có nhiệm vụ loại bỏ những chướng ngại vật và rác thải trên mặt kênh. Sau một trận mưa tuyết, họ sẽ quét dọn bề mặt mềm xốp đi ngay trước khi chúng kịp cứng lại như cẩm thạch, tuy đẹp nhưng vô cùng nguy hiểm đối với người trượt. Đôi lúc, bọn trẻ lại bỏ quên lòng kiêu hãnh mà bò vào giữa những chiếc thuyền bị kẹt trong nước đá tím tùm lại ở một bên cảng rộng lớn ngoài con kênh, nhưng những người canh gác chẳng mấy chốc đã phát hiện ra chúng và hét lên ra lệnh cho chúng ra ngoài.

Không gì có thể thắng hơn con kênh mà bọn trẻ đang đi, cũng chẳng gì có thể thắng hơn hàng dài những cây liễu dọc bờ kênh, trụi trụi và xơ xác. Ở phía bên kia, cao hơn tất cả chôn xung quanh, là con đường trên bờ đê xây quanh hồ Haarlem để ngăn triều cường lên. Kéo dài xa thật xa đến khi khuất tầm mắt là con kênh phẳng lặng như mặt gương với thật nhiều người trượt, những con thuyền chạy trên băng với cánh buồm màu nâu, những chiếc ghế đẩy em bé, và những chiếc xe trượt tuyết nho nhỏ kì quặc, nhẹ

như nút bần, lướt qua lớp băng cùng người đánh xe cầ chiếc gậy có ngành bằng sắt đi ầu khiễn. Ben mê mẩn trước tất cả cảnh tượng này.

Ludwig van Holp cho rằng thật kì lạ làm sao khi cậu bé người Anh này biết nhiều đến thế về Hà Lan. Theo như lời của Lambert thì cậu này còn hiểu biết nhiều hơn cả người Hà Lan ấy chứ. Đi ầu này khiến chàng trai trẻ người Hà Lan khá phật lòng. Đột nhiên một ý tưởng lóe lên và cậu nghĩ nó có thể khiến “Shon Pull” sáng mắt ra; cậu trượt lại gần Lambert rồi nói đầy đắc thắng: “Kể cho cậu ấy nghe về hoa tulip đi!”

Ben nghe được ra từ *tulpen*.

“Ồ, phải rồi!” Cậu hào hứng nói bằng tiếng Anh. “Hội chứng hoa tulip – cậu đang nói về cái đó đúng không? Mình thường nghe mọi người nhắc về nó, nhưng lại không biết chi tiết gì cả. Nó đã bùng nổ ở Hà Lan, phải chứ?”

Ludwig rên lên; thật là khó để hiểu được Ben vừa nói gì, nhưng không thể không hiểu nét mặt rạng ngời của cậu ấy. Lambert không hề nhận ra sự buồn phiền của cậu bạn mình và vui vẻ đáp lời: “Đúng vậy, chủ yếu là ở đây và ở Haarlem; nhưng sự phấn khích thì lan tỏa khắp Hà Lan, và có khi còn ở Anh quốc nữa.”

“Mình không nghĩ nó lan tới tận Anh đâu.” Ben nói. “Nhưng mình cũng không chắc lắm, vì lúc ấy mình còn chưa ra đời.”

“Ha! ha! Hẳn rồi, trừ khi cậu đã trên hai trăm tuổi. Để mình kể cho mà nghe, bởi chưa từng có một sự kiện nào như thế đâu. Vì sao ư, mọi người phát cu ồng vì củ tulip đến mức họ trả số vàng bằng trọng lượng của chúng.”

“Cái gì, trọng lượng của một người sao!” Ben hô lên, bày tỏ sự kinh ngạc trong đôi mắt khiến Ludwig giật nảy người.

“Không, không, trọng lượng của củ tulip kia. Củ đầu tiên được gửi đến từ Constantinople vào khoảng năm 1560. Mọi người trân quý nó đến mức những người giàu có ở Amsterdam yêu cầu Thổ Nhĩ Kỳ gửi thêm. Từ đây, củ tulip dần phát triển thành cả một hội chứng kéo dài trong nhiều năm. Rễ của một cây bán với giá từ một đến bốn nghìn florin, còn củ giống Semper Augustus thì bán với giá năm nghìn năm trăm florin.”

“Thế là hơn bốn trăm đồng vàng quy ra tiền của chúng ta.” Ben chen vào.

“Đúng thế và chắc chắn là mình đúng, bởi mình vừa đọc nó trong một bản dịch từ Beckman hôm kia xong. Vụ đó từng lớn lắm nhé. Tất cả mọi người đầu đầu cơ vào bông tulip, từ người coi sà lan đến những phụ nữ nghèo và người nạo ống khói. Những thương gia giàu có nhất chẳng hề ngần ngại mà nhảy vào cuộc vui. Người ta mua củ tulip và bán lại với lợi nhuận ngất trời. Nó dần trở thành một dạng bài bạc. Một số người vụt giàu có chỉ sau vài ngày, cũng có một số người thì mất trắng tất cả. Đất đai, nhà cửa, gia súc, thậm chí cả quần áo đều dần hết vào củ tulip khi người ta đã hết sạch tiền. Các tiểu thư thì bán trang sức và đá quý để có thể gia nhập cuộc vui. Người ta chẳng nghĩ đến gì khác. Cuối cùng thì Quốc hội phải can thiệp. Mọi người bấy giờ mới nhận ra mình đã ngu ngốc thế nào và giảm giá tulip. Những khoản nợ xấu từ tulip cũ không thể trả. Những người cho vay tìm đến nhờ pháp luật can thiệp, nhưng pháp luật quay lưng lại với họ, nói rằng nợ đến từ bài bạc không bị ràng buộc. Có một thời như thế đấy! Hàng ngàn nhà nghiên cứu giàu có trở thành ăn mày chỉ trong một giờ đồng hồ. Như cụ Beckman từng nói: ‘Bong bóng cuối cùng cũng vỡ thôi.’”

“Đúng thế, bong bóng đó lại còn to nữa chứ.” Ben nói sau khi lắng nghe với vẻ chăm chú hết mực. “Nhân tiện thì cậu có biết cái tên tulip xuất phát từ tiếng Thổ Nhĩ Kỳ không, nó dùng để chỉ chiếc khăn xếp đội đầu ấy?”

“Mình quên khuấy mất đấy.” Lambert đáp. “Nhưng đó là ý tưởng nên tảng. Cứ tưởng tượng một bữa tiệc trên bãi cỏ với người Thổ Nhĩ Kỳ đội những chiếc khăn xếp trên đầu, đúng là một vườn hoa tulip tuyệt hảo! Ha! Ha! Quả là một ý tưởng hào nhoáng!”

“Đấy.” Ludwig gặm gù với bản thân. “Cậu ta đã toàn kể với Lambert những đi đầu tuyệt vời về hoa tulip, mình biết mà!”

“Thật ra là...” Lambert nói tiếp. “Chúng ta có thể tưởng tượng hình ảnh một con người trong cánh đồng tulip nở rộ, đặc biệt khi chúng đứng đưa và lung lay trong gió. Mọi người có thấy thế không?”

“Mình thì không. Mình chợt nhận ra rằng, van Mounen ạ, người Hà Lan các cậu vẫn luôn vô cùng đam mê hoa cỏ nhỉ.”

“Chắc chắn rồi. Cậu đâu thể trồng vườn mà không có hoa, mà còn là những loài hoa đẹp nhất có thể trồng được ấy. Chú của mình có một vườn

hoa tuyết vời vời những loài hoa đẹp nhất được trồng ở căn nhà mùa hè của chú ấy ở phía bên kia Amsterdam.”

“Mình tưởng chú cậu sống trong thành phố?”

“Thì đúng vậy mà, nhưng nhà hóng mát, hay còn gọi là nhà phụ ấy, thì cách đó vài dặm cơ. Chú ấy còn một căn nhà nữa bên kia sông. Chúng ta vừa đi qua gần chỗ đó lúc vào thành phố đấy. Nếu có điều kiện thì mọi người ở Amsterdam đâu có một nhà phụ đặt đâu đó.”

Ben gật đầu.

“Trông chúng không có gì đặc biệt lúc này.” Lambert nói tiếp. “Nhưng vào mùa hè thì tuyệt đẹp. Đợi sau khi hàng liễu mọc lại tán, chú của mình sẽ đến căn nhà hóng mát vào mỗi buổi chiều. Chú ấy ngủ và hút thuốc; thím thì gác chân trên lò sưởi chân và đan len, không quan tâm hôm đó nóng đến thế nào; em họ Rika cùng mấy đứa khác thì câu cá dưới hồ qua cửa sổ hoặc trò chuyện với bạn bè đi ngang qua; mấy đứa bé thì chạy quanh hoặc đu trên những cây cầu nhỏ bắc qua con mương. Rồi họ uống cà phê và ăn bánh ngọt, bên cạnh một bó hoa súng to trên bàn. Mình có thể nói rằng cuộc sống đó mới lý tưởng làm sao; chỉ có điều, nói riêng với các cậu thôi nhé, dù mình được sinh ra ở đây, mình vẫn chưa bao giờ được tận hưởng dòng nước tĩnh lặng chảy qua hầu hết mọi căn nhà hóng mát. Gần như mọi căn nhà như thế đều được xây trên một dòng nước. Có lẽ mình dễ thấy điều này hơn vì sống bên Anh khá lâu rồi.”

“Nếu băng tan thì chắc mình cũng sẽ thấy nó.” Ben nói. “Mùa đông đến sớm đã đóng băng những vùng nước đẹp trước rồi, mà thế cũng tốt. Hà Lan mà không có mùa trượt băng tuyệt vời này thì thật là thiếu sót lớn.”

“Cậu thật là khác so với anh em nhà Poot đấy!” Lambert thốt lên, cậu đã lắng nghe rất tập trung. “Thế mà cậu lại là họ hàng với họ, thật chẳng thể hiểu nổi.”

“Bọn mình là anh em họ, hoặc đã luôn coi nhau là thế, nhưng thật tình là không gần gũi lắm. Bà của bọn mình là chị em cùng cha khác mẹ. Nhánh bên nhà mình toàn bộ là người gốc Anh, trong khi nhánh bên nhà cậu ấy toàn là người Hà Lan. Cụ Poot kết hôn hai lần, và mình là con cháu của bà vợ người Anh của cụ ấy. Dù sao thì mình cũng thích Jacob hơn một nửa số anh em họ người Anh của mình cộng lại. Có thể cậu sẽ thấy lạ nhưng cha mình đã vô tình quen biết với cha Jacob trong một chuyến công tác tới

Rotterdam. Chẳng mấy chốc họ trở nên thân nhau rồi cùng trò chuyện về những mối quan hệ của mình ở Pháp, và cứ như thế, rồi họ trở nên ăn ý với nhau từ đó. Những đi đâu kì lạ vẫn luôn tồn tại trên thế giới này mà. Chị gái Jenny của mình sẽ rất kinh ngạc với một vài hành động của thím Poot cho mà xem. Thím là một người phụ nữ rất chu đáo, nhưng thật khác so với mẹ mình, cả ngôi nhà và đồ đạc, lối sống, tất cả đều khác.”

“Tất nhiên rồi.” Lambert đồng tình đầy mãn nguyện như thể muốn nói: Cậu làm sao thấy được sự hoàn hảo ở nơi nào khác như ở Hà Lan được chứ. “Nhưng cậu sẽ có nhiều đi đâu hơn để kể cho Jenny lúc quay về”

“Đúng, chắc chắn là vậy rồi. Mình có thể kể một đi đâu, nếu sự sạch sẽ gần với sự thiêng liêng như họ nói thì Broek an toàn lắm đấy. Đó là nơi sạch nhất cậu từng thấy. Thím Poot, dù giàu có đến vậy, vẫn dành ra cả nửa ngày để kì cọ, nhà thím ấy như thể được đánh bóng từ trong ra ngoài vậy. Mình viết thư gửi mẹ hôm qua rằng mình có thể thấy bản sao của mình hiện ra rõ mồn một dưới sàn phòng ăn bóng loáng.”

“Bản sao của cậu! Từ đó làm mình bối rối, ý cậu là sao?”

“Ồ, là hình ảnh phản chiếu, cái bóng của mình ấy. Một Ben Dobbs thứ hai.”

“À, mình hiểu rồi.” Van Mounen đáp. “Thế cậu đã từng tới phòng khách rộng lớn của thím Poot chưa?”

Ben bật cười. “Mới một lần thôi, vào hôm mình đến đây. Jacob nói mình sẽ không có cơ hội được vào đó lần nữa cho đến khi chị gái Kanau của cậu ấy kết hôn, hôn lễ diễn ra sau Giáng sinh một tuần. Chú của mình đồng ý cho phép mình ở lại dự đám cưới. Mỗi thứ Bảy, thím Poot và Kate béo lại vào phòng khách để dọn dẹp, đánh bóng và kì cọ, rồi tắt đèn trong phòng và đóng chặt cửa lại cho đến thứ Bảy tuần sau. Không có ai được vào trong thời gian đó, nhưng ngày dọn dẹp, như thím ấy gọi, thì vẫn phải dọn dẹp như thường.”

“Chẳng có gì đặc biệt đâu. Mọi phòng khách ở Broek đều thế hết.” Lambert đáp. “Cậu nghĩ sao về những loài vật trong vườn nhà hàng xóm của bà ấy?”

“Ồ, chúng khá đẹp; đàn thiên nga trông rất sống động trên mặt ao vào mùa hè; nhưng loài cây chuông tiên đốm mọc dưới gốc cây hạt dẻ ở góc vườn trông thật nực cười, chỉ đáng làm trò đùa cho lũ trẻ con. Khu vườn

thì chấp vá, cây cối thì được tĩa tốt và sơn lờ loẹt. Thứ lỗi cho mình, van Mounen ạ, nhưng mình không thể nào tiếp thu được gu thẩm mỹ của người Hà Lan.”

“Việc đó sẽ cần thời gian.” Lambert trích thượng trả lời. “Nhưng rồi cậu chắc chắn sẽ thấy thích thôi. Mình đã thấy nhiều đi đâu đáng ngưỡng mộ ở Anh quốc, mình hy vọng sẽ được sang Oxford học cùng với cậu, nhưng cuối cùng thì mình vẫn thích Hà Lan nhất.”

“Tất nhiên là vậy rồi.” Ben chân thành đồng tình. “Cậu sẽ không thể trở thành một người Hà Lan tốt nếu không yêu đất nước mình. Không gì có thể sánh bằng tình yêu Tổ quốc. Dù sao thì cũng hơi kì lạ khi dành thứ tình cảm ấm áp đến thế cho một đất nước lạnh lẽo như vậy. Nếu không tập thể dục liên tục, chúng ta có lẽ đã đóng băng rồi.”

Lambert phì cười.

“Đó là do cậu có dòng máu của người Anh thôi, Benjamin ạ. Mình có thấy lạnh đâu. Nhìn những người đang trượt trên kênh đi, họ hờn hào như đóa hoa hờn và hạnh phúc như vua chúa ấy. Này, đội trưởng giỏi giang van Holp ời!” Lambert gọi bằng tiếng Hà Lan. “Anh nghĩ sao nếu chúng ta dừng chân ở trang trại đằng kia để sưởi ấm chân một chút?”

“Ai bị lạnh đấy?” Peter quay người lại và hỏi.

“Benjamin Dobbs.”

“Benjamin Dobbs cần được sưởi ấm.” Và thế là bọn trẻ tạm dừng chuyến đi của mình lại.

XII

Trên đường tới Haarlem

Tới trước cửa khu trang trại, các cậu bé mới phát hiện mình đứng giữa một cảnh tượng gia đình đầy sống động. Một người đàn ông Hà Lan cao lớn chạy vội ra ngoài, theo sát phía sau là bà vợ yêu quý đang dùng chiếc chảo cán dài còn ấm nóng đánh ông ta thật mạnh, vẻ mặt của bà ta trông không có vẻ gì là sẽ nỡ nhường hậu chào đón các cậu bé, nên lũ trẻ biết thân biết phận mà nhanh chóng tìm một nhà khác để xin sưởi ấm.

Căn nhà tiếp theo có vẻ thân thiện hơn. Mái nhà thấp lợp ngói đỏ vươn ra che cả căn chuồng bò sạch sẽ được xây ngay sát nhà chính. Một người phụ nữ lớn tuổi gọn gàng, điềm tĩnh ngẩng đầu lên bên ô cửa sổ. Bên cửa sổ còn lại với tấm kính sáng choang và rèm cửa trắng như tuyết, là bóng dáng đăm chiêu của một người đàn ông to béo đang ngẩng nghiêng người với chiếc tàu thuốc trên môi. Đáp lại tiếng gõ cửa dè dặt của Peter là một cô gái trẻ với mái tóc sáng màu và đôi má hồng hồng trong bộ trang phục ngày lễ, cô mở ra nửa trên của cánh cửa xanh lá (cánh cửa được tách đôi ở giữa) và hỏi lũ trẻ có chuyện gì.

“Thưa cô, chúng em có thể vào xin sưởi ấm một chút được không ạ?”
Vị đội trưởng lịch sự hỏi.

“Tất nhiên rồi, mời vào.” Cô gái trả lời, đồng thời kéo nửa dưới cánh cửa về phía mình. Trước khi vào nhà, mỗi cậu bé đều chà giày thật lâu và mạnh trên tấm thảm xù xì, cũng như lễ phép cúi chào quý ông và quý bà ngẩng bên cửa sổ. Ben suýt thì tưởng rằng họ đều là người máy như những mô hình biết chuyển động trong khu vườn ở Broek, bởi họ đều gập đầu một cách chậm rãi và y hệt nhau, rồi lại tiếp tục với công việc của mình đều đều như một cái máy. Người đàn ông cứ nhả khói, còn vợ ông thì lách cách với hai chiếc kim đan như thể những chiếc bánh răng đang đi đều khiến bà vậy. Kể cả làn khói đang tỏa ra từ chiếc tàu bất động kia cũng không đủ để chứng minh họ là con người.

Nhưng cô hầu gái má hây đỏ thì khác. Ôi, cô ấy mới nhiệt tình làm sao. Cô ấy cho các cậu bé ngồi trên những cái ghế bóng loáng có tựa cao, cách cô ấy làm bùng lửa trong lò sưởi như truyền cảm hứng cho nó, mang ra một hộp bánh gừng to và một bình ướp đá đựng rượu chua khiến Jacob Poot suýt thì ré lên vui sướng. Cô cười và gật gù khi các cậu bé ăn như thú rừng được thuần hóa, cô sống người khi Ben từ chối lấy bánh mì đen và đưa cái Đức một cách lịch sự mà cương quyết. Cô lột chiếc găng tay bị rách ngón cái của Jacob ra rồi vá lại ngay trước mắt cậu bé, cắn đứt sợi chỉ bằng hàm răng trắng muốt và nói: “Giờ đeo vào sẽ ấm hơn đây!” Và cuối cùng, cô bắt tay từng cậu bé và liếc nhìn với vẻ không vừa ý về phía bà chủ người máy, trong khi khăng khăng lũ trẻ hãy mang theo bánh gừng đi mà ăn.

Trong khi tất cả những đi đầu trên diễn ra, tiếng lách cách của đôi kim đan và tiếng phì phò của tàu thuốc chưa lúc nào ngừng.

Khi lũ trẻ tiếp tục quay lại với chuyến hành trình, chúng chợt thấy tòa lâu đài Zwanenburg với mặt trước bằng đá nguy nga và đôi tháp cổng chào, mỗi tháp có một bức tượng điêu khắc chim thiên nga ở trên đỉnh.

“Được nửa đường rồi đấy các chàng trai.” Peter nói. “Tháo lười trượt ra thôi.”

“Các cậu nhìn nhé.” Lambert giải thích. “Nhánh Y giao nhau với hồ Haarlem ở chỗ này gây ra biết bao là phiền phức. Con sông cao hơn mặt đất đến một mét rưỡi, thế nên xây đê và cửa cống ở đây phải rất chắc chắn, nếu không cả chỗ này sẽ ngập nước ngay tức khắc. Bố trí đường ống cống là một hệ thống hết sức tuyệt diệu. Chúng ta sẽ đi bộ qua chỗ đó và các cậu sẽ thấy nhiều đi đầu đáng kinh ngạc đấy. Người ta đồn rằng dòng nước mùa xuân trong hồ có khả năng tẩy trắng hơn mọi thứ khác trên thế gian; tất cả thợ nhuộm giỏi nhất ở Hà Lan đều dùng nó. Mình không thể nói nhiều hơn về vấn đề này được, nhưng mình có thể kể một đi đầu từ kinh nghiệm của bản thân.”

“Đó là gì vậy?”

“Cái hồ này chứa đầy những con lươn to nhất các cậu từng thấy. Mình đã thấy chúng ở đây, thường xuyên luôn, to đến kinh hoàng! Chúng có khi đúng là địch thủ của chúng ta đấy, chúng gần như luôn lách lên cánh tay cậu từ trong hố nếu các cậu không phòng vệ. Nhưng mình thấy là các cậu không thích thú với lươn cho lắm. Tòa lâu đài này to thật nhỉ?”

“Đúng thế. Hai con thiên nga kia có ý nghĩa gì không?” Ben hỏi khi ngược nhìn lên đôi tháp đá ở cổng chào.

“Người Hà Lan gần như rất tôn kính loài thiên nga. Tòa lâu đài này cũng lấy tên theo tên chúng – Zwanenburg, lâu đài thiên nga. Đó là tất cả những gì mà mình biết. Đây là một nơi rất quan trọng, bởi những người tài thường họp hội đồng về vấn đề đi đâu ở đây. Tòa lâu đài này từng là nơi ở của ngài Christian Brunings đáng kính.”

“Ông ấy là ai thế?” Ben hỏi.

“Peter có thể trả lời câu này tốt hơn mình.” Lambert đáp. “Đây là nếu hai người hiểu được nhau, hoặc đủ can đảm để không dùng tiếng mẹ đẻ. Nhưng mình thường nghe ông nội kể về ngài Brunings. Ông chẳng bao giờ thấy mệt mỗi khi kể cho bọn mình nghe về người kĩ sư vĩ đại, rằng ngài ấy giỏi thế nào, học thức ra sao, và khi ngài ấy mất thì cả đất nước đã đau buồn và tiếc thương như một người bạn thế nào. Ngài ấy có mặt trong nhiều cộng đồng học giả lớn và là người đứng đầu Bộ Ngoại giao, đảm nhiệm công việc chăm lo đi đâu và những công tác khác để ngăn thảm họa từ biển. Không thể đếm đếm những cống hiến của ngài trong việc cải thiện hệ thống đê, cống, guồng nước và những thứ như thế. Người Hà Lan bọn mình coi những vị kĩ sư tài giỏi là những người có công lớn nhất với đất nước. Khi ngài Brunings mất nhiều năm trước, người ta đã cho xây đài tưởng niệm ngài trong Nhà thờ lớn ở Haarlem. Mình đã thấy bức chân dung của ngài ấy rồi và để mình nói cho cậu nghe nhé Ben, ngài ấy trông thật sự cao quý lắm. Thảo nào tòa lâu đài này trông chắc chắn và kiêu hãnh đến thế. Bởi chỉ có nơi ở thế này mới xứng với một người như vậy!”

“Phải rồi, đúng vậy.” Ben đáp. “Mà van Mounen này, mình chỉ tự hỏi sau này liệu mình hay cậu có thể khiến bất kì một tòa nhà cổ nào trông kiêu hãnh đến vậy được hay không. Ái chà! Thế thì phải làm một đi đâu gì đó thật to lớn trên đời này và vài người trong chúng ta, giờ vẫn còn là những cậu bé, sẽ phải thực hiện trong tương lai. Xem lại dây giày đi, Van, còn chưa buộc kìa.”

XIII

Một thảm họa

Gần một giờ chiều, đội trưởng van Holp cùng cả đội tiến vào thành phố cổ Haarlem lộng lẫy. Chúng đã trượt băng gần mười bảy dặm từ sáng, vậy mà trông vẫn sung sức như những chú đại bàng trẻ tuổi. Từ người nhỏ nhất (Ludwig van Holp, mới mười bốn tuổi) cho đến người lớn nhất – chính là đội trưởng, một chàng trai tuổi mười bảy kì cựu – tất cả đều chỉ có một suy nghĩ: Đây là chuyến đi tuyệt vời nhất của đời chúng. Thực ra trong hai dặm cuối thì Jacob Poot có chút bị hụt hơi rồi, cậu đã sẵn sàng cho một giấc ngủ ngắn nữa, nhưng trong cậu có đủ niềm hứng khởi để tiếp tục trượt thêm mười hai dặm. Kể cả Carl Schummel, người đã trở nên vô cùng thân thiết với Ludwig trong chuyến đi này, cũng quên mất tính khí khó chịu của mình. Về phần Peter, cậu đang ở trạng thái hạnh phúc tột đỉnh của hạnh phúc, cậu ca hát và huýt sáo vui vẻ trên đường khiến cả những người qua đường nghiêm nghị nhất cũng phải mỉm cười.

“Đi thôi, các cậu! Gần đến giờ ăn trưa rồi.” Van Holp nói khi cả đội tiến gần đến một quán cà phê trên phố chính. “Chúng ta phải ăn thứ gì đó no bụng hơn là bánh gừng của quý cô xinh đẹp đó chứ.” Rồi vị đội trưởng thọc tay vào túi như muốn nói: Có đủ tiền để bao cả một đội quân đây này!

“Này!” Lambert kêu lên. “Gì mà trông đau khổ thế kia?”

Peter, với khuôn mặt tái mét và đăm đăm, đang đập tay lên khắp ngực và người mình. Nhìn cậu như một người lên cơn loạn trí.

“Anh ấy ốm rồi!” Ben kêu lên.

“Không, anh ấy bị mất thứ gì rồi.” Carl đáp.

Peter chỉ có thể thở dài. “Chiếc ví với toàn bộ số tiền của chúng ta... Nó biến mất rồi!”

Trong một thoáng, tất cả đều quá sốc để có thể lên tiếng.

Cuối cùng, Carl can đảm. “Đúng là ngu ngốc mới đưa hết tiền cho một người. Mình đã bảo ngay từ đầu rồi. Tìm lại trong túi bên kia đi.”

“Anh tìm r ấ. Nó không có ở đó.”

“Cởi áo khoác của anh ra xem nào.”

Peter làm theo như một cái máy. Cậu thậm chí còn cởi mũ và tìm trong đó, r ấ tuyệt vọng thọc tay mình vào mọi chiếc túi trên người.

“Nó biến mất r ấ, các em ạ.” Cuối cùng cậu tuyệt vọng nói. “Chúng ta sẽ không có bữa trưa hay bữa tối. Biết làm sao đây? Chúng ta không thể tiếp tục đi mà thiếu ti ền. Nếu còn ở Amsterdam, chúng ta cần bao nhiêu anh cũng có thể đi lấy. Nhưng ở Haarlem, anh không quen một ai có thể cho chúng ta vay dù chỉ một đ ồng stiver. Trong các em ai có người quen ở đây có thể cho chúng ta vay một vài đ ồng guilder không?”

Các cậu bé ngơ ngác nhìn nhau. R ấ một nụ cười kh ẽ được chuyển vòng tròn, nhưng bị dừng khựng lại một cách đáng tiếc khi nó được truy ền tới Carl.

“Không được đâu.” Cậu ta cúi b ản đ ắ p. “Mình có biết vài người ở đây, người giàu ấy, nhưng cha sẽ cho mình ăn đòn nếu dám đi vay bất kì ai. Cha còn treo dòng chữ ‘Một người đàn ông trung thực không cần đi vay’ trên cánh cổng của căn nhà hóng mát đấy.”

“Hừm!” Peter phản ứng, cậu đặc biệt không ưa ủy mị vào lúc này.

Các cậu bé chẳng mấy chốc mà đối c ần c ầ o.

“Là lỗi của em.” Jacob ăn n ả n nói với Ben. “Em là người nghĩ ra ý tưởng cho tất cả ti ền vào ví của anh van Holp.”

“Vớ vẩn nào, Jacob. Em cũng chỉ nghĩ cho mọi người thôi mà.”

Ben nói bằng giọng ph ả n kh ởi đến mức khiến cho anh em van Holp và Carl những tưởng cậu đã nghĩ ra một kế hoạch để làm yên lòng cả đội.

“Gì? Gì đấy? Nói chúng tớ nghe đi, van Mounen.” Hai người kêu lên.

“Cậu ấy nói đây không phải lỗi của Jacob, rằng khi đề xuất cho ti ền vào ví của van Holp thì Jacob cũng chỉ nghĩ cho mọi người mà thôi.”

“Thế thôi à?” Ludwig tiu nghi ứ nói. “Cậu ấy đâu cần tỏ ra ph ả n kh ích đến thế khi nói vậy chứ. Chúng ta mất bao nhiêu ti ền đấy?”

“Em không nhớ sao?” Peter đ ắ p. “Mỗi người chúng ta bỏ vào ví m ườ i đ ồng guilder. Chiếc ví có sáu mươi đ ồng guilder. Anh đúng là đ ứ a ngu ngốc nhất trên đời, đến cả Schimmelpenninck bé nhỏ cũng có thể làm đội

trưởng tốt hơn anh. Anh nên tự đâm mình vì đã khiến các em thất vọng thế này.”

“Thế thì làm đi.” Carl cầu nhàu. “Trời ạ.” Cậu ta chêm thêm. “Ai mà chẳng biết đây chỉ là tai nạn, nhưng biết thế cũng chẳng giúp ích gì hết. Chúng ta phải có tiền, anh van Holp ạ, kể cả có phải bán cái đồng hồ tuyệt vời của anh đi nữa.”

“Bán món quà sinh nhật mẹ tặng anh ư? Không bao giờ! Anh sẽ bán áo khoác, bán mũ, bán bất kì thứ gì ngoại trừ chiếc đồng hồ này.”

“Thôi, thôi.” Jacob nhẹ nhàng nói. “Chúng ta đang làm quá lên rồi đấy. Chúng ta có thể về nhà và bắt đầu lại chuyến đi trong khoảng một hay hai ngày tới mà.”

“Cậu thì có thể lấy thêm mười đồng guilden.” Carl đáp. “Nhưng bọn mình thì không dễ dàng làm thế được. Nếu về nhà, chúng tôi sẽ ở nhà luôn, tùy mọi người đấy.”

Đội trưởng của chúng ta, một người vẫn luôn vô cùng tốt tính, bắt đầu thấy bức dọc.

“Em nghĩ anh sẽ để các em chịu khổ vì sự bất cẩn của anh hay sao?” Cậu kêu lên. “Anh có số tiền gấp ba lần sáu mươi đồng guilden trong chiếc hộp sắt ở nhà kia!”

“Ồ, thôi xin anh.” Carl vội xen vào với giọng cáu bẳn. “Chà, có vẻ như không còn cách nào tốt hơn là quay về với cái bụng đói meo.”

“Anh có kế hoạch hay hơn thế.” Đội trưởng nói.

“Là gì vậy?” Các cậu bé nhao nhao lên.

“Là biến chuyến đi không may mắn này thành một cơ hội để thông thả đi về như những người đàn ông.” Peter đáp, cậu trông thật trưởng thành và đẹp đẽ khi hướng gương mặt ngay thẳng cùng đôi mắt xanh trong của mình về phía các cậu bé còn lại để chúng nắm được tinh thần của mình.

“Ủng hộ đội trưởng!” Các cậu bé đồng thanh hô.

“Giờ thì, các chàng trai, chúng ta quyết định thôi nào. Rốt cuộc thì đâu có nơi nào tốt hơn Broek được chứ... và chúng ta sẽ quay trở lại đó trong hai giờ nữa. Các em đồng ý không?”

“Đồng ý!” Tất cả hô lên và chạy tới chỗ dòng kênh.

“Đeo lười trượt vào mọi người ời! Sẵn sàng chưa? Đây, Jacob, để mình giúp.”

“Bây giờ. Một, hai, ba, xuất phát!”

Những khuôn mặt non nớt rời khỏi Haarlem sau hiệu lệnh đó gần như vẫn giữ được nét tươi sáng như khi chúng tiến vào thành phố cùng đội trưởng Peter nửa giờ trước.

XIV

Hans

“**D**à Blixin!” Carl giận dữ gất lên khi toàn đội mới đi được chưa đến mười tám mét từ cổng thành phố. “Kia chẳng phải là thằng oắt khố rách áo ôm dùng lưỡi trượt bằng gỗ trong cái quần da buộc túm vá chẳng vá đụp hay sao? Thằng oắt này xuất hiện mọi nơi thế nhỉ, quỷ tha ma bắt nó đi! Chúng ta sẽ thật may mắn.” Cậu ta khinh khỉnh cả gan chêm thêm. “Nếu đội trưởng của chúng ta không yêu cầu cả đội dừng lại và bắt tay nó.”

“Đội trưởng của em là một đống đội tệt hại.” Peter thản nhiên đáp. “Nhưng đây là báo động giả, Carl ạ. Có mình em là người có vấn đề ở đây thôi. A, cậu ấy đây rồi! Sao thế, có chuyện gì với cậu bạn thế nhỉ?”

Hans tội nghiệp! Mặt cậu tái mét cùng đôi môi mím chặt. Cậu trượt đi như một người vừa gặp phải cơn ác mộng. Khi cậu trượt ngang qua, Peter gọi cậu lại:

“Chúc một ngày tốt lành, Hans Brinker!”

Khuôn mặt Hans bỗng chốc bừng sáng. “A, thưa cậu, là cậu phải không? Thật vui được gặp cậu.”

“Thật đúng là vô lễ.” Carl Schummel rít lên và bực bội trượt lên trước, tách khỏi nhóm bạn – những người có vẻ muốn theo phe đội trưởng của họ.

“Anh cũng vui khi gặp em, Hans ạ.” Peter vui vẻ đáp. “Nhưng trông có vẻ như em đang gặp rắc rối thì phải. Anh giúp gì được không?”

“Thưa cậu, đúng là em đang gặp rắc rối thật.” Hans đáp, cup mắt nhìn xuống đất. Rồi lại ngược lên với vẻ gần như là hạnh phúc, cậu nói thêm. “Nhưng LẦN NÀY Hans có thể giúp đỡ cậu van Holp.”



Nhưng lần này Hans có thể giúp đỡ cậu van Holp.

“Giúp thế nào?” Peter hỏi như một cậu bé Hà Lan ngây ngô, không hề che giấu sự ngạc nhiên của mình.

“Bằng cách trả cậu cái này, thưa cậu.” Rồi Hans đưa ra chiếc ví bị mất.

“Hoan hô!” Các cậu bé hò reo, vui mừng giờ những bàn tay lạnh cóng đang rút sâu trong túi lên cao ăn mừng. Cách Peter nói “Cảm ơn em, Hans Brinker ạ” khiến Hans cảm thấy như thể đang được chứng kiến một vị vua quỳ trước mặt mình.

Tiếng hò reo mừng rỡ của các cậu bé vang đến tai của cậu con trai đang trượt về Amsterdam, người đang cố che giấu sự phẫn nộ. Đến cả một cậu bé Mỹ cũng sẽ quay lại ngay lập tức và hấp tấp muốn thỏa mãn trí tò mò của mình. Nhưng Carl chỉ dừng lại, vẫn quay lưng về phía cả đội và tự hỏi đi đâu gì vừa mới xảy ra. Cậu ta cứ đứng đó, bất động, cho đến khi chắc chắn rằng không có gì ngoài đồ ăn mới mang lại sự vui mừng đến thế, cậu quay lại và chậm rãi trượt về phía những người bạn đang phấn khích của mình.

Trong lúc đó, Peter kéo Hans sang một bên.

“Làm thế nào em biết đó là ví của anh?” Cậu hỏi.

“Cậu đã trả em ba đồng guilden vào ngày hôm qua, thưa cậu, là tiền làm sợi dây chuyền bằng gỗ trắng, rồi cậu bảo em đi mua một đôi lười trượt.”

“Đúng thế, anh còn nhớ.”

“Lúc đó em đã thấy ví của cậu. Nó làm bằng da thuộc vàng.”

“Em đã tìm thấy nó ở đâu?”

“Thưa cậu, sáng nay em có chuyện không vui khi rời khỏi nhà, trong khi trượt em không để ý gì hết, cho đến khi bị vấp vào một khúc gỗ, trong khi đang xoa đầu gối thì em chợt thấy cái ví nằm khuất dưới một khúc gỗ.”

“Chỗ đó sao! À, giờ anh nhớ ra rồi. Khi đi ngang qua đó, anh có rút chiếc khăn lông choàng từ túi ra, có lẽ lúc ấy chiếc ví cũng bị tung ra ngoài. Anh có thể đã mất nó nếu không nhờ em, Hans ạ. Đây...” Cậu rút ra vài đồng lẻ từ ví. “Em nhất định phải để bọn anh chia chút tiền cho em.”

“Không, thưa cậu.” Hans đáp. Cậu trả lời thật nhẹ nhàng, không hề có chút giả tạo hay cường điệu, nhưng đi đâu này khiến Peter thấy có chút hổ thẹn, cậu đành cất lại đồng bạc vào trong ví mà không nói lời nào.

Mình thích cậu bé này dù cậu ấy giàu hay nghèo, cậu tự nhủ vậy, rồi nói thêm: “Anh có thể hỏi về chuyện không vui của em được chứ, Hans?”

“A, thưa cậu, đây là một chuyện buồn, nhưng em đã dừng chân ở đây quá lâu rồi. Em đang tới Leyden để mời bác sĩ Boekman vĩ đại.”

“Bác sĩ Boekman sao?” Peter kinh ngạc thốt lên.

“Vâng, thưa cậu, và em không nên để mất thêm thì giờ nữa. Chúc cậu một ngày tốt lành!”

“Khoan đã, bọn anh cũng sắp đi theo lối đó. Mọi người, xuất phát nào! Chúng ta sẽ trở lại Haarlem!”

“Đi thôi!” Các cậu bé hăm hở đồng thanh, rồi ngay lập tức lên đường.

“Giờ nhé...” Peter nói khi trượt lại gần Hans, cả hai đều đang lướt trên mặt băng thật dễ dàng và nhẹ nhàng đến nỗi trông chúng như không hề chuyển động. “Bọn anh sẽ dừng lại tại Leyden, nếu em đến đó chỉ để gửi lời nhắn tới bác sĩ Boekman, liệu anh có thể làm nhiệm vụ đó thay em được chăng? Các chàng trai có thể bị mệt do trượt quá nhiều ngày hôm nay, nhưng anh hứa sẽ đến gặp ông ấy vào sáng sớm mai nếu ông ấy còn ở trong thành phố.”

“Ôi, thưa cậu, thế thì thật là tốt cho em; em không sợ đường xa, nhưng em chỉ lo về việc bỏ lại mẹ em một mình quá lâu.”

“Mẹ em bị ốm sao?”

“Không, thưa cậu. Là cha em. Có thể cậu đã nghe kể rằng đã nhiều năm rồi cha em không còn biết suy nghĩ gì nữa, từ khi xưởng Schlossen lớn được xây dựng; nhưng thân hình cha vẫn to lớn và khỏe mạnh. Đêm qua, khi mẹ em quỳ trước lò sưởi để thổi lửa trên than bùn (cha chỉ thích ngồi xem những ánh lửa nhảy múa thôi, nên mỗi tiếng một lần mẹ sẽ thổi bùng lửa lên để khiến cha vui lòng), trước khi mẹ em kịp làm gì, cha nhảy bổ lên mẹ như một người khổng lồ và kéo mẹ vào gần ngọn lửa, vừa cười vừa lúc lắc đầu. Lúc ấy em đang ở trên con kênh, nhưng rồi nghe thấy tiếng mẹ hét, em vội chạy về. Cha em vẫn giữ mẹ thật chặt, còn vấy mẹ bắt đầu bắt lửa. Em đã cố gắng dập lửa, nhưng cha đẩy em văng ra chỉ với một cái gạt tay. Trong nhà không có lấy một giọt nước, còn cha thì cười suốt; thưa cậu, điều đáng sợ không phải ở tiếng cười mà là ở nét mặt của cha. Em cố tách mẹ ra nhưng vấn đề chỉ tệ thêm. Rồi... em thật là đáng hổ thẹn, nhưng làm sao em có thể nhìn mẹ mình chết cháy? Em đã đánh cha... đánh cha bằng cái ghế đầu. Cha ném em ra xa. Cái vấy của mẹ vẫn đang bốc cháy. Em phải dập nó. Em không thể nhớ gì nhiều sau đó. Em thấy mình nằm xoài trên sàn, còn mẹ đang cầu nguyện. Em thấy mẹ như đang chìm trong lửa, tất cả những gì em nghe được lúc đó là tiếng cười. Gretel chạy vội đến chỗ

cái tủ và múc đầy một tô cháo, món đồ ăn mà cha em thích rồi đặt xuống sàn. Thế rồi, thưa cậu, cha thả mẹ ra và bò tới cái bát như một đứa trẻ. Mẹ em không bị bén lửa, chỉ một phần váy của mẹ bị cháy đen. Ôi, mẹ em thật tốt với cha làm sao, trông coi và chăm sóc cha cả đêm hôm đó. Cha đã ngủ thiếp đi trong cơn sốt cao, hai bàn tay ôm chặt lấy đầu. Mẹ nói gần đây cha rất hay làm vậy, như thể cha đang rất đau đầu. Thưa cậu, em không có ý kể cậu nghe đâu. Nếu cha còn tỉnh táo, cha sẽ không làm hại đến một con mèo.”

Hai cậu bé chìm vào im lặng một lát.

“Thật tệ quá.” Peter cuối cùng cũng lên tiếng. “Hôm nay cha em thế nào rồi?”

“Vẫn rất tệ, thưa cậu.”

“Sao em lại tìm bác sĩ Boekman vậy hả Hans? Có lẽ còn nhiều bác sĩ khác ở Amsterdam có thể giúp ông ấy mà. Boekman là một vị bác sĩ nổi tiếng, chỉ có những người giàu có nhất mới đi tìm ông ấy, mà họ cũng phải chờ đợi ông ấy đến là khổ.”

“Vì ngài ấy đã HỨA, thưa cậu, ngài ấy hứa với em ngày hôm qua rằng sẽ ghé qua xem xét bệnh tình của cha em trong tuần tới. Nhưng với sự việc tồi qua, chúng em không thể đợi được nữa. Chúng em nghĩ cha em sẽ chết mất. Ôi, thưa cậu, làm ơn nhắc ngài ấy đến nhanh lên. Ngài ấy sẽ không đợi đến một tuần nếu biết cha em sắp chết, vị bác sĩ ấy rất tốt bụng.”

“RẤT TỐT BỤNG?” Peter kêu lên trong kinh ngạc. “Sao cơ, ông ấy được biết đến là người cau có nhất cả đất Hà Lan này!”

“Ngài ấy trông cau có là bởi dáng người ngài gầy gò và đầu óc ngài còn bận rộn suy nghĩ, nhưng trái tim ngài thì thật ấm áp, em biết mà. Xin hãy nhắc lại với ngài ấy những gì em đã kể với cậu, xin cậu, rồi ngài ấy sẽ đến.”

“Anh cũng hy vọng thế Hans ạ, bằng cả trái tim anh. Anh hiểu em đang vội vã trở về nhà. Hứa với anh rằng nếu em cần một người bạn, em sẽ tới tìm mẹ anh ở Broek nhé. Cứ nói rằng anh bảo em tới gặp mẹ. Và, Hans Brinker này, đây không phải phần thưởng mà là một món quà, nên hãy nhận một vài đồng guilden đây.”

Hans kiên quyết lắc đầu.

“Không, không thừa cậu. Em không thể lấy nó được. Em sẽ rất mừng nếu có thể kiếm được việc làm tại Broek hay xưởng phía Nam, nhưng ở đâu cũng chỉ đáp lại em rằng: Đợi đến mùa xuân nhé!”

“Thật tốt khi em cho anh biết.” Peter hăm hờ đáp. “Bởi cha anh đang cần giúp đỡ gấp. Chiếc vòng cổ xinh đẹp em làm khiến cha anh vô cùng thích thú. Ông bảo: ‘Cậu bé này cắt gọt rất gọn ghẽ, cậu này điêu khắc sẽ giỏi lắm đây.’ Ngôi nhà hóng mát mới của gia đình anh đang cần chạm khắc cái cổng chào mới, mà cha anh sẽ trả công rất hậu hĩnh.”

“Chúa thật tốt bụng!” Hans reo lên trước tin mừng bất ngờ. “Ôi, thưa cậu, đó còn hơn cả một tin vui với em. Em chưa bao giờ thử làm một việc lớn đến thế nhưng em có thể làm được. Em biết là mình có thể mà.”

“Thế, cứ nói với cha anh rằng em là Hans Brinker mà anh nhắc tới. Cha sẽ rất mừng được đón tiếp em đấy.”

Hans chỉ biết nhìn lại trong sự ngạc nhiên quá đỗi.

“Thưa cậu, cảm ơn cậu nhiều.”

“À, đội trưởng ời.” Carl hô lên, nóng lòng tỏ ra dễ chịu nhất có thể như một cách chuộc lỗi. “Chúng ta đã vào tới Haarlem rồi đây, nhưng anh chưa nói gì cả. Chúng em đang đợi lệnh anh đấy, chúng em đói như chó sói rồi.”

Peter hào hứng trả lời và nhanh chóng quay sang Hans.

“Đi thôi, cùng đi ăn nào, rồi anh sẽ không làm phiền em nữa.”

Chỉ một ánh nhìn nhanh thoáng về nỗi tiếc từ Hans, Peter tự hỏi làm sao mà cậu không hề nhận ra từ trước đó là cậu bé nhà nghèo này đang rất đói.

“Ôi, thưa cậu, bây giờ có lẽ mẹ đang rất cần em, còn tình trạng của cha có lẽ còn tệ hơn... Em không thể chần chừ được. Cầu Chúa phù hộ các cậu.” Rồi, với một cái gật đầu vội vàng, Hans quay người trở về nhà và biến mất hút.

“Nào các cậu.” Peter thở dài. “Đi ăn trưa nào!”

XV

Những mái ấm

Đúng cho rằng các quý ông Hà Lan trẻ tuổi của chúng ta đã quên mất cuộc thi trượt băng lớn sắp diễn ra vào ngày Hai mươi. Trái lại, họ trăn trở và bàn tán về nó rất nhiều lần trong ngày. Kể cả Ben, dù với tâm thế của một vị khách chỉ tới để thăm thú chứ không như các thành viên còn lại, cũng chưa lần nào lãng quên hình ảnh của đôi lười trượt băng bạc đã luôn đeo bám cậu cả đêm lẫn ngày trong suốt một tuần qua.

Đúng như bản chất người “John Bull” mà Jacob gọi Ben, cậu chưa từng ngờ vực tốc độ, sức mạnh và các tố chất Anh của bản thân sẽ mang về chiến thắng cho cậu trước các cậu bé người Hà Lan. Ben rõ ràng là một người trượt băng xuất sắc. Cậu không cần tận dụng đến một nửa sức cơ hội mà những người bạn mới của mình đã dành để luyện tập, nhưng cậu có thể hoàn thiện kỹ năng của bản thân đến giới hạn và hơn thế nữa, cậu còn có một thân hình khỏe khoắn, tay chân dẻo dai, tóm lại là một chàng trai rắn chắc, gọn gàng, nhanh nhẹn, hoàn hảo về mọi mặt, đủ để cậu trượt băng tự nhiên như loài sơn dương biết chạy nhảy hay loài đại bàng biết rải cánh.

Đôi lười trượt băng bạc cũng chỉ biến mất trong trái tim nặng nề của cậu bé Hans tội nghiệp lúc ban đêm đầy sao và ban ngày đầy nắng.

Đến cả Gretel cũng cảm nhận được đôi lười trượt vút biến mất trước mắt mình khi cô bé ngồi bên mẹ trong nhiều giờ đồng hồ một mình trông nom – chúng không chỉ là giải thưởng dành cho người chiến thắng, mà còn là món châu báu đang vô vọng trượt khỏi tầm với của cô bé.

Rychie, Hilda và Katrinka – họ không hề có bất kỳ suy nghĩ nào hơn là: “Cuộc đua, cuộc đua. Nó sẽ diễn ra vào ngày Hai mươi!”

Ba cô gái này là bạn bè. Mặc dù trạc tuổi nhau, tài năng như nhau, địa vị như nhau, nhưng tính cách của mỗi cô lại rất khác.

Hilda van Gleck, như mọi người đã biết, là một cô gái tuổi mười bốn tốt bụng và cao quý. Rychie Korbes là một cô gái xinh đẹp và lộng lẫy hơn

nhều so với Hilda, nhưng không bằng được một nửa sự tươi sáng và rạng rỡ của người kia. Những đám mây kiêu kì, bất mãn và ganh tị lấp đầy trái tim cô và ngày càng lớn hơn, tối tăm hơn. Tất nhiên, chúng thường được an ủi bởi hành động của những đám mây còn lại. Nhưng ai có thể thấy được cơn bão và sự càn quét đang tới gần chứ? Chỉ có người hời gái hoặc cha, mẹ, hay đứa em trai của cô mà thôi – những người yêu quý cô hơn tất cả. Cũng như những đám mây khác, các đám mây trong cô có hình thù kì dị, tất cả chỉ là hơi nước và sương mù tạo nên ảo ảnh về sự xấu xa của con quái vật và những dãy núi cản trở. Trong suy nghĩ ấy, cô bé nông dân nghèo khổ Gretel không được coi là con người, một tạo vật của Chúa như cô nàng – cô bé chỉ là cái gì đó tượng trưng cho sự nghèo khổ, rách rưới và bẩn thỉu. Gretel cũng không có quyền được cảm nhận, được hy vọng; tóm gọn lại là những người như cô bé không bao giờ được phép cản đường của những người bề trên – nói chung là không được gây bất tiện, phiền phức. Họ có thể lao động và phục vụ bề trên từ một khoảng cách tôn kính, hay thậm chí ngưỡng mộ bề trên một cách khiêm tốn, nhưng không thể làm gì hơn thế. Nếu họ nổi loạn, hãy đàn áp họ; nếu họ đau khổ, nguyên tắc bí mật của Rychie sẽ là: “Đừng có lấy nó ra làm phiền tôi.” Ấy vậy mà cô ta vẫn là người khôn ngoan, ăn mặc thật đúng gu, ca hát thật lôi cuốn, cư xử thật triu mến (với lũ mèo và thỏ nuôi trong nhà), và vẫn thật hấp dẫn đối với các chàng trai lý trí, trung thực như Lambert van Mounen và Ludwig van Holp.

Carl có tính cách quá giống Rychie để có thể trở thành một trong những người mến mộ cô, mà có lẽ cậu ta còn ngờ vực những đám mây ấy chứ. Cậu ta là một người khó đoán, cáu bẳn và lúc nào cũng phải tỏ ra đứng đắn một cách trịch thượng, tất nhiên là ưa thích một Katrinka sống động hơn, người mà như được tạo nên từ một trăm cái chuông vậy. Cô là một tiểu thư thích làm đom từ trong trứng, từ khi còn bé tí đến khi đã đi học. Cô cứ vô tư làm đom trong giờ học, giờ làm việc, trong cả những khi gặp phải rắc rối. Cô không nhéo trước mặt mẹ mình, với con cừu cưng của mình, với đứa em trai nhỏ của mình, hay thậm chí với những lọn tóc vàng xoắn của mình nữa – luôn hất chúng ra sau như thế cô ghét bỏ chúng. Mọi người đều thích cô, nhưng ai có thể yêu cô được? Cô chẳng đứng đắn gì hết. Một gương mặt ưa nhìn, một tâm hồn dễ chịu, một tính cách dễ chịu – những điều này có thể làm người khác thích thú trong vòng một giờ. Katrinka vui

vẻ tội nghiệp! Cô cứ leng keng tươi vui suốt những ngày tháng đầu tiên, nhưng cuộc sống quá biến động để có thể làm đom với từng người một, để có thể biến đổi tiếng reo ngọt ngào hay tắt từng chiếc chuông đi.

Nơi ở của ba cô gái ấy cũng khác xa so với căn lều cũ kĩ xập xệ của Gretel. Rychie sống trong một ngôi nhà xinh đẹp gần Amsterdam, với những chiếc tủ ly đựng đầy những vật dụng bằng bạc và vàng, với thật nhiều tấm thảm thêu bằng lụa được treo thành nếp từ trên trần nhà thả xuống chạm sàn.

Cha của Hilda sở hữu căn biệt thự lớn nhất ở Broek. Hàng xóm láng giềng đều hết sức ngưỡng mộ mái nhà lấp lánh lợp bằng thứ ngói bóng loáng và mặt trước của ngôi nhà lát ván được sơn đến sáu màu khác nhau.

Cách đó chưa đến một dặm là nhà của Katrinka, tọa lạc trên vùng nông thôn đẹp nhất ở Hà Lan. Khu vườn ở đó trải thẳng tắp thành từng lối đi và từng khoảnh nhỏ, khiến đàn chim có thể nhàn lẩn nó với một bộ xếp hình Trung Quốc khổng lồ, với những mảnh ghép đã được trải ra để chơi. Nơi đây đẹp nhất vào mùa hè; những bông hoa là vật trang trí tuyệt nhất cho từng góc vườn, mỗi khi người làm vườn không để ý, chúng lại bùng nổ và nghiêng ngả vào nhau một cách xinh đẹp nhất có thể. Quả đúng là một vườn tulip tuyệt đẹp! Đến cả nữ hoàng của các nàng tiên cũng sẽ không màng đến một thành phố rộng lớn hơn để trú ngụ! Nhưng Katrinka yêu thích vườn lan dạ hương hồng và trắng hơn. Cô yêu sự tươi mát, hương thơm và cách những đóa hoa nở rộ hình cái chuông hân hoan vẫy vùng trong từng cơn gió.

Carl đã vừa đúng và vừa sai khi nói rằng Katrinka và Rychie giận dữ khi nghe tin cô bé nông dân Gretel sẽ tham gia cuộc đua. Cậu ta từng nghe Rychie tuyên bố những từ như: “Đáng khinh, đáng hổ thẹn, quá tởm tợ!” , đây là câu nói mà dù ở Hà Lan hay Anh quốc cũng đều là lối nói nặng lời nhất một cô gái đang tức tối có thể sử dụng. Cậu ta cũng từng thấy Katrinka gật gù và chêm vào bằng chất giọng ngọt ngào và ngữ điệu giận dữ nhất mà một cái chuông có thể kêu lên được: “Đáng hổ thẹn, quá tởm tợ!” Chỉ thế thôi cũng đủ khiến cậu ta hài lòng. Cậu ta chưa bao giờ nghi ngờ rằng nếu là Hilda, chứ không phải Rychie, là người đầu tiên nói với Katrinka về thông tin này, chiếc chuông hẳn sẽ kêu lên tiếng đồng ý. Cô ấy hẳn sẽ nói: “Tất nhiên rồi, cứ để cô bé ấy tham gia.” Và sẽ bỏ qua chuyện này luôn. Nhưng giờ thì Katrinka đang ngọt nhẹ nhấn mạnh rằng sẽ thật là

một nỗi hổ thẹn nếu để cho một cô bé chần ngỗng đáng thương như Gretel tham gia làm hồng cuộc đua.

Rychie Korbes, vì là một người giàu có và quyền lực (theo kiểu nữ sinh), có một hội bạn gái khác ngoài Katrinka, họ buộc phải đồng quan điểm với cô ta bởi họ, hoặc là quá vô tâm, hoặc là quá nhất gan, để có thể đưa ra chính kiến.

Tội nghiệp Gretel bé nhỏ! Căn nhà của cô bé giờ đây thật ảm đạm và tăm tối. Raff Brinker nằm rên hừ hừ trên chiếc giường gỗ ghê, còn vợ ông đã quên đi và tha thứ cho tất cả những gì đã xảy ra, lau trán và môi cho ông, khóc và cầu nguyện ông đừng chết. Hans, như chúng ta đã biết, tuyệt vọng lên đường tới Leyden để tìm bác sĩ Boekman và, nếu có thể, thuyết phục ông ấy đến thăm bệnh cho cha ngay lập tức. Gretel thì chìm trong một nỗi sợ kì lạ, cô bé cố gắng làm mọi việc có thể, lau dọn sàn gạch mấp mô, thêm than bùn vào ánh lửa chậm rãi trong lò, làm tan băng để mẹ dùng. Sau khi xong mọi việc, cô bé ngồi trên chiếc ghế đầu gần giường và cầu xin mẹ mình hãy chớp mắt một lát.

“Mẹ mệt quá rồi.” Cô bé thì thầm. “Từ lúc sự việc đáng sợ tối qua diễn ra, mẹ chưa chớp mắt chút nào. Mẹ xem, con đã trải sẵn chiếc giường liêu ở góc nhà rồi kìa, còn phủ lên đó tất cả những gì mềm mại nhất con có thể tìm được để mẹ có thể thoải mái nằm nghỉ. Áo khoác của mẹ đây. Mẹ cởi chiếc váy xinh đẹp này ra đi. Con sẽ gấp nó thật cẩn thận và đặt lại vào chiếc rương lớn trước khi mẹ đi ngủ.”

Bà Brinker lắc đầu mà không rời mắt khỏi mặt chồn mình.

“Con có thể trông cha được mà mẹ.” Gretel giục giã. “Chỉ cần cha khỏe mình thôi là con sẽ đánh thức mẹ ngay. Mẹ trông nhợt nhạt quá, mắt mẹ thì hằn đỏ lên rồi! Ôi, mẹ ơi, làm ơn mà mẹ!”

Đứa bé cầu xin trong tuyệt vọng. Bà Brinker vẫn không hề nhúc nhích.



Đứa bé cầu xin trong tuyệt vọng. Bà Brinker vẫn không hề nhúc nhích.

Gretel chỉ biết nhìn mẹ trong vô vọng, tự hỏi liệu có xấu xa quá không nếu thương mẹ hơn thương cha, mà chắc chắn là – hoặc là khá chắc chắn – rằng cô bé đang vô cùng sợ hãi cha mình trong khi dính chặt lấy mẹ với thứ tình yêu gần như là sự tôn sùng.

Anh Hans yêu cha nhiều như vậy, cô bé nghĩ, sao mình lại không thể? Thế mà mình không thể ngừng khóc khi thấy tay cha chảy máu vào h ồi tháng trước, khi cha giật lấy con dao; còn giờ, khi cha rên rỉ trên giường, mình mới thấy đau đớn làm sao! Có lẽ mình vẫn yêu cha lắm, Chúa sẽ hiểu mình không phải là một đứa con gái xấu xa, độc ác như mình tưởng. Đúng vậy, mình yêu người cha tội nghiệp của mình, gần bằng tình yêu của anh Hans, hoặc không hẳn, bởi anh Hans khỏe mạnh hơn và không sợ cha. Ôi, tiếng rên rỉ này sẽ không bao giờ dứt hay sao? Mẹ tội nghiệp của con, mẹ mới kiên nhẫn làm sao; mẹ không bao giờ than vãn như con về số ti ền đã biến mất một cách kì quặc. Nếu cha có thể, chỉ một lát thôi, mở mắt và nhìn chúng ta, như anh Hans vậy, và nói cho chúng ta số ti ền của mẹ đã biến đi đâu, mình sẽ không còn quan tâm gì khác nữa. Có chứ, mình vẫn sẽ quan tâm; mình không muốn người cha tội nghiệp của mình phải chết, nằm đó xanh xao và lạnh lẽo như em gái của Annie Bouman. Mình biết là mình không muốn thế mà. Xin Chúa, con không muốn mất cha con.

Những suy nghĩ bộn bề của cô bé hợp lại thành một lời nguyện cầu. Cô bé còn không biết mình vừa mới cầu nguyện. Sau đó, cô bé ng ẩ ng nhìn một đốm sáng nhỏ bên ngọn lửa trong lò, nhấp nháy mờ nhạt mà đều đặn, dường như để cho thấy sau tầng gỗ tối tăm kia là một nguồn ấm áp và sáng rực cuối cùng sẽ lan tỏa mọi nơi. Một chiếc cốc bằng đất đựng đầy than bùn được đặt bên cạnh giường; Gretel để nó ở đó để “giúp cha đừng run rẩy”, cô bé bảo vậy. Cô bé quan sát cái cốc khi nó tạo ra một quầng sáng xung quanh người mẹ, hắt ánh sáng lên chiếc váy phai màu và đem đến thứ gì đó như là sự mới mẻ trên vạt váy cũ mèm. Gretel cảm thấy nhẹ nhõm hơn khi quan sát những nếp nhăn trên gương mặt mệt mỏi kia như dịu lại dưới những đốm lửa nhỏ bập bùng.

R ồi cô bé quay ra đếm số cửa kính cửa sổ bị vỡ và chắp vá, cuối cùng, sau khi lần theo từng vết nứt và mối nối trên các bức tường, cô bé dừng mắt tại cái giá mà Hans làm. Cái giá treo đủ cao để Gretel có thể với tới. Trên đó là một quyển *Kinh thánh* lớn bìa da cùng mấy chiếc khóa bằng đồng thau, món quà cưới mà gia đình ở Heidelberg dành tặng cho bà Brinker.

Ôi, anh Hans mới khéo tay làm sao! Nếu giờ anh ấy ở đây, anh ấy hẳn sẽ biết cách trở người cha để cha không còn rên rỉ nữa. Trời ơi, trời ơi! Nếu trận ốm này tiếp diễn, chúng ta sẽ không thể trượt băng được nữa.

Mình phải gửi lại đôi lười trượt mới coóng cho quý cô xinh đẹp. Anh Hans và mình sẽ không được đến xem cuộc đua. Và rồi đôi mắt đang khô rát của Gretel dâng đầy nước mắt.

“Đừng khóc, con gái.” Người mẹ dịu dàng nói. “Trận ốm này có lẽ nhẹ hơn chúng ta tưởng. Trước đây, cha con đã từng nằm như thế này rồi.”

Gretel khóc nức lên.

“Ôi, mẹ ơi, không chỉ có thế đâu ạ. Mẹ không biết đâu. Con đúng là một đứa trẻ xấu xa và độc ác!”

“Con sao, Gretel? Con rất kiên nhẫn và tốt bụng đấy chứ!” Lúc ấy, gương mặt cô bé chột rưng lên với vẻ tươi sáng và sôi nổi. “Nín nào, con yêu, con sẽ đánh thức cha mất.”

Gretel vội giấu mặt vào lòng mẹ và cố gắng thôi khóc.

Bàn tay nhỏ bé, gầy guộc và đen đúa của cô bé nằm gọn trong lòng bàn tay thô ráp của mẹ mình, cả hai đôi bàn tay đều đã làm việc vô cùng vất vả. Rychie có lẽ sẽ rùng mình nếu chạm vào hai bàn tay ấy, nhưng chúng đang nắm chặt lấy nhau vô cùng ấm áp. Rồi Gretel ngước lên với ánh mắt ngây ngô và chất phác của một đứa trẻ nghèo đói sống trong một túp lều, cô bé run rẩy nói với mẹ mình. “Cha đã cố đốt mẹ, cha đã làm thế, chính con thấy mà, cha còn CUỐI nữa!”

“Yên lặng nào con!”

Người mẹ nói đột ngột và hơi gắt khiến cho Raff Brinker, đang bất động như đã chết, khẽ cựa người trên giường.

Gretel chỉ biết lo lắng níu chặt lấy rìa lỗ thủng lỗm chồm trên váy của mẹ mình. Đó là chỗ bị cháy. Thật may cho bà Brinker, cái váy này được làm bằng len.

XVI

Haarlem

Các cậu bé nghe thấy những giọng nói

Sau khi nghỉ ngơi đầy đủ, các cậu bé lại xuất phát từ quán ăn khi đồng hồ lớn ở quảng trường – dưới sự tác động của những người canh giờ Hà Lan – cứ nửa giờ một lần lại rung lên hai hồi chuông, lần này là để báo hiệu đã hai rưỡi chiều.

Người đội trưởng đang chìm trong suy nghĩ, câu chuyện buồn của Hans Brinker vẫn văng vẳng bên tai cậu. Cho đến khi Ludwig vừa cười vừa nhắc nhở cậu “Tỉnh lại đi ông già!”, cậu mới hoàn hồn về với thân phận vị đội trưởng hào hiệp của cả đội.

“E hèm! Các quý ông trẻ tuổi, đi đường này!”

Chúng dạo bước qua thành phố, không phải trên vỉa hè quanh co, bởi thứ đó không có ở Hà Lan, mà bước trên lối đi lát gạch ở bên rìa và cao cũng chỉ ngang bằng con đường rải đá sỏi dành cho xe ngựa.

Haarlem cũng như Amsterdam, tươi sáng hơn thường ngày trong ngày lễ mừng Thánh Nicholas.

Một bóng dáng kì dị đang tiến lại gần chúng. Đó là một người đàn ông nhỏ thó mặc đồ đen với chiếc áo khoác không tay ngắn. Ông ta đội tóc giả cùng chiếc mũ ba góc, từ chiếc mũ thả xuống một tấm màn vải crepe bay phấp phới.

“Ai đang tới vậy?” Ben thốt lên. “Trông đáng vẻ kì dị quá.”

“Đó là người báo tin.” Lambert đáp. “Có ai đó vừa mất.”

“Có phải đây là cách ăn mặc để bày tỏ lòng thương tiếc người đã mất ở Hà Lan không?”

“Ồ, không! Người báo tin là người phục vụ trong các đám tang, công việc của họ là báo tin cho bạn bè và người thân của người vừa mất.”

“Phong tục này kì lạ ghê.”

“Chà.” Lambert đáp. “Chúng ta không cần phải quá thương tiếc cho sự mất mát này đâu, bởi mình có thể thấy một sinh linh khác vừa được sinh ra để thay thế vị trí để trống rồi.”

Ben ngó chăm chăm. “Sao cậu biết thế?”

“Cậu có thấy chiếc gối cắm kim màu đỏ xinh xắn treo trên cánh cửa đằng kia không?” Lambert hỏi.

“Có.”

“Đấy, đó là một cậu bé.”

“Một cậu bé! Ý cậu là sao?”

“Ý mình là ở Haarlem đây, khi một cậu bé được sinh ra, cha mẹ cậu bé sẽ treo một chiếc gối cắm kim màu đỏ ngoài cánh cửa. Nếu thay vì một cậu bé là một cô bé, thì họ sẽ treo chiếc gối màu trắng. Vài chỗ khác họ còn treo thứ đẹp hơn kia, chúng đều được buộc vòng dây, và kể cả những nhà nghèo thì cậu cũng sẽ thấy một cái nơ hay thậm chí một sợi dây buộc chỗ tay cầm cửa vào.”

“Nhìn kia!” Ben hô lên. “Có một chiếc gối màu trắng treo trên cửa ngôi nhà hai gian với cái mái kì cục.”

“Mình có thấy nhà nào có cái mái kì cục đâu.”

“Ồ, tất nhiên là vậy rồi.” Ben đáp. “Mình quên mất cậu là người bản xứ, vì với mình thì toàn bộ mái nhà ở đây đều trông thật kì cục. Ý mình là căn nhà cạnh tòa nhà màu xanh lá kia kia.”

“Phải rồi, đó là một cô bé! Mà này đội trưởng.” Lambert gọi và nhanh gọn chuyển sang dùng tiếng Hà Lan. “Chúng ta nên rời khỏi con phố này nhanh lên. Ở đây có đây em bé! Họ sẽ chuẩn bị ăn mừng ầm ĩ đấy.”

Đội trưởng bật cười. “Anh nên đưa các cậu đi nghe thứ âm nhạc hay hơn thế nhỉ.” Cậu đáp. “Chúng ta sẽ đến vừa kịp để nghe màn diễn đàn ống vè Thánh Bavon đấy. Hôm nay nhà thờ mở cửa.”

“Sao, cái đàn ống vĩ đại của Haarlem ư?” Ben hỏi. “Đó hẳn là một phần quà đấy. Mình từng đọc nhiều về nó, về những cái ống to lớn của nó cùng nút vox humana có thể tạo ra âm thanh như một người khổng lồ đang hát.”

“Mình cũng thế.” Lambert van Mounen trả lời.

Peter đã đứng. Nhà thờ có mở cửa, dù là không phục vụ cho mục đích cầu nguyện. Ai đó đang chơi đàn ống. Khi các cậu bé tiến vào, một thứ âm

thanh đặc sắc truyền đến chúng. Nó như nuốt chừng từng cậu bé một vào dưới bóng của tòa nhà.

Thứ âm thanh ấy to dần thành tiếng gào thét đỉnh tai của một cơn bão dữ dội, hay tiếng biển dãn dập xô vào bờ. Giữa tiếng hỗn loạn reo lên một tiếng chuông; rồi một tiếng, một tiếng nữa tiếp tục, và cơn bão dừng lại như thể để lắng nghe. Tiếng chuông to dần, chúng kêu thật to và rõ. Những cái chuông đồng trên trần cũng góp sức; chúng cùng rung lên trong một buổi hòa nhạc long trọng – ding, dong! Ding, dong! Cơn bão bỗng ào tới với gấp đôi sự cuồng nộ, gọi về tiếng sấm từ đằng xa. Các cậu bé lặng thình nhìn nhau. Không khí đang dần trở nên nghiêm trọng. Cái gì vậy? AI vừa thét? CÁI GÌ vừa thét... thứ tiếng khủng khiếp mà nhạc tính đến thế? Đó là người hay là quỷ? Có phải là một con quái vật giấu mình sau khung đồng thau chạm khắc kia, sau những cây cột bạc to lớn kia... là một con quái vật tuyệt vọng van vãn, thét gào đòi tự do! Đó là vox humana!

Cuối cùng câu trả lời cũng tới – nó nhẹ nhàng, dịu dàng, trỗi dậy như khúc ca của người mẹ. Con bão dần lặng tiếng; đàn chim ẩn mình bay vút lên trời, líu lo thứ âm nhạc mừng rỡ mê hoặc, cứ bay cao dần, cao dần cho đến khi thanh âm mờ nhạt cuối cùng hoàn toàn biến mất.

Vox humana đã im lặng, nhưng trong bản thánh ca tuyệt vời của ngày lễ tạ ơn vang lên, người ta gần như vẫn nghe thấy tiếng trái tim con người đập. Điều này có nghĩa gì? Tiếng than khóc khẩn cầu của người đó có được đáp lại kịp thời hay không? Lòng biết ơn đó có mang đến cho chúng ta sự tự do hay không? Peter và Ben có cảm giác như đang nghe các thiên thần hát. Đôi mắt họ mờ đi, tâm hồn họ quay cuồng với niềm vui kì lạ. Cuối cùng, như thể bị đẩy lên trước bởi những bàn tay vô hình, họ thả mình trôi theo tiếng nhạc, mọi thứ khác đều chìm vào lãng quên, tất cả những gì họ muốn lúc này là được nghe thứ âm thanh tuyệt diệu kia mãi mãi, cho đến khi tay áo van Holp bị kéo một cách thiếu kiên nhẫn, tiếng cằn nhằn từ bên cạnh cất lên hỏi: “Này đội trưởng, anh định ở đây đến bao giờ, khi cứ chớp mắt nhìn lên trần nhà như một con thỏ ốm thế? Chúng ta cần đi ngay.”

“Im nào!” Peter thì thào, chưa tỉnh hẳn khỏi cơn mơ.

“Thôi nào! Đi thôi.” Carl nói và kéo tay áo người kia lần nữa.

Peter bất đắc dĩ quay lại. Cậu không thể làm phiền những người còn lại nếu họ không thích. Tất cả, trừ Ben, đều đang nhìn cậu với vẻ trách móc.

“Ừ, các em.” Cậu nói nhỏ. “Chúng ta đi thôi. Rời đi thật khẽ thôi nhé.”

“Đó là đi đầu tuyệt vời nhất mình từng thấy hay nghe thấy từ khi đến Hà Lan đấy!” Ben hào hứng kêu lên một khi họ đã ra ngoài. “Đúng là tuyệt hảo!”

Ludwig và Carl cười lém lỉnh trước tiếng làm nhảm của chàng trai người Anh. Jacob ngáp, còn Peter nhìn sang Ben bằng ánh mắt khiến cậu ngay lập tức cảm nhận được mình và Peter thực ra không khác nhau đến vậy, dù một người đến từ Hà Lan và người kia đến từ Anh quốc. Lambert, người phiên dịch, trả lời ngắn gọn: “Cậu nên thấy thế. Mình tin rằng người ta bảo ngày nay có một đến hai cái đàn ống hay được bằng chiếc đàn ở đây; nhưng đã bao nhiêu năm rồi chiếc đàn của Thánh Bavon này vẫn là cái to nhất thế giới.”

“Cậu có biết nó to bao nhiêu không?” Ben hỏi. “Mình có để ý rằng chính nhà thờ cũng cao phi thường, còn cái đàn ống thì lấp đầy cuối sảnh lớn, cao từ sàn đến gần kịch trần.”

“Đúng thế.” Lambert đáp. “Mấy cái ống cũng đỉnh nữa, trông chúng như những chiếc cột màu bạc to lớn vậy. Nhưng mà chúng chỉ để làm cảnh thôi. Những cái ống thật sự nằm đằng sau cơ, một vài cái to đủ để người chui lọt, một vài cái khác lại nhỏ như còi của em bé. Về kích cỡ thì nhà thờ này cao hơn cả tu viện Westminster, ấy vậy mà như cậu nói, cái đàn ống vẫn tạo ra một buổi diễn tuyệt vời. Cha đã nói với mình tối qua rằng nó cao gần ba mươi ba mét, rộng hơn mười lăm mét và có đến hơn năm nghìn cái ống. Nó còn có sáu mươi tư nút bấm – cậu biết nó là gì chứ, mình thì không – và ba bộ bàn phím.”

“Hay quá!” Ben đáp. “Cậu có một trí nhớ tốt đấy. Đầu óc mình dở tệ trong việc ghi nhớ những con số. Chúng vào và ra cùng một lúc luôn. Nhưng các chân lý và sự kiện lịch sử thì mình nhớ rất rõ – đó có lẽ là một sự bù trừ.”

“Thế thì chúng ta khác nhau ở chỗ đó đấy.” Van Mounen đáp. “Mình rất giỏi nhớ tên và số liệu, nhưng lịch sử thì lại khác, đó là một mớ bòng bong vô vọng đối với mình.”

Lúc đó, Carl và Ludwig đang tranh luận về các tượng đài hình vuông bằng gỗ mà chúng đã ngắm nghía bên trong nhà thờ. Ludwig tuyên bố rằng mỗi tượng đài đều được khắc tên của những người được chôn bên dưới,

còn Carl thì khẳng định là chúng không khắc tên mà chỉ có phù hiệu của những người đã mất được vẽ trên nền đen, cùng với ngày chết ghi bằng chữ mạ vàng.

“Mình biết mà.” Carl nói. “Bởi vì mình có đi dọc mạn phía Đông để tìm quả đạn súng thần công mà mẹ mình nói được khắc ở đó. Nó từng được lữ quân đội Tây Ban Nha ngu ngốc bắn vào nhà thờ vào năm 500 hay gì đó, trong khi buổi lễ đang được tiến hành. Nó có nằm trong bức tường, chắc chắn đấy, và khi bước ra ngoài, mình có để ý thấy dây đai kỉ niệm. Mình nói này, chúng chẳng có cái tên nào ở đó cả.”

“Hỏi anh Peter xem.” Ludwig nói, mới chỉ bị thuyết phục một nửa.

“Carl nói đúng đấy.” Peter đáp, dù đang mải trò chuyện với Jacob, cậu vẫn nghe được cuộc tranh luận giữa hai người kia. “Jacob ạ, như anh đang nói đấy, Handel là một nhạc sĩ tuyệt vời, ông ấy có cơ hội đến thăm Haarlem và ngay lập tức tìm kiếm cái đàn ống nổi danh như một lễ tất nhiên. Ông ấy được sự cho phép để chơi đàn tùy ý cho đến khi một nghệ sĩ dương cầm bình thường vô tình bước vào tòa nhà. Ông ấy sửng người vì kinh ngạc. Ông ấy cũng chơi rất tốt rồi, nhưng ông ấy chưa từng nghe thứ âm nhạc hay đến vậy từ trước tới nay. ‘Ai đấy?’ Ông ấy kêu lên. ‘Nếu ngài không phải thiên thần hay ác quỷ, thì hẳn ngài là Handel rồi!’ Khi ông ấy phát hiện ra đó đúng là vị nhạc sĩ tài ba, ông ấy thậm chí còn bối rối hơn. ‘Nhưng sao có thể như vậy được?’ Ông ấy nói. ‘Ngài đã làm đi đâu không thể – không thể có mười ngón tay nào khác trên thế giới này chơi được một khúc nhạc như vừa rồi. Ngón tay loài người không thể nào đi đâu khiêu cùng lúc tất cả số bàn phím và nút bấm ở đây được!’ ‘Tôi biết.’ Handel lạnh nhạt nói. ‘Thế nên tôi mới phải dùng mũi mình để với sang vài nốt đấy.’ Chúa ơi! Thử tưởng tượng xem vẻ mặt của vị nghệ sĩ dương cầm trông như thế nào!”

“Ê! Gì vậy?” Jacob kêu lên, giật mình khi giọng nói hào hứng của Peter đột ngột dừng lại.

“Thằng oắt này, cậu không nghe anh vừa nói gì phải không?” Peter bực bội hỏi.

“Ồ, ừ... à không. Thực ra ban đầu em có nghe anh đó chứ. Giờ em tỉnh rồi, nhưng em tin là em vừa mới đi bên cạnh anh trong lúc nửa tỉnh nửa mơ.” Jacob lấp bắp với vẻ mặt ủ ê và ngơ ngác đến nỗi khiến Peter không thể không bật cười.

XVII

Người đàn ông bốn đầu

Rồi nhà thờ, các cậu bé dừng lại trước khu chợ ngoài trời và chiêm ngưỡng bức tượng đồng của Laurens Janszoon Coster, nhân vật mà người dân Hà Lan tin rằng là ông tổ của ngành in. Có nhiều người tranh cãi rằng vị trí này lẽ ra là của Johannes Gutenberg từ Mayence, cũng có những người cho là Fautus, người hàng xóm của Coster, đã đánh cắp bằng chữ cái bằng gỗ của ông chủ mình vào một ngày Giáng sinh, khi ông còn đang ở nhà thờ, rồi cao chạy xa bay với món đồ quý giá cùng bí mật này tới Mayence. Coster quê ở Haarlem, thế nên cũng là lẽ tự nhiên khi người Hà Lan sốt sắng giành lấy cái danh phát minh về cho người đồng hương nổi danh của mình. Có một điếu chắc chắn rằng cuốn sách đầu tiên mà ông ấy in được cả thành phố gìn giữ trong chiếc hộp bằng bạc, bọc ngoài bằng vải lụa và được trân trọng như một món cổ vật quý hiếm. Người ta nói rằng ông nghĩ ra ý tưởng in ấn từ việc khắc tên mình lên vỏ cây và sau đó ấn một mảnh giấy lên các con chữ.

Tất nhiên, Lambert và cậu bạn người Anh của cậu đã bàn luận rất sôi nổi về chủ đề này. Họ cũng tranh cãi khá nhiều về một phát minh nữa. Lambert tuyên bố rằng vinh dự phát minh ra kính viễn vọng và kính hiển vi phải được chia đôi giữa hai người Hà Lan là Metius và Jansen, trong khi Ben cương quyết khẳng định rằng Roger Bacon, một thầy tu người Anh vào thế kỷ thứ mười ba, đã “viết ra thật đầy đủ, thừa cậu, bản mô tả hoàn hảo chiếc kính viễn vọng và kính hiển vi, trước hai vị kia rất lâu rồi”.

Dù sao thì họ vẫn đồng quan điểm trong một vấn đề Nghệ thuật chữa bệnh và làm muối cá trích được phát minh bởi William Beukles đến từ Hà Lan, và rằng đất nước này đã đúng khi coi ông ấy như một anh hùng dân tộc, bởi ngành buôn bán cá trích đã giúp ích rất lớn cho kinh tế và địa vị của đất nước này.

“Thật đáng ngạc nhiên.” Ben nói. “Là loại cá này được tìm ra với số lượng rất lớn. Mình không biết ở đây thì ra sao, nhưng ở bờ biển Anh

quốc, về phía Yarmouth, cách mặt nước khoảng trên dưới hai mét toàn là cá trích.”

“Thế thì đúng là tuyệt thật.” Lambert đáp. “Nhưng cậu nên biết là từ ‘cá trích’ trong tiếng Anh có nguồn gốc từ từ ‘quân đội’ trong tiếng Đức, bởi loài cá này luôn đi theo đàn lớn.”

Vừa lúc đó, khi đi ngang qua một cửa hiệu sửa giày, Ben thốt lên: “Này! Lambert, tên của một trong những vĩ nhân nước cậu được treo trên bảng hiệu của người sửa giày này! Boerhaave. Nếu nó là Herman Boerhaave thay vì Hendrick thì mới đúng chuẩn.”

Lambert đáp lại với đôi lông mày nhú chặt: “Boerhaave, Boerhaave ư? Cái tên này nghe quen quá; mình nhớ là ông ấy sinh năm 1668, nhưng phần còn lại thì quên tiệt như thường. Có nhiều vĩ nhân người Hà Lan quá mà, cậu thấy đây, khó có ai mà nhớ hết được. Ông ấy là sao nhỉ? Ông ấy có hai đầu à? Hay ông ấy là một trong những thợ lặn thiên tài tuyệt diệu như Marco Polo?”

“Ông ấy có đến BỐN cái đầu.” Ben cười đáp. “Bởi ông ấy là một bác sĩ, nhà tự nhiên học, nhà thực vật học và là một dược sĩ tài giỏi. Giờ mình biết nhiều thông tin về ông ấy lắm, bởi mình vừa đọc tiểu sử của ông ấy vài tuần trước xong.”

“Thế thì nói cho mình biết thêm đi.” Lambert đáp. “Nhưng giờ chúng ta cần đi nhanh hơn nếu không muốn bị các cậu kia bỏ lại.”

“Được.” Ben đáp, rảo bước nhanh hơn trong khi vui thích nhìn cảnh vật quanh con phố đông đúc. “Vị bác sĩ Boerhaave này là một người *tháo* tin tuyệt vời.”

“CÁI GÌ tuyệt vời cơ?” Lambert hét lớn.

“Ồ, mình xin lỗi. Mình đang nghĩ tới người đàn ông đội mũ ba sừng đó. Ông ấy là người *tháo* tin phải không?”

“Ông ấy là người báo tin, nếu ý cậu là vậy. Nhưng cậu đang định nói gì về người bốn đầu kia?”

“À, như mình đang định nói đấy, vị bác sĩ ấy từng là một đứa trẻ mồ côi tay trắng mười sáu tuổi, không được học hành cũng chẳng có bạn bè...”

“Mở đầu vui vẻ ghê!” Lambert chen vào.

“Nào, đừng ngắt lời mình chứ. Ông ấy là một đứa trẻ mồ côi nghèo khó không bạn bè mười sáu tuổi, nhưng ông ấy vô cùng kiên trì, siêng năng

và quyết tâm học hỏi, thế nên ông ấy đã vươn lên và trở thành một trong những người bác học nhất toàn châu Âu. Mọi... cái gì thế kia?”

“Ở đâu? Ý cậu là sao?”

“Kia, tờ giấy dính trên cánh cửa đối diện kia. Cậu thấy chưa? Có hai hay ba người đang đứng đọc ấy. Mình để ý có vài tờ giấy như thế từ lúc tới đây rồi.”

“Ồ, đó chỉ là tờ thông cáo sức khỏe thôi. Có ai đó trong nhà bị ốm, để ngăn tiếng gõ cửa, họ viết tình trạng của bệnh nhân lên một tấm áp phích rồi treo nó ngoài cửa, cũng chỉ muốn tốt cho những người bạn đang thấp thỏm thôi – mình đảm bảo đó là một truyền thông rất thấu tình đạt lý đấy. Không có gì là lạ lùng cả. Tiếp tục đi nào, cậu đang nói ‘Mọi...’ rồi dừng lại ở đó.”

“Mình đang muốn nói là...” Ben tiếp tục. “Là mọi... mọi... cái cách mà mọi người ăn mặc ở đây, nó cứ buồn cười thế nào ấy! Cứ nhìn các quý ông quý bà đội mũ chớp cao đi. Có quý bà đi đằng trước chúng ta lại còn đội chiếc mũ bê rê bằng rơm trông như cái xẻng buộc túm sau đầu nữa. Cậu đã từng thấy cái gì buồn cười đến thế chưa? Rồi còn đôi giày gỗ to tướng kia... Mình đoán bà ấy thấy thế là đẹp?”

“Ồ, họ đâu là người đến từ quê xa hẻo lánh.” Lambert thiếu kiên nhẫn đáp. “Cậu nên quên chuyện về ông Boerhaave đi hoặc nhắm mắt vào.”

“Ha! Ha! Chà, mình đang ĐỊNH nói rằng, mọi quý ông trọng vọng thời đó đều tìm đến vị giáo sư tuyệt vời này. Kể cả Peter Đại đế, khi đi từ Nga sang Hà Lan để học cách đóng tàu, cũng thường xuyên dự lớp học của ông ấy. Lúc đó, Boerhaave đang là giáo sư dược học, hóa học và thực vật học ở Đại học Leyden. Ông ấy trở nên giàu có từ công việc là một bác sĩ đi đầu trị, nhưng ông ấy cho rằng người nghèo mới là những bệnh nhân tốt nhất của mình, bởi Chúa mới là người trả công cho họ. Toàn châu Âu đều thấy yêu mến và trân trọng ông ấy. Tóm lại, ông ấy nổi tiếng đến nỗi khi một quan chức từ Trung Quốc gửi bức thư với địa chỉ ‘ngài Boerhaave lòng lấy, bác sĩ tại châu Âu’, bức thư vẫn đến được tay ông ấy mà không gặp phải trục trặc nào.”

“Chúa ơi! Đó mới đúng là người của công chúng chứ. Các cậu kia dừng lại rồi kìa. Giờ thì sao đây, đội trưởng van Holp, chúng ta đi đâu tiếp theo?”

“Chúng ta cứ đi tiếp thôi.” Van Holp đáp. “Mùa này ở Bosch không có gì để ngắm đâu. Bosch là khu rừng hoàng gia, Benjamin ạ, một công viên rộng lớn nơi họ trồng những loài cây to lớn nhất, được pháp luật bảo vệ. Em hiểu chứ?”

“Vâng!” Ben gật đầu khi đội trưởng nói tiếp.

“Trừ khi các em đều muốn ghé thăm Viện bảo tàng Lịch sử thiên nhiên, chúng ta sẽ lại ra con kênh lớn. Nếu có thêm thời gian, anh sẽ rất vui lòng đưa Benjamin lên Cầu thang Xanh.”

“Cầu thang Xanh là gì vậy Lambert?” Ben hỏi.

“Đó là điểm cao nhất của Đụn cát. Từ vị trí đó em sẽ có tầm nhìn đẹp nhất xuống đại dương, cũng như tận hưởng vẻ kỳ diệu của đụn cát. Người ta khó mà tin nổi sức gió lại hùn cát lên một cách đặc sắc như thế. Nhưng chúng ta cần đi qua Bloemendal – một khu làng không mấy xinh đẹp, mới tới được đó, lại còn khá xa nữa. Em thấy sao?”

“Ồ, cái gì em cũng sẵn sàng hết. Em thì thích đi thẳng tới Leyden hơn, nhưng cứ để đội trưởng quyết đi... Thế nào, Jacob?”

“Ừm, thế cũng được.” Jacob nói, cậu muốn đánh một giấc hơn là phải lên Cầu thang Xanh.

Vị đội trưởng cũng thích đến Leyden hơn.

“Từ đây đến đó là bốn dặm. Thế là tròn mười sáu dặm Anh đấy, Benjamin ạ. Chúng ta không nên lãng phí thời gian nếu các em muốn đến đó trước nửa đêm. Quyết định nhanh lên các em – Cầu thang Xanh hay Leyden?”

“Leyden.” Tất cả trả lời, rồi nhanh chóng rời khỏi Haarlem, tỏ lòng ái mộ những chiếc cối xay gió cao lớn như những tòa tháp và vùng nông thôn tươi đẹp khi bỏ lại thành phố phía sau.

“Nếu cậu thực sự muốn thưởng ngoạn Haarlem.” Lambert nói với Ben, sau khi họ đã trượt được một lúc trong im lặng. “Cậu nên đến đây vào mùa hè. Đây là nơi tuyệt nhất thế giới với những loài hoa đẹp tuyệt vời. Đi dạo quanh thành phố lúc đó mới thích, rừng cây du xanh tươi thì trải dài hàng dặm, phủ đầy lông công, mọi thứ đều rất đáng nhớ. Đừng cười, anh bạn ạ, khi mình nói ‘lông công’. Mình đang mải nghĩ về những chiếc lông quý bay phất phơ nên hơi bị rối loạn từ ngữ một chút. Nhưng một cây du Hà

Lan có thể đánh bại mọi thứ; đó là loài cây hoàng gia nhất thế giới này, Ben ạ... nếu cậu không tính cây sồi Anh."

"Ừ." Ben nghiêm túc đáp. "Đây là NẾU cậu không tính cây sồi Anh." Trước mắt cậu hiện ra hình ảnh Robby và Jenny nhảy tung tung lên không, đôi lúc làm cậu khó có thể thấy con kênh trước mặt mình.

XVIII

Bạn bè lúc hoạn nạn

Trong lúc đó, các cậu bé còn lại đang lắng nghe Peter kể chuyện về một vụ việc xảy ra đã rất lâu về trước, ở một nơi trong thành phố mà giờ đây là một tòa lâu đài cổ, chủ nhân của nó từng là một vị lãnh chúa đàn áp người dân trong vùng đến độ họ phải vùng dậy bao vây lâu đài của hắn. Trước sự phản kháng kịch liệt này, khi vị lãnh chúa không thể chống chịu hơn nữa và chuẩn bị sẵn sàng để trả giá đất cho lỗi lầm của mình, vợ hắn xuất hiện ngay trên thành lũy và chấp nhận từ bỏ mọi thứ, chỉ cần cho phép bà được giữ lại và mang theo món đồ quý giá nhất mà bà có thể vác trên lưng. Lời đề nghị được chấp thuận và bà bước ra ngoài cánh cổng, trên lưng cồng chông mình. Lời cam kết của người dân đã giúp hắn tránh được cơn cuồng nộ của đoàn kỵ binh nhưng lại cho phép họ trả thù lên tòa lâu đài.

“Anh có TIN vào câu chuyện đó không, đội trưởng Peter?” Carl hỏi bằng giọng ngờ vực.

“Tất nhiên là có rồi. Đó là sự kiện lịch sử mà. Sao anh có thể nghi ngờ nó chứ?”

“Bởi chẳng người phụ nữ nào có thể làm vậy – mà nếu có thể đi chẳng nữa thì cũng chẳng đời nào chịu làm. Đây là theo suy nghĩ của em.”

“Mình thì tin là có nhiều người phụ nữ SẼ làm thế đấy, nếu đó là người mà họ thực sự yêu thương.” Ludwig nói.

Jacob, mặc dù cảm thấy nặng nề và buồn ngủ, đã trở nên khá xúc động và vô cùng chăm chú vào cuộc trò chuyện.

“Đúng thế, anh bạn nhỏ ạ.” Cậu nói trong khi gật đầu đồng tình. “Mình tin vào từng chi tiết của câu chuyện. Mình sẽ không bao giờ cưới một người phụ nữ mà chẳng thể công nổi MÌNH.”

“Cậu Chúa phù hộ cô ấy!” Carl cảm thán và quay sang nhìn người vừa nói. “Poot à, đến ba người đàn ông còn chẳng bùng được cậu ấy!”

“Có thể không được.” Jacob lặng lẽ đáp, cảm thấy mình đã đòi hỏi hơi quá ở bà Poot tương lai. “Nhưng cái chính là cô ấy cần NGUYỄN Ý, vậy thôi.”

“Đúng.” Peter vui vẻ đáp. “Trái tim tự nguyện sẽ khiến đôi chân trở nên nhanh nhẹn... mà ai biết được đấy, có khi nó sẽ khiến cả đôi tay cũng trở nên mạnh mẽ nữa.”

“Anh Peter này.” Ludwig chuyển chủ đề “Tối qua anh có kể cho em về ông họa sĩ Wouwerman sinh ra ở Haarlem đúng không?”

“Đúng rồi, còn có Jacob Ruysdael và Berghem nữa. Anh thích Berghem bởi ông ấy rất tốt tính. Họ nói rằng ông ấy thường ca hát trong lúc vẽ, và mặc dù ông ấy đã mất từ gần hai trăm năm trước, mọi người vẫn lưu truyền về tiếng cười dễ mến của ông ấy. Ông ấy quả là một họa sĩ tài ba, nhưng lại có một bà vợ cau có chẳng kém Xantippe.”

“Họ bù trừ cho nhau rất vừa vặn.” Ludwig nói. “Ông ấy dễ chịu, còn bà ấy thì hay cau có. Nhưng, anh Peter ơi, trước khi em quên mất, không phải chính Wouwerman đã vẽ bức *Thánh Hubert và con ngựa* hay sao? Anh còn nhớ chứ, cha đã cho chúng ta xem bản khắc họa của nó tối qua.”

“Đúng vậy, chắc chắn rồi. Có hẳn một câu chuyện liên quan đến bức tranh đó đấy.”

“Kể đi anh!” Hai hay ba cậu bé kêu lên và trượt lại gần Peter.

“Wouwerman.” Vị đội trưởng hùng hồn bắt đầu. “Sinh năm 1620, chỉ trước Berghem bốn năm. Ông ấy là bậc thầy hội họa và đặc biệt xuất sắc trong các bức vẽ ngựa. Thật là lạ khi người ta mất rất nhiều thời gian mới nhìn nhận tài năng của ông ấy, thậm chí khi ông ấy đạt đến đỉnh cao của sự xuất sắc, ông ấy vẫn buộc phải bán tranh của mình với giá rẻ mạt. Vị họa sĩ nghèo khổ vô cùng nhút nhát, tẻ hơn nữa, lúc đó ông ấy còn đang nợ ngập đầu. Một ngày, ông ấy tâm sự nỗi khổ tâm của mình với Cha xứ xưng tội, là một trong rất ít người đánh giá đúng tài năng của ông ấy thời đó. Vị cha xứ quyết định sẽ hỗ trợ ông ấy và cho ông ấy vay sáu trăm đồng guilden, khuyên ông ấy hãy yêu cầu một cái giá cao hơn cho tranh của mình. Wouwerman làm theo và dùng số tiền kia để trả nợ. Mọi thứ đột ngột chuyển biến tốt hơn hẳn. Mọi người bắt đầu trân trọng vị họa sĩ tài ba, người vẽ ra những bức tranh thật đắt đỏ. Ông ấy trở nên giàu có. Sáu trăm đồng guilden được trả lại, Wouwerman còn cảm kích mà gửi tặng kèm một

bức tranh, vẽ ân nhân của mình như là vị Thánh Hubert quỳ gối trước con ngựa của mình – đó chính là bức tranh chúng ta bàn tới tối hôm qua đây, Ludwig ạ.”

“Vậy sao! Vậy sao!” Ludwig cảm thán với vẻ quan tâm thống thiết. “Em sẽ phải xem lại bức khắc họa đó khi trở về nhà mới được.”

Cùng lúc đó, khi Ben đang trượt băng với các bạn mình bên bờ đê Hà Lan, thì Robby và Jenny đang đứng trong lớp học xinh xắn tại nước Anh, chuẩn bị thực hiện nhiệm vụ của mình trong lớp học đọc.

“Bắt đầu! Cậu Robert Dobbs.” Giáo viên nói. “Trang hai trăm bốn mươi hai. Giờ, mời em đọc, nhớ ngắt nghỉ cho đúng dấu chấm, phẩy nhé.”

Robby, bằng giọng nhanh nhẩu của trẻ con, đọc thật to trước lớp: “Bài số sáu mươi hai. Người hùng của Haarlem. Nhiêu năm về trước, tại Haarlem, một trong những thành phố lớn của Hà Lan, có một cậu bé tốt bụng với mái tóc màu nắng. Cha cậu bé là người gác cửa cổng, công việc của ông là mở và đóng những cánh cổng bằng gỗ sồi lớn được đặt đầu nhau dọc đường vào của những dòng kênh, để đi đầu khiến lượng nước chảy vào chúng.

Người gác cửa cổng mở cổng nhiều hay ít dựa trên mức nước người dân cần và cẩn thận đóng cửa mỗi đêm để ngăn chặn mọi nguy hiểm có thể xảy ra; nếu quá nhiều nước chảy vào con kênh, nước sẽ tràn ra và làm ngập cả một vùng nông thôn. Bởi phần lớn diện tích Hà Lan thấp hơn mực nước biển, chỉ có hàng đê hay thanh chắn vững chắc và những cánh cửa biển luôn bị những con sóng lớn tìm cách xô đổ này mới có thể ngăn chặn được dòng nước khỏi làm ngập lụt cả vùng đất. Thậm chí cả những đứa trẻ bé xíu ở Hà Lan cũng ý thức được là cần phải liên tục trông chừng những con sông và đại dương ngoài kia, và rằng chỉ một chút lơ đãng của người gác cổng thôi cũng đủ để mang lại sự hủy diệt và chết chóc cho tất cả.”

“Rất tốt.” Giáo viên nói. “Giờ đến Susan đọc.”

“Một buổi chiều mùa thu dễ chịu, khi cậu bé được khoảng tám tuổi, cậu được cha mẹ đồng ý cho mang vài chiếc bánh ngọt đến tặng cho một người đàn ông mù sống ở ngoại ô ở phía bên kia con đê. Cậu bé vui vẻ lên đường, và sau khi dành một tiếng đồng hồ bên người bạn lớn tuổi đang rất cảm kích, cậu bé nói lời tạm biệt và trở về nhà.

Chậm rãi bước đi dọc con kênh, cậu bé nhận thấy mưa mùa thu đã làm mực nước dâng cao. Kể cả khi đang ngâm nga khúc hát thiếu nhi vô tư, cậu bé vẫn chột nhĩ về cánh cổng lâu đời kiên cường của cha và cảm thấy hạnh phúc vì sức mạnh của chúng, bởi cậu nghĩ: ‘Nếu CHÚNG mà bỏ cuộc, mẹ và cha sẽ đi đâu? Những cánh đồng xinh xắn sẽ bị lấp vùi bởi dòng nước giận dữ – cha vẫn luôn gọi chúng là dòng nước GIẬN DỮ. Mình cho là cha nghĩ rằng chúng ghét cha lắm bởi cha đã nhốt chúng ở ngoài quá lâu.’ Rồi với những suy nghĩ cứ lướt nhanh qua đầu như thế, cậu bé cúi xuống hái vài bông hoa xinh đẹp mọc trên đường. Đôi lúc, cậu dừng lại để tung lên trời quả hạt giống bông xộp và nhìn nó bay đi mất; đôi lúc cậu lại lắng nghe tiếng chạy sột soạt lén lút của một con thỏ tăng tốc thật nhanh qua bãi cỏ, nhưng cậu thường xuyên mỉm cười khi nhớ lại thứ ánh sáng hạnh phúc nở trên gương mặt mệt mỏi, chăm chú của người bạn mù lớn tuổi của mình.”

“Đến lượt Henry đọc nào.” Giáo viên nói và gật đầu với cậu bé kế tiếp.

“Đột ngột, cậu bé nhìn quanh mình với vẻ sợ hãi. Cậu đã không để ý rằng mặt trời đang lặn dần. Giờ cậu mới nhận ra hàng bóng dài của thảm cỏ đã biến mất. Trời đang tối dần, mà cậu vẫn đang cách xa nhà, ở giữa hẻm núi cô quạnh, nơi mà đến cả loài hoa màu xanh cũng ngả sang màu xám. Cậu vội rảo bước thật nhanh, với tiếng tim đập rộn đang hồi tưởng lại vài câu chuyện cổ tích về những đứa trẻ lè mề bị bỏ lại trong những cánh rừng đáng sợ. Vừa đúng lúc chuẩn bị co chân chạy, cậu giật mình khi nghe thấy tiếng nước róc rách. Nó phát ra từ đâu thế nhỉ? Cậu bé nhìn lên và thấy một lỗ thủng nhỏ trên tường đê, từ đó một dòng nước bé xíu đang róc rách chảy qua. Bất cứ đứa trẻ nào ở Hà Lan cũng sẽ rùng mình khi nghĩ đến một LỖ THỦNG TRÊN BỜ ĐÊ! Cậu bé nhanh chóng hiểu được mối nguy hiểm cận kề. Cái lỗ nhỏ đó, nếu cho dòng nước tiếp tục chảy qua như vậy sẽ dần biến thành cái lỗ to, rồi một trận lụt khủng khiếp sẽ đến.

Nhanh như một tia chớp, cậu bé nhận ra nhiệm vụ của mình. Ném những bông hoa đi, cậu trèo lên triền đê cho đến khi tới chỗ cái lỗ. Ngón tay múp míp nhỏ nhắn của cậu bé đút vào cái lỗ đó, trước cả khi cậu kịp suy nghĩ gì. A! Dòng nước đã dừng rồi! Cậu nghĩ vậy với một tiếng cười khúc khích con nít đầy vui sướng, dòng nước giận dữ sẽ phải lùi lại thôi! Haarlem sẽ không bị lụt một khi mình còn ở đây!

Ban đầu thì ý tưởng này rất ổn, nhưng màn đêm buông xuống rất nhanh. Sương lạnh ngập tràn không khí. Người anh hùng nhỏ bé của chúng ta bắt đầu run rẩy bởi cái lạnh và sự sợ hãi. Cậu gào thật to; cậu hét lên: ‘Hãy đến đây! Đến đây!’ nhưng không ai đến cả. Cái lạnh ngày càng trở nên băng giá, cảm giác tê rần và đông cứng từ ngón tay nhỏ bé mỗi một của cậu lan dần sang cả bàn tay và cánh tay, rồi cuối cùng cả cơ thể cậu đau buốt. Cậu hô lên lần nữa: ‘Có ai đến không? Mẹ ơi! Mẹ ơi!’ Lay Chúa, mẹ cậu bé, một người tốt bụng nhưng thực tế, đã khóa chặt cửa nhà và chuẩn bị để mắng cậu một trận vì ngủ lại qua đêm với Jansen mà chưa được sự cho phép rồi. Cậu cố gắng huýt sáo. Có lẽ một cậu bé lang thang nào đó sẽ nghe được tiếng ấy chẳng, nhưng rằng cậu va lập cập vào nhau khiến cậu không thể nào huýt sáo được. Rồi cậu gọi với lên Chúa cầu xin giúp đỡ. Cậu trả lời cuối cùng cũng đến, qua một lời quyết tâm đáng nể: ‘Mình sẽ ở đây đến sáng.’”

“Giờ đến Jenny Dobbs đọc.” Giáo viên nói. Đôi mắt Jenny đã lấp lánh nước, nhưng cô bé lấy một hơi thật dài rồi bắt đầu đọc.

“Vầng trăng lúc nửa đêm ngó xuống bóng hình nhỏ bé cô độc đang ngồi trên một tảng đá cao bằng nửa con đê. Đầu cậu bé ngoẹo sang một bên nhưng cậu không ngủ, bởi thỉnh thoảng một bàn tay không biết mệt mỏi lại yếu ớt xoa xoa cánh tay mệt mỏi đang như dính chặt vào con đê và bởi khuôn mặt nhợt nhạt đắm nước mắt thường xuyên quay ngoắt lại mỗi khi nghe thấy bất kì âm thanh gì, dù là thật hay là tưởng tượng.

Làm sao chúng ta có thể cảm nhận được sự khổ sở của đêm trông chùng dài và đáng sợ đó – quyết tâm của cậu bé đã bị lung lay đến đâu, nỗi sợ trẻ con đã lớn đến đâu khi cậu bé mơ về chiếc giường nhỏ bé ấm áp ở nhà, mơ về cha mẹ, về anh chị, rồi nhìn lại màn đêm lạnh lẽo kinh hoàng. Nếu cậu rút ngón tay về dòng nước giận dữ, vẫn đang càng lúc càng giận dữ, sẽ ủa tới, không chịu dừng lại cho đến khi nó nhấn chìm cả thị trấn. Không, cậu sẽ giữ nó ở đây cho tới khi trời sáng – nếu cậu còn sống! Cậu không chắc mình có sống sót nổi không. Tiếng ù ù lạ lùng bên tai này là sao? Những mũi dao đang châm chích dọc người cậu từ đầu đến chân là sao? Cậu không chắc chắn giờ mình có thể rút ngón tay ra được hay không, kể cả nếu cậu có muốn đi nữa.

Ngay khi trời vừa hửng sáng, một tu sĩ, trên đường trở về từ giường bệnh của một giáo dân, nghe thấy tiếng rên khóc khi ông đang rảo bộ dọc

con đường trên đê. Ông cúi xuống và thấy ở tít bên dưới kia, một đứa trẻ đang co rúm người vì đau đớn.

‘Lạy thánh thần ơi, cậu bé.’ Ông ấy thốt lên. ‘Cháu đang làm gì ở đó thế?’

‘Cháu đang chặn nước chảy vào.’ Người anh hùng nhỏ bé đáp ngắn gọn. ‘Làm ơn bảo mọi người đến nhanh lên ạ.’

Không cần phải nói, mọi người đã đến thật nhanh và...”

“Jenny Dobbs.” Giáo viên nóng nảy cắt ngang. “Nếu em không thể kìm chế cảm xúc của mình để đọc cho rõ ràng, chúng ta sẽ đợi đến khi em bình tĩnh lại.”

“Vâng, thưa thầy!” Jenny đáp cùng một cái giật mình nhẹ.

Thật lạ là đúng lúc ấy, cách đó hẳn một vùng biển, Ben đang nói thế này với Lambert: “Cậu bạn nhỏ bé mà đáng quý đó! Mình thường nghe mọi người kể về câu chuyện này, nhưng đến giờ mình mới biết là chuyện có thật.”

“Tất nhiên nó là chuyện có thật!” Lambert đáp. “Mình vừa kể lại cho cậu y hết những gì mẹ đã kể cho mình nhiều năm về trước. Chà, không có đứa trẻ nào ở Hà Lan mà lại không biết câu chuyện ấy. Ben này, có thể cậu không liên tưởng được, nhưng cậu bé đó tượng trưng cho tinh thần của cả đất nước này. Không một lỗ thủng nào, dù là trong chính trị, danh dự hay an toàn cộng đồng, mà một triệu ngón tay không sẵn sàng vá lại bằng mọi giá.”

“Chà!” Cậu Ben thốt lên. “Đao to búa lớn ghê!”

“Dù sao thì đấy cũng là chuyện có thật.” Lambert đáp thật nhẹ nhàng khiến Ben khôn ngoan quyết định rằng mình không nên bình luận gì thêm nữa.

XIX

Trên con kênh

Một băng năm nay đến sớm hơn thường lệ; thế nên các cậu bé không còn là những người duy nhất có mặt trên nền băng nữa. Buổi chiều vô cùng thích hợp để cả đàn ông, phụ nữ và trẻ em, nhân lúc được tận hưởng kì nghỉ, đều ủa cả ra con kênh lớn. Thánh Nicholas hẳn vẫn còn nhớ thú vui ưa thích của con người nơi đây, bởi những đôi lười trượt mới sáng bóng xuất hiện ở khắp mọi nơi. Nhiều gia đình đông đủ thành viên còn trượt từ Haarlem tới Leyden hoặc các ngôi làng quanh đó. Băng giá trông thật sống động. Mọi quý ông đều chú ý tới dáng người thẳng đứng mà uyển chuyển của các quý cô và những bộ trang phục đa dạng lộng lẫy của họ. Những bộ váy bông bành một nhất, tươi mới nhất được nhập từ Paris lướt qua những bộ đồ tối tăm, mỗi một mà đã phải trải qua hai thế hệ; những chiếc mũ bê rê như thùng đựng than đội sụp xuống khuôn mặt đầy nốt tàn nhang nhưng sáng bừng với niềm hân hoan ngày lễ; những chiếc mũ vải muslin cứng đờ với đôi cánh ở hai bên, vỗ phần phật vào đôi má hồng hào khỏe mạnh và hạnh phúc; khăn lông được quấn quanh những chiếc cổ trắng ngần, còn những bộ đồ chật chội lay động không ngừng dưới những gương mặt hồng lên vì vận động. Tóm lại, mọi sự kết hợp kì quặc và nực cười nhất của đồ và người mà Hà Lan mang đến có vẻ như đã làm sống dậy toàn phong cảnh.

Có những tiểu thư vùng Leyden, những bà bán cá từ các làng bên, người bán pho mát từ Gouda, còn có cả những mệnh phụ từ vùng nông thôn xinh đẹp ở hồ Haarlem. Người ta còn thường thấy các cụ tóc đã bạc cũng tham gia trượt; những người phụ nữ nhăn nheo với chiếc sọt đội trên đầu, cùng những em bé bụ bẫm trên chiếc lười trượt bám lấy váy mẹ. Vài người phụ nữ dịu con mình trên lưng bằng chiếc khăn choàng sáng màu. Cách họ lao đi hay chậm rãi, trượt lướt qua nhau tạo nên hiệu ứng thật đẹp đẽ và thơ mộng, họ gật đầu chào nhau, nô nức trò chuyện và thủ thỉ với các em bé được ních đầy quần áo mà họ đang ẵm theo.

Các cô bé cậu bé mãi đuổi bắt nhau và trốn sau chiếc xe kéo độc mã chất đầy than bùn và củi đốt, chúng cẩn trọng đi dọc con đường mà đã được đánh dấu là “an toàn”. Ở đó cũng có những người phụ nữ xinh đẹp, hoàng gia, với niềnh hưng phấn lấp lánh trong đôi mắt tĩnh lặng. Đôi lúc, một hàng dài các chàng trai trẻ, người đằng sau nắm lấy vạt áo khoác người đằng trước, lướt qua như một cơn gió; và đôi lúc mặt băng rít lên dưới cái ghế của một mệnh phụ phu nhân lộng lẫy, hoặc là bà vợ giàu có của thị trưởng, có cái mũi thật đỏ cùng ánh nhìn sắc bén, nhìn như dụng cụ sợ tan mà Cha già Mùa đông đã phát minh để bảo vệ sân trượt của mình. Chiếc ghế thêm nặng nề với bệp lò và đệm không nói lên nhiều điều về quý bà lớn tuổi. Được buộc trên những lưỡi trượt sáng loáng, chiếc ghế lướt đi, được đẩy bởi những người hầu cận bu ồn ngủ nhất, những người mà không thèm nhìn trái hay phải, chỉ biết còng lưng mà thực hiện nhiệm vụ trong khi chủ nhân ném những ánh nhìn kinh sợ tới những con người bé nhỏ đang la lối om sòm.

Với cánh đàn ông, đây là khung cảnh của niềnh vui yên bình. Một vài người diện đồ thường dân, nhưng trông vẫn đủ đặc biệt với chiếc áo khoác len cộc, quần túm ống rộng thùng thình cùng những cái cúc bạc to tướng. Ben thấy vẻ ngoài này khiến họ trông giống như những đứa trẻ, bằng thứ phép màu nào đó, đột ngột biến thành người lớn và buộc phải mặc thứ đồ mà những bà mẹ cuống quýt đã vội vàng chuẩn bị cho họ. Cậu cũng để ý rằng hầu hết đàn ông ở đây đều ngậm tẩu thuốc khi họ lướt qua cậu, rít sâu và phả khói như những cái máy. Tẩu thuốc cũng có vô số loại, từ tẩu thuốc làm bằng đất sét thường cho đến những chiếc đắt tiền nhất đúc bằng vàng và bạc. Một số loại còn được chạm trổ thành hình thù đặc sắc và thú vị, ví dụ như chim muông, hoa cỏ, đầu thú, sâu bọ và cả loạt thứ khác nữa; một vài chiếc trông giống như hoa nam mộc hương mọc trong rừng nước Mỹ; một vài chiếc màu đỏ và nhiều chiếc khác mang màu trắng tinh; nhưng đáng ngưỡng mộ nhất phải là những chiếc tẩu màu nâu sẫm. Màu nâu càng đậm và bóng bẩy, chiếc tẩu lại càng có giá, bởi đó là bằng chứng cho thấy chủ nhân của nó, nếu thật sự có đánh bóng chiếc tẩu, là người có chủ đích cống hiến cả đời mình cho nó. Có cái tẩu nào mà lại không tự hào được trở thành đối tượng để người ta hy sinh nhiều thế chứ!

Ben im lặng trượt một quãng. Có quá nhiều thứ hấp dẫn khiến cậu gần như quên khuấy mất những người bạn đồng hành của mình. Cậu đã dành

một lúc lâu mãi mê ngắm nghía những chiếc thuyền băng khi chúng lướt qua hồ Haarlemmer lớn, có thể trông thấy rõ ràng mặt hồ đóng băng từ vị trí đứng trên kênh. Những con thuyền trên hồ có cánh buồm thật lớn, với kích thước lớn hơn nhiều so với thuyền thường, buồm của chúng được lồng vào trong một khung hình tam giác, được trang trí bởi một lưới trượt ở mỗi góc – phần đáy rộng nhất của tam giác là cái cung tên với mũi nhọn chĩa ra ngoài mũi thuyền. Chúng có bánh lái để điều khiển và phanh để dừng lại; chúng có đủ kích cỡ và kiểu dáng, từ những chiếc nhỏ và xù xì do các cậu bé làm, cho đến chiếc to và đẹp để luôn được dùng cho những bữa tiệc vui vẻ và được điều khiển bởi các thủy thủ giàu kinh nghiệm, những người phì phèo tàu thuốc của họ, thu buồm, bẻ lái và tiến thẳng với sự tập trung và chính xác tuyệt vời.

Vài con thuyền được sơn và tô điểm theo kiểu cách lòe loẹt và treo những chiếc cờ đuôi nheo đủ sắc màu trên đỉnh cột buồm; có những chiếc khác lại trắng tinh như tuyết, với những cánh buồm tinh khôi đang no căng gió, trông không khác gì đàn thiên nga lướt băng băng về phía trước trên dòng nước. Trong trí tưởng tượng của Ben, khi ngắm nhìn tất cả cảnh này từ phía xa, cậu có thể gần như nghe thấy tiếng kêu vô vọng và hoảng loạn của chúng nhưng cậu sớm nhận ra rằng tiếng kêu đó xuất phát từ một nguyên nhân gần hơn và ít lãng mạn hơn – một con thuyền đi trên băng cách cậu chưa đến bốn mươi lăm mét, đang cố phanh thật gấp để tránh va chạm với chiếc xe kéo chở than bùn.

Những chiếc thuyền như vậy hiếm khi nào đi trên mặt kênh, sự xuất hiện của chúng thường không khiến mọi người cảm thấy phấn khích hơn, đặc biệt là với những người trầm tính. Nhưng hôm nay, có vẻ như mọi chiếc thuyền băng tại Hà Lan đều đang trôi nổi trên mặt băng và con kênh thì chật cứng người.

Ben, mặc dù rất vui vẻ trước cảnh đó, lại thường bị giật mình bởi lối đi vun vút của những người phanh lại không kịp, với những chiếc cánh tay bay cao đe dọa vụt đến từ bất kì hướng nào. Phải mất rất nhiều sức lực cậu mới có thể tránh được người đi đường và không để những đứa trẻ bơ vơ đang gào thét quấy rầy mình với chiếc xe kéo. Một lần cậu dừng lại để xem mấy cậu bé đục lỗ trên mặt băng để xiên cá. Vừa quyết định quay trở lại cuộc hành trình, cậu bất ngờ đâm sầm vào một quý bà lớn tuổi. Phía đuôi chiếc xe đẩy của bà ta bị vướng vào người cậu. Quý bà hét toáng lên,

người hầu cận đang đẩy bà ta thì rít lên cảnh cáo cậu. Chỉ ngay sau đó, Ben nhận thấy mình đang xin lỗi khoảng không. Quý bà cau có đã vượt lên trước xa rồi.

Đây chỉ là một rủi ro nhỏ so với những gì cậu sắp phải đối mặt. Một con thuyền băng to lớn, đang căng buồm hết cỡ, xé gió lao đến trên con kênh, khiến Ben gần như chết lặng mà suy nghĩ về sự hủy diệt hoàn toàn. Nó đang lao thẳng tới chỗ cậu! Cậu có thể thấy mũi thuyền mạ vàng của nó, nghe thấy tiếng chỉ huy thuyền hét lớn, cảm thấy một tiếng nổ inh tai như rít lên trên đầu mình. Cậu chột như mù hoàn toàn, điếc và câm trong chốc lát, rồi choàng mở mắt ra, cậu thấy mình đang xoay tròn cách vài mét đằng sau cái bánh lái tuyệt vời như lưỡi trượt của nó. Chiếc thuyền đã lướt qua mà chỉ cách vai cậu một phân, nhưng dù sao cậu cũng đã toàn mạng. Toàn mạng để thấy lại đất Anh lần nữa, để hôn lên những gương mặt thân thương đã vụt qua trước mắt cậu từng người một – cha, mẹ, Robby và Jenny – tiếng nổ lớn vừa nãy đã mang hình ảnh của họ vụt qua trong tâm trí cậu. Cậu giờ mới hiểu mình yêu thương họ đến nhường nào. Có lẽ đi đầu này khiến cậu mãn nguyện mà chấp nhận lời mắng mỏ của người ta trên con kênh, những người có vẻ như cho rằng cậu bé vừa gặp nguy hiểm là một cậu bé HƯ cần được chỉnh đốn.

Lambert mắng cậu thẳng thừng.

“Mình cứ tưởng đời cậu thế là xong rồi chứ, cái anh bạn bất cần này! Sao không chịu nhìn đường gì thế? Vẫn chưa vừa ý sau khi nhào vào lòng quý bà kia, cậu lại còn liều mạng xông vào mọi con thuyền băng đang lướt tới nữa à? Bọn mình sẽ phải trao cậu cho người đưa tin nếu cậu không chịu cẩn thận hơn đấy!”

“Xin đừng.” Ben đáp với sự khiêm nhường châm biếm. Nhưng khi cậu thấy làn môi tái bợt của Lambert, cậu trầm giọng nói thêm: “Mình tin là mình đã suy nghĩ được nhiều hơn trong khoảnh khắc vừa rồi, van Mounen ạ, nhiều hơn cả đời mình cộng lại.”

Không có lời đáp, trong một lúc, hai chàng trai lại trượt đi sóng đôi cạnh nhau trong im lặng.

Bỗng một tiếng chuông phía xa thoáng vọng tới.

“Ồ!” Ben thốt lên. “Cái gì thế?”

“Là tiếng chuông chũm đấy.” Lambert đáp. “Họ đang thử chuông trong nhà thờ ở ngôi làng bên kia. A! Ben này, cậu nên nghe tiếng chuông hòa âm điệu *Nhà thờ mới* ở Delft. Nó quả là tuyệt diệu – có gần năm trăm chiếc chuông với tiếng reo ngọt lịm và một trong những người đánh chuông điêu luyện nhất Hà Lan chơi chúng. Ông ấy chơi vất vả lắm. Người ta bảo rằng sau mỗi buổi biểu diễn, ông ấy phải về giường nghỉ ngơi vì hoàn toàn kiệt sức. Cậu thấy đấy, những cái chuông được kết nối với một dạng bàn phím, như kiểu bàn phím dương cầm; nó cũng có một bộ bàn đạp dưới chân; khi chơi một bản nhạc nhanh, người chơi trông như thể một con ếch đang quẫy đạp bị buộc chặt vào ghế ngồi cùng que xiên nướng vậy.”

“Xấu hổ thật.” Ben không vui đáp.

Peter, lúc đó, đã hết giai thoại về vùng đất Haarlem để kể, nên cậu chẳng có việc gì để làm ngoài trượt băng. Cậu và ba người bạn đồng hành vội tăng tốc độ để bắt kịp Lambert và Ben.

“Anh bạn người Anh đó nhanh thật đấy.” Peter nói. “Kể cả nếu cậu ấy là người Hà Lan đi chẳng nữa, cậu ấy cũng chẳng thể nhanh hơn được. Nói chung những người như cậu John Bull đây khiến người ta phải hối tiếc trên sàn băng. Hối ôi! Cậu đây rồi, van Mounen ạ. Bọn mình thực tình không hy vọng sẽ bắt kịp được cậu đâu. Cậu đang chạy trốn khỏi ai mà vội thế?”

“Khỏi mấy con ốc sên.” Lambert đáp trả. “Mọi người làm gì mà lâu thế?”

“Bọn anh còn mãi nói chuyện, hơn nữa, mọi người cũng dừng lại để Poot nghỉ ngơi đôi chút.”

“Cậu ấy bắt đầu trông khá kiệt sức rồi đấy.” Lambert trầm giọng nói.

Ngay lúc đó, một con thuyền băng đẹp đẽ với cánh buồm thu lại cùng cò đuôi neo bay phấp phới thư thái lướt qua. Trên boong là rất nhiều đứa trẻ mặc quần áo kéo kín đến tận cằm. Từ dưới sàn băng nhìn lên, người ta chỉ có thể thấy những khuôn mặt nhỏ xíu đang mỉm cười chìm đắm trong những bộ đồ len sắc sỡ sắc màu. Chúng đang ngân một khúc ca mừng Thánh Nicholas. Điệu nhạc cất lên trong tiếng hòa ca lộn xộn của một trăm đứa trẻ, trôi đi trong không trung với âm điệu thanh nhã:

“Người bạn của thủy thủ và của trẻ em!”

*Chúng con có gấp đôi niềm tin vào Người
Trong những tháng ngày tuổi trẻ căng buồm
Trên dòng nước biển đóng băng!
Nicholas! Thánh Nicholas!*

Xin để chúng con hát dâng Người!

*Giữa trời lạnh chúng con tiến tới, với giọng ca cùng hòa vang, Người
có ở gần đây chăng? Người có nghe thấy chúng con chăng, hỡi Nicholas,
người bạn của chúng con ?*

Nicholas! Hỡi Thánh Nicholas!

Tình yêu này sẽ không thể dứt.

*Ánh nắng lấp lánh, rạng ngời trước chúng con, xua tan sự lạnh giá!
Những trái tim chỉ chứa đựng thiện lành, sẽ không thể nào già nua!*

Nicholas! Hỡi Thánh Nicholas!

Sẽ không thể nào già nua!

*Món quà xinh xắn cùng bài học thương yêu, lễ hội cùng với niềm vui,
cho chúng con cảm tạ khi căng buồm trên dòng biển đóng băng.*

Nicholas! Hỡi Thánh Nicholas!

Chúng con đang hát dâng Người!”

XX

Jacob Poot thay đổi kế hoạch

Nhạc cuối cùng đã mất hút phía xa. Các cậu bé, vốn đang nỗ lực đuổi theo chiếc thuyền mà nhận thấy mình đã sớm tụt lại đằng sau, đành quay sang nhìn nhau.

“Thật là đẹp để làm sao!” Van Mounen thốt lên.

“Cứ như một giấc mơ vậy!”

Jacob trượt lại gần Ben với một cái gật đầu đồng tình và mở lời: “Đúng là *hai*. Đó là cách *tuýt* nhất đấy. Mình nên tới Leyden *bắn* cái thuyền *giống* thế!”

“Đi thuyền sao!” Ben ngỡ ngàng thốt lên. “Sao cơ, kế hoạch của chúng ta là trượt băng, chứ không phải được chở đi như đám con nít như vậy.”

“Vớ vẩn!” Jacob đáp. “Đâu phải chỉ có con nít – cái đám bé xúu ấy – mới được đi thuyền!”

Các cậu bé còn lại cười rộ lên nhưng trao đổi những ánh nhìn căng thẳng. Sẽ rất tuyệt nếu có cơ hội được nhảy lên một con thuyền băng, nhưng bỏ mặc chuyến trượt băng một cách đáng xấu hổ như thế này sao? Ai có thể nghĩ đến đi đầu này chứ?

Một cuộc tranh luận sôi nổi ngay lập tức nổ ra.

Đội trưởng Peter phải can ngăn các bạn mình lại.

“Các em ạ.” Cậu nói. “Anh nghĩ mình nên chiều ý Jacob lần này đi. Dù sao em ấy cũng là người khởi xướng chuyến đi này mà.”

“Thôi đi!” Carl nhạo báng, ném một cái nhìn khinh thường về phía Jacob. “Ai mệt cơ chứ? Chúng ta có cả đêm ở Leyden để nghỉ ngơi cơ mà.”

Ludwig và Lambert trông căng thẳng và thất vọng. Mất đi vinh dự được trượt cả một quãng đường từ Broek tới La Hay và rồi quay trở lại thì thật là mất mát lớn, nhưng cả hai vẫn đồng tình là nên để Jacob quyết định.

Tội nghiệp cho Jacob tốt bụng đang mệt mỏi! Cậu nhanh chóng nhận ra lòng ý kiến quyết liệt trước mắt mình.

“Ồ, không.” Cậu nói bằng tiếng Hà Lan. “Mình đùa thôi. Tất nhiên là chúng ta sẽ trượt tiếp rồi.”

Các cậu bé reo lên sung sướng và trở lại đường trượt với sức mạnh được hồi sinh.

Tất cả, trừ Jacob. Cậu cố gắng hết sức không tỏ ra mệt mỏi, bằng cách im lặng để giữ hơi thở và năng lượng cho chuyến trượt băng dài sắp tới. Nhưng vô ích. Chẳng bao lâu, thân hình to lớn của cậu cứ nặng nề dần, những thói cơ chới với càng lúc càng trở nên yếu ớt. Tệ hơn thế, dòng máu trong người cậu sôi ruột tìm chỗ tránh xa mặt băng nhất có thể, dồn hết lên đôi má phúng phính hồng hào của cậu, khiến cả chân tóc mỏng vàng hoe của cậu cũng chuyển thành màu đỏ rực.

Đi đầu này nhanh chóng dẫn tới cơn chóng mặt mà Hans Anderson tốt bụng đã từng đề cập; ấy là thứ đã đẩy nhiều thợ săn trẻ tuổi ngã nhào xuống núi hoặc tung người họ lên trên những mòm băng sắc nhọn nhất, hoặc bắt lấy họ khi họ bước đi trên những tảng đá trong dòng nước xiết trên núi.

Cơn chóng mặt bất ngờ ập đến với Jacob. Sau khi hành hạ cậu một lúc, bằng một cái chạm gửi sự lạnh lẽo từ đầu xuống dưới tận chân, thêm một cái chạm khác siết chặt các mạch máu một cách sốt sắng, nó khiến cả con kênh run rẩy và chao đảo dưới chân cậu, khiến những cánh buồm trắng nghiêng ngả và xoay tròn khi chúng lướt qua cậu, rồi đẩy cậu nặng nề ngã ụp xuống màn băng.

“Kìa!” Van Mounen kêu lên. “Nhìn Poot kìa!”

Ben vội vàng lướt tới.

“Jacob! Jacob, cậu có sao không?”

Peter và Carl nhấc Jacob lên. Mặt cậu trắng bệch, trông như khuôn mặt của người đã chết, đến cả vẻ phúc hậu cũng đã không còn.

Đám đông bắt đầu xúm vào. Peter cởi cúc áo khoác ngoài của cậu bé tội nghiệp, nói lỏng chiếc khăn choàng đỏ của cậu rồi cúi xuống thổi phù qua đôi môi hơi tách ra của bạn mình.

“Hỡi những người tốt bụng, làm ơn đứng rộng ra!” Cậu hô lên. “Cho cậu ấy chút không khí!”

“Đặt cậu bé nằm xuống đi.” Người phụ nữ trong đám đông hô lên.

“Dừng cậu bé đứng dậy.” Một người khác hét lên.

“Cho cậu bé chút rượu đi.” Một anh bạn to khỏe gào lên khi cưỡi chiếc xe kéo lướt qua.

“Đúng, đúng rồi, cho cậu bé chút rượu đi!” Tất cả mọi người cùng nói.

Ludwig và Lambert vội hô lên. “Rượu! Rượu! Ai có rượu?”

Một người đàn ông Hà Lan với dáng vẻ như còn đang ngái ngủ, mặc vào chiếc áo khoác màu xanh dày nhất lật đặt bước đến, vừa đi vừa nói: “Đừng ồn ào thế chứ, các chàng trai, đừng ồn thế chứ! Thằng bé kia đúng là ngu ngốc mới ngất đi như con gái thế.”

“Rượu, làm ơn nhanh lên!” Peter nức nở, cậu cùng với Ben đang dốc sức xoa bóp cho Jacob từ đầu đến chân.

Ludwig khẩn thiết đưa tay về phía người đàn ông Hà Lan, ông ta vẫn đang lục lọi dưới lớp áo khoác của mình một cách trịnh trọng.

“Làm ơn nhanh lên! Cậu ấy sẽ chết mất! Còn ai khác có rượu không ạ?”

“Thằng bé chết rồi!” Một giọng nói khủng khiếp vang lên từ người qua đường.

Điêu này khiến người đàn ông Hà Lan giật mình.

“Cẩn thận đấy!” Ông ta nói, ngẩn ngừ đưa ra cái lọ bệt màu xanh nhỏ của mình. “Đây là rượu khoai tây. Một chút thôi là đủ rồi.”

Một chút là đủ thật. Vẻ trắng bệch chuyển sang hồng hào. Jacob mở mắt ra, cậu vừa ngỡ ngác lại vừa xấu hổ khi yếu ớt cố thoát khỏi những người đang đỡ cậu đứng dậy.

Giờ thì không còn lựa chọn nào khác ngoài việc chở cậu bạn kiệt sức của nhóm, bằng cách nào đó, tới Leyden. Hy vọng cậu có thể trượt tiếp ngày hôm nay là chuyện bất khả thi. Thành thực mà nói, đến lúc này thì các cậu bé mới được thỏa mãn lòng khao khát bí mật dành cho những con thuyền băng và đồng lòng với một quyết định cao cả rằng sẽ không bỏ lại Jacob một mình. May mắn thay, luồng gió nhẹ nhàng liên tục đang thổi về hướng nam. Nếu có một vị chỉ huy thuyền dễ chịu nào đó ghé ngang, mọi chuyện có thể sẽ không quá tệ.

Peter giơ tay chào chiếc thuyền đầu tiên lướt tới. Những người đàn ông ở đuôi tàu thậm chí còn không thèm nhìn cậu. Ba chiếc xe bò có lưỡi trượt lướt qua, nhưng chúng đã chất đầy hàng hóa mất rồi. Tiếp đến là một chiếc thuyền băng nhỏ đẹp đẽ, hấp dẫn, vút qua như mũi tên. Các cậu bé chỉ kịp hăm hở nhìn theo trước khi nó biến mất. Trong tuyệt vọng, các chàng trai nhất trí dựng Jacob dậy bằng đôi cánh tay khỏe khoắn của mình, dùng hết sức có thể để đưa cậu tới khu làng gần nhất.

Ngay lúc đó, một con thuyền băng vô cùng tồi tàn xuất hiện. Dù không còn mấy hy vọng nhưng Peter vẫn giơ tay vẫy nó, cậu cởi mũ ra và vẫy nó trên không.

Cánh buồm của con thuyền được hạ xuống, rồi nó dừng lại với tiếng phanh kêu rít lên, từ trên boong vang xuống một giọng nói dễ chịu: “Gì thế?”

“Chú cho chúng cháu đi nhờ được không ạ?” Peter nói to, vội chạy đến cùng với các bạn của mình nhanh nhất có thể, bởi con thuyền dừng lại cách đó khá xa. “Chú cho chúng cháu đi nhờ được không ạ?”

“Chúng cháu sẽ trả tiền cho chuyến đi!” Carl hét lên.

Người đàn ông trên boong chẳng thèm để ý đến cậu ta, ông ta chỉ lăm bặm gì đó về việc đây không phải thuyền chở khách, vẫn nhìn Peter, ông ta hỏi: “Có mấy đứa?”

“Sáu ạ.”

“Chà, vào ngày của Thánh Nicholas... Chuyện gì thế? Quý ngài trẻ tuổi kia ốm à?” Ông ta hất đầu về phía Jacob.

“Vâng, cậu ấy vừa bị ngất. Chúng cháu trượt băng suốt từ Broek đến đây.” Peter đáp. “Chú có đang tới Leyden không ạ?”

“Theo hướng gió thì là thế đấy. Nó đang thổi về hướng đó mà. Lên đi!”

Tội nghiệp Jacob! Nếu bà Poot tốt bụng kia xuất hiện ngay lúc đó, sự giúp đỡ của cô ấy sẽ là vô giá. Đi đầu tốt nhất các chàng trai có thể làm là dùng dây kéo cậu bạn lên thuyền. Cuối cùng thì mọi người cũng lên được hết. Chỉ huy thuyền, miệng phả ra làn khói từ tàu thuốc, mở tung cánh buồm, thả phanh ra và ngã xuống cuối thuyền với cánh tay khoanh lại.

“Chà! Chúng ta đi nhanh thật đấy!” Ben kêu lên. “Thật là đáng tận hưởng! Em thấy khá hơn chưa hả Jacob?”

“Khá hơn nhiều rồi, cảm ơn anh.”

“Ồ, em sẽ khỏe mạnh như thường t ần mười phút nữa thôi. Chuyển đi như thế này làm cho chúng ta thấy mình như một chú chim vậy.”

Jacob gật đầu và chớp mắt.

“Đừng ngủ, Jacob ạ, trời lạnh lắm. Có thể em sẽ không dậy được nữa thì sao. Nhi ều người từng chết lạnh kiểu đó đấy.”

“Em không ngủ đâu.” Jacob tự tin đáp, nhưng r ồi chỉ hai phút sau cậu đã ngáy.

Carl và Ludwig bật cười.

“Chúng ta cần đánh thức em ấy!” Ben kêu lên. “Nguy hiểm lắm đây, mình cam đoan... Jacob! Ja-a-c...”

Đội trưởng Peter cản cậu lại, bởi ba chàng trai trong nhóm còn hòa vào với Ben cho vui.

“Vớ vẩn! Đừng lay em ấy dậy! Để em ấy ngủ yên, các em ạ. Người ta không ngáy như thế nếu chết lạnh đâu. Ai đắp cho em ấy thứ gì đi. Đây, cái áo choàng không tay này được đấy. Có được không ạ, thưa chỉ huy thuyền?” Cậu nhìn về phía đuôi tàu, mong nhận được sự đồng ý từ người đang ng ồi đó.

Người đàn ông gật đầu.

“Đây.” Peter nói, nhẹ nhàng chỉnh lại tấm áo. “Cứ để em ấy ngủ. Em ấy sẽ sớm nghịch ngợm như một chú cừu lúc thức dậy thôi. Chúng ta còn cách Leyden bao nhiêu, thưa chỉ huy thuyền?”

“Không hơn hai t ần thuốc nữa.” Ông ta đáp, giọng nói cất lên từ sau đám khói như th ần linh trong truyện cổ tích (xì! xì!). “T ần một và một phần hai t ần nữa” Xì! Xì! “Nếu gió tiếp tục như thế này.” Xì! Xì! Xì!

“Ông ấy nói gì vậy Lambert?” Ben hỏi, cậu đang áp đôi bàn tay đeo găng len của mình lên hai bên má để che chắn khỏi cơn gió lạnh buốt.

“Ông ấy bảo là chúng ta còn cách Leyden hai t ần thuốc nữa. Có đến một nửa những người dân ở đây đo khoảng cách bằng thời gian họ rút hết một t ần thuốc.”

“Kì cục thật sự.”

“Nghe này, Benjamin Dobbs.” Lambert gất lên, cậu cảm thấy khó chịu một cách khó tả với nụ cười lặng lẽ của Ben. “Nghe đây, cậu có sở thích gọi mọi thứ cậu thấy ở bên này của biển Đức là ‘kì cục’ đấy. Nó có thể vừa

tai cậu, cái từ đó, nhưng nó không vừa tai mình. Bất cứ khi nào muốn gọi thứ gì là kì cục, cậu nên nhớ rằng phong tục Anh quốc có cái trò bắt Thị trưởng London, trong lễ nhậm chức của ông ấy, đếm số móng ngựa để chứng minh trình độ học vấn của mình.”

“Ai bảo cậu chúng mình có cái phong tục như thế chứ?” Ben kêu lên, trở nên nghiêm nghị ngay lập tức.

“Sao nào, mình biết thế, cần gì ai nói. Tất cả đều có trong sách hết, và đó là sự thật. Đi đâu này cho mình thấy.” Lambert nói tiếp và bật cười. “Rằng cậu đã luôn rất vui vẻ mà chối thật nhiều thứ lỗi bịch bên phía bản đồ nhà cậu.”

“Hừm!” Ben thốt lên, cố gắng để không cười. “Mình sẽ tìm hiểu về vụ thị trưởng đó khi nào trở về nhà. Chắc có nhàn lẫn đâu đó rồi. Ôi anh bạn ơi! Chúng ta đi nhanh thật đấy. Đúng là tuyệt vời!”

Đó là một chuyến đi thuyền đáng nhớ, hoặc chuyến cưỡi xe, thật khó để gọi chính xác nó là gì; có lẽ chuyến bay sẽ là từ thích hợp nhất, bởi các cậu bé cảm thấy mình không khác nào Sinbad trôi qua các tầng mây, bị buộc chặt vào chân con chim khổng lồ hoặc như Bellerophon băng qua tầng không trên lưng của con ngựa có cánh Pegasus.

Du thuyền, cưỡi băng hay vút bay, dù là gì đi nữa, mọi thứ đều nhanh chóng lướt qua, lùi về đằng sau, và trước khi cả nhóm có thời gian để hít vào một hơi thật sâu, Leyden cùng với những mái nhà cao chọc thẳng lên trời đã lơ mờ phía đằng xa chào đón họ.

Khi cả thành phố hiện ra rõ ràng, ấy cũng là lúc cần phải đánh thức chàng trai đang ngủ. Khi đó, lời tiên tri của Peter quả đã thành sự thật. Cậu Jacob giờ đã được hồi sức và đang ở trạng thái rất tốt.

Chỉ huy thuyền miễn cưỡng từ chối khi Peter, với lời cảm ơn nhiệt thành, cố gắng đút vài đồng bạc vào lòng bàn tay nâu sạm thô ráp của ông ta.

“Cậu thấy đấy, chàng trai trẻ.” Ông ta nói và rút tay lại. “Công việc là một chuyện, còn giúp đỡ là một chuyện khác.”

“Cháu biết mà.” Peter đáp. “Nhưng con trai và con gái chú sẽ rất muốn được nhận kẹo khi chú quay về đấy. Hãy mua cho các em ấy, vì Thánh Nicholas.”

Người đàn ông nở nụ cười. “Phải, phải rồi, tôi có nhiều con lắm, nhiều đến nỗi có thể lấp đầy một chiếc thuyền. Cậu đúng là có trí phán đoán nhạy bén.”

Lần này đôi bàn tay chai sạn kia vươn ra, khá vô tư, nhưng với lòng bàn tay hướng lên. Peter nhanh chóng thả vài đồng bạc vào đó và rời đi.

Cánh buồm lại được thả xuống. Phanh thuyền kêu rít lên, tạo ra cả một cơn mưa băng quanh chiếc thuyền.

“Tạm biệt, chỉ huy thuyền!” Các cậu bé hô to, buộc lại lưới trọt của mình và từng người một nhảy khỏi boong tàu. “Cảm ơn chú nhiều!”

“Tạm biệt! Tạm b... Khoan! Từ từ! Dừng lại! Trả tôi chiếc áo khoác!”

Ben đang cẩn thận giúp em họ mình xuống dưới thân thuyền.

“Ông ấy hét cái gì vậy? À, phải rồi, cậu vẫn khoác áo của ông ấy trên vai kìa.”

“Phải rồi.” Jacob đáp, loạng choạng xuống khỏi thân thuyền. “Cái này khiến ông ấy *nặng tóa*.”

“Ý em là khiến em nặng quá hả Poot?”

“Đúng rồi, khiến em nặng quá... Phải đấy.” Jacob hần nhiên đáp khi cởi chiếc áo khoác ra. “Đây, anh trả ông ấy giúp em, nhanh nhé, và bảo ông ấy rằng em biết ơn rất nhiều.”

“Mọi người! Có một quán trọ!” Peter hô lên khi họ bước chân vào thành phố. “Nhanh lên các bạn của tôi ơi!”

XXI

Ngài Kleef và hóa đơn bữa ăn của ngài

Cậu bé nhanh chóng tìm thấy một chỗ giản dị gần Breedstraat, có một con sư tử được vẽ biếm họa trên cánh cửa. Đây là quán Rood Leeuw, hay còn có tên là Sư Tử Đỏ, chủ nhân của nó là Huygens Kleef, một người Hà Lan cao lớn với đôi chân ngắn và chiếc tàu thuốc vô cùng dài.

Lúc này cả đội đã đói meo. Bữa trưa tại Haarlem chỉ đủ cho chúng tráng miệng, chuyển trượt băng mất sức và chuyển lướt thuyền nhanh vun vút trên kênh đã tiêu tốn hết năng lượng của chúng.

“Ở đây, ông chủ ời! Cho chúng cháu tất cả những gì chú có đi!” Peter khoa trương hô lên.

“Ta có thể cho các quý ngài bất cứ thứ gì, mọi thứ.” Ngài Kleef đáp, cúi chào một cách cầu kì.

“Vậy thì cho chúng cháu xúc xích và bánh pudding.”

“À, thưa cậu, xúc xích hết mất rồi. Quán này không phục vụ bánh pudding.”

“Thế thì cho chúng cháu thật nhiều món salmagundi vậy.”

“Món đó cũng hết rồi, thưa các cậu.”

“Vậy thì nhanh cho chúng cháu trứng.”

“Trứng mùa đông thực sự hiếm lắm đó.” Chủ quán trả lời, bĩu môi và nhướn mày.

“Không có trứng sao? Vậy thì... trứng cá muối ạ.”

Người đàn ông Hà Lan giờ đôi bàn tay béo múp múp lên:

“Trứng cá muối ư? Món đó quý như vàng ấy! Ai mà bán được trứng cá muối chứ?”

Thỉnh thoảng Peter vẫn được ăn món đó tại nhà, cậu biết rằng nó được làm từ buồng trứng cá tằm và một số loài cá lớn khác, nhưng cậu không hề biết nó đắt đỏ đến đâu.

“Vậy thì, thưa chủ quán, chú có món gì?”

“Ta có món gì sao? Mọi thứ. Ta có bánh mì đen, dưa cải Đức, salad khoai tây và món cá trích béo nhất vùng Leyden này”

“Các em thấy sao?” Đội trưởng hỏi. “Thế có được không?”

“Được ạ.” Các chàng trai đang đói meo đồng thanh. “Chỉ cần ra nhanh thôi.”

Vị chủ quán rời đi như một người mộng du, nhưng nhanh chóng mở to mắt trước những con cá trích được chế biến một cách kì diệu. Tiếp đó là tới lượt, hay là xong lượt, các món salad khoai tây, bánh mì đen, cà phê, rưỡi nước cam vùng Utrecht và cuối cùng là mấy lát bánh gừng khô. Món tráng miệng cuối cùng này vốn không có trong thực đơn, nhưng ngài Kleef, vì bị thôi thúc đến cực độ nên đã nghiêm túc làm ra nó từ kho riêng của mình và chỉ bình tĩnh chớp mắt khi những du khách trẻ tuổi phàm ăn bắt đầu đứng dậy và nói rằng mình đã đủ no.

“Ta cũng cho là thế!” Ông tự nhủ trong đầu, nhưng gương mặt vẫn không biểu lộ chút cảm xúc.

Khẽ chà hai tay vào nhau, ông hỏi: “Các quý khách đã có giường ngủ chưa?”

“Các quý khách đã có giường ngủ chưa?” Carl nhại lại. “Ý chú là sao? Chúng cháu trông buồn ngủ lắm ư?”

“Không hề thưa cậu. Nhưng ta sẽ chuẩn bị những chiếc giường thật ấm cúng và rộng rãi. Đã ở Sư Tử Đỏ thì không ai phải ngủ trên đệm ướt.”

“A, em hiểu rồi. Chúng ta có nên trở về đây nghỉ ngơi không, đội trưởng?”

Peter vốn đã quen với những nhà nghỉ sang trọng hơn, nhưng thế này cũng đủ vui rồi.

“Sao lại không chứ?” Cậu đáp. “Chúng ta có thể nghỉ ngơi thoải mái ở đây.”

“Quý khách nói chỉ có đúng.” Chủ quán tôn kính nói.

“Được gọi là ‘quý khách’ mới thích thú làm sao!” Ludwig bật cười bên cạnh Lambert, trong khi Peter đáp lời: “Vậy thì, chủ quán, chú hãy chuẩn bị phòng sẵn sàng trước chín giờ nhé.”

“Ta có một buồng ngủ tuyệt đẹp, với ba cái giường, đủ cho tất cả quý khách đây.” Ngài Kleef nói với vẻ nịnh đầm.

“Thế là được đấy.”

“Huýt!” Carl huýt sáo khi họ trở ra phố.

Ludwig rùng mình. “Giờ thì sao?”

“Không sao, chỉ là ngài Kleef ở Sư Tử Đỏ không thể ngờ rằng chúng ta sẽ làm loạn cả cái phòng đó tối nay thế nào đâu. Chúng ta sẽ đánh trận bằng gối!”

“Tập trung!” Đội trưởng hô lên. “Bây giờ, các em ạ, anh cần tìm bác sĩ Boekman vĩ đại trước khi đi ngủ. Sẽ không quá khó để tìm gặp nếu ông ấy còn ở Leyden, bởi ông ấy luôn nghỉ tại Chim Ưng Vàng khi tới đây. Anh cho là các em cũng không đi ngủ ngay được. Trong lúc còn thức, các em liệu có thể đưa Ben tới thăm Bảo tàng hoặc tòa Stadhuis được chứ?”

“Đồng ý.” Ludwig và Lambert đáp, nhưng Jacob tỏ ý muốn đi với Peter. Ben cố gắng thuyết phục cậu ở lại quán trọ để nghỉ ngơi nhưng không thể. Cậu tuyên bố rằng mình chưa từng cảm thấy tuyệt hơn và mong muốn được thăm quan thành phố hơn bất kì đi đâu gì khác, bởi đó là lần đầu tiên cậu được “đặt chân đến Leyden”.

“Ồ, đi tí cũng chẳng sao đâu.” Lambert nói. “Ngày hôm nay đã dài thế nào... và chuyến đi của chúng ta đã tuyệt vời thế nào! Khó mà tin được chúng ta chỉ vừa rời Broek trong sáng nay.”

Jacob ngáp dài.

“Mình cũng thích nó lắm.” Cậu nói. “Nhưng đối với mình, cảm giác như chúng ta đã xuất phát phải được một tuần rồi ấy.”

Carl bật cười và lần bần thứ gì đó về “hai mươi giấc ngủ”.

“Chúng ta đang ở góc thành phố. Nhớ chúng ta sẽ hẹn gặp nhau ở Sư Tử Đỏ lúc tám giờ tối đấy nhé.” Đội trưởng nói rồi cùng Jacob rời đi.

XXII

Sư Tử Đỏ trở nên nguy hiểm

Cậu bé vui mừng khi thấy ngọn lửa bập bùng đã chờ sẵn khi chúng quay trở về Sư Tử Đỏ. Carl cùng nhóm của cậu về trước. Chẳng bao lâu sau đó, Peter và Jacob cũng về. Chúng vừa xin gặp mặt bác sĩ Boekman, tuy nhiên không được. Tất cả những gì chúng chắc chắn được là sáng nay ông ấy đã có mặt ở Haarlem.

“Về việc ông ấy còn ở Leyden.” Chủ nhà trọ Chim Ưng Vàng nói với Peter. “Đi đâu đó là không thể. Ông ấy luôn tới trọ ở đây bất cứ khi nào vào thị trấn. Thế thì ngay lúc này đã phải có một đám đông chờ ở cửa mong muốn gặp ông ấy rồi. Chậc! Người ta đúng là ngu ngốc!”

“Thì ông ấy là một bác sĩ phẫu thuật tài ba mà.” Peter nói.

“Đúng, tài ba nhất Hà Lan. Nhưng thế thì sao? Trở thành kẻ tổng thuốc và xẻ da tài ba nhất thế giới thì có gì hay? Ông ta là một con gấu. Vừa mới tháng trước ngay tại chỗ này, ông ta đã gọi tôi là lợn, trước mặt đến ba vị khách khác!”

“Ôi không!” Peter thốt lên, cố gắng ra vẻ khó chịu và kinh ngạc.

“Đúng vậy, thưa cậu... MỘT CON LỢN.” Chủ quán nhắc lại, phì phèo tẩu thuốc với vẻ tổn thương. “Chậc! Nếu không phải ông ta trả giá hời và đem đến khách khứa cho quán trọ này, tôi thà tiễn ông ta đến kênh Vleit còn hơn là cho ông ta ở trọ.”

Có lẽ chủ quán cảm thấy mình đang nói chuyện quá thoải mái với người lạ, hoặc có lẽ đã trông thấy nụ cười ẩn hiện trên mặt Peter, nên ông lạnh lùng nói thêm: “Giờ thì các cậu muốn gì nữa? Bữa tối hả? Giường hả?”

“Không, thưa ngài, nhưng chúng cháu đang tìm bác sĩ Boekman.”

“Đi đi. Ông ta nào có ở Leyden đâu.”

Peter không vì thế mà bỏ cuộc dễ dàng. Cậu thành công khi có được lời chấp thuận sẽ gửi lại lời nhắn cho vị bác sĩ nổi tiếng, hay nói cách khác,

cậu mua từ vị chủ quán nhĩ nhận quyển được viết lại lời nhắn ở đó, cùng một lời hứa rằng nó sẽ được nhanh chóng chuyển tới bác sĩ Boekman một khi ông tới đây. Sau khi xong việc này, Peter và Jacob cùng trở về Sư Tử Đỏ.

Quán trọ này đã từng là ngôi nhà khang trang của một người dân giàu có trong thị trấn, nhưng đã dần trở nên cũ nát và xập xệ qua nhiều đời chủ, cuối cùng mới về tay của ngài Kleef. Ông tỏ ra yêu thích khi ngắm nhìn những bức tường xám xịt nứt toác của nó. “Trát lại và sơn sửa, chỉ cần thế là chúng ta sẽ có ngôi nhà đẹp nhất Leyden.” Ngôi nhà cao sáu tầng, nằm bên phố. Ba tầng đầu tiên rộng bằng nhau nhưng khác chiều cao, ba tầng trên cùng tạo thành một cái mái rộng và cao, càng lên cao càng nhỏ lại như một hàng bậc nhị cấp cho đến khi biến mất hút tại một điểm. Mái nhà được lợp bằng loại ngói ngắn mà sáng bóng, còn hàng cửa sổ với khung cửa nhỏ tí, trông như được rắc tùy tiện khắp bề mặt của tòa nhà mà không thêm quan tâm nếu quan sát từ bên ngoài thì ngôi nhà sẽ trông như thế nào. Nhưng phòng khách ở tầng trệt mới là niềm vui và tự hào của vị chủ quán. Ông chưa bao giờ nói “Trát lại và sơn sửa” ở đó, bởi mọi thứ trong phòng đều trong điều kiện tuyệt nhất của sự gọn gàng và ngăn nắp đậm chất Hà Lan. Nếu bạn mở rộng đôi mắt trong tâm trí mình, bạn sẽ nhìn được vào căn hộ đó.

Hãy nghĩ về một căn phòng rộng, trống rỗng, với sàn nhà như được làm từ những chiếc đĩa bánh bằng đất hình vuông sáng choang, cứ một chiếc vàng rồi đến một chiếc đỏ, cho đến khi cả căn phòng trông như cái bàn cờ khổng lồ. Tường tượng một tá chiếc ghế tựa lưng cao bằng gỗ xếp thành vòng tròn, rồi chỗ ống khói sâu hoắm sáng rực lên với ngọn lửa cháy bập bùng, phản chiếu thành hàng trăm ngọn lửa trên cột chống chịu lửa bằng thép sáng loáng. Nền lò sưởi lát gạch, lát hai bên, lát cả bên trên với một câu nói bằng tiếng Hà Lan khắc trên đó; trên tất cả, cao hơn đầu của mọi người là một giá kê mặt lò sưởi hẹp, nơi cất đầy những chiếc chân nến bằng đồng thau sáng bóng, cái châm lửa tàu thuốc và hộp mồi lửa. Ở một góc phòng là ba chiếc bàn bằng gỗ thông; ở góc khác là một cái tủ kéo cùng tủ quần áo cũng bằng gỗ thông. Tủ quần áo chứa đầy giẻ, bát đĩa, tàu thuốc, vại uống bia, những cái lọ bằng đất và thủy tinh. Mọi thứ đều mờ ảo trong đám khói thuốc, nhưng sạch sẽ như được lau dọn bằng xà phòng và cát.

Tiếp đến, hãy mừng tượng hai người đàn ông gà gât, lồi thoi trong những đôi giày gỗ, ng ẫ bên lò sưởi, ôm lấy đầu gối và hút tẩu thuốc ngăn ngùn mặt tròn của mình. Ngài Kleef đi tới đi lui khẽ khàng mà nặng nề, ngài mặc chiếc quần tùm gối bằng da, đi đôi giày nỉ và khoác chiếc áo xanh lục có chi ều rộng còn lớn hơn chi ều dài, ông ném một ch ồng lười trượt vào trong góc r ẫ đưa sáu cậu bé mặt mỗi ăn mặc đẹp đẽ, trong nhi ều tâm trạng khác nhau vào ng ẫ trên những cái ghế gỗ. Đây chính là khung cảnh phòng cà phê ở Sur Túr Đỏ vào chín giờ tối ngày mùng Sáu tháng Mười hai, năm 184-, để ăn bữa tối với bánh gừng, vài lát xúc xích Hà Lan, bánh mì đen rắc hạt h ẫ, thịt muối, một chai nước Utrecht cùng một bình đựng thứ cà phê vô cùng bí ẩn. Các cậu bé đói đủ để ăn hết những món đó và khen ngợi chúng. Ben nhún nhó tỏ vẻ ghê sợ, nhưng Jacob thì tuyên bố cậu chưa từng ăn bữa nào ngon hơn thế. Sau khi các cậu bé cười đùa và chuyện trò được một lúc, kiểm đếm ti ền bằng cách tranh luận xem nên tiêu ti ền như thế nào, vị đội trưởng đưa các cậu về phòng ngủ, dẫn đường cho họ là một cậu bé người đ ầy d ầu mỡ, ôm một ch ồng lười trượt và một cái chân nến.

Một trong những người đàn ông trông không được tử tế vừa kéo chân loẹt quẹt tới chỗ tủ quần áo và yêu c ầu một vại bia. Đúng lúc đó Ludwig xuất hiện. “Mình không thích ánh mắt hằn ta.” Cậu thì thào với Carl. “Hắn ta trông như cướp biển hay loại gì đấy tương tự.”

“Trông như bà cụ ấy nhò!” Carl đáp bằng giọng khinh miệt trong cơn ngái ngủ.

Ludwig cười căng thẳng.

“Giống bà cụ hay không.” Cậu thì thào. “Thì cũng để mình nói mà nghe, hắn trông y hệt một trong những tên trong voetspoelen.”

“Giời!” Carl chế giễu. “Mình biết ngay mà. Cái bức tranh đó ám ảnh cậu quá. Nhìn cho kĩ đi, xem anh bạn với cây nến kia trông có giống một kẻ xấu xa nữa không.”

“H ẫ là không r ẫ, mặt anh ta ánh lên vẻ trung thực như miếng pho mát Gouda vậy. Nhưng, mình bảo này Carl, bức tranh đó thực sự đáng sợ.”

“Hừm! Thế sao cậu còn ngắm nghía bức tranh đó lâu thế làm gì?”

“Mình không thể dừng được.”

Lúc đó các cậu bé đã tới “căn phòng đẹp để cùng ba chiếc giường”. Một cô hầu béo mập, lùn tịt với đôi khuyên tai dài lủng lẳng đón chúng ngay ở cửa, nhún chào rồi đi ra. Cô mang theo một thứ gì đó có cán dài, trông giống như chiếc chảo rán được che đi.

“Mình mừng khi thấy nó đấy.” Van Mounen bảo Ben.

“Cái gì cơ?”

“Cái gì, cái chảo nóng ấy. Nó chứa đầy than nóng; cô ấy đã ủ nóng giường của chúng ta.”

“Ồ, một chiếc chảo nóng cơ đây! Mình chắc chắn là vô cùng cảm tạ cô ấy.” Ben nói, quá buồn ngủ để tiếp tục bình luận thêm gì nữa.

Trong lúc đó, Ludwig vẫn mãi mê nói về bức tranh đã gây ấn tượng sâu sắc với cậu. Cậu đã bắt gặp nó khi đi ngang qua cửa sổ của một cửa hàng. Đó là bức tranh vẽ vụng về, cho thấy hai người đàn ông đứng trên boong tàu, bị trói quay lưng vào nhau, bao quanh họ là một nhóm thủy thủ đang chuẩn bị xô họ xuống biển. Nghi thức tử hình tù nhân này được gọi là voetspoelen, hay là nghi thức rửa chân, được người Hà Lan thực thi với những tên cướp biển vùng Dunkirk vào năm 1605, và được người Tây Ban Nha thực hiện lần nữa với người Hà Lan, trong một cuộc thảm sát kinh hoàng sau vụ bao vây của người dân Haarlem. Dù bức tranh vẽ tệ thật nhưng biểu cảm trên mặt những tên cướp biển được phô bày rất rõ ràng. Dù sừng sãi và tuyệt vọng, chúng vẫn mang nét độc ác, thâm hiểm khiến Ludwig cảm thấy một sự thỏa mãn ngấm ngầm khi chiêm ngưỡng tình cảnh bất lực của chúng. Cậu vốn đã quên đi cảnh tượng đó nếu không trông thấy người đàn ông với vẻ ngoài xấu xa bên ngọn lửa. Giờ đây, trong khi đi loanh quanh như một cậu bé, rồi ném mình lên giường như một tên hề, cậu thán hy vọng rằng nghi thức rửa chân sẽ không ám ảnh giấc mơ của mình.

Đó là một căn phòng lạnh lẽo, lặng thinh; ngọn lửa vừa mới được nhóm lên trong chiếc lò sáng choang và có vẻ như đang run rẩy mặc dù vẫn cố gắng cháy tiếp. Những cánh cửa sổ, với khung cửa nhỏ xíu đến buồn cười, trông hươu trông hoác và sáng bóng, còn sàn nhà lạnh lẽo bóng bẩy trông như một lớp băng màu vàng. Ba chiếc ghế bện dây đứng bất động áp lưng vào bức tường, xen kẽ với ba cái khung giường hẹp bằng gỗ, khiến căn phòng trông như phòng bỏ hoang của một bệnh viện. Nếu ở hoàn cảnh khác, các cậu bé có lẽ sẽ không thể chịu được cảnh ngủ đôi, đặc biệt là khi

ở một nơi chật chội thế này, nhưng đêm nay chúng đã mất hết sạch nỗi sợ nằm chen chúc và chỉ muốn trải dài thân hình mệt mỏi của mình trên những cái đệm êm ái nhẹ nhàng đặt trên mỗi giường nhỏ. Nếu còn đang ở Đức thay vì ở Hà Lan, các cậu bé có lẽ đã được bao bọc trên chiếc giường lót lông thú hay lông vũ. Kiểu cách sang trọng kì quái này vào thời đó chỉ có những người Hà Lan giàu có hay lập dị mới có.

Ludwig, như chúng ta đã thấy, vẫn chưa mất đi sự năng nổ của mình, nhưng các cậu bé khác sau một hoặc hai nỗ lực yếu ớt trong trận chiến gối, liền đổ yên bản thân vào giấc ngủ với lòng tự trọng đặt lên cao nhất. Không gì có thể khiến các cậu bé ngoan ngoãn hơn sự mệt mỏi.

“Ngủ ngon nhé, các em!” Peter nói dưới lớp chăn.

“Ngủ ngon.” Tất cả mọi người đồng thanh, trừ Jacob, người đã kịp ngáy khò khò bên cạnh đội trưởng.

“Mình bảo này.” Carl lên tiếng sau một lúc. “Đừng ngáy nhé. Ludwig sẽ phát hoảng đấy!”

“Làm gì có chuyện đấy.” Ludwig phản pháo lại dưới lớp chăn.

Sau đó các cậu bé thì thảo luận một chút, rồi Carl kết thúc câu chuyện bằng câu nói: “Mình thì nào biết sợ hãi là gì. Nhưng cậu đúng là một anh bạn nhát cáy, Ludwig ạ.”

Ludwig ngái ngủ gằm gừ, nhưng không đáp lại.

Giữa đêm, ngọn lửa lụi dần, thay vào ánh lửa là những đốm sáng hình vòng phản chiếu ánh trăng rơi xuống trên sàn nhà, chậm rãi, chậm rãi di chuyển dọc căn phòng. Có thứ gì đó cũng đang chuyển động, nhưng các cậu bé không hề hay biết. Các cậu bé đang ngủ thì còn đề phòng gì được kia chứ. Trong những giờ đầu tiên của đêm, Jacob Poot đã từ từ cuộn chặt người mình lại trong mọi lớp chăn. Cậu nằm đó như một con sâu bướm bên cạnh Peter gần như đã đóng băng, cậu có lẽ đang trượt băng với tất cả sức lực qua vùng băng lạnh nhất, trắng nhất trong giấc mơ.

Thứ gì đó, như ta đã nhắc tới, ngoài ánh trăng ra, đang chuyển động trên sàn nhà trống trơn, bóng loáng – đó cũng không phải chuyển động quá chậm rãi, nhưng đầy lén lút.

Dậy đi, Ludwig! Nghi lễ rửa chân đang sắp thành sự thật rồi!

Không. Ludwig không tỉnh, cậu chỉ rên rỉ trong mơ thôi.

Carl không nghe thấy gì sao? ... Carl đừng cảm không biết sợ hãi ời!

Không. Carl còn đang mơ về cuộc đua.

Jacob? Van Mounen? Ben thì sao?

Không. Họ cũng đang mơ về cuộc đua, về Katrinka hát và cười vang khi trượt ngang qua họ; đây đó còn có tiếng đàn ông vọng qua nữa.

Thứ đó vẫn đang chuyển động, chậm rãi, chậm rãi.

Peter! Đội trưởng Peter, đang có nguy hiểm!

Peter chẳng nghe thấy gì hết, nhưng trong giấc mơ, cậu trượt mấy ngàn thước từ tầng băng này sang tầng băng khác, cơn sốc đó khiến cậu tỉnh giấc.

Ái chà! Cậu ấy thấy lạnh làm sao! Cậu hoang mang, vô vọng túm chặt lấy con nhộng bên cạnh. Lốp đệm, chần và ga đang quấn chặt quanh thân hình bất động của Jacob.

Đêm nay trăng sáng rõ thật, cậu nghĩ. Chúng ta sẽ có tiết trời đẹp vào ngày mai đây. Ôi! Gì thế kia?

Cậu đã thấy thứ đang chuyển động, rõ hơn là thứ gì đó màu đen đang khom mình trên sàn, bởi nó đã dừng lại khi Peter động dậy.

Cậu tiếp tục quan sát trong im lặng.

Chẳng mấy chốc, vật đó lại chuyển động, càng lúc càng gần hơn. Đó là một người đàn ông đang bò trên hai tay và hai chân!

Phản xạ đầu tiên của đội trưởng là muốn hô hoán lên, nhưng cậu ngay lập tức cân nhắc lại tình hình.

Kẻ lén lút cấn trên tay một con dao sáng choang. Điềm này thật tệ, nhưng Peter vẫn giữ được bình tĩnh. Với cái đầu quay sang, mắt Peter vẫn nhắm như thể đang say ngủ, nhưng thực chất, không gì có thể sắc bén và tinh nhanh hơn ánh nhìn của vị đội trưởng.

Kẻ lén lút tiến tới gần nữa và gần nữa. Lưng hắn đang rất gần với Peter. Con dao được đặt nhẹ xuống sàn nhà. Một tay hắn âm thầm rướn tới để kéo quần áo từ chiếc ghế bên cạnh giường vị đội trưởng. Vụ ăn trộm đã bắt đầu.

Giờ thì đến lượt Peter! Nín thở, cậu vùng dậy và dùng hết sức lực leo lên lưng tên trộm, làm hắn sững người với sức nặng cơ thể của cậu. Cậu đoạt lấy con dao chỉ trong nháy mắt. Tên trộm bắt đầu vùng vẫy, nhưng

Peter ng ỡi dạng chân như một người khổng lồ trên thân hình đã bị khuất phục kia.

“Ông dám cử động!” Chàng trai dũng cảm nói bằng giọng đe dọa nhất mà cậu có thể thốt ra. “Cử động dù chỉ một phân thôi, tôi sẽ đâm con dao này vào cổ ông đấy. Các em! Các chàng trai! Thức dậy đi!” Cậu hô lên, vẫn ấn cái đầu tóc đen xuống và giữ con dao ở vị trí thuận tiện hành động. “Giúp anh một tay! Anh bắt được hắc r ỗ!”

“Con nhộng” trở mình, nhưng chẳng có dấu hiệu gì hơn thế.

“Dậy mau nào, các em!” Peter kêu lên, vẫn không ai chịu nhúc nhích. “Ludwig! Lambert! Lạy thánh Donder! Các em chết hết r ỗ à?”

Chết sao? Không đâu! Van Mounen và Ben ngay lập tức bật dậy.

“Này! Gì đây?” Họ hô lên.

“Anh bắt được một tên trộm.” Peter bình tĩnh đáp. “Nằm yên, tên khốn này, không ta cửa cổ người đấy! Các em, hãy cắt dây giường ra, còn nhiều thời gian lắm, hắc ta sẽ thành người chết nếu dám cử động.”

Peter cảm thấy như mình nặng đến một nghìn cân. Đúng là vậy thật, chỉ cần cậu vẫn còn giữ lưỡi dao trong tay.

Người đàn ông g ầm gừ và chửi bới nhưng không dám cử động.

Ludwig giờ đã tỉnh. Cậu có một con dao bỏ túi rất tuyệt – niền tự hào trong lòng cậu – giờ đang ở trong túi chiếc quần túm. Nó có thể giúp ích bây giờ. Chúng làm rỗng khung giường chỉ trong chốc lát. Chiếc giường được buộc ở cả đằng trước và đằng sau bằng một sợi dây thừng.

“Đỡ em cắt cho.” Ludwig nói và cắt nút thắt. “Giữ hắc ta chặt vào, anh Peter!”

“Không cần lo đâu!” Đội trưởng đáp, nhấn một cái chích đ ầy cảnh cáo vào tên trộm.

Các cậu bé nhanh chóng kéo sợi dây ra như những chàng trai mạnh khỏe. Cuối cùng nó cũng rời ra, một sợi dây dài và chắc.

“Giờ thì, các em.” Đội trưởng ra lệnh. “Nâng hai cánh tay xấu xa của hắc lên! Trói lại đằng sau lưng hắc! Đúng r ỗ, xin lỗi vì cản trở chút nhé, buộc chúng chặt vào!”

“Vâng, buộc cả chân hắc nữa, tên xấu xa này!” Các cậu bé cùng reo lên trong phấn khích, buộc từng nút từng nút với cái nẩy người như của

Hercules.

Tên tù nhân bỗng đổi giọng.

“Ôi... ôi!” Hắn ta van vãn. “Hãy tha cho người đàn ông nghèo khổ yếu ớt này... tôi chỉ bị mộng du thôi.”

“Hừ!” Lambert càu nhàu, vẫn đang kéo thật chặt sợi dây. “Ông mà đang ngủ ấ y hả? Chà, vậy chúng tôi sẽ đánh thức ông dậy.”

Người đàn ông lẩm bẩm vài câu chửi bới kịch liệt qua hàm răng nghiến chặt, rồi lại khóc lên với giọng thống thiết. “Xin hãy cởi trói cho tôi, các vị chủ nhân trẻ tuổi! Tôi còn năm đứa con thơ ở nhà. Xin thề có Thánh Bavon, tôi hứa sẽ đưa mỗi cậu một đồng mười guilden nếu các cậu thả tôi ra!”

“Ha! Ha!” Peter cười rộ lên.

“Ha! Ha!” Các cậu bé khác cũng vậy.

Rồi hắn bắt đầu đe dọa, những lời hăm dọa khiến Ludwig hơi run rẩy, dù cậu vẫn tiếp tục buộc và trói với năng lượng gấp đôi.

“Im đi, ngài trộm cắp.” Van Mounen cảnh cáo. “Con dao đó đang rất gần cổ họng ngài đấy. Nếu ông dám làm đội trưởng lo lắng, không chắc được chuyện gì sẽ xảy ra đâu.”

Tên trộm hiểu được đi đâu này, hắn chỉ còn biết sững sờ im lặng.

Lúc đó, con sâu bướm trên giường mới chừa quây và ngẩng thẳng dậy.

“Có chuyện gì thế?” Jacob hỏi mà không thèm mở mắt ra.

“Chuyện gì sao!” Ludwig kêu lên, nửa run rẩy, nửa buồn cười. “Dậy đi, Jacob. Cậu có việc cần làm đây. Ngẩng lên lưng gã đàn ông này trong khi bọn mình thay quần áo, bọn mình sắp kiệt sức rồi.”

“Ai cơ? Lạy thánh Donder!”

“Hoan hô Poot!” Các cậu bé reo lên sau khi Jacob trượt xuống sàn nhà trong bộ đồng phục, nhanh chóng hiểu ra sự tình chỉ qua một cái liếc mắt và đè toàn bộ trọng lượng của mình lên trên lưng tên trộm bên cạnh Peter.

Ồ, tên trộm rồi rồi mới to làm sao!

“Không cần giữ hắn thêm nữa đâu, các em ạ.” Peter nói và đứng dậy, nhưng cúi xuống để rút ra một khẩu súng từ thắt lưng gã đàn ông. “Các em thấy đấy, anh đã luôn canh chừng thứ vũ khí bé nhỏ xinh xắn này trong mười phút vừa rồi. Nó đã lên nòng, chỉ cần nhúc nhích một xíu thôi cũng

đủ để khai hỏa nó. Giờ thì không còn nguy hiểm nữa rồi. Anh phải thay đồ nữa. Anh và Lambert sẽ tới đồn cảnh sát. Anh không biết trời lại lạnh thế này.”

“Carl đâu rồi?” Một cậu bé hỏi.

Họ quay qua nhìn nhau. Carl rõ ràng không ở cùng nhóm.

“Ôi!” Ludwig kêu lên đầy hoảng sợ. “Cậu ấy đâu rồi? Lẽ nào cậu ấy đã đánh nhau với tên trộm và bị giết.”

“Không thể nào.” Peter lặng lẽ nói trong khi cài cúc chiếc áo khoác dày của mình. “Kiểm tra dưới gầm giường xem.”

Họ làm theo. Carl không ở dưới đó.

Thế rồi họ nghe thấy tiếng còi thang rung lên. Ben vội chạy tới để mở cửa. Chủ quán gần như vấp ngã khi chạy vào; trên tay ông là một khẩu súng hỏa mai lớn. Hai hay ba người thuê trọ đi theo, rồi đến cô con gái chủ nhà với cái chảo rán giơ cao trên một tay và cây nến trên tay còn lại; còn ở sau cô, trông bọt bọt và hoảng loạn, là Carl đứng cảm.

“Hắn ta đây, thưa chủ quán.” Peter nói và gật đầu về phía kẻ bị bắt.

Chủ quán giơ khẩu súng lên, cô con gái thì hét toáng, còn Jacob, lanh lẹ hơn thường lệ, nhanh chóng lặn khỏi lưng tên trộm.

“Đừng bắn.” Peter kêu lên. “Hắn ta đã bị trói cả tay lẫn chân rồi. Hãy lật hắn lại và xem hắn trông ra sao.”

Carl hứng khởi đi lên trước và huênh hoang. “Đúng. Chúng ta sẽ xoay hắn lại theo cách mà hắn căm ghét. Thật may mắn chúng ta đã tóm được hắn!”

“Ha! Ha!” Ludwig bật cười. “Cậu đã ở đâu vậy, thưa cậu Carl?”

“Mình ở đâu ư?” Carl giận dữ đáp. “Sao chứ, chắc chắn là mình đi báo cho họ chứ sao!”

Các cậu bé trao đổi những ánh nhìn, nhưng họ đang quá vui mừng và phấn khởi để thốt ra những điếu không hay. Carl rõ là đã can đảm hơn vào lúc này. Cậu dẫn đầu trong khi ba người khác giúp cậu quay người tên trộm lại.

Khi tên trộm đã nằm ngửa ra, càu nhàu và lẩm bầm, Ludwig đón lấy cây nến từ tay cô gái.

“Mình phải xem ‘người đẹp’ thật kĩ.” Cậu nói khi bước tới gần, nhưng chẳng mấy chốc mà cậu trắng bệch ra và run lẩy bẩy, suýt nữa thì đánh rơi cây nến.

“Nghỉ thức rửa chân!” Cậu la lên! “Các cậu, đó chính là người đàn ông bên lò sưởi!”

“Tất nhiên rồi.” Peter nói. “Chúng ta đã đếm tiền ngay trước mặt hắn ta như một lũ khờ. Nhưng chúng ta cần làm gì với kẻ rửa chân đây, Ludwig? Một tháng trong tù là đủ rồi nhỉ.”

Con gái của chủ quán đã rời phòng. Giờ cô quay trở lại, cầm theo một đôi giày gỗ lớn. “Cha thấy chưa.” Cô kêu lên. “Đây là đôi giày xấu xí của hắn ta. Hắn chính là người mà chúng ta sắp xếp ở phòng ngay bên cạnh sau khi các cậu chủ đây đi ngủ. A! Quả là sai lầm khi để các quý ông trẻ tuổi tội nghiệp này ở quá xa như vậy.”

“Tên khốn này!” Chủ quán rít lên. “Hắn ta đã làm ô nhục cả căn nhà này. Ta phải báo với cảnh sát ngay!”

Trong vòng chưa đến mười lăm phút, hai vị cảnh sát hãy còn đang ngái ngủ đã xuất hiện trong phòng. Sau khi nói với ngài Kleef rằng ông sẽ phải trình diện vào sáng sớm cùng với các cậu bé để trình bày trước cảnh sát trưởng, họ áp giải tên tội nhân đi.

Người ta có thể cho rằng vị đội trưởng cùng cả nhóm không thể nào ngủ tiếp được nữa, nhưng chẳng gì có thể ngăn cản tuổi trẻ và tâm trí phóng khoáng của chúng khỏi dòng sông giấc mơ. Các cậu bé quá mệt mỏi để có thể thao thức chỉ vì một điếu nhỏ nhất như trộm cắp. Chúng nhanh chóng trở lại giường, bay về với những cảnh xa lạ được tạo nên bởi những vật quen thuộc. Ludwig và Carl trải đệm xuống sàn nhà. Một người thì đã quên tiết vụ rửa chân, cuộc đua, mọi thứ; nhưng Carl thì còn thao thức. Cậu nghe thấy tiếng chuông chầm vang lên điệu nhạc đêm nghiêm trang và tiếng vỗ tay ồn ào rộn rã của người gác đêm điểm mỗi mười lăm phút. Cậu thấy ánh trăng lướt đi qua khung cửa sổ và ánh bình minh đỏ thay thế, trong lúc đang mải mê suy nghĩ rằng cậu đã tự biến mình thành kẻ ngốc ra sao.

Carl Schummel, khi ở một mình và không có ai nhìn ngó hay lắng nghe, không còn là một cậu chàng sang chảnh như Carl Schummel luôn huênh hoang về bản thân.

XXIII

Trước tòa

Cạn có thể tin rằng con gái của chủ quán đã tự mình bận rộn chuẩn bị một bữa sáng thật ngon lành cho các cậu bé vào sáng hôm sau. Ngài chủ quán có một chiếc cồng Trung Quốc có thể phát ra tiếng to hơn mười hai chiếc chuông báo bữa sáng cộng lại. Thử tiếng đó đúng là một hiệu lệnh khủng khiếp vang dội khắp căn nhà, có thể khiến những vị khách ngái ngủ nhất giật mình tỉnh như sáo, nhưng cô hầu không cho phép chiếc cồng rung lên vào sáng ngày hôm đó.

“Hãy để các quý ngài trẻ tuổi dũng cảm ngủ.” Cô nói với cậu bé phục vụ bếp đang đánh dĩa đầu mờ. “Họ cần được ăn sáng đầy đủ khi nào thức dậy.”

Vào lúc mười giờ sáng, đội trưởng Peter cùng toàn đội từng người một mới lần lượt đi xuống tầng.

“Giờ đẹp đấy.” Chủ quán cộc cằn nói. “Chúng ta cần đến tòa thôi. Đây đúng là một vụ tốt đẹp cho căn nhà trọ đáng trọng này. Thưa các quý ông trẻ tuổi, các cậu sẽ trung thực làm chứng rằng các cậu đã tận hưởng những món ăn và nơi ngủ tuyệt vời nhất ở Sư Tử Đỏ chứ?”

“Tất nhiên rồi.” Carl thô lỗ đáp. “Thêm cả một anh bạn dễ chịu nữa, mặc dù anh ta đến vào giờ không đẹp lắm.”

Một ánh nhìn cùng tiếng hừ là tất cả lời đáp lại của chủ quán, nhưng cô con gái lại tỏ ra ưa chuyện hơn một chút. Lúc lắc đôi khuyên tai khi nhìn Carl, cô lạnh giọng nói: “Không hẳn là dễ chịu cho lắm, thưa quý khách, nếu xét việc cậu đã bỏ chạy như thế nào!”

“Đúng là thứ xác xược!” Carl rút lên dưới hơi thở khi cậu bắt đầu bận bịu với dây buộc lười trượt của mình. Trong khi ấy, cậu bé phục vụ bếp đang lắng nghe từ bên ngoài qua vết nứt trên cánh cửa, lén cười đến gập cả người lại.

Sau bữa sáng, các cậu bé đi tới sở cảnh sát cùng với Huygens Kleef và con gái ông. Toàn bộ lời làm chứng của ngài chủ quán phần lớn chỉ để chứng tỏ rằng trộm cướp tại Sư Tử Đỏ vào tối hôm qua là lần đầu tiên của quán, và rằng Sư Tử Đỏ là quán trọ đáng trọng nhất, đáng trọng cũng như bất kì ngôi nhà nào ở Leyden này. Các cậu bé cũng lần lượt kể lại tất cả những gì mình biết về vụ việc và xác định tên tù nhân trong ngục chính là người đàn ông đã lén lén vào phòng họ đêm qua. Ludwig khá ngạc nhiên khi biết tên tù nhân thực ra chỉ có vóc dáng trung bình – đặc biệt là sau khi cậu miêu tả hắn, một cách thù ghét, trước tòa là một tên cường tráng với đôi vai vuông rộng và đôi chân dài. Jacob thề thốt rằng cậu đã bị đánh thức bởi tên trộm đó và giậm huỳnh huých trên sàn, khiến ngay sau đó, Peter cùng các cậu bé còn lại (cảm thấy hối hận vì đã không giải thích cụ thể cho anh bạn mơ màng của mình) phải chứng minh lại rằng hắn ta đã không thể cử động chút nào từ khi mũi nhọn của con dao kề trước cổ, và cho đến khi hắn, trong tình trạng bị trói từ đầu tới chân, bị xoay lại để xem xét. Cô con gái của ông chủ quán khiến một chàng trai đỏ bừng mặt và cả phòng xử án mỉm cười khi tuyên bố: “Nếu không nhờ quý ngài trẻ tuổi đẹp trai đó.” Cô chỉ vào Peter. “Họ có lẽ đã chết trên giường rồi; bởi người đàn ông đáng sợ kia mang theo một con dao to sáng quắc, dài gần bằng cánh tay của quý tòa ấy.” Rồi cô quả quyết: “Quý ngài trẻ tuổi đẹp trai đã phải rất vất vả mới đoạt được nó khỏi tay hắn, nhưng ngài ấy lại vô cùng khiêm nhường, Chúa phù hộ ngài ấy!”

Cuối cùng, sau một vài câu hỏi nữa, cùng vòng chất vấn khắc nghiệt từ thanh tra cộng đồng, các nhân chứng được giải tán, còn tên trộm đang bị hội đồng xét xử tội phạm xem xét.

“Tên khốn đó!” Carl thù ghét nói khi các cậu bé đã ra phố. “Hắn ta cần bị tổng vào tù ngay tức khắc. Nếu em là anh, anh Peter ạ, em hẳn đã giết hắn ngay lập tức rồi.”

“Vậy thì hẳn ta đã may mắn khi rơi vào tay một kẻ nhân từ hơn.” Peter lặng lẽ đáp. “Có vẻ như hắn đã từng bị bắt trước đó vì tội đột nhập. Vụ ăn trộm tuy không thành công, nhưng hắn đã bẻ khóa cửa, chỉ từng đó thôi cũng làm anh tin tưởng pháp luật sẽ quy cho hắn tội ăn trộm. Hắn còn đem theo con dao nữa, thế còn làm tình hình tệ hơn, tội nghiệp hắn!”

“Tội nghiệp ư?” Carl nhại lại. “Người ta có khi sẽ cho rằng hắn là anh trai anh đấy!”

“Vậy thì hẳn là anh trai của anh và cũng là anh trai em luôn, Carl Schummel ạ.” Peter đáp, nhìn thẳng vào mắt Carl. “Chúng ta không thể biết chúng ta sẽ ra sao nếu ở hoàn cảnh đó. Chúng ta đã được bao bọc khỏi cái xấu từ giờ phút chúng ta sinh ra rồi. Một mái ấm hạnh phúc cùng cha mẹ tốt có thể sẽ biến người đàn ông đó thành một người tử tế thay vì một tên trộm. Mong Chúa phù hộ cho luật pháp sẽ chữa lành hẳn, thay vì đẩy nghiêng hẳn!”

“Cầu Chúa là thế!” Lambert chân thành nói trong khi Ludwig van Holp nhìn anh trai mình với vẻ tươi sáng và tự hào đến nỗi khiến Jacob Poot, người con độc nhất của gia đình, thật tâm ước gì hình hài nhỏ bé chôn trong nhà thờ cổ tại nhà đã cùng cậu lớn lên.

“Hừm!” Carl đáp. “Tỏ ra cao thượng và vị tha thì tốt đấy, những thứ giống thế đâu tốt cả, nhưng em vốn đã luôn là người khó tính rồi. Những ý tưởng tốt đẹp đó trôi qua khỏi em như cơn mưa đá vậy... Đó không phải là nhiệm vụ của ai hết.”

Peter cảm nhận được chút gì đó của lòng tốt trong lời nhượng bộ vụng về này. Cậu nói bằng giọng thẳng thắn nhưng nhiệt thành khi đưa tay ra: “Nào, anh bạn, bắt tay anh nào và hãy làm bạn tốt của nhau, mặc dù chúng ta không thực sự có cùng quan điểm trong mọi vấn đề.”

“Chúng ta đồng quan điểm về nhiều thứ hơn anh tưởng đấy.” Carl cảm cái nói nhưng vẫn chìa tay ra đáp lại Peter.

“Được rồi.” Peter vui vẻ đáp lời. “Giờ thì, van Mounen, mọi người đang đợi nghe mong muốn của Benjamin đây. Anh ấy muốn đi đâu?”

“Đến viện bảo tàng Ai Cập đi!” Lambert đáp sau khi hỏi Ben một lúc.

“Chỗ đó ở Breedstraat. Chúng ta cùng tới viện bảo tàng thôi. Đi nào các cậu!”

XXIV

Những thành phố bị bao vây

“Quảng trường ngay trước mặt chúng ta rồi đây.” Lambert nói khi cậu và Ben sóng bước cùng nhau. “Vô cùng đẹp mắt vào mùa hè với hàng cây rợp bóng. Tên quảng trường là Ruine. Nhiều năm về trước, ở đây toàn nhà là nhà, con kênh Rapenburg này thì chảy dọc qua con phố. Cho đến một ngày, một chiếc sà lan chứa hơn mười tám nghìn cân thuốc súng, đang trên đường tới Delft, chấn động chỗ đó, còn thủy thủ trên sà lan thì tự dưng nảy ra ý nghĩ nấu bữa tối trên boong thuyền, và thế là trước khi mọi người kịp định thần, thừa cậu, tất cả nổ tung, giết vô số người và phá tan ba trăm ngôi nhà ở đây thành cát bụi.”

“Sao cơ?” Ben kêu lên. “Vụ nổ đó phá huỷ đến ba trăm căn nhà sao?”

“Đúng thế, lúc đó cha mình đang ở Leyden. Cha kể rằng đó là một thảm họa. Vụ nổ xảy ra vào buổi trưa và gây ra hiệu ứng như núi lửa phun trào. Cả một phần thị trấn chìm trong biển lửa ngay tức khắc, các tòa nhà đổ sập xuống, còn đàn ông, phụ nữ và trẻ nhỏ thì gào thét dưới đồng nát vụn. Nhà vua đã đích thân tới thành phố và hành động rất đáng tôn kính, cha mình kể rằng, ngài ở lại trên phố suốt đêm, động viên những người sống sót cố gắng dập lửa và giải cứu nhiều nhất có thể số người đang bị vùi lấp dưới đồng đất đá và vụn nát. Ngài dùng tiền của mình để lập một quỹ hỗ trợ cho những người gặp nạn, kêu gọi quyên góp trên toàn đất nước, góp số tiền một trăm ngàn đồng guilder lấy từ ngân sách. Hồi đó cha mình mới chỉ mười chín tuổi. Chuyện xảy ra vào năm 1807, nhưng mình tin là cha vẫn ghi nhớ rất rõ. Một người bạn của cha là giáo sư Luzac đã mất mạng trong vụ nổ. Họ đã cho dựng một tấm bia trong Nhà thờ Thánh Peter để tưởng nhớ ông ấy... Đó sẽ là thứ kì dị nhất mà cậu từng thấy, với hình ảnh của vị giáo sư được khắc trên đó, tái hiện lại dáng vẻ ông ấy khi người ta tìm thấy xác ông ấy sau vụ nổ.”

“Thật là một ý tưởng kì quái! Mà tượng đài của Boerhaave cũng ở Nhà thờ Thánh Peter luôn còn gì!”

“Cái đó thì mình không nhớ nữa. Có lẽ anh Peter biết đấy.”

Đội trưởng làm Ben phấn khởi khi nói rằng bức tượng đài đúng là có ở đó và rằng cậu nghĩ họ có thể đến xem nó khi trời còn sáng.

“Lambert này.” Peter nói. “Em hỏi Ben xem cậu ấy đã thấy bức chân dung van der Werf ở hội trường thị trấn tối qua chưa?”

“Chưa đâu.” Lambert đáp. “Em có thể trả lời thay cậu ấy. Lúc đó đã quá muộn để vào xem rồi. Mình bảo này, các cậu, đúng là tuyệt vời khi Ben hiểu biết nhiều thật. Cậu ấy có kể cho mình nghe hẳn một tập của lịch sử Hà Lan rồi. Mình cá là cuộc bao vây Leyden luôn ở ngay đầu lưỡi cậu ấy.”

“Thế thì lưỡi cậu ấy hẳn phát bóng rồi.” Ludwig xen ngang. “Bởi nếu lời Bilderdyk là thật, đó là một sự kiện khá nóng đấy.”

Ben chỉ biết nhìn họ với nụ cười dò hỏi.

“Bọn mình đang nói về cuộc bao vây Leyden.” Lambert giải thích.

“Ồ, phải rồi.” Ben hứng khởi đáp. “Mình quên hết về nó rồi. Đây đúng là nơi đó đấy. Hãy cùng hoan hô van der Werf ba lần nào. Hoa...”

Van Mounen nhanh chóng kêu lên “Im lặng!” và giải thích rằng, dù người Hà Lan rất yêu nước, cảnh sát sẽ sớm can thiệp nếu một nhóm các cậu bé bỗng đứng đưng hoan hô giữa đường phố vào ban ngày.

“Sao vậy? Không hoan hô van der Werf sao?” Ben khó chịu kêu lên. “Một trong những người vĩ đại nhất lịch sử? Cứ nghĩ mà xem. Không phải ông ấy đã đứng lên chống lại quân Tây Ban Nha hại người trong hàng tháng ròng hay sao? Rồi đó, thị trấn bị bao vây tứ phía bởi quân thù; từ ngoài thành lũy cao lớn màu đen gửi vào sâu trong thành phố lửa đạn và chết chóc, nhưng không ai chịu hàng. Mỗi con người đều là người hùng, kể cả phụ nữ và trẻ em cũng dũng cảm và cứng rắn như sư tử. Đều cứu tế nạn dân, lớp cỏ mọc giữa hàng đá lát vỉa hè cũng biến mất, cho đến khi người ta mừng vì còn có thể ăn ngựa, mèo, chó rồi cả chuột. Thế rồi bệnh dịch kéo đến, hàng trăm người chết trên đường, nhưng vẫn không chịu hàng! Thế rồi khi họ không thể chịu đựng được nữa, khi mọi người, dù vẫn vô cùng dũng cảm, tụ lại xung quanh van der Werf ở quảng trường công cộng và cầu xin ông ấy bỏ cuộc, nhưng ngài thị trưởng lớn tuổi cao quý đó đã bảo sao nào? ‘Tôi đã thề bảo vệ thành phố này, với sự giúp đỡ từ Chúa, TÔI SẼ LÀM ĐƯỢC! Nếu cơ thể tôi có thể thỏa mãn cơn đói của mọi

người, hãy lấy nó đi, chia ra CHO mọi người, nhưng đừng hy vọng chúng ta sẽ đi đầu hàng một khi tôi còn sống.’ Hoan hô! Hoa...”

Ben càng lúc càng yên ả, Lambert đưa cọt bịt một bàn tay lên má bạn mình. Đi đầu đó dẫn đến một trận giằng co ngắn và đáng sợ để chứng kiến nhưng lại vui vẻ với loài người khi họ còn là những con nòng nọc. “Có chuyện gì vậy anh Ben?” Jacob hỏi khi hồi hảm bắt kịp tới.

“Ồ, đâu có gì.” Ben thở hắt ra. “Ngoại trừ việc van Mounen sợ sẽ tạo ra một cuộc nổi dậy của người Anh ở chốn thị trấn quy củ này. Cậu ấy không cho anh hoan hô ngài van der...”

“Này! Này! Hoan hô... hay làm ơn không tốt gì đâu. Anh sẽ thấy chân dung van der Does ở Stadhuis mà.”

“Thấy van der Does? Anh tưởng đó là bức chân dung của van der Werf chứ.”

“Đúng rồi.” Jacob đáp. “Van der Werf, chà, nhiều lắm! Cả hai đều giỏi như nhau...”

“Phải đây, van der Does là một quý ông Hà Lan đáng trọng, nhưng ông ấy không phải van der Werf. Em biết ông ấy đã từng bảo vệ thành phố vững như tường gạch, và...”

“Anh nói thế là sao hả *Penchamin*? Ông ấy đâu có bảo vệ thành phố với cục gạch, ông ấy chiến đấu như một người lính thiện nghệ với súng. Anh thích làm trò hề với người Hà Lan thật đấy.”

“Không! Không! Không! Anh nói ông ấy bảo vệ thành phố như một tòa thành bằng gạch vậy. Đó là một lời khen hết mực đó chứ, anh mong em hiểu thế. Người Anh bọn anh thậm chí còn gọi Công tước xứ Wellington là viên gạch ấy chứ.”

Jacob tỏ vẻ bối rối, nhưng sự khó chịu của cậu đã nguôi đi.

“Chà, vậy thì không sao. Em tưởng ý anh là gạch, nhưng nếu là thế thì không sao.”

Ben phóng khoáng bật cười; khi thấy em họ mình đã mệt mỏi với việc phải nói tiếng Anh, cậu quay sang trò chuyện với người bạn có thể nói được hai thứ tiếng của mình.

“Van Mounen này, họ nói loài bọ câu đã đưa tin vui về thành phố bị bao vây vẫn còn đâu đó ở Leyden này. Mình thực sự muốn được nhìn thấy chúng. Cứ nghĩ mà xem! Trong lúc nước sôi lửa bỏng như vậy, nếu gió

không đổi hướng và thổi vào dòng nước, nhấn chìm hàng trăm quân Tây Ban Nha và giúp những con thuyền Hà Lan xuôi dòng đi thẳng vào đất liền với đoàn quân và đò cứu tế đến ngay tận cổng thành phố. Đàn bồ câu, cậu biết đấy, chúng đã xuất sắc hoàn thành nhiệm vụ, chuyển thư qua lại như thế. Mình đã đọc ở đâu đó rằng chúng được chăm sóc rất cẩn thận từ ngày đó, và khi chết, chúng được nhồi bông và trưng bày ở hội trường thị trấn. Chúng ta phải đến xem mới được.”

Van Mounen cười. “Về việc đó, Ben ạ, mình cho là khi cậu tới Rome, cậu cũng sẽ hy vọng được thấy những con ngỗng giống thế, cái con mà đã cứu cả thủ đô ấy. Nhưng để đến xem loài bồ câu thì cũng dễ thôi. Chúng được đặt trong cùng tòa nhà với bức họa van der Werf. Không biết hàng phòng thủ nào mạnh hơn nhỉ, vòng vây Leyden hay vòng vây Haarlem?”

“Chà.” Ben trầm ngâm đáp. “Van der Werf là một trong những người hùng của mình. Chúng ta đều có những nhân vật lịch sử ưa thích, cậu biết đấy, nhưng mình thực lòng nghĩ vòng vây Haarlem thể hiện sự chống cự anh dũng hơn, hào hùng hơn cả vòng vây Leyden; hơn nữa, họ coi những người đã hy sinh trong trận Leyden như tấm gương của lòng quả cảm và ngoan cường, bởi sự kiện đó xảy ra trước.”

“Mình không biết nhiều lắm về vòng vây Haarlem.” Lambert nói. “Trừ việc nó xảy ra vào năm 1573. Ai đã thắng vậy?”

“Là quân Tây Ban Nha.” Ben đáp. “Dù sao thì người dân Hà Lan đã cố thủ đến hàng tháng trời. Không một ai chịu đầu hàng, kể cả phụ nữ. Họ kè vai và kiên cường chống chọi bên cạnh chồng họ, cha họ. Ba trăm người dân thực hiện nghĩa vụ dưới quyền chỉ huy của Kanau Hessalaer, một người phụ nữ tuyệt vời và dũng cảm chẳng kém Jeanne d’Arc. Từng ấy thời gian, toàn thành phố bị bao vây bởi quân Tây Ban Nha dưới quyền tướng Toledo, con trai của Công tước Alva. Bị cắt mọi nguồn hỗ trợ từ bên ngoài, cư dân thành phố tưởng như đã vô vọng, họ gào thét nổi loạn qua những bức tường thành phố. Họ thậm chí còn ném bánh mì vào doanh trại kẻ thù để chứng tỏ họ không sợ hãi cái đói. Cho đến ngày cuối cùng, họ vẫn tỏ ra ngoan cường, chờ đợi sự giúp đỡ mà có thể không bao giờ đến – cứ ngày càng dũng cảm cho đến khi nguồn thức ăn cạn kiệt. Thế rồi thảm họa kéo đến. Hàng trăm người chết đói ngoài đường, người còn sống thì chẳng còn đủ sức để chôn cất họ nữa. Cuối cùng, họ đưa ra quyết định tồi cùng, đó là thay vì chịu thua trước sự hành hạ đeo đẳng này, những người

còn khỏe nhất sẽ tạo thành một hình vuông, để những người yếu nhất vào giữa, rồi liều chết xông thẳng tới, với niềm hy vọng mong manh rằng họ sẽ tìm được đường đánh đến kẻ thù. Quân Tây Ban Nha biết được đi đầu đó, họ tin rằng chẳng còn gì mà người dân Hà Lan không dám làm nữa, nên họ đồng ý đàm phán thỏa thuận.”

“Mình cho rằng thế là đúng lúc đấy.”

“Phải, với sự dối trá và bội bạc, họ nhanh chóng được cho phép tiến vào thành phố, họ hứa sẽ bảo vệ và tha thứ cho tất cả, trừ những công dân mà chính họ cũng nhận thức được rằng mình đáng phải chết.”

“Không phải chứ!” Lambert nói, có vẻ hứng thú với câu chuyện. “Mình cho là thế thì giao dịch kết thúc rồi còn gì.”

“Không hề” Người bạn đáp lời. “Bởi Công tước Alva ra lệnh cho con trai ông ta không được tha cho bất kì ai.”

“A! Đó là lúc vụ thảm sát Haarlem bắt đầu. Giờ thì mình nhớ rồi. Cậu không cần phải thắc mắc tại sao người Hà Lan lại ghét Tây Ban Nha đến vậy, nếu cậu đọc về cách mà họ bị bọn Alva cùng tôi tớ của hắn ta giết hại, mặc dù mình phải thừa nhận rằng đôi lúc phe ta cũng trả đũa khá tàn nhẫn. Nhưng như mình đã nói đấy, mình rất mập mờ về khoản lịch sử. Mọi thứ đầu rồi như mớ bong bóng, từ trận lụt cho tới trận Waterloo. Chỉ có một điều rõ ràng, đó là Công tước Alva là một trong những người tệ hại nhất từng sống trên đời.”

“Đi đầu đó chỉ nói lên một phần của ông ta thôi.” Ben đáp. “Nhưng mình không thích nghĩ về ông ta như một người hoàn toàn xấu xa. Nếu như ông ta có tài trí, tài quân sự và những tố chất tương tự thì sao? Cho mình một người như van der Werf, và... Gì thế?”

“Này.” Van Mounen nói, cậu đang nhìn khắp dọc con phố với vẻ sững sờ. “Chúng ta vừa mới đi ngang qua viện bảo tàng, mà mình chẳng thấy các cậu còn lại đâu. Cùng quay trở lại thôi.”

XXV

Leyden

Cậu bé tụ tập ở viện bảo tàng và sớm bị cuốn vào việc ngắm nghía bộ sưu tập những món đồ quý hiếm đồ sộ, có những cái nhìn mới mẻ vào cuộc sống của những người Ai Cập, cả cổ đại và hiện đại. Ben và Lambert vẫn thường xuyên ghé thăm Viện Bảo tàng Anh quốc, nhưng đi đâu đó không làm họ bất ngờ trước sự đa dạng của bộ sưu tập ở Leyden này. Có đồ gia dụng, trang phục hằng ngày, vũ khí, nhạc cụ, quan tài đá, cả xác ướp của những người đàn ông, phụ nữ, mèo, dê núi và nhiều sinh vật khác nữa. Họ chiêm ngưỡng một chiếc vòng tay lớn bằng vàng đã được một vị vua Ai Cập đeo vào thời kì mà những xác ướp ở đây, có lẽ thế, đang nhanh nhẹn rảo bước trên những con phố ở Thebes; châu báu và nữ trang mà con gái Pharaoh đeo, được lũ trẻ Israel mượn khi chúng rời khỏi Ai Cập.

Còn có nhiều cổ vật thú vị khác nữa đến từ Rome và Hy Lạp, cùng một vài món đồ gốm kì quái của người La Mã đã được phát hiện khi người ta đào đất gần La Hay – thứ đồ cổ có từ khi những người đồng hương của Julius Caesar bắt đầu sinh sống ở đó. Mà có nơi đâu họ chẳng sinh sống chứ? Ta sẽ chẳng mấy ngạc nhiên nếu cổ vật của người La Mã cổ đại ngày nào đó lại được tìm thấy sâu dưới lớp cỏ mọc quanh bức tượng đài tưởng niệm đống Bunker đấy.

Khi các cậu bé rời bảo tàng, họ đến một bảo tàng khác và chiêm ngưỡng bộ sưu tập tuyệt vời về hóa thạch các loài động vật, những bộ xương, chim muông, khoáng sản, đá quý và các mẫu vật thiên nhiên khác nữa, nhưng bởi họ không phải các học giả, họ chỉ có thể dạo bước và ngắm nghía, tận hưởng chút kiến thức về lịch sử thiên nhiên mà họ có thể tiếp thu, và ước bản thân đã học hỏi nhiều hơn thế. Kể cả bộ xương của con chuột cũng làm Jacob bối rối. Có gì đáng ngạc nhiên? Bởi cậu không hề quen với việc thấy loài sinh vật sợ mèo đó chạy loang quanh trong bộ

xương như vậy, và làm sao cậu có thể biết rằng cổ chúng lại buồn cười đến thế kia?

Bên cạnh Bảo tàng Lịch sử thiên nhiên, các cậu bé còn ghé thăm Nhà thờ Thánh Peter, trong đó có đặt bia tưởng niệm Giáo sư Luzac và tượng đài Boerhaave bằng đá cẩm thạch trắng pha đen, với lọ tro cùng các ký tự được khắc tượng trưng cho bốn giai đoạn của đời người; trong đó còn có cả mặt huy chương của Boerhaave, được trang trí cùng châm ngôn ưa thích của ông: Đơn giản là biểu trưng của sự thật. Họ được cho phép vào vườn trà, ở đó đã trở thành khu nghỉ mát ưa thích của cư dân nơi đây vào mùa hè, sau khi đi ngang qua những cây sồi trụi lá và cây ăn quả, họ đến một đụn đất cao ở chính giữa. Đây là di tích của một tòa tháp tròn đã bị phá hủy, có người bảo rằng nó được xây dựng bởi Hengist – vị vua thời Anglo-Saxon, cũng có người cho rằng nó từng là tòa lâu đài của một trong những bá tước Hà Lan.

Khi các cậu bé bước lên đỉnh của bức tường đá, họ cũng không thể nhìn thấy rõ ràng thành phố xung quanh mình. Ngọn tháp đứng cao hơn khi mà hơn hai thế kỷ trước, người dân ở thành phố Leyden bị bao vây này đã hét lên với người quan sát ở trên đỉnh bằng giọng tuyệt vọng và hoang dại: “Có ai giúp đỡ không? Nước có đang dâng không? Anh trông thấy gì?”

Từng ấy tháng rỗng rã cũng chỉ có một câu trả lời: “Không có viện trợ. Tôi không thấy gì ngoài kẻ thù hết.”

Ben xua những ý nghĩ đó đi và kiên định nhìn xuống vườn trà trống trơn, tưởng tượng tới mùa hè sẽ có những nhóm người đến đây nghỉ mát. Cậu cố gắng quên đi trận chiến xưa cũ, chỉ mừng tượng những cuộn khói thuốc lá bay lên giữa rừng người đang tận hưởng trà và cà phê ngoài trời. Nhưng rồi một bi kịch xảy đến.

Poot đang cúi người trên rìa của bức tường cao. Sẽ chẳng lạ gì nếu cậu có bị chóng mặt và vấp ngã. Ben mất kiên nhẫn quay người. Nếu anh bạn đó, với cái đầu yếu đuối của mình, dám cả gan liêu lĩnh thế thì sẽ gánh hậu quả mất. Kinh hoàng thật! Tiếng rơi nặng trĩu đó là sao?

Ben cứng đờ người. Cậu chỉ có thể thốt lên. “Jacob!”

“Jacob!” Từng giọng nói hoảng hốt vang lên. Ben gần như muốn lẫn ra ngất xỉu, cậu cố gắng quay đầu lại. Cậu thấy đám con trai ở trên rìa bức tường đối diện, nhưng Jacob thì không ở đó.

“Lạy Chúa!” Cậu nức nở và nhoài người đến trước. “Em họ tôi đâu rồi?”

Nhóm nam bên kia tách ra. Hóa ra vẫn chỉ là bốn cậu bé. Jacob ngồi đó ở giữa họ, chống tay hai bên hông và sáng khoái bật cười.

“Mình dọa mọi người sợ rồi hả?” Cậu nói bằng giọng đặc Hà Lan. “Chà, để mình kể cho mà nghe. Có một tảng đá lớn ở trên tường và mình đặt... chân lên đó chỉ để thêm lực đẩy một chút thôi, và đi đầu tiếp theo mình biết được là tảng đá rơi bịch xuống và để lại mình ngồi lại đây với hai chân lơ lửng trong không trung. Nếu mình không kịp ngả người lại thì hẳn mình đã lăn xuống cùng tảng đá rồi. Chà, không sao hết. Giúp mình đứng dậy với.”

“Em bị thương rồi!” Ben nói khi thấy vẻ nghiêm trọng thoáng qua trên gương mặt của em họ mình khi những người bạn đỡ cậu đứng dậy.

Jacob cố gắng cười thêm lần nữa. “Ồ, không... Em có thấy hơi đau khi đứng dậy, nhưng không sao cả.”

Bức tượng đài của van der Werf ở Hooglandsche Kerk cấm người đến thăm vào ngày hôm đó, nhưng các cậu bé vẫn dành thời gian dạo chơi ở Stadhuis hoặc hội trường thị trấn – một tòa nhà có kiến trúc bất thường theo kiểu Gothic, được kiến dựng vững vẻn vẹn cuốn hút nhờ sự cổ điển. Tháp chuông nhỏ của nó, với âm vang của những cái chuông, như thể được mượn từ nơi khác và vội vàng chấp vá vào để hoàn thiện.

Leo lên cầu thang rộng, các cậu bé nhanh chóng nhận ra mình đang ở một tòa nhà khá tầm tối, chật đầy những bức tranh tuyệt tác của Lucas van Leyden, hay còn được gọi là Hagens, một nghệ sĩ người Hà Lan đã sống tầm ba trăm bảy mươi năm trước, người đã vẽ rất đẹp từ khi mới mười tuổi và trở nên xuất chúng trong hội họa khi mới mười lăm. Bức tranh *Phán quyết cuối cùng* vẽ về kỉ nguyên xa xôi đúng là một tác phẩm xuất sắc. Dù vậy, các cậu bé lại không hứng thú với việc nhận định về nét đặc sắc của tác phẩm bằng việc phát hiện ra đó là một bức tranh ba tấm, tức là được vẽ trên ba tấm rời, hai bức bên ngoài có bản lề để có thể đóng mở lên trên bức ở giữa.

Những bức tranh lịch sử của Harel de Moor và các họa sĩ Hà Lan nổi tiếng khác thu hút họ trong một lúc, còn Ben thì gần như quên tiệt về bức chân dung cũ kĩ xám xịt của van der Werf.

Hội trường thị trấn, cũng như Bảo tàng Ai Cập nằm trên phố Breedstraat, con phố dài và đẹp nhất Leyden. Không có con kênh nào chạy qua đây, các căn nhà thì được sơn đa dạng sắc màu, tạo nên hiệu ứng như một bức tranh vẽ khi đầu hồi của các ngôi nhà đều xoay cả ra ngoài cho đến tận cuối đường; một vài ngôi nhà rất cao với nửa phần trên là mái nhà dạng bậc nhị cấp; những căn nhà khác nép mình trước tòa nhà công cộng và nhà thờ. Sạch sẽ, rộng rãi, nước sơn đẹp và được tô điểm với nhiều căn biệt thự tráng lệ, nó cũng như những bộ trang phục lộng lẫy của Amsterdam vậy. Nơi đây được giữ gìn ngăn nắp đến tỉ mỉ. Nhiều máng nước được che đi bằng ván gỗ có thể đóng mở như cửa sập, nguồn nước được cung cấp bằng máy bơm phủ đồng thau và được cọ rửa, đánh bóng với tỉ mỉ mà công chúng bỏ ra. Thành phố bị phân cắt bởi vô số những con nước nhỏ rẽ nhánh từ sông Rhine, vốn đã trở nên chậm chạp và mệt mỏi bởi chặng đường dài, nhưng có đến hơn một trăm năm mươi cây cầu đá tụ họp trên những con phố bị phân cách ấy. Vẫn là con sông nổi tiếng ấy, tách ra từ dòng chảy Rhine tự do xinh đẹp, trở thành hào nước từ thành lũy bao quanh Leyden và bị ngắt ngang bởi những cây cầu kéo nằm ở cổng chính ra vào thành phố. Những đường bộ trên các con phố lớn rợp bóng cây quý, rào quanh những con kênh và tô điểm cho vẻ thư thái của những ngôi nhà đằng sau, làm nổi bật hiệu ứng của không khí nghiêm trang phủ khắp thành phố này.

Ben, khi đang mãi quét mắt khắp các tòa nhà trên con kênh Rapenburg, cảm thấy khá thất vọng trước vẻ ngoài của Đại học Leyden nổi danh. Nhưng khi cậu nhớ lại lịch sử của ngôi trường, khi mà nó còn toàn bộ vẻ tráng lệ của một khu triển lãm công cộng lớn, được Vương tước xứ Orange thành lập như một lời tri ân tới những anh hùng trong cuộc bao vây; khi cậu nhớ lại những con người vĩ đại trong tôn giáo, học thuật và khoa học đã từng học tập ở đó, về hàng trăm sinh viên giờ đang được thụ hưởng những thành quả từ các lớp học đó và những bảo tàng khoa học vô cùng giá trị của nó – cậu sẵn sàng bỏ qua mặt thẩm mỹ của cấu trúc, mặc dù cậu không thể không cảm thấy rằng một học viện như thế này không nên bị đặt nhăm kiêu cấu trúc như vậy.

Peter và Jacob ngắm nhìn tòa nhà với một niềm vui thích thậm chí còn lớn hơn và thực tiễn hơn, bởi chỉ vài tháng nữa thôi họ sẽ được tới đây học tập.

“Don Quixote tội nghiệp có lẽ sẽ tuyệt vọng khi chiến đấu ở vùng này mất.” Ben nói sau khi Lambert chỉ ra vài điểm đặc biệt và đẹp đẽ của vùng ngoại ô. “Ở đây toàn là cối xay gió. Mình cho là cậu còn nhớ cuộc chiến huy hoàng của ông ấy với nó?”

“Không.” Lambert thẳng thắn đáp.

“Chà, mình cũng không, ý là không hẳn. Nhưng thực sự là có cái gì đó khá tuyệt vời trong cuộc phiêu lưu của ông ấy, mà dù không có đi nữa thì đáng ra đã nên có. Nhìn xem, cách những chiếc cối xay gió điên cuồng xoay những cánh tay khổng lồ của chúng cũng là đi đầu đã thúc đẩy chàng kị sĩ điên vào cuộc chiến sinh tử. Chúng thật là đáng kinh ngạc! Giúp mình đếm những chiếc cối xay chúng ta có thể thấy đi, van Mounen. Mình muốn có một số liệu lớn để ghi vào sổ.” Sau khi cẩn thận xem xét, cộng với sự hết lòng giúp đỡ của cả nhóm, Ben viết vào sổ bằng bút chì: “Đã thấy, vào tháng Mười hai năm 184-, chín mươi tám chiếc cối xay gió khi nhìn toàn cảnh Leyden.”

Cậu sẽ rất mừng nếu được ghé thăm xưởng gạch cũ, nơi mà họa sĩ Rembrandt được sinh ra, nhưng cậu đành từ bỏ kế hoạch đó khi biết làm vậy sẽ khiến họ chệch hướng. Cũng như Ben, vài cậu bé đang đói meo giờ phân vân giữa con đường cách nhà Rembrandt một dặm và bữa trưa ở ngay gần. Ben lựa chọn phương án thứ hai.

Sau bữa trưa, họ nghỉ ngơi một lúc, rồi tiếp tục ăn bữa tối, theo như cách họ gọi dựa vào quy mô bữa ăn. Sau bữa tối, các cậu bé lại ngời sáng ấm trong quán trọ, tất cả trừ Peter, cậu đang bận bịu đi tìm bác sĩ Boekman lần nữa trong vô vọng.

Sau đó, cả nhóm lại tiếp tục hành trình trượt băng của mình. Họ còn cách La Hay mười ba dặm nữa và cả nhóm chẳng còn sung sức như lúc rời Broek vào sáng sớm hôm trước, nhưng tinh thần họ rất hưng phấn và mặt băng thì cực kỳ ủng hộ.

XXVI

Tòa lâu đài trong rừng

hi **K**hi đường trượt tiếp, các cậu bé trông thấy những vùng nông thôn tươi đẹp, tất cả đều được tô điểm và bài trí theo kiểu đậm chất Hà Lan nhất có thể nhưng vẫn gây ấn tượng cho người nhìn, với những căn nhà lớn, trang trọng, những khu vườn được chăm sóc tỉ mỉ, bờ gậu rào thành hình vuông cùng những con mương rộng, một vài con mương còn có cầu bắc ngang với những cánh cổng ở giữa và được khóa cẩn thận mỗi đêm. Những con mương này xuất hiện mọi nơi và phân cắt mặt đất từ lâu đã mất đi dáng vẻ trong mùa hè và giờ đang tỏa sáng dưới ánh trăng như những sợi ruy băng bằng thủy tinh trải dài.

Các cậu bé đã có một chuyến đi gan dạ, giờ đồng loạt biểu diễn một màn ấn tượng bằng cách lấy bánh gừng từ trong túi ra và làm chúng biến mất chỉ trong nháy mắt.

Mười hai dặm đã trôi qua. Thêm một vài đường trượt dài nữa thôi chúng sẽ tới được La Hay, nhưng van Mounen đề xuất rằng chúng nên làm phong phú thêm cho chuyến đi bằng cách chuyển hướng qua Bosch.

“Đồng ý!” Các cậu bé lần lượt hô lên, rồi lượt trượt của chúng đồng loạt vụt biến trong nháy mắt.

Bosch là một công viên lớn hay là một khu rừng, dài gần hai dặm, ở trong đó có Ngôi nhà trong rừng nổi tiếng – Ngôi nhà ở Bosch – thỉnh thoảng vẫn được sử dụng làm nhà ở của hoàng tộc.

Nói là ngôi nhà nhưng bên ngoài rõ ràng trông như một tòa lâu đài, bên trong được trang trí thanh nhã với những bức bích họa đẹp tuyệt – những bức tường cùng trần nhà phủ đầy sắc màu và họa tiết được vẽ lên ngay khi lớp vữa trát vẫn còn mới. Một vài căn phòng được trải thảm lụa Trung Hoa, với những bức hình thêu đẹp đẽ. Một căn phòng dành để treo các bức chân dung gia đình, một trong số chúng là bức tranh đám trẻ hoàng gia, thời đó đã bị biến thành trẻ mồ côi chỉ bởi một chiếc rìu, chuyện xảy ra

khá thường xuyên trong lịch sử châu Âu. Những đứa trẻ này được tái hiện lại khá nhiều lần dưới nét vẽ của họa sĩ Hà Lan van Dyck, ông từng là họa sĩ riêng của cha chúng là Charles đệ Nhất của Anh quốc. Chúng đúng là những đứa trẻ xinh đẹp. Anh quốc không biết sẽ nguy hiểm đến nhường nào nếu con người nước họ có trái tim và tâm hồn hoàn hảo như ngoại hình của họ!

Khu công viên bao quanh tòa lâu đài vô cùng quyến rũ, đặc biệt là vào mùa hè, bởi các loài hoa và chim chóc khiến chỗ này tươi sáng như một miền đất thần tiên. Những hàng dài cây sồi sừng sững ngẩng cao tán cây kiêu hãnh, biết rõ rằng không một bàn tay thấp kém nào có thể hạ thấp chúng. Thật ra, suốt nhiều năm rồi khu rừng này được biết đến như một nơi thiêng liêng. Trẻ con không bao giờ được phép động vào dù chỉ là nhánh cây nhỏ nhất. Chiếc rìu của người thợ rừng không bao giờ xuất hiện ở đây. Kể cả chiến tranh và những cuộc nổi loạn cũng bỏ qua nơi này một cách tôn kính, như một khoảng dừng trên hành trình tàn phá của chúng. Vua Philip của Tây Ban Nha, trong khi ra lệnh hạ sát hàng trăm người Hà Lan, cũng đã hạ lệnh không được phép động vào dù chỉ một cành cây trong khu rừng tuyệt đẹp này. Còn có một lần, khi Chính phủ chuẩn bị hy sinh khu rừng để bù đắp vào ngân khố sắp cạn kiệt trong thời kì khó khăn, người dân ngay lập tức đổ tới giải cứu, và có sự đóng góp đáng quý vào ngân sách còn nhiều hơn là số tiền cần thiết.

Nếu vậy thì còn gì phải nghi ngờ về cung cách hoàng gia và sự kiên cường của những gốc sồi này nữa chứ? Đàn chim từ khắp nơi trên đất Hà Lan đã ríu rít kể cho chúng rằng ở những nơi khác, cây cối đã bị chặt phá và uốn thành hình, nhưng chúng thì vẫn bình yên vô sự. Năm này qua năm khác, chúng cứ thế lớn lên với nét đẹp cao quý nguyên thủy; tán cây xòe rộng, sống động với những tiếng du dương, tỏa bóng mát rượi trên đồng cỏ và trên những lối đi bộ, hay cúi đầu ngắm nghía cái bóng của chính mình phản chiếu trên mặt nước hồ ngập tràn ánh nắng.

Trong lúc ấy, như để khen thưởng người dân đã chiêu theo ý bà, Mẹ thiên nhiên đã phá vỡ khuôn khổ, diện lên mình những món trang sức mà con người đã tôn kính dâng lên người bà. Thế nên mảnh vườn mới ngả sang màu xanh mướt; con đường ra vào lồng gió; vườn hoa tỏa sáng và tỏa hương; những mặt hồ và bầu trời thì ngấm nhau với vẻ ái mộ thắm lặng.

Kể cả trong ngày đông hôm ấy, Bosch trông vẫn tuyệt đẹp. Hàng cây tuy trụi lá, nhưng bên dưới chúng vẫn là hồ nước, với mỗi gợn sóng như mền đi dưới mặt kính. Bầu trời trong xanh, khi nó nhìn xuống qua tán cây trơ trụi, nó như trông thấy một bầu trời xanh thứ hai, tuy chẳng sáng được bằng nó, đang nhìn lại nó từ dưới tán cành trong băng.

Peter chưa bao giờ thấy cảnh mặt trời lặn đẹp đến thế như hôm cậu gửi ánh mắt tạm biệt tới những khung cửa sổ và mái nhà lấp lánh của thành phố trước mắt cậu. La Hay chưa bao giờ gọi mời đến thế này. Cậu không còn là Peter van Holp ghé thăm một thành phố lớn nữa, cũng không còn là quý ngài trẻ tuổi đẹp đẽ mê mẩn ngắm cảnh; cậu giờ là một kỹ sĩ, một du khách, với quần áo lấm bẩn và thân hình mỗi mệt, một Holp-tí-hon đã lớn phồng, một kẻ may mắn bước đến tòa lâu đài cổ tích nơi sự xa hoa và phóng khoáng đang chờ đợi, bởi nhà của chị gái cậu chỉ còn cách đó chưa đến nửa dặm.

“Cuối cùng thì, các em ạ.” Cậu vui sướng reo lên. “Chúng ta có thể hy vọng về một chỗ dừng chân sang trọng rồi, với những chiếc giường êm ái, phòng ốc ấm áp và đồ ăn ngon. Anh chưa bao giờ nhận ra chúng ta được hưởng cuộc sống sang trọng đến thế nào. Trọ lại tại Sư Tử Đỏ đã giúp chúng ta trân trọng nhà của mình hơn đấy.”

XXVII

Hoàng tử Buôn và Chị gái Hoàng tử

Có lẽ Peter cảm thấy căn nhà của chị gái mình cứ như một tòa lâu đài bị phù phép. Tuy rộng lớn và lộng lẫy, cả tòa lâu đài như bị lời nguyền im lặng bao trùm. Chú sư tử gù mình bên cánh cổng trông như đã bị phép thuật hóa đá. Bên trong, tòa lâu đài như được bảo vệ bởi các vị thần hộ mạng trong hình hài những người hầu mặt đỏ, lặng lẽ xuất hiện khi có tiếng chuông hay tiếng gõ triệu tập. Còn có một con mèo với vẻ thông thái chẳng kém gì Chú mèo đi hia, cùng một chú lùn bằng đồng thau đứng giữa sảnh với hai cánh tay chìa ra để sẵn sàng nhận gậy và ô treo lên đó. An toàn giữa những bức tường là một Khu vườn Vui vẻ nở rộ, ở đó các loài hoa vẫn tin chắc rằng giờ đang là giữa hè, cùng một đài phun nước lấp lánh cười rộ lên tươi vui bởi Jack Frost chẳng thể tìm ra nó. Còn có một Người đẹp ngủ trong rừng, xuất hiện đúng lúc các cậu bé vào tới nơi, nhưng khi Peter, như một vị hoàng tử đích thực, nhẹ nhàng lướt lên trên những bậc cầu thang và đặt nụ hôn lên mí mắt nàng, lời nguyền được phá bỏ. Nàng công chúa biến thành người chị tốt bụng của cậu, còn tòa lâu đài trở thành một trong những ngôi nhà xinh đẹp, thoải mái nhất ở La Hay.

Mọi người có thể thực tin rằng các cậu bé được chào đón một cách nồng nhiệt nhất tại đây. Sau khi trò chuyện một lúc với vị nữ chủ nhân tươi tắn, một “vị thần” đến mời họ tham gia bữa tiệc tại căn phòng treo rèm đỏ, ở đó có sàn và trần nhà sáng choang như ngà đánh bóng, cùng những chiếc gương đột nhiên bùng nổ với hình ảnh các cậu bé má hây hây hồng, chỉ cần chúng ở đủ gần để có thể phản chiếu.

Họ đã có một bữa thịnh soạn với trứng cá muối, món salmagundi, xúc xích và pho mát, bên cạnh rau trộn, hoa quả, bánh quy cùng bánh ngọt. Làm thế nào các cậu bạn có thể hấp thụ cả một bàn thức ăn đa dạng như thế vẫn là một điếu bí ẩn đối với Ben, bởi rau trộn thì chua, còn bánh thì ngọt; hoa quả mang vị thanh nhã, món salmagundi lại nặng mùi với hành và cá. Nhưng trong khi đang tự vấn như vậy, cậu vẫn ăn uống rất nhiệt tình và

sớm phải nghiêm túc chọn lựa món gì mình thích hơn, là cà phê hay rượu h ẫ ngọt. Có một đi ầu khá thú vị là mỗi người lấy đồ ăn từ đĩa bạc và ly rượu mà Titania có thể đã nhấp môi. Quý ông trẻ tuổi sau đó có viết thư về cho mẹ rằng, dù ở nhà có đầy những thứ xinh đẹp và đã được chọn lọc, cậu vẫn chưa hiểu gì về đồ mỹ nghệ bằng thủy tinh, sứ và bạc cho đến khi cậu ghé thăm La Hay.

Tất nhiên chị gái của Peter đã nhanh chóng được nghe kể lại chuyên hành trình của các cậu bé. Họ đã trượt băng hơn bốn mươi dặm và ngắm nhìn cảnh vật hiếm có trên đường như thế nào; họ đã mất ví và tìm lại được như thế nào. Một anh bạn đã bị ngất và cho cả nhóm cái cốc để lướt trên một con thuyền băng như thế nào; và trên tất cả, họ đã bắt được tên trộm và lần thứ hai cứu được cái ví của mình như thế nào.

“Bây giờ thì, Peter này.” Quý cô nói khi câu chuyện kết thúc. “Em cần viết ngay một lá thư gửi về Broek thông báo rằng chuyến phiêu lưu của các em đã vô cùng suôn sẻ, rằng em và những người bạn đồng hành của em sẽ được giữ lại đây.”

Các cậu bé tỏ ra kinh ngạc.

“Tất nhiên là em sẽ không làm thế?” Peter cười. “Trưa mai là chúng em phải rời đi rồi.”

Nhưng người chị rõ là đã quyết định theo một hướng khác, và quý cô Hà Lan không phải người dễ dàng bị thuyết phục. Chẳng mấy chốc, cô đưa ra thật nhiều thứ gọi mời và tỏ ra tươi vui, nhiệt tình, hết lòng dỗ ngọt và đáp ứng bằng cả tiếng Anh và tiếng Hà Lan, khiến các cậu bé đều vui vẻ cho rằng họ nên ở lại La Hay thêm ít nhất hai ngày.

Câu chuyện tiếp tục bàn về cuộc đua trượt băng lớn sắp tới, quý cô van Gend mừng rỡ hứa hẹn rằng mình sẽ đến xem. “Chị phải chứng kiến em chiến thắng chứ, Peter.” Cô nói. “Bởi em là người trượt băng nhanh nhất mà chị biết.”

Peter đỏ mặt và khẽ húng hắng ho khi Carl trả lời thay cậu:

“A, thưa quý cô, cậu ấy nhanh nhẹn thật, nhưng các chàng trai Broek đều là những tay trượt băng tài ba, kể cả hai đứa nhóc mặc giẻ rách ấy.” Cậu ta cay cú nghĩ về Hans tội nghiệp.

Quý cô bật cười. “Thế sẽ càng làm cho cuộc đua thêm thú vị chứ.” Cô nói. “Nhưng chị chúc mỗi người các em đều sẽ trở thành người thắng

cuộc.”

Đúng lúc ấy, ch^{ồng} cô, ngài van Gend bước vào, và sự mê hoặc đối với các cậu bé giờ đã được hoàn thiện.

Các nàng tiên vô hình trong căn nhà ngay lập tức túm tụm lại xung quanh lũ trẻ, thì thào rằng Jasper van Gend sở hữu trái tim trẻ trung và tươi mát không khác gì của chúng, và nếu anh ấy yêu bất kì thứ gì hơn là sự chăm chỉ, đó chỉ có thể là ánh nắng và cuộc vui. Họ cũng bóng gió gì đó về việc anh ấy có một trái tim n^{àng} hậu cùng một cái đ^{ầu} khôn ngoan và r^{ồi} cuối cùng khiến các cậu bé hiểu rằng, một khi quý ngài đã nói gì, tức ý ngài chính là như thế đấy.

Bởi vậy nên câu nói thẳng thắn “Chà, đây quả là một sự vinh hạnh” khi anh bắt tay các cậu bé đã khiến chúng cảm thấy như ở nhà và hạnh phúc như những chú sóc.

Trong phòng khách có những bức họa tuyệt vời cùng những bức tượng thanh tú, các tập tài liệu cất đầy những bản khắc Hà Lan hiếm thấy, bên cạnh những món đồ đẹp đẽ và độc đáo đến từ Trung Quốc và Nhật Bản. Các cậu bé cảm thấy như phải mất đến cả tháng mới có thể nghiên cứu hết toàn bộ bảo vật trong căn nhà.

Ben thích thú để tâm đến những cuốn sách tiếng Anh nằm trên bàn. Cậu cũng thấy phía trên cây đàn piano lớn được chạm trổ là bức chân dung cỡ người thật của William xứ Orange cùng hoàng hậu người Anh của ngài, cảnh tượng mà từng đưa nước Anh cùng Hà Lan đến gần nhau trong tim cậu. William và Mary đã để lại tiếng thơm cho ngôi vị hoàng gia Anh quốc từ ngày ấy cho đến nay, ngài quả là người ái quốc chân chính nhất từng phục vụ một đất nước được cứu mang, còn bà là người vợ cao quý nhất từng ng^{ồi} lên ngai vàng Anh quốc, cho đến thời của Victoria và Albert. Khi Ben ngắm nghía các bức tranh, cậu nhớ về những đi^{ều} mình đã đọc về chuyến ghé thăm La Hay của Vua William vào mùa đông năm 1691. Ngài đã hát về Cuộc chiến của Ivry, cuộc chiến còn chưa được kể lại về câu chuyện hùng tráng ngày ấy, nhưng Ben biết đủ để khi cậu nhìn từ bức chân dung sang con phố, nơi mà vào lúc này đang sáng rực lên với ngọn lửa hân hoan, bập bùng trong khuôn viên vương vực bao quanh và tưởng tượng ra tiếng hô hào của đám đông vui vẻ.

Chuyến thăm hoàng gia đó chưa bao giờ bị quên lãng. Trong hai năm, William xứ Orange đã trở thành quốc vương của một vùng đất khác, trí óc

ông làm việc hết mình vì nước Anh, nhưng trái tim ngài lại hướng về Hà Lan. Giờ, khi ngài tìm đến bờ biển xứ ấy lần nữa, cả đất nước ấy đều gửi ngài lời chào mừng. Hàng ngàn người đổ ồa về La Hay để gặp ngài. Hàng ngàn người đến bằng thuyền hay trượt băng dọc các con kênh từ Amsterdam, Rotterdam, Leyden, Haarlem, Delft. Suốt cả ngày dài, các hoạt động ăn mừng trong thủ đô cứ nối tiếp nhau diễn ra linh đình, các con phố trở nên lộng lẫy với băng rôn, cổng chào trang trí lá thường xuân, cúp, khẩu hiệu chào đón cùng biểu tượng của sự càn cù. William thấy những chiến công của tổ tiên mình, quá khứ của chính ngài được miêu tả trên băng rôn và thảm treo trải khắp phố. Nửa đêm, pháo hoa tuyệt đẹp được phô diễn trên lớp băng. Bề mặt trong suốt như kính của nó như thể một tấm gương. Các đài phun nước lấp lánh với ánh sáng chiếu lên từ phía dưới gặp dòng thác nước chảy xuống. Rồi một ngọn lửa lạ là của màu đỏ thắm và xanh lá rữ hàng triệu viên hồng ngọc và ngọc lục bảo xuống chiếu sâu cứng rắn của lớp băng, suốt quá trình này, người dân liên tục hô to: “Chúa phù hộ William xứ Orange! Đức vua vạn tuế!” Họ gần như phát điên với niềm vui và sự thích thú. William, hoàng tử của họ, vương tước của họ, giờ đã trở thành quốc vương của ba vương quốc; ngài thành công ở cả thương trường và chiến trường, còn giờ, trong giây phút chiến thắng rực rỡ này, ngài đến đây như một vị khách giản dị ghé thăm họ. Vị vua nghe tiếng hô hào của nhân dân với trái tim nóng hổi. Thật là tuyệt vời khi được cả đất nước yêu quý! Các cận thần từ Anh quốc cũng chúc mừng ngài về sự tiếp đón nồng hậu mà ngài được nhận. “Đúng vậy.” Ngài nói. “Nhưng tiếng hoan hô ở đây sẽ hoàn hảo biết mấy nếu Mary đang ở bên ta lúc này!”

Trong lúc Ben vẫn mải mê với bức chân dung thì ngài van Gend đang kể cho các cậu bé còn lại câu chuyện về chuyến ghé thăm gần đây của ngài đến Antwerp. Nơi đó là quê hương của Quentin Matsys, người thợ rèn đã vì tình yêu dành cho con gái của một người họa sĩ mà tự rèn chính mình trở thành một họa sĩ tài giỏi, các cậu bé hỏi vị chủ nhà liệu anh đã từng thấy bất cứ tác phẩm nào của Matsys chưa.

“Rồi chứ, hẳn là rồi.” Anh đáp. “Chúng quả thật rất tuyệt vời. Bức ba tấm của ông ấy được treo ở nhà nguyện trong nhà thờ Antwerp, với bức *Tháo danh chúa Jesus* ở chính giữa, bức đó đặc biệt xuất sắc, nhưng anh phải thừa nhận rằng mình thích cái giếng của ông ấy hơn.”

“Giếng nào vậy, thưa ngài?” Ludwig hỏi.

“Cái giếng ở ngay giữa trung tâm thành phố, gần nhà thờ lớn với tháp chuông cao sừng sững được xây dựng kì công đến nỗi quốc vương của Pháp còn phải nói nó gọi nhắc ngài ấy nhớ về họa tiết ren Mechelen. Cái giếng được phủ mái che có hình một kỵ sĩ mặc áo giáp. Cái giếng làm hoàn toàn bằng kim loại và là minh chứng rằng Matsys là một nghệ sĩ không chỉ ở lò rèn mà còn trên giá vẽ nữa; tất nhiên, phần lớn sự nổi tiếng của ông ấy bắt ngu ồn từ tài năng vượt bậc của một nghệ nhân làm sắt.”

Tiếp theo, vị chủ nhà cho các cậu bé xem vài thứ đồ đúc thanh tú của Berlin mà anh đã mua từ Antwerp. Chúng là đồ TRANG SỨC BẰNG SẮT và rất trang nhã – những mặt huy chương được thiết kế từ các họa tiết hiếm thấy, vì thế xung quanh với họa tiết mảnh và họa tiết đục lỗ – anh nói, chúng xứng đáng được trưng diện bởi người phụ nữ xinh đẹp nhất vùng. Cũng vì thế mà chiếc vòng cổ được đưa đến cho quý phu nhân van Gend ngượng ngùng e ấp với một cái cúi người cùng một nụ cười.

Có gì đó tỏa ra từ diện mạo của quý phu nhân khi cô cúi khuôn mặt sáng sủa trẻ trung xuống để ngắm nghía món quà, khiến vị phu quân thành thực thốt lên: “Anh có thể đọc được suy nghĩ của em đấy, em yêu.”

Cô ngược lên với vẻ chống đối tinh nghịch.

“A, giờ thì anh dám khẳng định! Em đang nghĩ về những người phụ nữ đáng trọng ấy, những người có thể đã khiến Phổ thất bại nếu không có họ. Anh biết mà, chỉ với tia sáng kiêu hãnh ấy trong mắt em.”

“Vậy thì tia sáng kiêu hãnh trong mắt em chỉ để đánh lừa anh thôi.” Cô đáp. “Em đâu có coi trọng chuyện đó đến vậy. Thành thực mà nói, em chỉ đang nghĩ chiếc vòng cổ đáng yêu này sẽ hợp thế nào với chiếc váy gấm xanh của em.”

“Vậy sao, vậy sao!” Người chồng thốt lên với vẻ khá chán nản.

“Nhưng CÓ THỂ em sẽ nghĩ về đi đâu kia đấy, Jasper ạ, nếu nó khiến cho món quà này thêm chút giá trị sâu sắc. Em còn nhớ sự kiện đó chứ, Peter? Khi quân Pháp xâm chiếm Phổ và vì thiếu thốn sự trợ giúp mà đất nước ấy không thể tự vệ trước quân thù được, những người phụ nữ khi đó đã xoay chuyển tình thế bằng cách quyên góp tài sản và trang sức của mình vào ngân khố...”

A ha! Vị nam chủ nhân nghĩ khi mắt anh chạm ánh mắt rực lửa của vợ mình. Tia sáng kiêu hãnh đang tỏa ra rất rõ ràng từ đó.

Peter bình luận một cách xấu tính rằng trong sự kiện đó, phụ nữ vẫn cho thấy sự phù phiếm của họ thông qua số lượng trang sức mà họ có. Nếu cả vương quốc cần tới vàng hay bạc, họ sẽ từ bỏ chúng và chuyển sang dùng sắt, nhưng chắc hẳn là họ chẳng thể nào từ bỏ đồ trang sức được.

“Thế thì sao chứ?” Người vợ nói, trong mắt lại ánh lên tia lửa. “Yêu thích cái đẹp đâu phải tội lỗi, nếu biết sử dụng chúng phù hợp với hoàn cảnh. Tất cả những gì chị muốn nói là, những người phụ nữ đã cứu lấy đất nước của họ và đã gián tiếp giới thiệu một ngành sản xuất vô cùng quan trọng. Không phải vậy sao, anh Jasper?”

“Tất nhiên là vậy rồi, em yêu.” Vị chủ nhà đáp. “Nhưng Peter cũng không cần anh phải nhắc lại rằng thế giới mà không có phụ nữ thì chắc chẳng đến mức túng thiếu đến thế trong thời kì gian nan đâu, tuy vậy thì...” Ngài cúi người trước vợ mình. “Phụ nữ ở đất nước cậu ấy hẳn là xếp thứ nhất trong lịch sử các nữ nhân tận tụy và ái quốc.”

Rồi nam chủ nhân của căn nhà quay sang Ben, nói chuyện với cậu bằng thứ tiếng Anh của thành phố Bỉ cổ xưa. Xen giữa các câu chuyện, anh kể về nguồn gốc của cái tên ấy. Ben đã được nghe rằng Antwerp vốn xuất phát từ ae'nt werf (trên cầu tàu), nhưng ngài van Gend đã cung cấp cho cậu một câu chuyện thú vị hơn nhiều.

Tầm ba ngàn năm trước, một gã khổng lồ tên Antigonus sống trên con sông Scheld bên rìa thành phố mà bây giờ chính là Antwerp. Gã khổng lồ này chiếm đoạt một nửa số hàng hóa của những người đi biển trót ngang qua lâu đài của gã. Tất nhiên, một vài người nảy ra ý định chống đối thứ quy tắc này. Để dạy dỗ họ cách cư xử ngoan ngoãn hơn, Antigonus đã cắt bỏ bàn tay phải của các thương nhân rồi ném xuống sông. Từ đó mà handwerpen (hay còn gọi là ném tay) được đổi thành Antwerp và trở thành tên gọi cho đến nay. Huy hiệu chính thức của thành phố có hai bàn tay in trên đó; nó là bằng chứng rõ ràng nhất cho thấy câu chuyện này có thật, đặc biệt là khi người ta sẵn sàng tin vào nó.

Khi ngài van Gend đã kể chuyện về Antwerp bằng hai thứ ngôn ngữ, anh bắt đầu cảm thấy thôi thúc được kể tiếp một vài huyền thoại khác, lúc này nói tiếng Anh, lúc khác lại bằng tiếng Hà Lan. Vậy nên thời gian

chuyển qua thật nhanh từ người lùn này đến gã khổng lồ khác, nhanh chóng trôi về giờ ngủ.

Thật khó mà chấm dứt một cuộc vui như thế, nhưng hai vợ chồng van Gend luôn giữ vững quy tắc giờ giấc. Không có một ai lưu luyến ở ngưỡng cửa một khi lời chúc ngọt ngào “Ngủ ngon!” đã vang lên. Kể cả khi các cậu bé còn đang lên cầu thang, những vị tiên vô hình trong nhà lại tụ vào quanh chúng, thì thầm rằng sự quy củ và các quy tắc là nhân tố cốt yếu cấu thành nên sự thịnh vượng của chủ nhân ở đây.

Những phòng ngủ đẹp đẽ với ba chiếc giường không có mặt trong căn biệt thự này. Một vài căn phòng chứa hai chiếc giường, nhưng đều là giường đơn. Trước khi trời sáng, khẩu hiệu của cả nhóm rõ ràng là: “Mỗi cậu bé một cái kén.” Còn Peter, ít nhất, thì không thấy có lỗi khi cũng cho mình được như vậy.

Dù đã mệt mỏi nhưng Ben, sau khi chú ý thấy sợi dây chuông kì lạ ở góc phòng, bắt đầu xem xét cái giường của mình. Mỗi một chi tiết đều khiến cậu vô cùng kinh ngạc – chiếc khăn trải gối tao nhã đính dải đăng ten đắt tiền và thêu một biểu tượng đẹp đẽ, tấm ga lụa thiên nga, cùng tấm chăn vải xa tanh màu hồng có thêu những dải hoa. Cậu khó mà ngủ được với suy nghĩ chiếc giường nhỏ bé này thật kì lạ, mà cũng thật thoải mái và xinh xắn với tất cả sự kì lạ của nó. Khi trời sáng, cậu tiếp tục xem xét chiếc khăn phủ giường thật cẩn thận, bởi cậu muốn gửi về nhà những mô tả chi tiết của nó trong bức thư sắp tới. Tấm khăn phủ giường ấy xuất xứ từ Nhật Bản, với chất vải diệu kì và cách kết hợp màu xuất sắc, mà sau đó Ben được nghe kể rằng nó đáng giá không dưới ba trăm đô la.

Sàn nhà được khảm bằng những viên gỗ nhỏ bóng loáng xen kẽ, gần như được che phủ hết bằng một tấm thảm đắt tiền, viền ngoài là hàng tua rua đen dày. Một phòng khác thì lại viền bằng gỗ sơn tiêu bao quanh tấm thảm. Những bức tường phủ lụa đỏ thắm được treo cùng những tấm thảm thêu, bên trên là mái đua lấp lánh, phản chiếu tia sáng xuống sàn nhà bóng bẩy.

Quá ngưỡng cửa phòng mà Jacob và Ben đang say ngủ là một con cò bằng đồng, với cái cổ rướn ra, giữ một cây đèn để soi đường cho các vị khách vào phòng. Giữa hai chiếc giường nhỏ chạm trổ từ gỗ trắng và gỗ mun là bảo vật gia đình của nhà van Gend, một chiếc ghế lớn bằng gỗ sồi mà Vương tước xứ Orange đã từng tọa trong một buổi họp hội nghị. Đối

diện là một tủ quần áo chạm khắc tinh tế được lau chùi và đánh bóng một cách hoàn hảo, bên trong chứa đầy vải lanh quý; bên cạnh nó là một cái bàn đặt cuốn *Kinh thánh* to, với những cái kẹp sách lớn bằng vàng trông thật rẻ tiền so với bìa sách cứng cáp, chạm nổi đã duy trì qua đến sáu thế hệ.

Trên kệ lò sưởi đặt mô hình một chiếc thuyền, phía trên nó treo một bức họa cũ của Peter Đại đế, người mà từng cho đàn mèo ở xưởng đóng tàu của Hà Lan một cơ hội tuyệt vời để chiêm ngưỡng quốc vương, đây là một trong những đặc quyền của loài mèo. Peter, mặc dù là Nga hoàng, không hề tỏ ra quá kiêu hãnh để làm việc như một thợ đóng tàu bình thường trên những con tàu biển ở Saardam và Amsterdam, ngài thậm chí còn giới thiệu cho người dân nước mình những cải tiến mà người Hà Lan đã đạt được trong việc đóng tàu. Chính sự cầu toàn kể cả trong những chi tiết nhỏ nhất nhất này đã giúp ông được vinh danh là Peter Đại đế.

Tiểu Peter (đây chỉ là lối nói so sánh) là người thức dậy đầu tiên vào sáng hôm sau; vì đã biết thói quen giờ giấc của anh rõ mình, thế nên cậu muốn đảm bảo rằng không một cậu bé nào sẽ ngủ quá giấc. Đúng là không dễ dàng để đánh thức Jacob Poot, nhưng sau khi kéo chàng trai trẻ đó khỏi giường, cùng với sự trợ giúp của Ben, kéo cậu ta đi quanh phòng được một lúc, cậu đã thành công đánh thức bản mình dậy.

Trong khi Jacob còn bận mặc quần áo và than thở với bản thân rằng đôi dép nỉ dành cho khách mà cậu đang đi quá chật so với cái chân đang sưng lên của cậu, Peter viết một lá thư để thông báo tới những người bạn của mình ở Broek rằng nhóm bạn của cậu đã tới La Hay an toàn. Cậu cũng nhờ mẹ gửi lời tới Hans Brinker rằng bác sĩ Boekman vẫn chưa tới Leyden, nhưng lá thư gửi kèm lời nhắn của Hans đã được để lại ở khách sạn nơi ông ấy luôn ở mỗi khi vào Leyden. “Mẹ hãy nói với cậu ấy.” Peter viết. “Rằng con sẽ tới đó lần nữa khi ghé qua Leyden trên đường về. Cậu bạn tội nghiệp ấy hẳn là đang đinh ninh rằng quý ngài ‘tốt bụng’ kia đang nhanh chóng tới cứu cha mình, nhưng chúng con, những người biết về người đàn ông già cả cau có đó hơn cả, dám tự tin rằng ông ấy sẽ chẳng làm thế đâu. Nếu bà Brinker chịu đồng ý để cho bác sĩ khác ngoài bác sĩ Boekman – vị vua của các bác sĩ – thăm khám thì tốt hơn cả là gửi kèm một bác sĩ từ Amsterdam tới căn lều đó ngay lập tức.”

“Mẹ biết không.” Peter viết thêm. “Con đã luôn nghĩ căn nhà của chị van Gend thật là im ắng và cô đơn, nhưng con khẳng định lại, nó giờ khác

rồi. Anh rể nói rằng chúng con đã khiến anh ấy muốn có một căn nhà đầy trẻ con. Anh ấy hứa để chúng con cưỡi trên những con ngựa đen cao quý của mình. Anh ấy nói nếu người cưỡi nắm chắc dây cương thì lũ ngựa cũng hiền như những chú mèo con vậy. Ben, theo lời của Jacob, là một tay cưỡi ngựa cừ khôi, nhưng Peter con trai mẹ cũng không hề kém cạnh đâu; thế nên chúng con vừa ra ngoài sáng nay như những kỵ sĩ dày dạn kinh nghiệm. Sau khi trở về, anh van Gend bảo rằng anh sẽ cho Jacob mượn con ngựa con từ Anh và kiếm thêm ba con ngựa nữa, rồi cả nhóm sẽ đi dạo vòng quanh thành phố như một nhóm cưỡi ngựa lớn, anh ấy sẽ dẫn đường. Anh ấy sẽ cưỡi con ngựa đen mà cha đã gửi tặng từ Friesland. Con ngựa lang xinh đẹp với cái đuôi trắng dài của chị không may bị què, nên chị sẽ không thể cưỡi ngựa được, nếu không thì chị cũng đã đi theo rồi. Con khó mà chợp mắt được vào đêm qua sau khi nghe chị kể về kế hoạch. Chỉ riêng suy nghĩ về Hans Brinker tội nghiệp cùng người cha bệnh tật của em ấy đã đủ khiến con băn khoăn, nếu không có việc đó có lẽ con có thể vui vẻ hơn. Ludwig đã đặt cho nhóm một biệt danh – Đội kỵ binh Broek. Chúng con tự huyễn hoặc rằng mình sẽ xuất hiện một cách ấn tượng, đặc biệt là khi đi một mình...”

Đội kỵ binh Broek không hề thất vọng. Ngài van Gend sẵn sàng cung cấp những con ngựa tốt; tất cả các cậu bé đều được cưỡi ngựa, mặc dù không ai có thể giỏi hơn Peter và Ben. Chúng ngắm nhìn La Hay bằng cả trái tim, còn La Hay nhìn lại chúng – bằng cách thể hiện sự đồng tình một cách phô trương, qua mồm miệng các bé trai nhỏ và chó kéo xe; một cách im lặng qua những đôi mắt lấp lánh, không hề trăn ngâm soi xét vào đâu, tỏa sáng khi chúng nhìn vào Carl đẹp mã và nhấp nháy với niềm vui khi tuổi trẻ căng tràn với đôi má rung rung khi cưỡi ngựa phi qua.

Trên đường về, các cậu bé khăng định lò sưởi bằng sứ tuyệt vời trong phòng khách của gia đình đúng là một vật hữu dụng, bởi họ có thể túm tụm quanh nó và sưởi ấm mà không làm bỏng mũi mình hay bị cước. Cái lò ấy cũng lớn đến nỗi dù chỉ an vị ở một chỗ, hơi ấm nó tỏa ra cứ như bao trùm cả căn nhà. Màu trắng tinh ở hai bên cùng cái vòng bằng đồng thau sáng bóng tô điểm thêm vẻ đẹp đáng chiêm ngưỡng của nó. Mặc dù Ben của chúng ta đã cảm thấy hoàn toàn ấm áp và thoải mái bên cạnh nó, cậu vẫn phóng tác ra một câu đầy trào phúng cho lá thư tiếp theo của mình, rằng một cái lò ở Hà Lan, tất nhiên, buộc phải trông giống cái tháp tuyết vĩ đại,

nếu không nó sẽ không được lưu giữ cùng những đồ vật quý hiếm của đất nước.

Để miêu tả tất cả những gì các cậu bé đã thấy và làm trong hai ngày đó hẳn sẽ tăng độ dày của cuốn sách nhỏ này lên đáng kể. Chúng đã ghé thăm khẩu súng thần công bằng đồng thau; thấy kim loại lỏng chảy rục được đổ vào khuôn đúc; ngắm những người thợ rèn, mình cời trăn, đứng dưới tán cây như những con quỷ đùa với lửa. Chúng ngưỡng mộ những tòa nhà công cộng hay nhà riêng cao lớn, đường phố tươi sáng, và Bosch tráng lệ – niềm tự hào của toàn bộ người dân Hà Lan yêu cái đẹp. Tòa lâu đài với sàn nhà lát đá hoa xen kẽ, trần nhà vẽ những bức bích họa cùng các món đồ trang trí tuyệt hảo khiến Ben vô cùng thích thú; cậu ngạc nhiên rằng một vài nhà thờ trông rất giản dị, vài cái thì có thể phức tạp trong cấu trúc xây dựng bên ngoài nhưng bên trong thì trần trụi và trắng toát với những bức tường trống trơn.

Nếu không phải đã có sách sử ghi lại, các nhà thờ ở Hà Lan có lẽ gần như sẽ tự kể luôn câu chuyện của chính mình. Ta sẽ không đi sâu hơn vào vấn đề này, chỉ trừ việc muốn nói rằng Ben – người đã đọc về những biến cố và sai lầm cùng thưởng phạt vô thường mà nhà thờ đã phải chịu từ đời này sang đời khác – khó có thể đi dạo ở một thị trấn Hà Lan mà không giật mình hoảng sợ trước một bậc đá thấm đẫm máu trong lịch sử của nó. Cậu không thể nào quên Vua Felipe của Tây Ban Nha hay bá tước vùng Alva thậm chí khi đang vui mừng tận hưởng sự thịnh vượng sau ngày Giải phóng. Cậu nhìn vào đôi mắt nhu mì nhất của xứ Hà Lan, tìm kiếm ngọn lửa đã từng thắp sáng khuôn mặt phờ phạc của những kẻ tuyệt vọng và loạn lạc, những người đem trên mình danh “ăn mày” với sự kiêu hãnh – cái tên mà kẻ áp bức đã đặt lên họ đầy nhạo báng, trở thành nỗi kinh hoàng của cả đất liền và biển cả. Ở Haarlem, cậu đã tự hỏi liệu có thật là không khí không còn văng vẳng tiếng khóc của ba ngàn nạn nhân của Alva. Ở Leyden, trái tim cậu căng lên với niềm cảm thương khi nghĩ về cả một hàng dài những con người đau thương và chết đói sau vụ bao vây, với hình ảnh Adrian van der Werf lẩy bầy bước tới nhà thờ lớn để hát vang quốc ca bởi đất nước họ đã tự do. Cậu nhớ rằng người ta làm điếu này trước khi ăn bánh mì được tàu Hà Lan đưa tới. Họ cảm ơn Chúa trước, rồi mới ăn. Hàng ngàn tiếng nói run rẩy ngân lên trong lễ tạ ơn. Trong một lúc, giọng nói ngân cao hơn và cao hơn, rồi đột ngột biến thành tiếng nức nở, không

ai trong biển người ấy có thể hát thêm được nữa. Nhưng ai dám nói khúc hát ấy, thậm chí là cho đến nốt cuối cùng, đã không vang vọng tới được tai Chúa trời?

Ngay đây, tại La Hay, những suy nghĩ khác xuất hiện trong Ben, về cách mà sau bao nhiêu năm Hà Lan không chịu cúi đầu trước cây đèn lồng treo của Pháp, cách mà Hà Lan đã cương quyết giữ mình ra khỏi sự nhện nhục đầy đả kích và cay đắng. Cậu thích đất nước này là vì thế. Đúng là một đất nước hào hùng mới có thể làm nên những kì tích như vậy, dâng hiến tài sản riêng của chính mình cho tài sản của quốc gia và hi sinh tuổi trẻ để chống lại ách áp bức ngoại xâm. Những chuyện này không hề quá xa xôi, bởi tiếng súng của người Anh đã được nghe thấy gần Biển Bắc; nhưng... tất cả những cuộc chiến cuối cùng cũng phải đến hồi kết. Hà Lan giờ đã là một đất nước nhỏ độc lập, ấm áp, thoải mái với quyền hạn của riêng mình và Ben thấy mừng vì điều đó. Rút ra được kết luận này, cậu chuẩn bị tận hưởng một cách trọn vẹn nhất mọi kì quan trong thủ đô này; cậu khá vui vẻ với ngài van Gend cùng sự nhiệt tình và trí thông minh của ngài thế nên, thực sự mà nói, thì tất cả các cậu bé còn lại đều vui vẻ cả, bởi nếu cứ chăm chăm vào soi mói thì sẽ chẳng ai có thể tận hưởng quang cảnh được như thế này.

XXVIII

Đi khắp La Hay

Tiễn tranh ở Maurits Huis, một trong những kì quan của thế giới, có vẻ như chỉ thoáng qua trong chuyến tham quan dài hai tiếng đồng hồ của các cậu bé, bởi có quá nhiều thứ để họ trầm trồ và quan sát. Về căn phòng hoàng gia chứa toàn bảo vật trong cùng tòa nhà, họ cảm thấy như chỉ mới lướt qua chỗ đó, mặc dù sự thật là họ đã ở đó suốt gần nửa ngày. Có vẻ như nước Nhật đã đồ hết đồ quý hiếm về nơi đây chỉ qua những bức tường. Trong cả một thời kỳ dài, Hà Lan, vốn luôn là nước tiên phong trong thương nghiệp, từng là đối tác thương mại duy nhất của Nhật Bản. Người ta có thể bỏ qua bất kì chuyến đi nào ngoại trừ chuyến ghé thăm viện bảo tàng tại La Hay.

Phòng nào phòng nấy đều trưng bày những bộ sưu tập từ thời phong kiến – những bộ trang phục đặc biệt của từng cấp bậc và mục đích, đồ trang sức, vật dụng gia đình, vũ khí, áo giáp và cả đồ nghề phẫu thuật. Còn có một mô hình đảo Desina tinh xảo mà người Nhật đã làm, trong chính nhà máy của Hà Lan tại Nhật Bản. Trông nó không khác mấy hòn đảo thật khi được nhìn qua chiếc ống nhòm cầm tay mini và khiến người ta cảm thấy mình như Gulliver khi đặt chân lên hòn đảo Lilliput của Nhật Bản. Ở đó, họ thấy hàng trăm người trong trang phục truyền thống, đứng, quỳ, cúi, vói – tất cả đều bận rộn hoặc giả vờ làm việc – cùng nhà ở của họ, thậm chí cả nội thất trong nhà, trải ra hết trước mắt, rõ ràng như ban ngày. Trong một căn phòng khác là một ngôi nhà búp bê to làm bằng đất nung, được dựng lên theo phong cách Hà Lan và chứa những con búp bê Hà Lan độc đáo, đứng đó như sẵn sàng cho du khách tận mắt trông thấy lối sống của người Hà Lan.

Gretel, Hilda, Katrinka, hay thậm chí cả Rychie Korbes kiêu hãnh cũng sẽ sững sờ khi thấy căn nhà búp bê đó, nhưng Peter cùng những người bạn của mình chỉ lướt qua nó mà không thèm liếc lại. Thay vào đó, các loại vũ khí chiến tranh có vinh dự thu hút các cậu bé suốt cả tiếng đồng hồ ấy

là những chiếc dùi cui, hay những con dao găm, súng cầ n tay, và trên hết là những thanh kiếm Nhật Bản tuyệt hảo, thứ có thể phô diễn một màn đấu kiếm Nhật Bản nổi danh mà chỉ cầ n một nhát kiếm đã có thể cắt đôi một người đàn ông.

Trong bộ sưu tập còn có các món đồ quý hiếm từ Trung Quốc và phương Đông nói chung. Cổ vật lịch sử của địa phương cũng là những thứ mà các chàng trai Hà Lan rất nghiêm trang ngắm nghía, nhưng lại vô cùng tự hào trong âm thầ n và đem chúng giới thiệu cho Ben.

Có một mô hình trưng bày buồng tàu ở Saardam, nơi mà Peter Đại đế đã ở trong quãng thời gian ngắn ngủi làm thợ đóng tàu của mình. Còn có cả những cái ví cùng bát đã từng là đồ dùng của Liên minh “Ăn mày” – những người đã tập hợp dưới lệnh của Vương tước xứ Orange và giải phóng Hà Lan khỏi ách đô hộ của Tây Ban Nha; thanh gươm của đô đốc van Speyk – người mà mười năm trước đó đã hy sinh khi tình nguyện làm nổ tàu của chính mình; cùng bộ áo giáp với vết đạn bắn xuyên qua của van Tromp. Jacob nhìn quanh, hy vọng sẽ thấy được cây chổi mà vị đô đốc quả cảm đã buộc lên đỉnh cột buồm, nhưng nó không có ở đây. Chiếc áo gi lê mà William đời thứ Ba của Anh quốc đã mặc vào những ngày cuối cùng của cuộc đời khiến Ben rất thích thú, tất cả các cậu bé đều nhìn chằm chằm với sự kính trọng pha chút nể sợ vào bộ quần áo đặc biệt mà William Im lặng đã mặc khi ông bị Balthazar Geraerts ở Delft ám sát. Chiếc áo chên bằng da màu hung cùng áo choàng vải xám đơn sơ, cái mũ vải nỉ mềm, cùng cổ áo xếp nếp cao từng đeo tấm huy chương của hội “Ăn mày” ấy, chúng không phải là những thứ đồ sang trọng gì, dù vậy cái áo chên vẫn nhận được nhiều sự quan tâm do vết bắn cùng lỗ đạn bắn của nó. Trong khi ngắm nghía bộ trang phục ấy, Ben sẵn sàng tin rằng vị Vương tước Im lặng này có kiểu cách ăn mặc cực kì đơn giản đúng như một vĩ nhân. Tuy vậy, định kiến cao quý của cậu đã bị chấn động khi Lambert kể về cách mà vợ của William đã tiến vào La Hay.

“Tiểu thư Louisa de Coligny xinh đẹp, cha và chồ ng cũ của bà đều mất trong cuộc thảm sát ở St. Bartholomew, sẽ trở thành người vợ thứ tư của Hoàng tử, và đương nhiên.” Lambert kể. “Người Hà Lan chúng mình cầu kì đến nỗi không muốn để bà phải bước vào thành phố bằng chân. Thế nên, chúng mình, đúng hơn là tổ tiên của chúng mình, đã gửi đến một cỗ xe

ngựa kéo không mũi sạch sẽ, với tấm ván gỗ bắt ngang qua để bà ngồi lên!”

“Đúng là cẩu kị thật!” Ben thốt lên kèm theo gằn như là một tiếng cười khẩy che giấu trong nụ cười xã giao của cậu. “Và bà ấy còn là con gái của đô đốc Pháp nữa chứ.”

“Vậy sao? Mình gằn như quên mất chi tiết đó đấy. Nhưng, cậu thấy đấy, Hà Lan vào thời xưa có phong cách vô cùng đơn giản; thực ra, chúng mình vẫn là những con người đơn giản và thanh đạm. Cậu biết đấy, ngôi nhà của van Gend này chỉ là ngoại lệ đặc biệt thôi.”

“Một ngoại lệ rất ưa nhìn, mình cho là thế.” Ben đáp.

“Chắc chắn, chắc chắn là vậy rồi. Nhưng, nói riêng đi đâu này giữa mình và cậu thôi nhé, ngài van Gend ấy, dù đã làm nên cả một gia tài như thế này, vẫn có thể vừa xa hoa và vừa thanh đạm cùng một lúc.”

“Chính xác rồi.” Ben thâm thúy đáp, cùng lúc đó mân mê môi trên cùng cằm của mình, cử chỉ mà sau đó cậu tin chắc rằng đã cho thấy dấu hiệu rõ ràng của sự vui vẻ và đường hoàng.

Trong khi dạo bộ khắp thành phố này, Ben thường nhớ về con đường tản bộ ở Anh. Nơi đây, cũng như ở các thị trấn khác, không có lề đường, cũng không có vỉa hè cao dành cho người đi bộ, thay vào đó các con phố đều sạch sẽ và bằng phẳng, các loại phương tiện đều cẩn trọng đi trên một dải đường cố định. Thật lạ lùng rằng số lượng xe trượt ở đây nhiều chẳng kém gì xe kéo, mặc dù không hề có một hạt tuyết. Những chiếc xe trượt kêu ken két trên đường gạch hay đường đá, một vài cái có gắn thiết bị xịt nước ở đằng trước để giảm ma sát, những xe nghèo hơn thì người lái sẽ sử dụng giẻ thấm dầu để thỉnh thoảng lau lướt trượt.

Ben cảm thấy ngạc nhiên trước sự im lặng của công nhân Hà Lan khi họ làm việc. Kể cả ở xung quanh nhà kho hay khoang tàu cũng chẳng có tiếng xì xào, hò hét nào hết. Tiếng vận nước, tiếng quay đầu, hay cùng lắm là cái đưa tay, dường như là đã đủ. Hàng hóa chủ yếu là pho mát cùng cá trích được chuyển từ xe hàng hay thuyền hàng lên nhà kho mà không tốn lời nào; nhưng người qua đường cần phải cẩn thận nếu không muốn bị tông phải, bởi một người công nhân Hà Lan hiếm khi nào nhìn ngang ngó dọc khi đang bận rộn làm việc.

Tội nghiệp Jacob Poot, bao nhiêu cái không may của chuyến đi này như rơi hết cả vào người cậu chàng, cậu bị một thùng pho mát lớn – thứ mà một người Hà Lan to béo ném tới đồng nghiệp của mình – đụng phải đến gần ngạt thở, nhưng cậu nhanh chóng ổn định lại bản thân và tiếp tục đi mà không tỏ ra xúu bất bình nào. Ben bày tỏ sự cảm thông với rủi ro này, nhưng Jacob khẳng định rằng chuyện này chẳng là gì cả.

“Vậy sao em lại nhăn mặt khi nó va phải em?”

“Nhăn mặt thì sao?” Jacob tỉnh bơ đáp lại. “Sao chứ, nó là...”

“Là gì?” Ben xấu tính hỏi tiếp.

“Cái, thứ... thứ... anh gọi cái đó là gì, cái mà anh nếm bằng mũi ấy?”

Ben bật cười. “Ồ, ý em là mùi.”

“Đúng rồi. Đúng nó đấy.” Jacob hăm hở nói. “Cái mùi của nó. Nó khiến em nhăn mặt!”

“Ha! Ha!” Ben cười ồm lên. “Lý do hay đấy. Một cậu bé Hà Lan ngửi mùi pho mát! Em không thể bắt anh tin đi đâu đó được đâu!”

“Chà, chẳng sao hết.” Jacob đáp, vẫn tiếp tục đi bên cạnh Ben với sự hóm hỉnh tích cực. “Cứ chờ đến khi anh ngửi mùi pho mát đi... Thế thôi.”

Sau đó cậu bu ồn bã nói thêm. “Anh *Penchamin* này, em không thích bị gọi là người Hà Lan, không hay đâu. Em sống ở Holland cơ mà.”

Đúng lúc Ben định mở lời xin lỗi thì Lambert vẫy tay gọi cậu.

“Dừng lại! Ben, chợ cá đây rồi. Mùa này không có nhiều thứ để xem. Nhưng chúng ta có thể xem lũ cò nếu cậu muốn.”

Ben biết đàn cò được nuôi giữ rất cẩn thận ở Hà Lan và rằng loài chim này còn được khắc lên trên huy hiệu của thủ đô. Cậu đã để ý thấy những chiếc xe đẩy trên mái nhà ở Hà Lan để dụ đàn cò làm tổ vào chúng; cậu cũng đã thấy những cái tổ khổng lồ, trên rất nhiều mái nhà khung tam giác lợp tranh từ Broek đến La Hay. Nhưng giờ đang là mùa đông. Những cái tổ ấy đã trống không. Không còn chú chim non háu đói nào há miệng, hay thậm chí là ngẩng đầu, khi cha mẹ chúng với đôi cánh rộng dài trắng muốt, cùng cái cổ và chân rướn ra, mang về thứ mồi lủng lẳng làm bữa sáng cho chúng. Loài chim mỏ dài này đã đi xa, nhặt nhạnh đồ ăn từ bờ biển châu Phi, và trước khi chúng kịp trở lại vào mùa xuân thì Ben đã về nước rồi.

Vì thế cậu háo hức chạy lên trong khi van Mounen dẫn đường qua chợ cá, nóng lòng muốn thấy liệu loài cò ở Hà Lan có khác gì so với loài chim âu sồi mà cậu đã chứng kiến trong vườn bách thú ở London hay không.

Chẳng có gì khác. Một con chim bị giam giữ là một con chim buồn, đó là sự thực dù bạn có nghĩ gì đi chăng nữa. Những con cò này sống trong một nơi gần như là cái cũi, hai chân bị khóa lại như tù nhân, mặc dù đáng ra phải được trân trọng chăm chút với khoản tiền mà dân chúng bỏ ra. Vào mùa hè, chúng được phép đi lại loang quanh trong chợ, nơi mà các hàng cá trở thành những phòng ăn lớn miễn phí cho chúng. Thứ đặc sản mới mẻ như cá tươi và phần thịt thừa từ quán bán thịt đang nằm rải rác quanh cũi của chúng, nhưng các vị chính khách của thành phố có vẻ như thích đứng trên một chân, cuộn cái cổ dài của mình lại và nghiêng đầu sang một bên với vẻ mơ màng. Chúng sẽ mừng rỡ ra sao nếu được chuyển từ tình trạng bị chăn nuôi sang cuộc sống bận rộn của một ông bố hay bà mẹ, nuôi nấng những đứa con rắc rối của mình trên lớp mái của một tòa nhà cũ xập xệ, nơi mà tiếng cánh quạt cối xay gió xoay sẽ làm chúng hoảng gần muốn chết mỗi lần chúng bay đi chơi?

Ben nhanh chóng quyết định một cách đúng đắn rằng La Hay, với những con phố đẹp đẽ cùng công viên rợp bóng cây du, là một thành phố sang trọng. Những bộ trang phục thời thượng không kém London hay Paris, đôi tai Anh quốc của cậu cũng được nghe rất nhiều bản nhạc bằng tiếng Anh. Các cửa hàng đều khác biệt trên nhiều phương diện so với các cửa hàng trên phố Oxford và Strand, nhưng chúng thường được thắp sáng bởi tấm bảng thông báo rằng tiếng Anh “có sử dụng ở đây”. Một vài cửa hàng khác khẳng định họ bán bia đen London và còn có một cửa hiệu hứa sẽ chiêu đãi khách hàng của mình món thịt bò nướng của Anh.

Trước mỗi cửa hàng là một tấm áp phích không bao giờ bị hạ xuống, ghi TABAK TE KOOP (Có bán thuốc lá). Thay vì những quả cầu thủy tinh nhiều màu sắc trưng trước cửa kính, hay những cái lọ cao của thầy lang, thì các hiệu thuốc treo một cái đầu nứt của hình nộm một tên Thổ Nhĩ Kỳ bên ngoài cửa, hoặc nếu có đủ điều kiện, thì là hình nộm quan lại bằng gỗ đang ngáp lớn.

Trong số những gương mặt kì lạ ấy, có vài gương mặt khiến Ben vô cùng thích thú, chúng trông như vừa phải nuốt một đồng thuốc vậy, nhưng van Mounen tuyên bố rằng cậu chẳng thấy có gì buồn cười cả. Một người

bán thuốc trưng bày hiệu trước cửa bằng hình nộm một người đang ngáp, để khi người ta nhìn vào sẽ thấy luôn ấy là nơi bán thuốc và thế là họ đã đạt được mục đích của mình.

Có một đi đầu nữa hấp dẫn Ben, ấy là chiếc xe đẩy của người giao sữa. Chúng là những cái xe nhỏ, chứa đầy ấm sữa bằng thau đồng sáng choang, hoặc chai lọ bằng đá, và được kéo bởi lũ chó. Người giao sữa chậm rãi đi bên cạnh chiếc xe, đảm bảo lũ chó nhà mình nghe theo lệnh và đi giao sữa cho khách hàng. Một vài người bán cá cũng có xe đẩy dạng này, nên khi một con chó giao cá trích gặp một con chó giao sữa, chúng luôn hứng khởi và gặm gừ. Đôi lúc, con chó giao sữa sẽ nhận ra bạn hữu trước cả khi chiếc xe đẩy chở sữa bên kia kịp qua đường, và thế là những cái ấm sẽ kêu leng keng, đặc biệt là khi chúng đã rỗng. Mỗi con chó sẽ nhảy lên, chẳng thèm quan tâm đến tiếng huýt sáo của chủ nhân nữa, chỉ chăm chăm lao vào nhau giữa đường. Đôi lúc, chúng thỏa mãn với cái hít người đầy tò mò, nhưng thường thì con nhỏ hơn sẽ âu yếm mà cắn vào tai của con lớn hơn, hoặc chúng sẽ vật lộn thân thiện như một cách luyện tập. Thế là chia bu ãn cho những bình ấm sữa, cũng chia bu ãn cho lũ chó luôn!

Mỗi chú chó, sau khi bộc lộ tình cảm của mình nhiều nhất có thể và cả sau khi đã bị phạt, sẽ im lặng mà quay về với công việc.

Ngoài một vài con vật quả là quái đản theo cách riêng của chúng, những con khác đều cư xử rất đúng mực. Thực ra, trong thành phố còn có một ngôi trường dành riêng cho chó, được xây dựng chỉ để huấn luyện chúng. Ben có lẽ đã trông thấy vài học viên trong ngôi trường đó. Nhiều lần cậu để ý thấy một cặp chó đi dạo dọc phố với vẻ kiêu hãnh của loài ngựa, tuân thủ từng hiệu lệnh nhỏ nhất của người đàn ông đang nhanh nhẹn đi cạnh chúng. Đôi lúc, khi đã hoàn thành công việc chuyển hàng, người bán sữa sẽ nhảy lên xe và r ẽ lái về ngôi nhà nằm bên ngoài cánh cổng thành phố kia; và thì thoảng, ta rất tiếc phải tiết lộ, rằng có một người vợ kiên nhẫn cũng đang vội bước đi bên chiếc xe đẩy cùng một r ỏ cá đội trên đầu và một đĩa tr ẻ trên tay, trong khi ch ồng cô thì đang tận hưởng chuyến đi, mang theo không gì khác ngoài bầu thuốc đất sét b ề b ề, thứ đang tỏa ra đám khói đầy yêu thương phả lên khuôn mặt người vợ.

XXIX

Một ngày nghỉ ngơi

Buổi sáng cảnh cuối cùng cũng phải đến hồi kết, chuyển ghé thăm La Hay của các cậu bé cũng vậy. Chúng đã dành ba ngày dài vui vẻ với nhà van Gend, và cũng thật kì lạ là trong suốt thời gian ấy, chúng chưa lần nào đeo lười trượt vào. Ngày thứ ba, cả nhóm dùng để nghỉ ngơi. Tiếng ồn ào náo nhiệt bên ngoài thành phố bỗng dừng im lặng; tiếng chuông ngày Chủ nhật ngọt ngào gửi những suy nghĩ tốt lành, êm dịu vào trái tim các cậu bé. Khi lắng nghe thứ âm thanh quen thuộc ấy, Ben cảm nhận rằng thế giới Thiên chúa chỉ là một, dù mọi người có bị phân chia vì giáo phái hay khác biệt gì đi nữa. Cũng như dù ở bất kì đất nước nào mọi người đều hiểu tiếng chuông đồng hồ, thì tiếng chuông nhà thờ cũng tương tự, chỉ cần trái tim chúng ta chịu lắng nghe nó.

Được những âm thanh thánh thót ấy dẫn đường, cả nhóm cùng vợ chồng phu nhân van Gend bước đi trên con phố tuy đông đúc nhưng tĩnh lặng, cho đến khi tới một nhà thờ cổ kính đẹp đẽ nằm ở phía nam thành phố.

Bên trong nhà thờ rất rộng, với những cánh cửa sổ có vết ố lớn và ánh sáng bên trong mờ ảo, cho dù các bức tường được sơn màu trắng và hằn vết ánh sáng đỏ pha tím mà mặt trời chiếu vào trên cột trụ và ghế ngỗ.

Ben thấy một vài người phụ nữ lớn tuổi nhẹ nhàng đi qua các hàng lang, mỗi người bưng một chiếc lò sưởi chân cao, rồi phân phát cho giáo đoàn bằng cách khéo léo lấy lần lượt từ dưới cùng, cho đến khi số lò sưởi đã phát hết. Cậu cảm thấy bối rối khi chồng của phu nhân van Gend thoải mái ngỗ xuống cùng các cậu bé ở hàng ghế bên, sau khi đã dẫn vợ mình ngỗ ở ngay giữa nhà thờ nơi hàng ghế được dành riêng cho phụ nữ. Nhưng đó mới chỉ là một tục lệ của đất nước này mà Ben vừa học được.

Các hàng ghế, niền kiêu hãnh và quyền quý của thành phố, được xếp theo hình vòng tròn, mỗi hàng bao quanh một cây cột. Được đeo gọt tinh

tế, chúng tạo thành một bức nền khổng lồ để những cây cột nổi bật lên trên nền tường trắng trơn đằng sau. Những cây cột sừng sững và cân đối, đã bị nứt và xỉn đi bởi chiến tranh thật lâu về trước, nhưng trông vẫn hài hòa với các đường nét mềm mại như nở ra sự giàu có và đẹp đẽ, trước khi chúng mất hút vào cấu trúc hình vòm trên cao.

Ben hạ tầm nhìn của mình xuống sàn nhà bằng đá cẩm thạch. Nó là một dải đường đầy bia mộ. Gần như mọi phiến đá lớn đều đánh dấu nơi an nghỉ của một người chết. Trên mỗi phiến đá là hình một bộ giáp, cùng lời tựa và ngày tháng, giới thiệu về hình hài đang say ngủ bên dưới, và thỉnh thoảng ba người trong cùng một gia đình sẽ nằm lên trên nhau trong cùng một lăng mộ.

Cậu không thể không trầm ngâm về những đám tang u buồn, được ánh đuốc dẫn đường, đi qua các hành lang sâu hun hút, chịu đựng nỗi đau căm lạng khi bước qua cánh cổng tối, nơi phiến đá đã được mở sẵn chờ đợi đặt người vào. Cậu nghĩ về em gái mình, Mabel, người đã an nghỉ trên những cánh hoa, giờ đang nằm trong khu nghĩa địa đầy nắng của nhà thờ, nơi một con suối róc rách chảy qua và lấp lánh dưới ánh mặt trời, cùng các tán cây rung rinh xì xào với nhau suốt đêm dài; nơi những bông hoa nép mình lại gần hòn đá tảng, nơi mặt trăng và sao trời tỏa sự an yên xuống mặt đất, cũng là nơi mà đàn chim buổi sáng hót líu lo trên cao.

Rồi cậu rời mắt khỏi con đường và đưa mắt lên bọc giăng kính bằng gỗ sồi, vô cùng đẹp đẽ trong cả thiết kế và thi công. Cậu không trông thấy vị mục sư, mặc dù không lâu trước đó, cậu đã quan sát ông chậm rãi bước lên cầu thang xoắn ốc – một người đàn ông với khuôn mặt hiền từ, mặc cổ áo xếp nếp cùng chiếc áo choàng không tay đáng ngấn, dài gần đến đầu gối.

Cả nhà thờ lớn chìm trong yên lặng. Hàng ghế bên trang nghiêm với những người đàn ông, còn ở giữa nhà thờ tỏa sáng với những phụ nữ xúng xính trong bộ áo váy tươi mát của ngày Chủ nhật. Đột ngột, một tiếng sột soạt nhẹ vang lên trên bọc giăng kính. Mọi con mắt đều đổ dồn vào vị mục sư, người vừa mới xuất hiện trên bọc.

Mặc dù bài giảng kính vang lên với tốc độ chậm rãi, Ben cũng chẳng hiểu gì; nhưng khi thánh ca vang lên, cậu liền hòa vang giọng hát với cả tâm hồn mình. Một ngàn chất giọng ngân lên trong tình yêu và lòng tôn kính đã mang tới một thứ ngôn ngữ còn tuyệt vời hơn mà cậu sẵn sàng tiếp nhận.

Trong một quãng nghỉ lấy hơi, cậu giật mình khi thấy chiếc túi nhỏ trước mặt mình khẽ động. Bên cạnh nó là một cái chuông, được gắn với một cây gậy dài mà người trợ tế trong nhà thờ đi đầu khiêng. Không hoàn toàn chỉ nhờ vào sức hấp dẫn thần lạng của những cái hộp nghèo nàn đính trên cột trụ gần cửa vào, phương thức thăng thẩn hơn này được sử dụng để đánh thức lòng cảm thông của những người nhân hậu.

May mắn thay, Ben có trong túi vài đồng stiver, nếu không thì chiếc túi âm nhạc kia hẳn đã chỉ biết kêu leng keng trong vô vọng với cậu.

Hơn một lần, về đêm chiều lại hiện diện trên gương mặt cậu bé người Anh vào sáng hôm ấy. Cậu khao khát được đứng lên và dạy dỗ những người có lỗi cư xử kì cục làm cậu khó chịu. Một vài người đàn ông vẫn giữ nguyên mũ trên đầu khi làm lễ hoặc chỉ cởi chúng xuống khi kể chuyện cười, nhiều người vội vàng đội mũ lên khi còn ở trong nhà thờ ngay lúc họ vừa mới đứng dậy. Chẳng trách tại sao chuẩn mực lịch sự trong Ben bị tổn hại; tuy vậy, một chuẩn mực thậm chí còn cao hơn có lẽ sẽ được thiết lập nếu cậu ép mình cảm thấy vui vẻ với suy nghĩ rằng người Hà Lan chỉ đang làm theo phong tục của chính nước họ. Nhưng trái tim của một người dân Anh quốc trong cậu cứ liên tục vang lên: “Thật là sỉ nhục! Thật là tội lỗi!”

Có một vị thiên thần tên là Bao dung sẽ cứu rỗi linh hồn của chúng ta khỏi rất nhiều rắc rối, chỉ cần chúng ta để bà bước vào.

XXX

Chuyến đi về nhà

Vào sáng thứ Hai, các cậu bé chào tạm biệt hai vị chủ nhà và bắt đầu chuyến trở về nhà.

Peter nán lại một chút trước cổng nhà với con sư tử đá, cậu và chị gái mình còn nhiều lời cần trao đổi.

Khi Ben thấy họ nhấc nhau lời tạm biệt, cậu không thể ngăn bản thân cảm thấy rằng những nụ hôn cũng như tiếng chuông đồng hồ, đều giống nhau một cách kì diệu ở mọi nơi. Nụ hôn của người Anh mà em gái Jenny trao cậu khi cậu rời nhà cũng mang ý nghĩa như nụ hôn của người Hà Lan mà phu nhân van Gend trao cho Peter. Ludwig cũng đã nói lời chào tạm biệt một cách bình tĩnh nhất có thể, và mặc dù rất yêu quý chị mình, cậu vẫn phải nhăn mặt một xiu khi người chị biến cậu thành một đứa nhóc bằng cách thêm một cái thơm lên trán cậu với lí do “gửi cho mẹ”.

Cậu đang ở trên kênh cùng Carl và Jacob. Họ có đang nghĩ về chị hay em gái mình cùng những nụ hôn không? Không đâu. Họ đang rất hạnh phúc khi được trở lại đường trượt, nồm nóng muốn nhào về trái tim của Broek ngay lập tức, họ xoay vòng và lượn tròn xung quanh như những anh bạn điên cuồng, cùng lúc ấy tự giải trí bằng cách lằm bằm thứ gì đó về “Peter và donder” mà không đáng để dịch nghĩa.

Kể cả Lambert và Ben, những người vẫn đang đợi ở góc phố, cũng dần trở nên sốt ruột.

Vị đội trưởng cuối cùng cũng nhập hội và cả nhóm chẳng mấy chốc lên đường trên con kênh.

“Nhanh lên anh Peter.” Ludwig cầu nhàu. “Chúng ta đang dần đông cứng cả rồi... đấy! Em biết anh sẽ là người cuối cùng đeo lười trượt vào mà.”

“Thế ư?” Anh trai cậu lên tiếng và ngược lên nhìn với vẻ thích thú rõ rệt. “Thông minh đấy!”

Ludwig tuy bật cười nhưng cố tỏ vẻ nghiêm nghị khi cậu nói: “Em nghiêm túc đấy. Chúng ta cần về đến nhà trong năm nay.”

“Giờ thì, các em.” Peter hô lên, đứng bật dậy sau khi buộc xong nút thắt cuối cùng. “Trước mặt chúng ta là một chặng đường quang đăng! Hãy tưởng tượng đó chính là đường đua! Chuẩn bị! Một, hai, ba, bắt đầu!”

Ta đảm bảo với các cháu rằng trong suốt nửa giờ đồng hồ đầu tiên, gần như chẳng ai nói lời nào. Chúng chính là sáu vị thần Mercury đang lướt trên mặt băng. Trong tiếng Anh, nghĩa là tia chớp. Mà không, cái đó cũng chỉ là tưởng tượng mà thôi. Sự thật là người ta không biết phải nói gì khi có nửa tá chàng trai vọt qua với tốc độ nhanh đến thế. Ta chỉ có thể nói rằng mỗi cậu bé đều nỗ lực hết khả năng của mình, bay bổng với thân hình cúi khom và ánh mắt hừng hực, lướt êm ru trên khắp bề mặt lớp băng của con kênh, cho đến khi người gác kênh phải hô lên bảo chúng “Dừng lại!”. Tuy nhiên, câu này chỉ làm cho cho mỗi cậu bé lao vọt đi với gấp đôi tốc độ, khiến những người chứng kiến đều giật mình kinh ngạc.

Nhưng luật quán tính còn mạnh hơn cả lời của người gác kênh.

Sau một lúc, Jacob bắt đầu giảm tốc độ, rồi lần lượt đến Ludwig, Lambert và Carl.

Chúng sớm dừng lại để hít một hơi thật dài và cuối cùng nhận ra mình đang đứng tùm thành một nhóm nhìn theo Peter và Ben, hai người họ vẫn đang rượt đuổi đằng xa như thể số phận họ đang gặp nguy hiểm vậy.

“Quá rõ ràng là.” Lambert nói khi cậu và ba người bạn bắt đầu trượt lại. “Cả hai người đó sẽ không chịu thua trừ khi bắt buộc phải dừng.”

“Đúng là ngu ngốc.” Carl càu nhàu. “Khi mà tiêu tốn hết sức ngay từ đầu chuyển đi! Nhưng họ đang trượt nghiêm túc thật, cái đó thì chắc chắn rồi. Ồ! Anh Peter đuổi rồi kìa!”

“Không đâu!” Ludwig kêu lên. “Còn lâu mới thấy anh ấy thua!”

“Ha! Ha!” Carl cười khinh khỉnh. “Mình bảo này, cậu bé, Benjamin mới là người đang dẫn đầu.”

Nếu Ludwig có ghét thứ gì đó trên thế giới này, đó là việc bị gọi là một cậu bé, có lẽ là bởi cậu đúng là cậu bé thật. Cậu nhanh chóng cảm thấy khó chịu.

“Hừm, thế thì mình tự hỏi CẬU là gì hả? Đó, thưa ngài! Giờ, hãy nhìn xem anh Peter có phải đang dẫn đầu không!”

“Mình nghĩ là phải đấy.” Lambert xen vào. “Nhưng từ khoảng cách này thì khó mà xác định lắm.”

“Mình thì không cho là vậy đâu!” Carl đáp trả.

Jacob trở nên bồn chồn, cậu luôn ghét những cuộc cãi vã nên cậu nói với giọng hòa giải: “Đừng cãi cộ, đừng cãi cộ!”

“Đừng cãi cộ!” Carl nhại lại, nhìn Jacob khi cậu trượt băng. “Ai đang cãi cộ kia? Poot à, cậu đúng là đờ con ngỗng!”

“Mình biết làm gì hơn đây?” Jacob hiên lảnh đáp. “Nhìn kìa! Họ đang tới gần khúc ngoặt của con kênh rồi.”

“Giờ chúng ta có thể kiểm chứng rồi!” Ludwig reo lên đầy phấn khích.

“Anh Peter sẽ dẫn đầu, mình biết thế mà.”

“Anh ấy không thể đâu, là bởi Ben đang dẫn trước!” Carl khẳng định. “Trời! Con thuyền băng kia sẽ lao vào cậu ấy mất. Không! Đừng trượt thoáng rồi! Lại xuất hiện thêm đôi ngỗng. Hoan hô! Họ đang ở chỗ rẽ. Ai đang dẫn đầu?”

“Là anh Peter!” Ludwig vui mừng reo lên.

“Mừng cho đội trưởng!” Lambert và Jacob cùng hô lên.

Carl chỉ biết nhỏ giọng lẩm bẩm. “Hóa ra lại là Peter. Mình cứ tưởng, trong suốt thời gian vừa qua, người dẫn đầu là Ben chứ.”

Khúc ngoặt ở con kênh ấy có vẻ như chính là đích đến của hai chàng trai, bởi họ đã dừng lại đột ngột sau khi trượt qua chỗ đó.

Carl nói gì đó về việc “mừng khi hai người đó đã biết suy nghĩ hơn một chút để mà dừng lại và nghỉ ngơi”, rồi bốn cậu bé im lặng trượt đến chỗ bạn mình.

Carl đã luôn âm thầm ước bản thân đã đạt đến trình độ ngang tầm với Peter và Ben, thế nên cậu mới chắc mẫm mình sẽ dễ dàng giành được chiến thắng. Cậu là một người trượt rất nhanh, dù vậy không phải là một tay trượt xuất sắc.

Khi bốn cậu bé kia tới gần thì Ben đang nhìn Peter với thứ cảm xúc lẫn lộn giữa khó chịu, ngưỡng mộ và ngạc nhiên.

Chúng nghe cậu nói bằng tiếng Anh: “Anh đúng là một chú chim hoàn hảo trên sàn băng, Peter van Holp ạ. Em có thể nói với anh, anh là người đầu tiên từng đánh bại em trong một cuộc đua công bằng đấy!”

Peter, người có thể hiểu ngoại ngữ giỏi hơn là nói, đáp lại bằng một cái cúi người vui vẻ hết đời trước lời khen ngợi của Ben, nhưng không nói gì thêm. Có lẽ cậu vẫn đang bị hụt hơi.

“Giờ thì, *Penchamin* à, anh vừa làm cái gì thế? Người anh nóng như cái lò gạch ấy, không có tốt đâu.” Jacob ảo não nói.

“Vớ vẩn!” Ben đáp. “Không khí lạnh sẽ làm anh dịu người mau thôi. Anh đâu có mệt.”

“Dù vậy nhưng cậu đã bị đánh bại đấy, anh bạn ạ.” Lambert nói bằng tiếng Anh. “Một cách công bằng nữa chứ. Mình tự hỏi không biết cuộc thi sẽ diễn ra như thế nào nhỉ?”

Ben đỏ mặt và cười rộ lên đầy tự hào và thách thức, như thể muốn nói: “Vừa rồi chỉ là chơi cho vui thôi. Mình quyết tâm sẽ chiến thắng vào lúc đó, cứ để mọi chuyện diễn ra tự nhiên đi!”

XXXI

Các cậu bé và cô bé

Khi các cậu bé tới khu làng Voorhout gần con kênh lớn, nằm ở gần chính giữa La Hay và Haarlem, chúng buộc phải dừng lại để thảo luận. Cơn gió, dù ban đầu còn hiền hòa, đang càng lúc càng mạnh dần lên, cho đến khi khó ai trong số các cậu bé có thể trượt ngược chiều gió được nữa. Những chiếc chong chóng gió trên nóc nhà ở khắp vùng quê rõ ràng đã lập mưu lừa chúng.

“Cứ cố chống cự lại luồng gió kia thì vô ích thôi.” Ludwig nói. “Nó xiên thẳng xuống cổ họng như lưỡi dao vậy.”

“Thế thì ngậm mồm lại đi.” Carl lẩm bẩm, cậu là người có lồng ngực khỏe như một chú bò non. “Mình muốn cứ đi tiếp.”

“Trong trường hợp này thì.” Peter xen ngang. “Chúng ta phải lắng nghe ý kiến của người yếu chứ không phải người khỏe.”

Lời của đội trưởng vốn mang ý tốt, nhưng Ludwig lại hiểu theo hướng không mấy dễ chịu. Cậu vừa nhún vai vừa đáp chát: “Ai yếu cơ? Không phải em nhé, bởi cơn gió này mạnh hơn tất cả chúng ta. Em mong là anh sẽ hạ mình để thừa nhận đi đâu đó!”

“Ha! Ha!” Van Mounen cười phá lên trong khi hai chân gầy như không còn đứng vững nổi. “Đúng là vậy đó.”

Vừa lúc ấy, những chiếc chong chóng trên nóc nhà báo hiệu cho nhau với một cái ngoặt mình kì cục, và rồi ngay lập tức, một cơn gió mạnh thổi tới. Nó gần như ném tung cả người anh chàng Carl với lồng ngực khỏe mạnh lên, gần như làm Jacob nghẹt thở và khiến Ludwig suýt ngã nhào.

“Thế này là đủ để có câu trả lời rồi.” Peter hô lên. “Các em, tháo lưới trượt ra! Chúng ta sẽ vào trú tại Voorhout.”

Các cậu bé tìm được một căn nhà trọ nhỏ với khoảng sân vườn lớn ở Voorhout. Khu vườn có đầy đủ mọi thứ, đặc biệt hơn cả là có một bộ kỵ hoàn chỉnh, nên các cậu bé sớm biến sự trì hoãn thành một cuộc vui chơi.

Cơn gió vẫn tỏ ra rắc rối ngay cả ở trong khu trọ đó, nhưng chúng đang đứng trên một khu vườn tốt và chẳng mấy may để tâm nữa.

Kết thúc bữa tối với sự nhiệt tình là thời gian dành cho trò chơi. Với những con ky dài bằng cánh tay và những quả bóng to bằng đầu người, không hề ngạc nhiên rằng các cậu bé đều rất vui sướng trong trò chơi, khi chúng dành toàn bộ sức lực còn sót lại để lia bóng và quét sạch hơn năm mươi mét để đánh bóng.

Đêm đó, đội trưởng Peter cùng đội viên của mình ngủ thật ngon lành. Không có tên trộm nào rình rập làm phiền nữa, và toàn đội được chia ra ở nhiều phòng, chúng thậm chí còn không có trận chiến gối ngủ nào vào sáng hôm sau.

Đến lúc chúng ăn sáng mới thật đáng kinh ngạc. Vị chủ quán trông đến là hoảng sợ. Sau khi hỏi các cậu bé “đến từ” đâu, ông liền lập tức cho rằng các bậc phụ huynh ở Broek thường xuyên bỏ đói con mình. Đúng là một sự sỉ nhục. “Dù sao thì những quý ông trẻ tuổi đây cũng được đấy!”

May mắn thay, cơn gió đã thấy mệt mỏi và lui về ngủ nơi vùng biển rộng lớn phía xa đụn cát. Có dấu hiệu tuyết rơi; dù vậy thì thời tiết đã đẹp hơn.

Việc trượt băng trở về Leyden với các cậu bé đã được nghỉ ngơi đầy đủ chỉ là trò trẻ con. Ở đó, chúng dừng lại một chút, bởi Peter có việc cần làm ở quán trọ Chim Ưng Vàng.

Khi rời thành phố, Peter mang theo mình trái tim nhẹ nhõm bởi bác sĩ Boekman đã ở quán trọ, đọc lá thư với dòng tin của Hans và ngay lập tức đến Broek.

“Ta không thể đảm bảo rằng ông ấy rời đi là do lá thư của cậu được.” Vị chủ quán giải thích. “Có quý bà giàu có nào đó ở Broek lâm trọng bệnh đột ngột, thế nên ông ấy mới vội vàng đi như thế.”

Mặt Peter tái nhợt.

“Ông có biết tên bà ấy không?” Cậu hỏi.

“Tất nhiên là cái tên đó vào một tai và ra đằng tai kia của ta rồi, dù ta có cố ngăn cản chuyện đó thế nào đi nữa.”

“Một quý bà ở Broek sao?”

“Phải.” Ông ta cúi bản trả lời. “Còn chuyện gì nữa không, thưa cậu?”

“Không, thưa chủ quán, chỉ là tôi và những người bạn của tôi muốn ăn thứ gì đó và uống chút cà phê nóng ở đây.”

“À.” Vị chủ quán ngọt ngào đáp. “Một bữa ăn cùng cà phê sẽ được phục vụ đến các cậu, mà còn là loại ngon nhất Leyden nữa chứ. Mời các cậu đi đến chỗ cái lò. Giờ để ta nhớ lại nào, ta cho rằng họ bảo đó là một quý bà goá ch ở Rotterdam, đến thăm một người nhà van Stoepel, nếu ta nhớ không nhầm.”

“À!” Peter nói và cảm thấy cực kì nhẹ nhõm. “Họ sống trong một căn nhà trắng bên cạnh xưởng Scholossen. Giờ thì, thưa ngài, cho chúng tôi xin cà phê!”

Mình đúng là ngốc khi chắc chắn rằng đó là mẹ mình, Peter nghĩ khi cả nhóm rời quán Chim Ưng Vàng. Nhưng bà ấy có thể là mẹ ai đó khác, thật là tội nghiệp bà ấy. Không biết là mẹ của ai đây? Mình băn khoăn quá.

Trên dòng kênh dọc theo con đường từ Leyden về Haarlem ngày hôm ấy không có nhiều người. Nhưng khi tiến gần đến Amsterdam, các cậu bé nhận ra mình đang ở giữa dòng người tấp nập di chuyển. Cái máy phá băng lớn bắt đầu làm việc lần đầu tiên trong mùa, nhưng đoạn đường để trượt tiếp thì không còn nữa.

“Ba lần hoan hô chào quê nhà nào!” Van Mounen hô to khi Xưởng Tây đóng tàu lớn hiện ra trước mắt. “Hoan hô! Hoan hô!” Tất cả cùng hô lên. “Hoan hô! Hoan hô!”

Kiểu hoan hô đó là thứ văn hóa được du nhập vào trong nhóm. Lambert van Mounen đã mang nó về từ nước Anh. Người Anh nói câu này nhiều đến độ nó gần như được coi như một sự lạm dụng và khi tình hình cho phép, câu nói đó luôn được thốt lên một cách hào hứng trước sự bức bối đau đầu của những người đồng hương yêu sự yên tĩnh.

Vì vậy nên chuyển đi về Amsterdam khơi dậy thứ cảm xúc to lớn, đặc biệt là giữa các cậu bé trên cầu tàu.

Chúng đã đi qua nhánh Y. Giờ tất cả đã ở trên con kênh Broek.

Lambert về đến nhà trước.

“Tạm biệt nhé, các cậu!” Cậu hô lên khi rời đi. “Chúng ta đã có một chuyến đi chơi tuyệt vời nhất cả đất Hà Lan này.”

“Đúng là vậy. Tạm biệt, van Mounen!” Các cậu bé đáp.

“Tạm biệt!”

Peter vẫy chào. “Anh nhắc này, van Mounen, ngày mai bắt đầu đi học đấy!”

“Em biết rồi. Kỳ nghỉ đã kết thúc. Tạm biệt lần nữa!”

“Tạm biệt!”

Broek đã hiện ra trước mắt. Đúng là một cuộc hội ngộ tuyệt vời! Katrinka đang ở trên kênh! Carl rất vui vì đi đầu này. Hilda cũng ở đó! Peter ngay lập tức cảm thấy như được nghỉ ngơi. Rychie cũng ở đó! Ludwig cùng Jacob gần như va phải nhau trong niềm hăm hở được bắt tay cô.

Các cô gái người Hà Lan vốn khiêm tốn và kiệm lời, nhưng sự mừng rỡ đang ánh lên trong đôi mắt họ. Trong một lúc, khó mà biết được ai trong Hilda, Rychie và Katrinka là người vui mừng nhất.

Annie Bouman cũng có mặt ở trên kênh, trông cô còn xinh hơn cả những thiếu nữ kia trong bộ trang phục nông dân duyên dáng. Nhưng cô không nhập hội với nhóm của Rychie; trông cô cũng không có vẻ gì là đang hạnh phúc một cách bất thường cả.

Người mà cô thích nhất không có trong nhóm bạn vừa trở lại. Thực ra, cậu ấy không hề có mặt trên con kênh. Từ ngày lễ Thánh Nicholas, cô không ở gần Broek, bởi cô phải vào Amsterdam chăm sóc người bà ốm bệnh của mình và vì thế được thưởng cho một giờ nghỉ ngắn, như bà của cô nói, bởi cô đã là một cô y tá nhỏ hết lòng vì bệnh nhân suốt ngày suốt đêm.

Annie quyết định dành giờ nghỉ đó để dốc toàn sức trượt băng đến Broek rồi lại quay về, hy vọng sẽ được gặp mẹ mình trên con kênh, hoặc có thể là Gretel Brinker. Thế mà cô chẳng thể gặp ai và lại phải nhanh chóng quay trở về mà không kịp ngó qua căn lều của mẹ, bởi cô biết người bà đáng thương của mình có lẽ đang rên rỉ, cần người giúp đỡ mình trên chiếc giường.

Gretel có thể ở đâu được chứ? Annie suy nghĩ khi cô lướt qua lớp băng; cô gần như luôn có thể tranh thủ một lúc vào thời gian này trong ngày. Gretel tội nghiệp! Có một người cha ngớ ngẩn mới đáng sợ làm sao! Mình cũng nên sợ hãi ông ấy, mình biết... bởi ông ấy thật khỏe, mà cũng thật kì lạ!

Annie vẫn chưa nghe thêm về bệnh tình của ông ấy. Bà Brinker cùng vấn đề của bà vốn không được nhiều người ở đây quan tâm.

Nếu Gretel không được biết đến là cô bé chặn ngõng, có lẽ cô bé sẽ có nhiều bạn hơn trong tầng lớp nông dân ở khu hàng xóm. Thế nhưng, Annie Bouman là người duy nhất không cảm thấy xấu hổ khi thẳng thắn thừa nhận mong muốn kết bạn với Gretel và Hans.

Khi những đứa trẻ hàng xóm cười nhạo vì Annie lại kết bạn với lũ nhà nghèo như vậy, cô chỉ đơn giản cảm thấy mặt nóng bừng khi Hans bị chê giễu, hoặc nở nụ cười coi thường, tỏ ra không bận tâm, nhưng nghe những lời sỉ nhục nhắm vào Gretel bé nhỏ luôn đánh thức cơn thịnh nộ trong cô.

“Cậu ấy đúng là cô bé chặn ngõng!” Cô nói. “Nhưng tôi dám cá rằng chẳng ai trong mấy người đủ khả năng làm việc đó đâu. Hè năm ngoái, cha tôi thường bảo tôi rằng cha thấy thật đau lòng khi một cô bé với đôi mắt sáng bừng cùng sự kiên nhẫn như vậy đi chặn ngõng. Hừm! Cậu ấy hẳn sẽ không làm hại chúng như Janzoon Kolp và sẽ không giẫm đạp lên chúng như Kate Wouters đâu.”

Thế là đủ để tất cả cười nhạo cô bé Kate vụng về, xấu tính, còn Annie thì hiện ngang bước đi khỏi nhóm bạn đang tám chuyện kia. Một vài kí ức về những kẻ bắt nạt Gretel vụt ngang qua đầu khi cô nhanh chóng trượt về Amsterdam, đôi mắt cô ánh lên với linh cảm xấu và cô phải lắc đầu xua nó đi đến hơn một lần. Khi linh cảm đó đã qua, khuôn mặt cô sáng bừng lên với vẻ tươi tắn, hăng hào và ấm áp khiến cho hơn một người công nhân mệt mỏi phải ngoái lại nhìn và ước ao mình có một cô con gái vui vẻ, hạnh phúc đến thế.

Tối hôm ấy, có năm ngôi nhà chìm trong niềm vui.

Các cậu bé đã bình an trở về, tất cả đều thấy thật tuyệt khi được trở về nhà. Kể cả quý bà lâm bệnh ở nhà van Stoepel cũng đã qua cơn nguy kịch.

Nhưng sáng hôm sau. Ôi, tiếng chuông trường kêu đình đoong, đình đoong mới ngu ngốc làm sao, nhất là khi người nghe đầu đang mệt mỏi.

Ludwig dám chắc rằng cậu chưa từng nghe thấy thứ gì đáng căm ghét đến thế. Kể cả Peter cũng thấy khổ sở khi phải đi học. Carl tuyên bố rằng phải đi học khi xương cốt đang rã rời thì đúng là một nỗi sỉ nhục. Còn Jacob buồn bã chào tạm biệt Ben rồi bước đi với chiếc cặp sách như nặng cả trăm cân trên lưng.

XXXII

Khủng hoảng

Trong khi các cậu bé còn đang chăm lo cho sự mệt mỏi của mình, chúng ta hãy ghé vào xem căn lều của nhà Brinker như thế nào.

Liệu Gretel và mẹ cô bé có bất động ở đó từ lần cuối chúng ta thấy họ hay không? Liệu người đàn ông ốm bệnh đó vẫn chưa được trở mình? Đó là chuyện của bốn ngày trước và giờ những con người đau khổ ấy vẫn vậy. Không, không chính xác là như cũ, bởi Raff Brinker còn trở nên nhợt nhạt hơn; cơn sốt đã qua đi, mặc dù ông không hề biết chuyện gì đang xảy ra. Họ đơn độc trong căn phòng sạch sẽ nhưng nghèo nàn. Bây giờ, ở góc đối diện còn có thêm một nhóm người nữa.

Bác sĩ Boekman ngẩng đầu, trầm giọng trao đổi với một chàng trai trẻ cao lớn, người đang lắng nghe vô cùng chăm chú. Chàng trai trẻ này là học trò và phụ tá của ông. Hans cũng ở đó. Cậu đứng gần cửa sổ, kính cẩn chờ đợi xem mình có được gọi gì không.

“Trò thấy đấy, Vollenhoven.” Bác sĩ Boekman nói. “Đây là một trường hợp rõ ràng của...” Nói đến đó, vị bác sĩ bùng nổ một tràng lộn xộn khó hiểu xen lẫn giữa tiếng Hà Lan và tiếng La tinh mà ta không thể nào dịch chính xác cho được.

Sau một lúc, khi thấy Vollenhoven nhìn lại mình một cách trống rỗng, người đàn ông bác học đành diễn tả lại bằng thứ ngôn ngữ đỡ phức tạp hơn.

“Đây có thể giống như trường hợp của Rip Donderdunck.” Ông giải thích với giọng trầm và lú lút. “Ông ấy ngã từ đỉnh cối xay gió Voppelploot xuống. Sau vụ tai nạn, ông ấy trở nên ngu ngốc và biến thành kẻ điên rồ. Lúc đó, ông ấy vô vọng nằm trên giường như anh bạn đằng kia kia, cũng rên rỉ như thế và liên tục đưa tay lên đầu. Người bạn thông thái của ta là von Choppem đã tiến hành một cuộc phẫu thuật cho Donderdunck và phát hiện ra dưới hộp sọ của ông ấy một cái bọc nhỏ tối màu, chính cái

thứ đó chèn ép lên não bộ. Ấy chính là ngu ần gốc của vấn đề Bạn ta, von Choppem, mới bỏ nó ra, ấy đúng là một cuộc phẫu thuật tuyệt diệu! Trò thấy đấy, theo như Celsius...” Và rồi vị bác sĩ lại tiếp tục nói một tràng tiếng La tinh.

“Người đàn ông ấy có sống không ạ?” Anh chàng phụ tá của ông kính cẩn hỏi.

Bác sĩ Boekman l ần r ần: “Cái đó đâu quan trọng. Ta tin là ông ấy có lẽ qua đời rồi, nhưng sao ta không tập trung vào vấn đề chính đã? Cứ thử cân nhắc xem là sao...” Rồi ông lại tiếp tục chìm đắm vào những bí ẩn bằng tiếng La tinh.

“Nhưng thưa thầy.” Người học trò của ông vẫn kiên quyết nói, anh biết vị bác sĩ sẽ không chịu ngoi lên bề mặt vấn đề nếu không có ai kéo ông lên từ hố sâu sở thích của mình. “Thưa thầy, thầy còn mấy cuộc hẹn nữa ngày hôm nay, với ba cái chân ở Amsterdam, ngài nhớ chứ, một con mắt ở Broek cùng khối u ở trên kênh.”

“Khối u đó đợi được.” Vị bác sĩ tr ần ngâm nói. “Đó cũng lại là một trường hợp phi thường khác, đúng là phi thường! Người phụ nữ đó không thể nhắc đầu ra khỏi vai trong suốt hai tháng, đúng là một khối u hoành tráng!”

Vị bác sĩ lần này cất giọng nói to. Dường như ông đã quên khuấy mất mình đang ở đâu.

Vollenhoven thử thêm một lần nữa.

“Người đàn ông khốn khổ trên giường này, thưa thầy. Thầy cứu được ông ấy chứ ạ?”

“À, tất nhiên rồi, chắc chắn rồi.” Vị bác sĩ lắp bắp, đột nhiên nhận ra mình đã lạc đề “Chắc chắn là... ta hy vọng vậy.”

“Nếu có ai ở Hà Lan có thể giúp được, thưa thầy.” Người phụ tá nói nhỏ với sự trung thực thẳng thắn. “Thì đó chỉ có thể là thầy thôi.”

Vị bác sĩ trông có vẻ phật ý, ông cầu nhàu bảo học trò mình nói ít đi rồi gọi Hans tới gần.

Vị bác sĩ kì cục này có một nỗi sợ cực kì lớn với việc trò chuyện với phụ nữ, đặc biệt là về vấn đề phẫu thuật. “Người ta không biết được.” Ông nói. “Lúc nào thì những sinh vật ấy sẽ gào thét và ngắt xiu.” Vì vậy, ông

giải thích tình hình của Raff Brinker cho Hans và nói với cậu phương pháp mà ông tin sẽ cứu được bệnh nhân này.

Hans chăm chú lắng nghe, mặt cậu chuyển đỏ rồi lại thành trắng, cậu liếc những ánh nhìn nhanh mà đầy lo âu về phía chiếc giường.

“Ngài nói là nó có thể giết cha cháu phải không?” Cuối cùng cậu cất giọng run rẩy hỏi.

“Có thể, cậu bé ạ. Nhưng ta có một niềm tin mãnh liệt rằng nó sẽ chữa lành chứ không giết người. A! Nếu các cậu bé không tới dạ đến thế, ta sẽ có thể trình bày tất cả mọi vấn đề ra đây, nhưng thế cũng chẳng có tác dụng gì.”

Hans tỏ ra khó hiểu trước lời bình luận này.

“Thế cũng chẳng có tác dụng gì.” Bác sĩ Boekman cúi kính lặp lại. “Một cuộc phẫu thuật thành công đang chờ đợi, nhưng người ta đâu có thể làm với một cái rìu nhỏ. Câu hỏi duy nhất là: Nó có giết người không?”

“Câu hỏi ấy là tất cả đối với chúng cháu, thưa ngài.” Hans nói với vẻ chững chạc dù đang chực khóc.

Bác sĩ Boekman nhìn cậu trong sự bàng hoàng đột ngột.

“À! Phải rồi. Cháu nói đúng, cậu bé ạ, ta đúng là một tên ngốc. Tốt lắm. Người ta đâu thể ước cha mình chết được, tất nhiên ta là kẻ ngốc rồi.”

“Cha cháu có chết không, thưa ngài, nếu căn bệnh cứ tiếp tục thế này?”

“Hừm! Đây không phải là bệnh mới. Triệu chứng sẽ càng lúc càng tệ, với áp lực lên não ông ấy, rồi sẽ sớm đưa ông ấy ra đi như thế này.” Vị bác sĩ búng ngón tay.

“Cuộc phẫu thuật có thể cứu sống cha.” Hans nói tiếp. “Mất bao lâu ạ, thưa ngài, có thể cho chúng cháu biết được không?”

Bác sĩ Boekman trở nên thiếu kiên nhẫn.

“Trong một ngày, có lẽ, hoặc một giờ. Nói với mẹ cháu đi, cậu bé, để bà ấy quyết định. Ta có ít thời gian lắm.”

Hans đến gần mẹ mình; ban đầu, khi bà ngược lên nhìn cậu, cậu không thể thốt ra một tiếng nào; thế rồi cậu quay mặt đi và nghiêm giọng nói: “Anh cần nói chuyện riêng với mẹ.”

Cô bé nhỏ nhẩn nhanh nhẹn, vốn không hiểu chuyện gì đang xảy ra, ném một cái nhìn khó chịu về phía Hans rồi bước ra ngoài.

“Quay lại đi, Gretel, và ngồi xuống.” Hans buồn bã nói.

Cô bé nghe lời cậu.

Bà Brinker cùng con trai mình đứng bên cửa sổ trong khi vị bác sĩ cùng phụ tá của ông cúi người bên giường bệnh, trao đổi với nhau bằng tông giọng trầm. Làm phiền bệnh nhân là chuyện không thể. Ông ấy cứ như người câm điếc vậy. Chỉ có tiếng rên yếu ớt, đau đớn mới chứng minh ông ấy còn sống. Hans nói chuyện với mẹ mình bằng vẻ nghiêm trang, cậu hạ thấp giọng xuống để em gái mình không thể nghe được.

Với đôi môi khô nứt nẻ, bà Brinker rướn người đến chỗ con trai, thăm dò gương mặt cậu như thể tìm kiếm hàm ý gì đó đằng sau lời cậu nói. Bà bật ra một tiếng nức nở nhanh mà đầy sợ hãi khiến Gretel giật mình, nhưng sau đó, bà chỉ bình tĩnh lắng nghe.

Khi Hans ngừng lời, mẹ cậu quay lại và nhìn chằm chằm mình – người đang nằm đó đầy trông ngóng và đau thương, nhợt nhạt và bất tỉnh – rồi quỳ sụp xuống bên giường.

Tội nghiệp Gretel bé nhỏ! Thế này có nghĩa là sao? Cô bé nhìn Hans đầy thắc mắc; anh trai cô bé đang đứng, nhưng đầu cậu cúi xuống như đang cầu nguyện, hướng về phía vị bác sĩ. Ông ấy đang cùng với người phụ tá nhẹ nhàng kiểm tra phần đầu của cha cô, trông như đang dò xét một hòn đá kì lạ vậy. Ôi, Gretel bé nhỏ, đó là tất cả những gì cô bé có thể làm – quỳ gối bên cạnh mẹ mình và ôm ghì lấy cổ bà bằng vòng tay ấm áp, non nớt, để than khóc và cầu xin Chúa lắng nghe.

Khi người mẹ đứng dậy, bác sĩ Boekman, với đôi mắt tỏ vẻ âu lo, cộc cằn hỏi: “Vậy, thưa bà, bà đồng ý chứ?”

“Nó có khiến chúng tôi đau không, thưa ngài?” Bà run rẩy hỏi.

“Tôi không thể nói được. Có lẽ là không. Bà có đồng ý không?”

“Nó có thể chữa lành cho ông ấy, ngài nói vậy, và... thưa ngài, ngài bảo với con trai tôi rằng... có lẽ... có lẽ...” Bà không thể nói hết câu.

“Vâng, thưa bà, tôi nói bệnh nhân có thể ra đi trong cuộc phẫu thuật, nhưng chúng ta hy vọng vào một kết quả khác.” Ông nhìn xuống đồng hồ đeo tay. Người phụ tá sốt ruột đi về phía cửa sổ. “Mau lên nào, thưa bà, thời gian có hạn. Có hay không?”

Hans vòng tay quanh người mẹ mình. Cậu không thường làm thế này. Cậu thậm chí ngả đầu lên vai mẹ mình.

“Quý ngài đang đợi câu trả lời của mẹ.” Cậu thì thào.

Từ lâu, bà Brinker đã trở thành trụ cột trong mọi khía cạnh của gia đình. Đã nhiều lần bà trở nên nghiêm khắc với Hans, dạy dỗ cậu với bàn tay khỏe mạnh và tự hào về kỉ luật người mẹ của mình. Nhưng giờ, bà cảm thấy vô cùng yếu đuối, cực kì vô vọng. Đó là cảm giác của bà trong vòng tay rắn chắc của con mình. Như thể có luồng sức mạnh đến từ từng sợi tóc vàng hoe của con trai đang khẽ chạm vào bà.

Bà quay sang con mình và hỏi:

“Ôi, Hans! Mẹ phải nói gì đây?”

“Cứ nói đi đầu mà Chúa muốn mẹ nói, mẹ ạ.” Hans đáp và cúi đầu xuống.

Một tiếng cầu nguyện nhanh mang ý dò hỏi được gửi từ trái tim người mẹ lên Thiên đường.

Câu trả lời ngay lập tức đến.

Bà quay sang bác sĩ Boekman.

“Có, thưa ngài. Tôi đồng ý.”

“Hừm!” Vị bác sĩ cầu nhàu như thể muốn nói: “Bà mất nhiều thời gian quyết định quá đấy.” Rồi ông trao đổi một chút với phụ tá, người lắng nghe với vẻ ngoài vô cùng tôn kính nhưng bên trong lại đang vui vẻ với một câu chuyện hài mà anh ta có thể kể lại cho các học trò của mình. Anh đã thực sự thấy nước mắt trong đôi mắt của “lão già Boekman”.

Trong lúc ấy, Gretel chỉ biết run rẩy dõi theo trong sự im lặng, nhưng khi cô bé thấy vị bác sĩ mở chiếc cặp da và lấy ra từng dụng cụ sắc nhọn, sáng choang, cô bé vội choàng tới.

“Ôi, mẹ ơi! Người cha đáng thương của chúng ta đâu bị làm sao. Họ sắp sửa ÁM SÁT cha sao?”

“Mẹ không biết, con ạ.” Bà Brinker kêu lên, nghiêm nghị nhìn Gretel. “Mẹ không biết.”

“Thế này không được rồi, thưa bà.” Bác sĩ Boekman nghiêm giọng nói, ông cùng lúc trao đổi một ánh nhìn nhanh mà sâu sắc với Hans. “Bà cùng cô con gái cần rời khỏi phòng. Cậu bé có thể ở lại.”

Bà Brinker ngay lập tức đứng bật dậy. Đôi mắt bà lóe sáng. Biểu cảm trên gương mặt bà hoàn toàn thay đổi. Bà trông như một con người chưa từng khóc than, chưa từng yếu đuối. Giọng bà tuy trầm mà quả quyết. “Tôi sẽ ở lại với chồng tôi, thưa ngài.”

Bác sĩ Boekman tỏ vẻ kinh ngạc. Lời yêu cầu của ông hiếm khi bị bác bỏ theo hướng này. Trong một lát, mắt ông nhìn thẳng vào mắt bà.

“Bà có thể ở lại.” Ông nói bằng một giọng khác.

Gretel đã biến mất từ lúc nào.

Trong một góc của căn nhà là chiếc tủ nhỏ chỉ như một cái hộp được gắn chặt vào bức tường, không ai có thể nghĩ đến một bóng dáng nhỏ bé đang run rẩy thu người trong bóng tối ở đó.

Bác sĩ Boekman cởi chiếc áo khoác nặng trĩu ra, rót đầy nước vào một cái chậu đất, rồi đặt nó gần giường. Ông quay sang Hans và hỏi: “Ta có thể tin cậu không, cậu bé?”

“Ngài có thể tin tưởng cháu, thưa ngài.”

“Vậy thì ta tin cháu. Đứng ở đầu giường, đây... mẹ cháu có thể đứng bên phải cháu... đúng thế.” Rồi ông đặt một chiếc ghế ở gần giường.

“Nhớ này, thưa bà, không được khóc lóc, không được ngất xỉu.”

Bà Brinker trao đổi một ánh mắt với ông.

Ông hài lòng với nó.

“Tiến hành nào, Vollenhoven.”

Ồi, cái cặp ấy chứa đầy thứ dụng cụ mới khủng khiếp làm sao! Người phụ tá nhắc chúng lên. Gretel, người đang hé nhìn ra ngoài qua khe nứt trên cánh cửa tủ bằng đôi mắt sưng nước, không thể tiếp tục im lặng được nữa.

Cô bé điên cuồng chạy qua phòng, tóm lấy áo choàng có mũ trùm đầu rồi vụt ra khỏi nhà.

XXXIII

Gretel và Hilda

Giờ giờ lao. Khi tiếng chuông trường đầu tiên reo lên, con kênh như thể hô lên một tiếng gọi mời và đột nhiên trở nên sống động với các cô bé cậu bé ủa ra.

Hàng tá những đứa trẻ diện đồ sặc sỡ trượt băng xen kẽ nhau, niềm vui giấu kín của chúng từ buổi sáng được thỏa sức bộc lộ ngay lúc này trong những khúc hát, tiếng hò hét và tiếng cười. Không có gì xen vào niềm vui của chúng ngay lúc này. Không một suy nghĩ về sách vở nào len lỏi vào đầu chúng dưới ánh nắng. Tiếng La tinh, toán học, ngữ pháp, tất cả đều bị khóa lại trong vòng một tiếng đồng hồ tại căn phòng học xám xịt kia. Giáo viên cũng có thể trở thành một bộ môn nếu họ muốn, thậm chí là một bộ môn chính thức, tất cả những gì lũ trẻ muốn là tận hưởng chút thời gian này. Chỉ cần được tiếp tục trượt băng thỏa thích như thế này, Hà Lan có ở cực Bắc hay xích đạo cũng không quan trọng; và xét về triết học, làm sao phải lo lắng về quán tính và trọng lực hay những thứ tương tự khi mà tất cả những gì chúng có thể làm là cố gắng không để bị xô ngã trong khung cảnh hỗn loạn.

Ngay giữa cuộc vui đang tung bừng, một đứa trẻ kêu lên. “Cái gì thế kia?”

“Cái gì? Ở đâu?” Cả tá giọng nói cùng lúc kêu lên.

“Gì, các cậu không thấy à? Cái thứ xám xịt ở cạnh căn lều của kẻ ngốc ấy.”

“Mình chẳng thấy gì hết.” Một đứa nói.

“Mình thấy rồi.” Một đứa khác đáp. “Một con chó ấy mà.”

“Chó nào?” Một giọng gay gắt mà chúng ta đã từng nghe qua vang lên. “Làm gì có chó nào, ấy là một đồng giẻ rách thôi.”

“Thôi đi! Voost.” Một giọng bức tức khác đáp trả. “Cậu không thể nói sự thực được à. Ấy là cô bé chặn ngõng Gretel đang đi tìm lũ chuột nhắt.”

“Xì, thì sao nào?” Voost rút lên. “Con nhãi đó không phải là một đồng giẻ sao, trả lời mình xem nào?”

“Ha! Ha! Được đấy Voost! Cậu nên được trao huân chương vì trí khôn, nếu cậu tiếp tục giữ phong độ như vậy.”

“Cậu sẽ được trao thứ khác nếu anh trai Hans của cô bé đó ở đây. Tôi đảm bảo với cậu đấy!” Một cậu bạn nhỏ với lớp quần áo dày cộm vì đang bị cảm lạnh nói.

Cũng bởi Hans KHÔNG có ở đó, nên Voost mới dám nói bóng gió.

“Ai thèm quan tâm thằng đó chứ, hả nhóc hắt xì? Tôi gây sự với tằm mười hai đứa như cậu ta mỗi ngày, tính thêm cả cậu nữa đấy.”

“Thật vậy không? Mình nhớ lời cậu rồi đấy.” Rồi như để chứng minh lời mình nói, cậu bé hắt xì trượt đi với tốc độ nhanh nhất có thể.

Ngay sau đó, một cuộc rượt đuổi ngẫu hứng của ba cậu bé to lớn nhất trường được khởi xướng. Cả bọn lẫn thù, vui vẻ hơn bất cứ bao giờ, nhanh chóng tụ hợp lại chỉ vì một nguyên do.

Chỉ một trong số những con người đang hào hứng đó còn nhớ đến dáng vẻ tằm tối nhỏ bé bên căn lều của gã ngốc. Ôi, Gretel nhỏ bé đáng thương đang hoảng sợ! Cô bé không hề bận tâm về họ, mặc dù tiếng cười lạnh lạnh phía xa có vang đến tai cô bé, khiến cô bé cảm thấy như mình đang lạc vào một giấc mơ.

Tiếng rền rĩ đằng sau cánh cửa sổ tối tăm kia mới to làm sao! Nếu những người đàn ông lạ mặt đó thực sự đang giết cha cô bé thì sao?

Suy nghĩ ấy khiến cô bé đứng bật dậy, môi thốt lên tiếng kinh hoàng.

“Ôi, không đâu!” Cô bé nức nở, lại ngã xuống một đụn đất đã đóng băng, nơi mà cô bé vẫn đang ngã từ nãy. Có mẹ ở đó, có anh Hans ở đó mà. Họ sẽ chăm sóc cha. Nhưng họ trông cũng nhợt nhạt. Anh Hans thậm chí còn khóc nữa!

Tại sao quý ngài cau có ấy lại giữ anh mình lại và đuổi mình đi? Cô bé nghĩ ngợi. Mình có thể ôm mẹ và hôn mẹ. Mẹ luôn xoa đầu mình và thì thầm với mình mỗi khi mình làm vậy, dù mẹ có vừa mắng mỏ mình đi chăng nữa. Giờ thì ở đó sao lại yên ắng thế? Ôi, nếu cha chết thật, còn anh Hans, còn mẹ, mình phải làm gì? Thế rồi Gretel, run rẩy bởi cái lạnh, vùi mặt vào hai cánh tay và khóc như thể trái tim cô bé đang vỡ vụn.

Đứa trẻ tội nghiệp đã làm việc quá sức mình trong suốt bốn ngày vừa qua. Mặc dù vậy, cô bé vẫn là người hầu cận nhỏ bé luôn sẵn sàng vì mẹ mình, an ủi, giúp đỡ và hàng ngày động viên người mẹ gần như góa bụa của mình, quan sát và cầu nguyện bên cạnh bà suốt những đêm dài. Cô bé hiểu có thứ gì đó thật kinh khủng và bí hiểm đang diễn ra trong căn nhà vào lúc này, nó kinh khủng và bí hiểm đến nỗi mà một người tốt bụng như anh Hans cũng không thể nào nói ra.

Thế rồi những suy nghĩ mới ủa đến. Tại sao anh Hans không chịu tiết lộ cho cô bé? Đúng là một sự xúc phạm! Người đang nằm đó cũng là cha cô bé kia mà. Cô bé đâu còn là trẻ con nữa. Cô bé từng đoạt lấy con dao sắc từ tay cha. Cô bé còn kéo được cha khỏi mẹ trong đêm kinh hoàng hôm ấy, khi mà anh Hans to lớn không thể làm được. Vậy tại sao cô bé lại bị đối xử như một đứa vô tích sự? Ôi, mọi thứ thật tĩnh lặng quá, mà thời tiết lạnh buốt làm sao! Nếu Annie Bouman vẫn còn ở đây thay vì phải tới Amsterdam, cô bé sẽ không cảm thấy đơn độc thế này. Đôi chân cô bé dãn lạnh buốt. Có phải tiếng rên rỉ đã khiến cô bé cảm thấy như đang trôi bồng bênh trên không hay không?

Thế này không được rồi, mẹ sẽ cần trợ giúp bất cứ lúc nào!

Gretel dùng hết sức lực gượng dậy, dụi mắt và tự hỏi tại sao bầu trời lại sáng sủa và trong xanh thế, tại sao căn lầu lại tĩnh lặng thế và hơn cả là tại sao lại có tiếng cười rộ lên và vang vọng từ đằng xa.

Chẳng mấy mà cô bé lại rũ người ngả thụp xuống, những dòng suy nghĩ lộn xộn kì quặc càng lúc càng rối bời trong bộ não hãy còn đang ngơ ngác của cô bé.

Quý ngài ấy có đôi môi thật kì lạ! Dường như tổ cò trên mái nhà đang xáo xác và thì thầm với cô bé. Những con dao sáng choang bên trong chiếc cặp da, có lẽ còn sáng hơn cả lưỡi trọt bằng bạc. Ước gì cô bé mặc chiếc áo khoác mới, nếu thế thì cô bé đã không run rẩy thế này. Chiếc áo mới ấy thật đẹp, thứ đẹp đẽ duy nhất cô bé có thể khoác lên người. Chúa đã chăm sóc cha cô bé rất lâu rồi. Ngài vẫn sẽ làm thế nếu hai người đàn ông kia rời đi. À, giờ thì các ngài ấy hình như đang ở trên mái nhà, họ đang leo lên nóc... ồ không, ấy là mẹ và anh Hans đấy chứ... hoặc là đàn cò. Sao trời tối vậy, tối thế này làm sao thấy được gì. Đụn đất thì đang rung chuyển, chao đảo thật kì cục. Lũ chim hót mới ngọt ngào làm sao! Chúng hẳn là chim mùa đông, bởi không khí dày đặc những cột băng; giờ có đến hai

mười chú chim r ấ. Ôi! Mẹ ời, nghe chúng hót đi. Mẹ ời, gọi con dậy để con tham gia cuộc đua. Con mệt mỏi vì phải khóc, khóc hoài r ấ...

Một bàn tay khỏe mạnh đặt lên vai cô bé.

“Dậy nào, cô bé ời!” Một giọng nói ấm áp vang lên. “Thế này không tốt đâu, nếu cứ nằm đây em sẽ đông cứng lại đấy.”

Gretel chậm rãi ngẩng đầu lên. Cô bé bu ồm ngủ đến mức không thấy gì là kì lạ khi Hilda van Gleck cúi người trước mình, nhìn mình bằng đôi mắt tốt bụng xinh đẹp. Cô bé cũng từng mơ đến cảnh này r ấ.

Nhưng cô bé chưa bao giờ mơ rằng Hilda lay mình thật mạnh, gần như kéo dựng cô bé dậy; cô bé cũng chưa bao giờ mơ thấy tiểu thư gọi: “Gretel! Gretel Brinker! Em cần phải tỉnh lại ngay!”

Đây là sự thật. Gretel ngược lên. Vẫn là khuôn mặt đáng yêu dịu dàng của quý cô trẻ tuổi, đang lay, xoa và vỗ nhẹ lên người cô bé. Đây hẳn là giấc mơ r ấ. Không, có căn l ầu đằng kia mà, cùng tổ cò và cỗ xe của quý ngài đang đỗ bên con kênh nữa. Giờ thì cô bé có thể thấy chúng khá rõ ràng. Đôi bàn tay cô bé đau nhói, đôi bàn chân thì tê nhức. Hilda đang ép cô bé bước đi.

Cuối cùng, Gretel bắt đầu cảm nhận được chính mình.

“Em chỉ ngủ thôi.” Cô bé th ầu thào, dụi mắt bằng hai tay và tỏ vẻ ngượng ngùng.

“Phải r ấ, ngủ quá nhiều ấy chứ.” Hilda bật cười, đôi môi cô tái bọt. “Nhưng ngủ thế là đủ r ấ. Dựa vào người chị đi Gretel. Đó, bước tiếp nào, em sẽ sớm ấm lên khi đến gần lò sưởi. Giờ để chị đưa em vào nhà nhé.”

“Ồ, không! Không! Không! Thưa cô, đừng vào đó! Quý ngài đang ở đó. Ngài ấy đuổi em đi!”

Hilda cảm thấy bối rối, nhưng cô đủ khôn ngoan để kìm lại thắc mắc của mình. “Được r ấ, Gretel, cố gắng đi nhanh hơn nhé. Chị thấy em nằm trên đụn đất đó từ nãy r ấ, nhưng chị nghĩ em chỉ đang chơi thôi. Đúng r ấ, đi tiếp nào.”

Suốt thời gian đó, cô gái nhân hậu đã bắt Gretel phải đi lại, đỡ cô bé bằng một cánh tay, cánh tay còn lại bận bịu cởi chiếc áo khoác ngăn ấm áp của mình ra.

Gretel đột nhiên ngờ ngợ hàm ý của cô tiểu thư.

“Ôi, thưa cô! Thưa cô!” Cô bé van vỉ kêu lên. “Làm ơn đừng nghĩ đến việc đó. Ôi! Làm ơn hãy mặc nó vào, em đang nóng hết cả người đây, thưa cô! Em thực sự đang bốc cháy đây. Không hẳn là bốc cháy, nhưng kim châm đang đâm khắp người em. Ôi, thưa cô, đừng làm vậy!”

Sự hoảng loạn của đứa trẻ tội nghiệp thật trong sáng khiến Hilda phải vội vàng trấn an cô bé.

“Được rồi, Gretel, hãy cử động hai tay em đi nào... Đúng rồi. Chà, hai má em đã lại hồng hồng như hoa hồng rồi. Chị nghĩ chắc chắn bây giờ thì quý ngài kia sẽ để em vào nhà. Cha em ốm lắm sao?”

“A, thưa cô.” Gretel khóc. “Em nghĩ cha mình đang chết dần. Có hai quý ngài đang ở trong đó cùng cha, mẹ em thì chẳng nói gì nhiều suốt mấy ngày rồi. Gió rít khiến em không nghe thấy gì. Cha có lẽ chết mất rồi. Ôi, em ước gì có thể nghe tiếng cha!”

Hilda lắng nghe. Dù căn lều ở rất gần nhưng cô không thể nghe thấy gì.

Có thứ gì đó mách bảo rằng Gretel nói đúng. Cô chạy tới chỗ cửa sổ.

“Không thể thấy gì qua đó đâu, thưa cô.” Gretel vội nói trong tiếng nước nở. “Mẹ em đã dán giấy dầu từ bên trong rồi. Nhưng ở cánh cửa sổ kia, ở phía nam của căn nhà, cô có thể thấy qua vết rách của lớp giấy.”

Hilda lo âu chạy vòng ra sau, đi qua chỗ mà mái nhà thấp tua tủa chìa ra những bó tranh trấu xuống.

Một ý nghĩ chợt vụt đến trong cô.

“Ngó vào nhà người khác thật chẳng đứng đắn tí nào.” Cô tự nhủ. Rồi cô nhẹ nhàng gọi Gretel lại thì thầm. “Em có thể nhìn xem, có lẽ cha em chỉ đang ngủ thôi.”

Gretel cố gắng bước thật nhanh, nhưng tay chân cô bé vẫn đang bủn rủn. Hilda vội chạy tới để giúp đỡ.

“Chị e là chính em cũng ốm mất rồi.” Cô dịu dàng nói.

“Không đâu, em không ốm đâu, thưa cô, nhưng trái tim em cứ khóc suốt thôi, kể cả khi mắt em khô ráo không khác gì mắt cô. Nhưng, thưa cô, mắt cô không khô ráo! Cô đang khóc cho chúng em đó ư? Ôi, thưa cô, cầu Chúa thấy được cô! Ôi! Em biết cha sẽ khỏe hơn mà.” Rồi sinh vật nhỏ bé ấy, khi vẫn đang cố gắng bước tới để nhìn qua khung cửa sổ nhỏ xíu, hôn lên tay Hilda hết lần này đến lần khác.

Khung cửa kính chấp vá và nứt toác đến thảm thương, một mảnh giấy rách che đi phần dưới của cánh cửa. Gretel dán sát mặt mình vào cửa sổ.

“Em có thấy gì không?” Hilda thì thào.



“Em có thấy gì không?” Hilda thì thào.

“Có ạ... Cha em đang nằm bất động, đầu cha được băng bó, mọi con mắt đều dán chặt lên người cha. Ôi, thưa cô!” Gretel gần như hét lên khi cô

bé giật mình bước ra sau, cùng với một động tác cởi đôi giày gỗ nặng trĩu điều luyện. “Em phải vào trong xem mẹ em thế nào! Cô sẽ đi cùng em chứ?”

“Không phải bây giờ, chuông trường đang reo rồi. Chị sẽ lại ghé thăm sớm thôi. Chào em!”

Gretel khó mà nghe được lời vị tiểu thư. Cô bé chỉ nhớ trong rất nhiều ngày sau đó, một nụ cười rạng rỡ, thương xót nở trên gương mặt của Hilda mỗi khi cô quay đi.

XXXIV

Thức tỉnh

Thêm thân cũng không thể tiến vào căn lều một cách yên lặng hơn thế. Gretel không dám đưa mắt nhìn ai, cô bé chỉ nhẹ nhàng lướt đến bên mẹ mình.

Căn phòng vẫn tĩnh mịch. Cô bé có thể nghe thấy tiếng thở của vị bác sĩ già. Cô bé gần như có thể nghe thấy tiếng đóm lửa rơi xuống lớp tro trong lò sưởi. Bàn tay mẹ lạnh buốt, nhưng má bà bừng lên hồng hào, đôi mắt bà như mắt của một chú nai – sáng, buồn nhưng ánh lên sự chờ mong.

Cuối cùng, người trên giường cũng động dậy, rất khẽ thôi nhưng cũng đủ làm tất cả mọi người trong phòng giật mình. Bác sĩ Boekman nóng lòng rướn người đến.

Thêm một cử động nữa. Đôi bàn tay to lớn, quá trắng và mềm mại so với tay của một người đàn ông nghèo khổ, động dậy và chầm chậm đưa lên trán.

Chúng cảm nhận lớp băng gạc trên đầu, không phải theo cách bất cần, điên loạn mà với vẻ cẩn trọng xem xét, khiến bác sĩ Boekman phải nín thở theo dõi.

“Chậm thôi! Chậm thôi!” Một giọng nói vô cùng xa lạ với Gretel cất lên. “Dịch chuyển tấm thảm đó lên cao hơn nào, các cậu! Giờ ném nó lên lớp đất sét. Nước đang dâng nhanh lắm; không có thời gian mà...”

Bà Brinker vội nhào đến như một con báo trẻ.

Bà chộp lấy đôi bàn tay ấy và rướn người đến, kêu lên: “Raff! Raff, anh, nói gì với em đi!”

“Có phải em đây không, Meitje?” Ông yếu ớt hỏi. “Anh hình như đã thiếp đi vì đau đớn. Hans bé nhỏ đâu rồi?”

“Con đây, thưa cha!” Hans kêu lên, gần như phát điên vì hạnh phúc. Nhưng vị bác sĩ kéo cậu lại.

“Anh ấy nhận ra chúng ta!” Bà Brinker hét to. “Lạy Chúa tuyệt vời! Anh ấy nhận ra chúng ta! Gretel! Gretel à! Lại đây nhìn cha con đi!”

Bác sĩ Boekman yêu cầu “Im lặng!” trong vô vọng và cố gắng đẩy mọi người ra xa giường. Nhưng không thể được.

Hans cùng mẹ cậu cười và khóc với nhau khi cả hai vây quanh người đàn ông vừa thức tỉnh. Gretel không nói gì, nhưng cô bé nhìn họ với ánh nhìn mừng rỡ xúc động. Cha cô bé cất giọng yếu ớt hỏi:

“Đứa bé đang ngủ sao, Meitje?”

“Đứa bé!” Bà Brinker kêu lên. “Ôi, Gretel, cha con đang gọi con đây! Và còn gọi Hans là ‘Hans bé nhỏ’ nữa. Mười năm mê man! Ôi, thưa ngài, ngài đã cứu tất cả chúng tôi. Anh ấy không hề biết gì trong suốt mười năm qua. Các con, sao còn chưa cảm ơn quý ngài đi?”

Người phụ nữ tốt bụng đang vô cùng mừng rỡ. Bác sĩ Boekman không nói gì, nhưng khi ông nhìn bà, ông chỉ lên trên. Bà ngay lập tức hiểu ý. Hans và Gretel cũng vậy.

Họ đồng lòng quỳ xuống bên giường cạnh nhau. Bà Brinker vẫn nắm tay chồng mình trong lúc cầu nguyện. Bác sĩ Boekman cúi đầu, người phụ tá của ông thì đứng xoay lưng về phía họ bên lò sưởi.

“Sao mọi người lại cầu nguyện?” Người cha thì thào, trông vẫn còn yếu ớt khi họ đứng dậy. “Hôm nay là ngày của Chúa sao?”

Hôm ấy không phải ngày Chủ nhật; nhưng vợ ông cúi đầu, bà không thể cất tiếng trả lời.

“Vậy thì chúng ta nên đọc một chương *Kinh thánh*.” Raff Brinker nói một cách chậm rãi và khó khăn. “Anh không biết sao lại vậy nhưng anh thấy yếu, rất yếu. Có lẽ mục sư sẽ vui lòng đọc nó giúp chúng ta.”

Gretel lấy quyển Kinh thánh Hà Lan to từ trên giá treo ra. Bác sĩ Boekman, thay vì ngạc nhiên khi bị nhàn thành mục sư, húng hắng ho và đưa quyển Kinh lại cho phụ tá của mình.

“Đọc đi.” Ông lẩm bẩm. “Những người này cần giữ im lặng, không thì người đàn ông kia sẽ chết mất.”

Khi chương Kinh thánh kết thúc, bà Brinker bí mật ra hiệu cho mọi người rằng chồng bà đã ngủ.

“Giờ hãy nghe này, thưa bà.” Vị bác sĩ nói bằng giọng rất khẽ trong khi đeo đôi bao tay len hở ngón dày cộp vào. “Cần phải giữ yên lặng tuyệt đối. Bà hiểu chứ? Đây đúng là ca bệnh đặc biệt nhất đấy. Tôi sẽ đến xem lại vào ngày mai. Đừng cho bệnh nhân ăn gì trong hôm nay.” Rồi ông vội vàng cúi chào và rời căn lều, với người phụ tá đi theo sau.

Cổ xe của ông cách đó không xa, người đánh xe đã phải dắt những con ngựa chậm rãi đi lại từ đầu đến cuối kênh suốt thời gian vị bác sĩ ở trong căn lều.

Hans cũng chạy vụt ra.

“Cầu Chúa phù hộ ngài, thưa ngài!” Cậu nói, má đỏ bừng và cả người run rẩy. “Cháu không thể báo đáp ngài, nhưng...”

“Có thể chứ.” Vị bác sĩ thô lỗ cắt ngang. “Cậu có thể dùng trí khôn của mình khi bệnh nhân tỉnh lại. Mấy thứ tiếng lạch cạch và khóc lóc có thể giết chết một người đàn ông khỏe mạnh, chứ đừng nói đến người đã bước một chân vào quan tài như thế kia. Nếu cậu muốn cha mình khỏe lên, phải giữ yên lặng.”

Chỉ nói vậy, vị bác sĩ bước vội tới cỗ xe, để lại Hans đứng đó với đôi mắt và cái miệng mở to.

Hôm đó, Hilda bị quở trách nghiêm khắc bởi vào lớp muộn sau giờ giải lao và không hoàn thành bài đọc thuộc lòng.

Cô đã nán lại gần căn lều cho đến tận khi nghe bà Brinker cười, khi nghe Hans nói: “Con ở đây, thưa cha!” Rồi cô mới trở lại lớp học. Không ngạc nhiên khi cô bị lỡ tiết. Làm sao cô có thể học thuộc một chuỗi động từ La tinh khi mà trái tim cô chỉ biết liên tục tự nhủ: “Ôi, mình thật mừng! Mình thật mừng cho họ!”

XXXV

Xương và lưới

Xương cốt là thứ lạ lùng. Người ta cứ tưởng rằng chúng chẳng hề ý thức gì chuyện trường lớp, nhưng có đấy. Kể cả bộ xương của Jacob Poot, vốn chôn sâu bên trong lớp thịt dày, cũng trở nên sắc nhọn mỗi khi đến giờ học.

Sáng sớm hôm đầu tiên trở lại, khắp từ đầu đến chân bọn trẻ đều đau nhức, Jacob cảm thấy cơ thể đau nhói mỗi khi tiếng chuông trường cất lên, như thể nó muốn nói: “Dừng cái thứ tiếng đó lại đi! Đó là cái thứ gây rắc rối đấy.” Trái lại, sau giờ học, chúng trở nên im lặng và hiền hòa; thực ra, có vẻ như chúng đang say ngủ giữa những tấm đệm.

Bộ xương của các cậu bé khác cũng vậy, nhưng không đến mức như Jacob. Chúng được tiếp xúc với ánh mặt trời nhiều hơn xương của Jacob, chắc có thể chúng sẽ nhận biết thế giới được nhiều hơn chẳng. Đặc biệt là xương của cậu Ludwig, chúng đúng là một kì quan, chỉ tội nằm quá sát với lớp da; chúng là bộ xương hiểu biết nhất mà người ta có thể từng nghe tới. Chỉ cần đặt thật nhẹ nhàng một cuốn sách ngữ pháp với những bài học dài được đánh dấu trong đó ra trước cậu, ngay lập tức mấy cái xương lấu cá nằm sau mắt cậu sẽ nhức nhối. Yêu cầu cậu lên căn gác mái để lấy lò sưởi chân, ngay lập tức mấy cái xương sẽ nhắc nhở cậu rằng cậu đang “quá mệt mỏi”. Bảo cậu tới quán bánh kẹo, chỉ cách đó có một dặm, và BÙM! Không một cái xương nào sẽ nhớ rằng nó từng có thời gian hoạt động.

Nói là nói vậy thôi, chứ bạn sẽ không thể nghi ngờ khi tôi nói rằng năm cậu bé ấy nằm trong số những học sinh hạnh phúc hơn cả hạnh phúc khi ủa ra con kênh từ lớp học ngày hôm ấy.

Peter có tâm trạng vô cùng hứng khởi. Cậu nghe từ Hilda về tiếng cười của bà Brinker và về những lời hân hoan của Hans, cậu không cần bằng chứng nào hơn để tin chắc rằng Raff Brinker đã được chữa lành. Thật ra, tin tức này đã lan ra khắp mọi hướng, suốt nhiều dặm xung quanh. Người ta vốn chưa từng quan tâm đến nhà Brinker hay thậm chí là nhắc đến họ, kể

cả có nhắc đến thì cũng là với cái cười mỉa khinh miệt hoặc cái nhún vai giả vờ thương xót, nhưng giờ thì ai cũng biết rõ đầu đuôi câu chuyện về họ. Những lời đồn thổi nức cười cũng từ đó mà bay đi khắp nơi, không thể dừng lại.

Hilda, vốn vô cùng phấn khởi trước sự việc, đã dừng lại để trao đổi vài lời với người đánh xe của bác sĩ khi ông đang đứng bên cạnh mấy con ngựa, dấm ngực thùm thụp và xoa tay liên tục. Trái tim nhân hậu của cô cảm thấy xúc động. Cô không thể ngăn mình dừng lại để nói với người đàn ông lạnh lẽo, mệt mỏi kia, rằng cô cho là bác sĩ sắp ra rồi; cô thậm chí còn hàm ý rằng cô dự đoán, chỉ là dự đoán mà thôi, rằng một ca chữa lành tuyệt vời đã được thực hiện, rằng gã ngốc đã lấy lại được ý thức. Không, thực ra là cô chắc chắn về điếu này, bởi cô đã nghe qua cửa sổ tiếng cười của người vợ góa, không, không phải vợ góa, chỉ là người vợ mà thôi, bởi người đàn ông ấy vẫn còn sống, và theo như cô biết, đã ngẩng dậy và nói chuyện không khác nào một luật sư.

Làm như thế này là rất bất cần. Hilda biết thế nhưng cô không hề hối hận về hành động của mình.

Dù sao đi nữa, thông báo tin mừng hay tin đáng kinh ngạc đầu luôn mang đến niềm vui.

Cô trượt dài trên kênh, kiên định sẽ lặp lại lỗi lầm của mình, liên tục và liên tục, để kể với gần hết mọi cô bé cậu bé ở trường.

Đúng lúc ấy, Janzoon Kolp trượt ngang qua. Tất nhiên, chỉ trong vòng hai giây, cậu ta đã giở thái độ láu cá và hét lên những điếu hỗn hào về phía người đánh xe, ông chỉ nhìn cậu với vẻ coi thường đầy lười nhác.

Điếu này cũng như một lời mời gọi tới gần đối với Janzoon. Người đánh xe giờ đang ở trên xe, thu dọn đồng dây cương và lẩn bần với mấy con ngựa.

Janzoon hỏi ông.

“Nghe tôi hỏi này. Có gì đang diễn ra trong căn lều của gã ngốc thế? Ông chủ của ông đang ở trong đó à?”

Người đánh xe gạt đầu với vẻ bí ẩn.

“Huýt!” Janzoon huýt sáo và lại gần hơn. “Lão Brinker chết rồi à?”

Người đánh xe ra vẻ nghiêm trang và đáp lại bằng sự im lặng.

“Nghe này, cái gỏi cầm kim già cả kia, tôi sẽ chạy về nhà ở đằng kia và lấy cho ông một khoanh bánh gừng nếu ông mở miệng trả lời.”

Cái gỏi cầm kim già cả cũng là một con người, nhiều giờ liền chờ đợi khiến ông đói cồn cào. Trước lời mời chào của Janzoon, mặt ông bộc lộ ý nhượng bộ.

“Phải rồi, ông già ạ.” Kể dụ dỗ tiếp tục nói. “Nhanh lên nào! Có tin gì? Lão Brinker chết rồi à?”

“Không, được chữa rồi! Ông ta lấy lại ý thức rồi.” Người đánh xe đáp, bật ra từng ấy lời cùng một lúc như những viên đạn.

Chúng bắn (cách nói hoa mỹ) vào Janzoon Kolp. Cậu ta nhảy giật lên như thể vừa bị ăn đạn.

“Lay chúa tôi! Không phải chứ!”

Người đàn ông bặm môi và nhìn đầy vẻ trông đợi về phía căn nhà tồi tàn của cậu Kolp.

Đúng lúc ấy, Janzoon thấy một nhóm các cậu bé từ đằng xa. Sau khi hét gọi chúng om sòm, như cách mà các cậu cùng hạng người như cậu ta làm trên khắp thế giới, cho dù là ở châu Phi, Nhật Bản, Amsterdam hay Paris đi nữa, cậu ta trượt nhanh về phía họ, bỏ quên người đánh xe, món bánh gừng và mọi thứ trừ tin tức tuyệt vời kia.

Thế nên, đến khi mặt trời lặn, cả vùng nông thôn xung quanh đã biết rằng bác sĩ Boekman, khi vô tình dừng lại ở căn lều, đã cho gã ngốc Brinker một đồng thuốc có màu nâu như màu bánh gừng. Phải có đến sáu người đàn ông ghì chặt ông ta xuống mới có thể ép ông ta uống thuốc. Gã ngốc ấy ngay lập tức vùng đứng lên, với tất cả sức mạnh vừa có được, quật ngã vị bác sĩ hoặc đánh đập ông ấy (người ta có thừa nhận là không chắc chắn lắm về việc tên ngốc đó đã làm gì trong hai việc này), rồi ngã xuống và nói chuyện với vị bác sĩ chẳng khác nào một luật sư. Sau đó, ông ta quay sang dịu dàng trò chuyện với vợ và con mình. Bà Brinker đã cười như phát điên. Hans thì nói: “Con ở đây, thưa cha, người con trai yêu quý của cha đây!” Còn Gretel đã nói: “Con ở đây, thưa cha, Gretel cha thương đây!” Còn vị bác sĩ, sau đó, được trông thấy khi đang dựa vào cổ xe của mình với bộ mặt trắng bệch như bộ xương.

XXXVI

Cảnh báo mới

Khi bác sĩ Boekman ghé thăm căn lều vào ngày hôm sau, ông không thể không nhận thấy bầu không khí tươi tắn, thoải mái hơn ở đây. Một luồng hơi hạnh phúc phả vào người ông ngay lúc ông mở cánh cửa. Bà Brinker đang ngồi đan bên giường với vẻ mãn nguyện, chồng bà vẫn đang chìm trong giấc ngủ yên bình, còn Gretel im lặng nhào bột làm bánh mì lúa mạch trên cái bàn ở góc nhà.

Vị bác sĩ không nán lại lâu. Ông hỏi vài câu đơn giản, tỏ vẻ hài lòng với câu trả lời, rồi sau khi bắt mạch cho bệnh nhân, ông nói: “A, vẫn còn yếu lắm, thưa bà. Rất yếu thì đúng hơn. Chồng bà hẳn là bị thiếu dinh dưỡng. Bà có thể bắt đầu cho ông ấy ăn. E hèm! Không được ăn nhiều quá, nhưng hãy cho ông ấy ăn đồ ngon và giàu dinh dưỡng.”

“Chúng tôi có bánh mì đen, thưa ngài, cùng với cháo.” Bà Brinker phấn khởi đáp. “Đó là những món chồng tôi ưa thích.”

“Không, không!” Vị bác sĩ cau mày đáp. “Không phải những thứ đó. Ông ấy cần được ăn thịt tươi, bánh mì trắng được sấy khô và nướng kĩ, rượu Malaga chất lượng và... E hèm! Ông ấy có vẻ lạnh đấy. Cho ông ấy thêm chăn đi, thứ gì nhẹ mà ấm ấy. Cậu bé đâu rồi?”

“Thưa ngài, Hans đã tới Broek tìm việc rồi. Thằng bé sẽ về sớm thôi. Mời ngài ngồi.”

Có thể là bởi chiếc ghế đầu cứng ngắc sáng bóng mà bà Brinker đề nghị trông không hấp dẫn, cũng có thể là bởi bà làm ông hoảng sợ, một phần vì bà là phụ nữ, và một phần vì vẻ lo âu, buồn bã chợt thoáng qua trên mặt bà, ta không rõ nữa. Chỉ biết rằng vị bác sĩ lập dị của chúng ta có vẻ rất vội vàng, lăm lăm thứ gì đó về “ca bệnh thần kì”, rồi cúi chào và biến mất trước khi bà Brinker kịp nói thêm gì khác.

Thật là lạ rằng chuyến ghé thăm của vị ân nhân tốt bụng của gia đình lại mang đến một đám mây u ám. Gretel cau mày với vẻ non nớt đầy lo âu, rồi

tiếp tục nhào bột bánh mì thật mạnh mà không ngược lên nữa. Bà Brinker bước nhanh tới bên giường chồng mình, cúi người bên ông, rồi khóc trong im lặng như đau đớn.

Một lát sau, Hans trở về nhà.

“Sao vậy, mẹ?” Cậu thì thầm với vẻ hốt hoảng. “Đi đâu làm mẹ phẫn lòng vậy? Bệnh của cha nặng hơn sao?”

Bà run rẩy quay sang đối diện cậu, không hề che giấu sự tuyệt vọng của mình.

“Đúng thế. Cha con đang đói, đang chết dần. Quý ngài nói vậy.”

Hans tái mặt.

“Thế là sao, thưa mẹ? Chúng ta phải cho cha ăn ngay. Nào, Gretel, đem cho anh bát cháo.”

“Không!” Mẹ cậu mơ hồ thốt lên mà không chuyển tông giọng. “Nó sẽ giết cha con mất. Thứ đồ ăn nghèo nàn của nhà ta quá khó tiêu hóa với ông ấy. Ôi, Hans, ông ấy sẽ chết mất, cha con sẽ chết, nếu chúng ta cứ để ông ấy như thế này. Ông ấy cần có thịt, rượu ngọt và chăn ấm. Ôi, mẹ cần làm gì đây, mẹ phải làm gì đây?” Bà nức nở và vắn vẹo đôi tay mình. “Nhà chúng ta không còn một đồng stiver nào cả.”

Gretel trề môi. Đây là cách duy nhất để cô bé thể hiện lòng thương cảm vào lúc này. Nước mắt cô bé chảy từng giọt xuống lớp bột nhào.

“Quý ngài đã nói cha phải có những thứ đó ạ?” Hans hỏi.

“Phải.”

“Vậy thì, xin mẹ đừng khóc, CHA SẼ CÓ CHÚNG. Con sẽ mang thịt và rượu về trước khi đêm xuống. Hãy lấy chăn từ giường con. Con có thể ngủ trong ổ rơm.”

“Ừ, Hans ạ, nhưng nó quá nhỏ và nặng nề. Quý ngài nói chúng ta cần đắp cho ông ấy tấm chăn nhẹ mà ấm áp. Ông ấy sẽ chết mất. Than bùn của chúng ta đang cạn dần, Hans ạ. Cha con đã lãng phí chúng, ném chúng vào lửa khi mẹ không để ý, người đàn ông tội nghiệp.”

“Không sao đâu, mẹ ạ.” Hans tươi tỉnh thì thầm. “Chúng ta có thể chặt cây liễu và đốt chúng nếu cần, nhưng tối nay con sẽ mang về vài thứ. Mặc dù ở Broek chẳng có gì hết nhưng ở Amsterdam chắc chắn có việc làm.

Đừng sợ, mẹ ạ, khó khăn đến mấy cũng sẽ qua thôi. Chúng ta có thể đạt được mọi thứ bởi giờ cha đã trở lại là chính mình.”

“Phải!” Bà Brinker sụt sùi, nhanh chóng lau đi nước mắt. “Đó là sự thực.”

“Tất nhiên rồi ạ. Mẹ nhìn xem, cha ngủ mới thật yên bình làm sao! Mẹ nghĩ Chúa sẽ để cha chết đói khi chỉ vừa mới đưa cha trở về với chúng ta sao? Mẹ ạ, con chắc chắn sẽ đem về những thứ cha cần như thể túi con chứa đầy đồng vàng vậy. Thế nên mẹ đừng lo lắng.” Rồi Hans vội vàng hôn bà, cẩn thận trượt lên và trượt đi khỏi căn lều.

Tội nghiệp Hans! Thất vọng với công việc ban sáng, gần như muốn phát ốm với rắc rối mới này, cậu cố gắng tỏ vẻ can đảm và huyết sáo khi đi thẳng một mạch với quyết tâm giải quyết mọi vấn đề.

Sự túng thiếu chưa bao giờ trở nên áp lực thế này với gia đình Brinker. Than bùn dự trữ của họ gần như cạn kiệt, tất cả bột mì trong nhà đều đã thành bột nhào của Gretel. Họ đã không thiết gì việc ăn uống trong những ngày vừa qua, cũng không hề nhận ra hoàn cảnh hiện tại họ đang lâm vào. Bà Brinker đã chắc chắn rằng bà cùng hai đứa trẻ sẽ kiếm được tiền trước khi chuyện xấu nhất ập đến, nên bà đã bỏ quên tất cả sau niềm vui về sự hồi phục của chồng mình. Bà thậm chí còn không nói với Hans rằng vài đồng bạc trong cái găng tay cũ cũng đã biến mất.

Hans tự trách bản thân rằng cậu đã không gọi vị bác sĩ lại khi thấy ông lên xe và đi thật nhanh về phía Amsterdam.

Có lẽ có nhàn lẫn gì đó, cậu nghĩ. Quý ngài hẳn biết rằng nhà ta nào có thịt và rượu ngọt; nhưng cha trông thật sự yếu, đúng là vậy. Mình phải làm việc. Nếu ngài van Holp đã trở về từ Rotterdam, mình sẽ có nhiều việc để làm. Nhưng cậu Peter bảo mình cho cậu ấy biết nếu cậu có thể giúp gì. Mình phải tới gặp cậu ấy ngay. Ôi, ước gì bây giờ là mùa hè!

Suốt lúc ấy, Hans cố gắng chạy thật nhanh đến con kênh. Cậu nhanh chóng đi đôi lười trượt vào và trượt vội vàng đến nhà của ngài van Holp.

“Cha cần có thịt và rượu ngay.” Cậu lầm bầm. “Nhưng làm sao mình có thể kiếm ra tiền kịp để mua cho cha? Không còn cách nào khác ngoài việc, như mình đã hứa, đến gặp cậu Peter. Cậu ấy sẽ nghĩ gì khi mình xin một chút thịt và rượu? Khi cha đã được ăn no, mình có thể xuống Amsterdam và kiếm tiền cho ngày mai.”

Rồi những suy nghĩ khác ập tới, chúng làm trái tim cậu đập thành thịch nặng nề và đôi má cậu đỏ bừng trong xấu hổ. Đây là ĂN XIN, ít nhất là như thế. Không ai trong nhà Brinker là kẻ ăn xin cả. Mình sẽ trở thành người đầu tiên sao? Người cha tội nghiệp vừa sống lại của mình có nên biết rằng gia đình của ông đã cầu xin lòng thương hại hay không, khi mà ông đã luôn là một người khôn ngoan và tiết kiệm như vậy? “Không.” Hans nói to. “Thà bán cái đồng hồ đó đi còn tốt hơn cả ngàn lần.”

Chí ít mình có thể dùng nó để vay tiền ở Amsterdam! Cậu nghĩ rồi quay trở lại. Điều đó sẽ không phải sự sỉ nhục nữa. Mình có thể tìm việc ngay lập tức và mua lại nó. Không, thậm chí mình có thể nói với cha về điều này nữa!

Suy nghĩ cuối cùng này khiến cậu nhảy lên trong vui sướng. Tại sao lại không nói chuyện với cha chứ? Giờ cha đã là một người có suy nghĩ rồi. Cha có thể tỉnh lại, Hans nghĩ, khi đã tươi tắn và khỏe mạnh hơn, rồi cha sẽ bảo chúng ta rằng chiếc đồng hồ không quan trọng, rằng hãy bán nó đi! Thế là Hans gần như bay lên trên mặt băng.

Một lát sau, đôi lưỡi trượt lại xoay tròn trên tay Hans. Cậu chạy vội về phía căn lầu.

Mẹ cậu đón cậu ở cửa.

“Ôi, Hans!” Bà reo lên, mặt bà rạng ngời với niềm vui. “Quý cô trẻ tuổi đã đến đây cùng với người hầu. Cô ấy đã mang đến mọi thứ – thịt, thạch, rượu và bánh mì – cả một túi đầy! Rồi quý ngài cũng gửi một người đàn ông từ thị trấn mang thêm rượu, một chiếc giường êm và chăn ấm cho cha con. Ôi! Ông ấy sẽ khỏe lại thôi! Chúa phù hộ cho họ!”

“Chúa phù hộ họ!” Hans nhắc lại theo bà, và lần đầu tiên trong ngày hôm đó, mắt cậu dâng đầy nước mắt.

XXXVII

Sự trở lại của người cha

Tôm đó, Raff Brinker đã cảm thấy khỏe hơn đủ để khẳng khẳng muốn ng ồi dậy trên chiếc ghế g ồ ghề có tựa cao bên lò sưởi. Căn nhà trở nên ồn ào mất một lúc. Hans trở nên vô cùng quan trọng trong dịp này bởi cha cậu là một người đàn ông nặng nề và cần thứ gì chắc chắn để vịn vào. Người vợ, tuy không phải là một quý cô mềm yếu, vừa sợ sệt lại vừa hứng khởi trước hành động liêu lĩnh của họ khi đỡ ch ồng dậy mà chưa được quý ngài cho phép, đi đầu đó khiến bà gần như kéo ch ồng lại, mặc dù bà vẫn tin tưởng mình chính là chỗ vịn chính và vững chắc nhất của ông.

“Chậm thôi, mình à, chậm thôi.” Raff thở phò phò. “Anh đã trở nên già cả và yếu ớt, hay là do cơn sốt đã khiến anh vô dụng thế này?”

“Nghe ông ấy nói xem!” Bà Brinker bật cười. “Ăn nói như người theo đạo Thiên Chúa vậy! Sao thế, anh chỉ yếu vì cơn sốt thôi, Raff ạ. Cái ghế đây r ồi, nó đã được chỉnh lại cho ấm áp và thoải mái. Giờ thì ng ồi xuống, đó, đó, đó, được r ồi!”

Với những lời ấy, bà Brinker đặt một nửa gánh nặng từ từ ng ồi xuống chiếc ghế. Hans cũng làm theo một cách thận trọng.

Trong khi ấy, Gretel chạy loanh quanh trong nhà, mang đến tất cả những thứ mà mẹ có thể dùng để lót sau lưng người cha và đắp lên đầu gối ông. R ồi cô bé đặt một chiếc ghế đẹo xương dưới chân cha, trong khi Hans thối cho lửa cháy bùng lên.

Cuối cùng thì người cha cũng được đặt ng ồi dậy. Ông kinh ngạc ngấm nghĩa khắp xung quanh mình. “Hans bé nhỏ” vừa mới gần như công ông ra đây. “Đứa bé” giờ đã cao hơn một mét hai và đang âm thầm quét dọn lò sưởi với một mớ bụi nhùi lá liễu. Meitje, vợ ông, vẫn xinh đẹp và hấp dẫn như ngày nào, đã tăng thêm ít nhất hơn hai mươi cân chỉ trong vài giờ đối với ông. Trên gương mặt bà xuất hiện vài nếp nhăn khiến ông băn khoăn. Những đi đầu quen thuộc duy nhất trong căn phòng là chiếc bàn bằng gỗ

thông mà ông đã làm trước khi cưới, cuốn Kinh thánh trên giá cùng cái tủ ly ở góc nhà.

A! Raff Brinker, cũng tự nhiên thôi khi mắt ông đọng đầy nước mắt nóng hổi dù đang nhìn những gương mặt rạng rỡ của người ông thương. Mất đi mười năm của cuộc đời không phải là mất mát nhỏ nhoi; ấy là mười năm cuộc sống của một người đàn ông, của mái ấm gia đình hạnh phúc và tình thương, của lao động trung thực, của niềm vui khi nhận biết được ánh nắng và vẻ đẹp thiên nhiên, của một cuộc sống biết ơn – một ngày mong chờ tất cả những gì trước mắt; để rồi ngày hôm sau tỉnh dậy thì nhận ra tất cả đã qua đi và trắng xóa. Không có gì phải ngạc nhiên về những giọt nước mắt đang lăn dài trên má ông!

Ôi Gretel nhỏ bé dịu dàng! Lời cầu nguyện của cô bé được trả lời qua những giọt nước mắt kia. Cô bé yêu cha mình thẫn lạng ngay lúc đó. Hans cùng người mẹ lặng lẽ nhìn nhau khi họ thấy cô bé chạy đến và quàng hai cánh tay quanh cổ cha.

“Cha ơi, cha thân yêu ơi.” Cô bé thì thầm, áp má mình vào má cha. “Cha đừng khóc. Chúng con ở đây cả rồi.”

“Chúa phù hộ con.” Raff nức nở, hôn cô bé hết lần này đến lần khác. “Cha đã quên mất đi đâu đó!”

Rồi ông ngược lên và hạnh phúc nói: “Anh lẽ ra nên nhận ra con bé, mình à.” Ông nói, ôm lấy khuôn mặt trẻ con ngọt ngào trước mặt mình trong hai bàn tay và nhìn cô bé như thể cô bé đang tỏa sáng. “Anh biết con bé. Đôi mắt xanh biếc cùng đôi môi vẫn như vậy, và a, bài ca ngắn mà con bé có thể ngâm nga gần như trước khi biết đứng. Nhưng đã lâu quá rồi.” Ông nói thêm với một tiếng thở dài, vẫn nhìn con mình với vẻ mơ màng. “Thật lâu về trước rồi, tất cả giờ đã bị quên lãng.”

“Không đâu, không hề” Bà Brinker vội nói. “Anh nghĩ em sẽ để con bé quên bài ca đó sao? Gretel, con ơi, hãy hát lại bài ca cổ mà con đã biết từ rất lâu đó đi!”

Bàn tay của Raff Brinker mệt mỏi rơi xuống, đôi mắt ông nhắm nghiền lại, nhưng người ta vẫn có thể thấy nụ cười của ông khi giọng Gretel cất lên bay bổng quanh ông như hương trầm.

Tất cả chỉ là giai điệu đơn giản, cô bé vẫn chưa biết hết tất cả các từ trong bài.

Với tâm hồn của một đứa trẻ đầy tình thương, cô bé mềm mại lướt qua mọi nốt nhạc, cho đến khi Raff gần như tưởng rằng ông đã thấy đứa trẻ mới hai tuổi bên cạnh mình lần nữa.

Khi ca khúc kết thúc, Hans đứng lên chiếc ghế đầu gỗ và bắt đầu lục lợi chạn ly.

“Cẩn thận đấy Hans.” Bà Brinker nói, sự nghèo khó đã rèn giũa bà trở thành một người phụ nữ ngăn nắp. “Cẩn thận, rượu ở ngay bên phải con và bánh mì trắng ở ngay trên nó.”

“Mẹ đừng lo.” Hans đáp và lục vào sâu hơn trong giá phía trên. “Con không gây đổ vỡ gì đâu.”

Khi nhảy xuống, cậu bước đến bên cha mình và đặt một khối gỗ thông thon dài vào tay ông. Một đầu của nó được bào tròn, cùng vài vết cắt sâu ở phía trên.

“Cha còn nhớ đây là gì không, cha?” Hans hỏi.

Gương mặt Raff Brinker sáng bừng lên. “Tất nhiên rồi, con trai! Đây là chiếc thuyền buồm mà cha đang làm cho con ngày hôm qua... à không, không phải hôm qua, mà là nhiều năm trước rồi.”

“Con đã giữ nó từ đó, cha ạ. Nó có thể được hoàn thành khi tay cha khỏe lại.”

“Đúng vậy, nhưng giờ không phải làm nó cho con nữa, anh bạn ạ. Cha phải đợi trao nó cho cháu mình. Con đã gần như là một người đàn ông trưởng thành rồi. Con đã giúp mẹ con từng ấy năm qua sao?”

“Đúng vậy, thằng bé rất kiên cường.” Bà Brinker nói.

“Để cha xem.” Người cha lẩm bẫm và bối rối nhìn họ một lượt. “Từ cái đêm mà nước dâng đến nay, đã là bao lâu rồi? Đó là lần cuối mà cha có thể nhớ được.”

“Mẹ con em đã nói sự thật, Raff ạ. Đã mười năm qua đi từ tuần Pinxter rồi.”

“Mười năm... và anh bị ngã? Anh bị sốt từ đó sao?”

Bà Brinker không biết phải trả lời thế nào. Có nên kể hết tất cả không? Kể rằng ông đã từng là một kẻ ngốc, thậm chí gần như một kẻ điên cuồng? Vị bác sĩ đã bảo bà không được làm bệnh nhân phẫn khích hay lo lắng.

Hans và Gretel sống người.

“Thế là đủ rồi, Raff ạ.” Bà nói, gật đầu và nhướn đôi lông mày. “Khi một người đàn ông nặng cân như anh ngã đập đầu xuống đất, khó mà nói về hậu quả lắm... Nhưng giờ anh đã khỏe rồi, Raff. Cảm ơn Chúa Trời tốt lành!”

Người đàn ông vừa thức tỉnh cúi đầu xuống.

“Phải, tốt rồi, mình ạ.” Ông nói sau một lúc im lặng. “Nhưng đầu anh quay cuồng như thể bánh xe đang lăn vậy. Nó sẽ không được ổn cho đến khi anh lên đèn lần nữa. Em nghĩ bao giờ anh có thể đi làm lại được?”

“Nghe ông ấy nói kìa!” Bà Brinker kêu lên, nửa vui vẻ nửa sợ hãi. “Chúng ta phải đưa ông ấy trở về giường, Hans ạ. Hắn là đi làm cơ đấy!”

Họ cố gắng đỡ ông dậy khỏi ghế, nhưng ông vẫn chưa sẵn sàng.

“Chậm chậm đã nào!” Ông nói với một nụ cười hết như xưa (Gretel chưa thấy nụ cười này bao giờ). “Một người đàn ông liệu có muốn bị nhấc lên như khúc gỗ không? Anh đảm bảo chưa đến ba ngày anh sẽ có thể ra đèn lần nữa. A! Sẽ có những anh bạn cao lớn đón anh. Jan Kamphuisen và Hoogsvliet trẻ. Họ đã luôn là những người bạn tốt của cha, Hans ạ, cha đảm bảo là vậy.”

Hans nhìn mẹ. Hoogsvliet trẻ đã mất năm năm trước. Jan Kamphuisen thì đang ngủ tù ở Amsterdam.

“Phải rồi, họ đã làm việc rất chăm chỉ.” Bà Brinker nói, tránh né câu hỏi. “Nhưng Hans vẫn luôn bận rộn với học tập và làm việc nên khó mà đi gặp bạn bè được.”

“Học tập và làm việc.” Raff nhắc lại với giọng thích thú. “Mấy đứa nhà mình có thể đọc và tính toán sao, Meitje?”

“Anh nên nghe chúng nói!” Bà tự hào đáp. “Chúng có thể đọc hết một cuốn sách khi em quét nhà. Hans hạnh phúc khi đọc một trang sách toàn những từ khó nhằn chẳng khác gì một con thỏ lạc vào vườn bắp cải cả; còn về tính toán...”

“Nào, anh bạn, giúp cha một chút.” Raff Brinker cắt ngang. “Cha cần về giường.”

XXXVIII

Một ngàn đồng guilder

Không ai chứng kiến bữa tối ít ỏi ở căn lầu nhà Brinker tối hôm đó có thể tưởng tượng được ngay bên cạnh cái bàn ấy là cả một bữa tiệc thịnh soạn. Hans và Gretel hướng ánh nhìn mong mỏi về phía cái tủ ly trong khi uống một cốc nước và ăn phần bánh mì đen ít ỏi; nhưng kể cả trong suy nghĩ chúng cũng sẽ không ăn trộm của cha mình.

“Cha các con ăn bữa tối ngon miệng lắm.” Bà Brinker nói và gật đầu về phía chiếc giường, “Rồi ông ấy ngủ luôn. A, người đàn ông đáng yêu ấy vẫn sẽ còn yêu trong nhiều ngày nữa. Ông ấy mong mỗi được ngủ lần nữa, nhưng trong khi mẹ giả vờ trêu chọc và chuẩn bị thì ông ấy đã ngủ mất rồi. Nhớ này, con gái, khi nào con lấy chồng (có lẽ còn lâu nữa mới đến ngày ấy), hãy nhớ rằng con không bao giờ có thể làm chủ gia đình bằng cách cãi cọ; “Người vợ tử tôn mới là sếp của chồng”. Nào! Nào! Đừng nuốt một miếng đũa như thế lần nữa, con gái. Mẹ có thể làm ra cả một bữa ăn từ hai miếng bánh mì đó đấy. Con sao thế, Hans? Người ta sẽ tưởng có mạng nhện trên tường nhà ta đấy.”

“Ồ, không đâu mẹ, con chỉ đang nghĩ...”

“Nghĩ gì cơ? À, mình hỏi làm gì cơ chứ.” Bà đổi giọng. “Mẹ cũng đang nghĩ vậy một lúc trước. Chà, không có gì là sai trái khi chúng ta mong đợi được nghe ngóng về số tiền một ngàn đồng guilder nhưng không một lời nào, không, rõ ràng là ông ấy không biết chút nào về chúng.”

Hans ngược lên với vẻ bồn chồn, sợ rằng mẹ mình sẽ lại hoảng loạn như bà hay bị mỗi lần nhắc đến số tiền bị mất, nhưng bà chỉ đang yên lặng gặm từng miếng bánh mì nhỏ và ngó đôi mắt buồn bã ra ngoài cửa sổ.

“Một ngàn đồng guilder.” Một giọng nói yếu ớt vang lên từ giường. “A, anh chắc chắn chúng hữu ích cho em lắm, mình à, trong từng ấy năm anh nằm đây.”

Người phụ nữ khốn khổ giật mình. Lời nói ấy gần như đã phá hủy toàn bộ hy vọng đang nhen nhóm trong lòng bà.

“Anh dậy rồi đó sao, Raff?” Bà ngập ngừng.

“Ừ, Meitje ạ, anh thấy khá hơn nhiều rồi. Chúng ta đã tiết kiệm được khá nhiều đấy, mình ạ. Sau mười năm nó có còn không?”

“Em... em... em không giữ nó nữa, Raff, em...” Bà đang định nói hết sự thật ra thì Hans đưa tay lên tỏ ý ngừng lại và thì thầm. “Hãy nhớ lời quý ngài đã dặn dò chúng ta. Không được làm cha lo lắng.”

“Con hãy nói với cha con đi.” Bà run rẩy đáp.

Hans nhanh chóng bước tới bên giường.

“Con mừng là cha đã thấy khỏe hơn.” Cậu nói và cúi người xuống với cha. Rồi sẽ đến ngày cha hoàn toàn khỏe mạnh thôi.”

“Phải rồi, đúng vậy đấy. Số tiền đó đã dùng được trong bao lâu hả Hans? Cha không nghe rõ lời mẹ con lắm. Bà ấy nói gì vậy?”

“Em bảo là.” Bà Brinker tuyệt vọng lấp bắp. “Số tiền đó đã hết rồi.”

“Nào, nào, mình à, đừng hoảng lên như thế; một ngàn đồng guilden không phải là quá nhiều để nuôi nấng hai đứa trẻ và sống trong mười năm... nhưng nó cũng đã giúp em và con sống thoải mái. Mọi người có bị ốm bệnh nhiều không?”

“Không, không.” Bà Brinker nức nở, đưa tạp dề lên chấm nước mắt.

“Nào, nào, mình à, sao em lại khóc?” Raff dịu dàng hỏi. “Chúng ta sẽ sớm lấp đầy cái túi ấy một khi anh đứng dậy được. Thật may là anh đã nói hết với em trước khi bị ngã.”

“Nói em nghe gì cơ?”

“Sao, là anh đã chôn số tiền đó. Nhưng trong giấc mơ vừa rồi, có vẻ như anh chưa từng nói gì về điều đó vậy.”

Bà Brinker vội nhào tới. Hans giữ tay bà lại.

“Yên lặng nào mẹ.” Cậu thì thầm, nhanh chóng dẫn bà tránh sang bên. “Chúng ta cần phải cực kì thận trọng.” Rồi, khi bà đứng đó với đôi bàn tay đan chặt lại với nỗi lo âu nghẹt thở, cậu tới bên giường lần nữa. Run rẩy với sự mong chờ, cậu hỏi: “Đó quả là một giấc mơ rắc rối. Cha còn nhớ cha chôn tiền khi nào không ạ?”

“Có chứ, cậu bé. Ấy là ngay trước khi trời sáng cái ngày mà ta bị thương. Jan Kamphuisen đã nói gì đó vào hoàng hôn hôm trước khiến ta nghi ngờ lòng trung thực của cậu ấy. Cậu ấy là người duy nhất ngoài mẹ con biết về số tiền một ngàn đồng guilden chúng ta đã tiết kiệm được, thế nên đêm đó, ta bật dậy để chôn số tiền; ta đúng là một tên đầu đất mới đi nghi ngờ một người bạn lâu năm như thế!”

“Con chắc chắn một điếu, cha à.” Hans nói tiếp với một tiếng cười, ra hiệu cho mẹ và Gretel tiếp tục giữ im lặng. “Là cha đã quên nơi mình chôn số tiền đó mất rồi.”

“Ha! Ha! Không đâu. Nhưng con ạ, chúc con ngủ ngon, cha cần phải ngủ tiếp.”

Hans có lẽ đã lùi lại, nhưng mẹ cậu ra hiệu cho cậu tiếp tục. Vậy nên cậu nhẹ nhàng nói: “Chúc cha ngủ ngon. Cha nói rằng cha chôn số tiền đó ở đâu vậy nhỉ? Hử đó con còn nhỏ quá.”

“Gần gốc cây liễu non đằng sau căn lều.” Raff Brinker đáp với vẻ ngái ngủ.

“A, đúng vậy. Phía bắc của cái cây, cha nhỉ?”

“Không, là phía nam. A, con biết thừa chỗ cha chôn nó rồi, nhãi con láu cá ạ. Như là con đã ở đó khi mẹ con đào số tiền ấy lên. Giờ thì, con trai, nhẹ nhàng nhé. Chỉnh lại giúp cha cái gối. Chúc con ngủ ngon.”

“Chúc cha ngủ ngon!” Hans nói, cậu muốn nhảy lên vì hạnh phúc.

Tối hôm đó trăng lên rất muộn, ánh trăng sáng rõ chiếu qua ô cửa sổ nhỏ, nhưng tia sáng ấy không ảnh hưởng gì đến Raff Brinker. Ông ngủ rất ngon lành, Gretel cũng vậy. Còn Hans và mẹ cậu có công chuyện cần phải làm.

Sau khi vội vàng chuẩn bị, họ nhẹ nhàng ra khỏi nhà với gương mặt sáng bừng sự mong chờ, mang theo một cái thùng nứt cùng dụng cụ hàn gỉ, đã lâu lắm không được dùng từ khi Raff còn là một người công nhân khỏe khoắn.

Bên ngoài trời sáng đến độ họ có thể thấy cây liễu rõ ràng. Mặt đất đóng băng cứng chẳng khác nào đá, nhưng Hans và mẹ cậu vô cùng quyết tâm. Nỗi sợ duy nhất của họ là đánh thức những người đang ngủ trong căn lều.

“Cái máy phá băng này hoạt động tốt mẹ ạ.” Hans nói khi tiếp tục những đường phá mạnh mẽ. “Nhưng mặt băng quá cứng nên sẽ mất nhiều công sức lắm đây.”

“Đừng lo, Hans.” Bà đáp và quan sát cậu đầy mong chờ. “Đây, để mẹ thử xem nào.”

Họ sớm tạo được thành quả bước đầu. Chỉ cần có một kẻ hở, tất cả quy trình đằng sau đều không mấy khó khăn.

Họ tiếp tục đào xới, thay phiên và hào hứng thì thầm với nhau. Thi thoảng, bà Brinker lại rón rén bước tới bên cửa để lắng nghe, đảm bảo rằng chồng bà vẫn đang say ngủ.

“Đây sẽ là tin mừng biết mấy cho ông ấy.” Bà vừa cười vừa nói. “Khi mà ông ấy đã đủ khỏe để chịu đựng được tin này. Mẹ có nên đặt cái túi da cùng túi len mà chúng ta tìm được, vẫn đây ắp tiền, bên cạnh ông ấy trong buổi đêm phước lành này, để ông ấy nhìn thấy khi tỉnh dậy?”

“Chúng ta cần phải lấy được chúng cái đã, mẹ ạ.” Hans thở hển hển, vẫn hết sức chăm chú vào công việc.

“Đi đâu đó thì hẳn rồi. Chúng không thể trượt khỏi tay chúng ta được nữa.” Bà đáp, rùng mình với cái lạnh cùng sự phấn khích khi bà cúi người xuống xem xét cái hố. “Có khi chúng ta sẽ tìm thấy chúng được nhét trong cái nồi đất cũ mà mẹ đã bị mất từ lâu lắm rồi.”

Đến lúc này, Hans cũng bắt đầu run rẩy, nhưng không phải vì lạnh. Cậu đã đào sâu xuống hơn ba mươi centimet khắp một vùng khá rộng phía nam của cái cây. Họ sẽ thấy đồng kho báu bất cứ lúc nào. Trong lúc đó, các vì sao nhấp nháy và chớp mắt với nhau như thể muốn nói: “Cái đất Hà Lan này thật kì lạ! Thật tình chúng ta sẽ thấy nhiều đến đâu đây!”

“Sao cha con chôn nó thật sâu thế được nhỉ?” Bà Brinker nói bằng giọng hơi khó chịu. “À, mẹ cho là đất ở đây đủ mềm đấy. Ông ấy thật khôn ngoan khi đã nghi ngờ Jan Kamphuisen, trong khi lúc ấy Jan là người được tín nhiệm nhất. Mẹ không thể tưởng tượng được anh bạn đẹp đẽ với phong thái vui tươi ấy lại có thể vào tù! Giờ thì Hans à, để mẹ làm cho. Công việc giờ nhẹ hơn rồi, khi mà chúng ta đào sâu hơn, con thấy thế không? Mẹ sẽ bị cảm ghét nếu giết chết cái cây này, Hans ạ. Con có nghĩ chúng ta đang làm hại nó không?”

“Con không biết nữa.” Hans buồn bã trả lời.

Nhiều giờ sau đó, cả hai mẹ con vẫn tiếp tục cặm cụi. Cái hố cứ sâu hơn, rộng hơn. Những đám mây bắt đầu tụ lại, nghịch ngợm che khuất ánh sáng những chỗ mà nó bay qua. Cho đến khi mặt trời cùng các vì sao mờ đi và tia nắng ban mai bắt đầu xuất hiện, Meitje Brinker và Hans mới vô vọng nhìn nhau.



Nhiều giờ sau đó, cả hai mẹ con vẫn tiếp tục cặm cụi.

Họ đã tìm kiếm khắp cả khoảng đất xung quanh cái cây trong vô vọng; phía nam, phía bắc, phía đông, phía tây. Số tiền được chôn giấu không hề ở đây!

XXXIX

Những ý niệm mơ hồ

Annie Bouman cực kì ghét Janzoon Kolp. Còn Janzoon Kolp, bằng lối thô lỗ riêng của mình, lại yêu mến Annie. Annie tuyên bố rằng cô không thể nào nói được một lời thân thiện với cậu con trai kinh khủng đó. Janzoon lại tin rằng cô là sinh vật ngọt ngào nhất, tinh ranh nhất thế giới này. Annie cười đùa với bạn bè mình về cái cách mà chiếc áo khoác tũn tàn sờn rách của Janzoon bay phấp phới đầy nức cười; cậu ta lại thở dài một mình về cái cách mà chiếc váy lót xinh xắn màu xanh dương của cô bay phấp phới đầy duyên dáng. Cô cảm ơn các vì sao vì các em trai cô chẳng hề giống người nhà Kolp, còn cậu lại cầu nhau với em gái mình bởi con bé không giống người nhà Bouman. Sự hiện diện của cậu khiến cô trở nên cáu kỉnh và vô cảm, nhưng bóng dáng thấp thoáng của cô cũng đủ để cậu biến thành một con cừu hiền khô. Tất nhiên họ gặp nhau thường xuyên. Ấy là một cách bí ẩn để chúng ta bỏ qua khiếm khuyết của nhau và xóa nhòa những định kiến về nhau. Thế nhưng, đây là một trường hợp thất bại. Annie càng thêm ghét bỏ Janzoon qua mỗi lần chạm mặt, còn Janzoon lại càng thích cô hơn mỗi ngày.

Cậu ta đã giết con cò, thằng nhãi độc ác từ bản chất đó! Cô tự nhủ.

Cô ấy biết mình khỏe khoắn và can đảm, Janzoon ngẫm nghĩ.

Cậu ta mới thật đồ gay, đầy tàn nhang và xấu xí làm sao! Ấy là lời bình thản của Annie khi trông thấy cậu.

Cô ấy nhìn mình thật lâu làm sao! Janzoon nghĩ. Chà, mình đúng là một anh bạn đẹp đẽ, khỏe khoắn mà.

“Janzoon Kolp, tên nhóc thô lỗ kia, tránh xa tôi ra!” Annie thường nói thế. “Tôi không muốn làm bạn với cậu.”

Ha! Ha! Janzoon cười thản. Con gái đâu bao giờ nói đi đâu họ nghĩ. Mình sẽ trượt băng cùng cô ấy mỗi lần có cơ hội.

Thế là vào một hôm khi cô gái xinh đẹp trượt về nhà từ Amsterdam, nếu không vì chắc chắn có một cậu con trai to cao đang trượt về phía mình, cô cũng không thèm ngẩng lên nhìn nữa.

Hừm! Nếu mình nhìn cậu ta, Annie nghĩ, mình sẽ...

“Chào buổi sáng, Annie Bouman.” Một giọng nói dễ nghe cất lên.

Nụ cười của cô gái mới rạng rỡ làm sao!

“Chào buổi sáng, Hans, mình rất vui được gặp cậu.”

Nụ cười của cậu con trai mới rạng rỡ làm sao!

“Chào buổi sáng lần nữa, Annie. Ở nhà mình đã có sự thay đổi rất lớn kể từ khi cậu rời đi.”

“Thay đổi như thế nào vậy?” Cô thốt lên với đôi mắt mở to.

Hans, người vốn đang trong tình trạng vội vã và khá buồn bực, bỗng trở nên mau miệng và vui vẻ trước sự rạng rỡ của Annie.

Cậu quay lại và từ từ trượt cùng cô về phía Broek, cậu kể cho cô nghe tin tốt về cha mình. Annie là một người bạn thực sự mà cậu thậm chí có thể bộc lộ những mối lo âu hiện tại của mình về số tiền nhà đang cần, và rằng mọi thứ phụ thuộc vào việc cậu đi kiếm việc làm, rằng cậu không thể tìm được việc ở xung quanh vùng này.

Không phải là cậu muốn phàn nàn gì, nhưng cái cách cô nhìn cậu và mong mỏi được biết khiến cậu nói ra. Cậu chỉ không thể tiết lộ nỗi thất vọng tràn trề trong đêm qua, bởi đó là bí mật không chỉ của riêng cậu.

“Tạm biệt nhé, Annie!” Cuối cùng cậu nói. “Buổi sáng trôi qua nhanh lắm, mình phải nhanh tới Amsterdam và bán đôi lười trượt này. Mẹ cần có tiền ngay lập tức. Trước khi đêm xuống, chắc chắn mình sẽ tìm được việc ở đâu đó.”

“Bán đôi lười trượt mới này sao Hans?” Annie thốt lên. “Lại còn là cậu, người trượt băng giỏi nhất Broek nữa chứ! Tại sao, cuộc đua chỉ còn cách có năm ngày nữa thôi!”

“Mình biết.” Cậu kiên quyết đáp. “Tạm biệt! Mình sẽ trượt về nhà trên đôi lười trượt gỗ cũ của mình.”

Ánh mắt cậu con trai thật tươi sáng! Thật khác so với cái cười nhếch nhếch xấu xí của Janzoon. Rồi Hans vụt đi như một mũi tên.

“Hans, chờ đã!” Cô gọi.

Giọng cô khiến mũi tên dừng lại. Cậu quay người, rồi trượt một bước dài về phía cô.

“Cậu thật sự sẽ bán đôi lười trượt nếu tìm được người mua sao? Chà, Hans này, nếu cậu định bán chúng thật.” Annie bối rối nói. “Ý mình là nếu cậu... chà, chỉ là mình biết có người sẽ vui lòng mua chúng đấy.”

“Không phải Janzoon Kolp đó chứ?” Hans hỏi, mặt cậu đỏ lên.

“Ồ, không.” Cô đáp kèm theo cái bĩu môi. “Cậu ta đâu phải bạn bè mình.”

“Nhưng cậu biết cậu ta mà.” Hans nói.

Annie bật cười. “Đúng, mình có biết cậu ta, thật tệ là thế. Giờ thì Hans ạ, làm ơn đừng nhắc về Janzoon với mình nữa. Mình ghét cậu ta!”

“Ghét cậu ta! CẬU có thể ghét ai sao, hả Annie?”

Cô tỉnh ngịch lúc lắc đầu. “Phải, và mình cũng sẽ ghét cậu nữa nếu cậu cứ khẳng định cho rằng cậu ta là bạn mình. Mấy người con trai các cậu có thể thích cậu ta bởi cậu ta đã bắt được con ngỗng đây mõ ở lễ hội hè năm ngoái và leo cột khi tròng bao tải lên thân hình to lớn xấu xí của cậu ta, nhưng mình thì không quan tâm. Mình ghét cậu ta kể từ khi thấy cậu ta đẩy em gái mình ra khỏi vòng quay ngựa gỗ ở Amsterdam, và rõ là chúng ta đều biết ai là kẻ đã giết con cò trên mái nhà mẹ cậu. Nhưng chúng ta không cần nói chuyện về một anh bạn xấu tính, độc ác như thế. Thật lòng, Hans ạ, mình biết một người sẽ rất mừng được mua đôi lười trượt của cậu. Cậu sẽ không bán được chúng ở Amsterdam dù chỉ với nửa giá ban đầu đâu. Xin hãy đưa chúng cho mình. Mình sẽ đưa cậu tiền vào ngay chiều nay.”

Nếu Annie vẫn cuốn hút ngay cả khi nói từ GHÉT, thì không ai có thể thể khước từ cô khi cô nói từ XIN; hay ít ra là Hans cảm thấy vậy.

“Annie.” Cậu nói, cởi đôi lười trượt ra và cẩn thận lau chùi nó bằng một nùi giẻ trước khi đưa lại cho cô. “Mình xin lỗi nếu có đòi hỏi quá, nhưng nếu bạn cậu không muốn chúng, cậu có thể trả lại cho mình trong ngày hôm nay được không? Mình cần đi mua than bùn và thịt cho mẹ vào sáng sớm ngày mai.”

“Bạn mình sẽ muốn chúng.” Annie bật cười, vui vẻ gật đầu, rồi trượt đi với tốc độ nhanh nhất của mình.

Khi Hans lôi đôi “lưỡi trượt” gỗ của mình ra từ trong chiếc túi sờn rách và buộc chúng vào chân chặt nhất có thể, cậu không hề nghe tiếng Annie lẫn bần: “Ước gì mình không thô lỗ như thế. Khổ thân Hans can đảm. Cậu ấy đúng là người đáng quý!” Còn khi Annie trượt về nhà với những suy nghĩ tốt lành, cô không hề nghe tiếng Hans nói: “Mình gần gũi như một con gấu vậy. Nhưng Chúa phù hộ cô ấy! Có những cô gái không khác nào thiên thần!”

Có lẽ thế là tốt nhất. Một người không thể biết tất cả mọi thứ đang diễn ra trên thế giới này được.

XL

Đi tìm việc

Sự sung sướng khiến chúng ta khó mà thích nghi được nhanh chóng với khó khăn như trước kia. Đôi giày trượt bằng gỗ kêu cọt két còn tệ hơn xưa. Hans chỉ có thể cố hết sức làm quen lại với thứ đồ cũ kĩ vụng về ấy; tuy vậy cậu không hề hối hận khi phải nhượng lại đôi lười trượt tuyệt đẹp kia của mình, cậu thẳng thừng gạt bỏ mối băn khoăn trẻ con rằng mình đã không thể giữ chúng được lâu hơn, ít ra là cho tới khi cuộc đua diễn ra.

Mẹ chắc chắn sẽ không giận mình đâu, cậu nghĩ, khi đã bán chúng mà không hỏi ý mẹ. Mẹ còn có nhiều việc cần lo quá mà. Mình sẽ nói chuyện rõ ràng với mẹ một khi mình mang được tiền về.

Hans đi tới lui trên các con phố ở Amsterdam ngày hôm ấy để tìm việc. Cậu kiếm được vài đồng stiver khi giúp đỡ một người đàn ông lái một đoàn tàu chở đầy những con la vào thành phố, nhưng cậu không thể tìm được công việc ổn định nào. Cậu sẽ rất mừng dù chỉ được nhận làm chân khuân vác hay chạy vặt, nhưng khi bước qua thật nhiều những cậu bé lang thang khác đang lao nhao đứng chờ việc, cậu không còn chỗ nữa. Có những người bán hàng tự phục vụ được; một vài người khác thì cần người nhỏ nhắn mảnh mai hơn (ý họ là cần người ăn mặc sạch đẹp hơn, chỉ là họ không muốn nói vậy); có người lại bảo cậu sau một đến hai tháng nữa hãy quay lại, khi mà nhiều con kênh lâm vào nguy cơ sắp vỡ òa; nhiều người chỉ im lặng cho cậu cái lắc đầu.

Ở các nhà máy, vận may của cậu cũng không khá hơn. Ở những tòa nhà to lớn ấy, với số lượng lớn len, vải cốt tông, đồ lanh, cùng thứ thuốc nhuộm và màu vẽ nổi danh toàn thế giới, những viên kim cương thô quý giá, một lượng lớn thức ăn, gạch đá, thủy tinh cùng đồ sứ, cậu cứ nghĩ rằng họ sẽ phải cần ít nhất một cậu bé với đôi cánh tay khỏe mạnh, có năng lực và hăm hở làm việc. Nhưng không, đó là câu trả lời mà cậu nhận được ở gần như mọi nơi. Họ không cần thêm nhân lực vào lúc này. Nếu cậu tới đây trước ngày lễ Thánh Nicholas, họ có thể đã cho cậu một công việc bởi

lúc ấy đang vô cùng bận rộn; nhưng hiện tại, họ đã có nhiều nhân lực hơn cần thiết. Hans ước ao rằng họ có thể thấy mẹ cậu cùng Gretel, dù chỉ trong một lát mà thôi. Cậu không hề biết nỗi lo lắng về cả hai đã hiện rõ qua ánh mắt cậu, cậu không biết cái cách mà hơn một lần, những câu trả lời thô lỗ ấy được cất lên từ những lương tâm cắn rứt, không nỡ để cậu bé quay đi như thế. Các người cha trong số đó, khi quay về nhà tối hôm ấy, đã nói chuyện nhẹ nhàng hơn bình thường với những đứa con của mình, vì họ nhớ đến một khuôn mặt trung thực, non nớt buồn bã bởi lời từ chối của mình, và trước sáng hôm sau, một người đàn ông thậm chí còn quyết định bảo thợ cả của mình là Blankert sắp xếp cho cậu bé từ Broek một chân chạy nếu cậu bé có đến đây lần nữa.

Nhưng Hans không hề biết đi đâu đó. Cho đến khi mặt trời lặn, cậu mới trở về Broek, không hiểu thứ xúc cảm ghen ngào lạ lùng chặn nơi cổ cậu xuất phát từ sự nản lòng hay sự quyết tâm. Chắc chắn phải có một cơ hội nữa. Cậu van Holp có thể đã trở về rồi. Hans nghe nói cậu chủ Peter đã tới Haarlem tối hôm trước để tham dự cái gì đó có liên quan tới cuộc đua trượt băng. Dù vậy, Hans vẫn sẽ thử đến đó xem sao.

Thật may là Peter vừa mới trở lại vào sáng sớm. Cậu đang ở nhà và chuẩn bị đến căn lầu nhà Brinker khi Hans tới.

“A, Hans!” Cậu reo lên khi cậu con trai mệt mỏi kia đến trước cửa. “Em chính là người anh đang mong gặp đấy. Em đúng là người mà anh mong mỗi gặp nhất đấy. Vào đây và sưởi ấm đi nào.”

Sau khi kéo chiếc mũ sòn rách xuống, thứ sẽ luôn dính chặt vào đầu cậu mỗi lần cậu xấu hổ, Hans quỳ xuống, không phải là để thi hành một lối chào mới theo kiểu phương Đông hay là tỏ ý tôn sùng vị nữ thần sạch sẽ ngự tọa trong căn nhà, mà bởi đôi giày nặng trĩu của cậu sẽ khiến các bà nội trợ ở Broek kinh hoàng. Trong khi chủ nhân của chúng nhẹ nhàng bước vào trong, chúng ở bên ngoài, cư xử như những người lính canh chờ đợi cậu quay ra.

Hans rời khỏi căn biệt thự của nhà van Holp với một trái tim nhẹ nhõm. Peter chuyển lời nhắn từ Haarlem rằng cậu Brinker có thể bắt đầu làm việc với cánh cửa của căn nhà hóng mát ngay lập tức. Nơi đó có một nhà xưởng thoải mái, luôn sẵn sàng phục vụ cậu cho đến khi công việc xong xuôi.

Peter không tiết lộ chuyện cậu đã trượt suốt cả chặng đường đến Haarlem vốn là để lên kế hoạch này với ngài van Holp. Chỉ cần thấy nét

mừng rỡ, háo hức trên gương mặt của cậu bé nhà Brinker là đã đủ với cậu rồi.

“Em NGHĨ em có thể làm được.” Hans nói. “Mặc dù em chưa bao giờ được học nghề một cách bài bản.”

“Anh chắc chắn là em làm được.” Peter chân thành đáp. “Em có thể tìm được bất kì dụng cụ nào em cần trong xưởng. Nó gần như bị giấu đi bởi tán cây trơ trụi. Vào mùa hè, khi hàng cây trở nên xanh tốt, người ta chẳng thể thấy căn xưởng ấy từ đây đâu. Cha em hôm nay thế nào rồi?”

“Tốt hơn rồi, thưa cậu. Cha em đang khá hơn từng giờ.”

“Đó là điều kì diệu nhất mà anh từng nghe đấy. Vị bác sĩ cáu kỉnh đó đúng là một người tốt bụng nhỉ.”

“A, quý ngài ấy.” Hans trù mến nói. “Ngài ấy còn hơn cả tốt bụng. Ngài ấy rất nhân hậu. Nếu không có trái tim thương người cùng tài năng xuất chúng của quý ngài, cha em đã mãi mãi chìm trong bóng tối mất rồi. Em nghĩ là, thưa cậu.” Hans nói thêm với ánh mắt sáng bừng. “Phẫu thuật là một trong những ngành khoa học cao quý nhất thế giới!”

Peter nhún vai. “Có thể nó cao quý thật, nhưng không hợp sở thích của anh lắm. Vị bác sĩ Boekman ấy có tài năng, về trái tim của ông ấy thì, làm ơn bảo vệ anh khỏi những trái tim như thế!”

“Sao lại nói vậy, thưa cậu?” Hans hỏi.

Đúng lúc ấy, một người phụ nữ chầm chậm tiến vào từ căn hộ kế bên. Ấy là quý bà van Holp trong chiếc mũ lông lấy nhất cùng vạt tạp dề bằng lụa xa tanh dài nhất với những dải ruy băng trang trí. Bà gật đầu đi êm đềm khi Hans lùi lại khỏi lò sưởi, cúi đầu chào lễ phép nhất có thể.

Peter ngay lập tức kéo một chiếc ghế tựa cao bằng gỗ sồi lại gần lò sưởi để quý bà ngồi đó. Mỗi bên của lò sưởi là một bức gỗ làm từ vỏ cây sồi, cậu đặt một cái giá kê dưới chân bà.

Hans định rời đi.

“Từ từ đã, nếu có thể, chàng trai trẻ.” Quý bà nói. “Ta cho là mình vừa vô tình nghe được câu chuyện mà cháu và con trai ta đang bàn bạc, về bác sĩ Boekman bạn của ta. Cháu nói đúng, chàng trai ạ. Bác sĩ Boekman có trái tim rất nhân hậu. Con biết đấy, Peter, rằng chúng ta có thể sẽ nhầm lẫn khi đánh giá một con người chỉ thông qua cách cư xử, dù rằng lối cư xử lịch sự thì không lý nào lại bị căm ghét.”

“Con không có ý xúc phạm, mẹ ạ.” Peter đáp. “Nhưng rõ ràng là không ai có quyền gằn gù và cầu nhàu với cả thế giới như họ nói ông ấy đang làm.”

“Họ nói. A, Peter, ‘họ’ có thể là tất cả hoặc không ai cả. Bác sĩ Boekman từng gặp phải chuyện đau buồn. Nhiều năm về trước, ông ấy mất đi người con độc nhất trong hoàn cảnh rất đau đớn. Ấy là một anh bạn tốt bụng, chỉ là quá hấp tấp và nóng vội mà thôi. Trước đó, Gerard Boekman là một trong những người dễ chịu nhất mà ta từng biết.”

Nói xong, phu nhân van Holp, vẫn nhìn hai cậu bé đầy trù mến, đứng dậy và rời khỏi phòng một cách trang trọng như khi bà bước vào.

Peter, vẫn chưa được thuyết phục hoàn toàn, lăm bậm gì đó về “tội lỗi của việc để nỗi buồn hồ biến sự ngọt ngào thành sự cay nghiệt” trong khi cậu tiễn khách ra cánh cửa bên hông nhà. Trước khi chia tay, cậu khuyên Hans nên giữ vững phong độ trượt băng. “Bởi...” Cậu nói. “Giờ cha em đã khỏe hơn rồi, em nên toàn tâm toàn ý chuẩn bị cho cuộc đua đi. Đó sẽ là cuộc đua tuyệt vời nhất em từng thấy ở chốn này trên thế giới. Tất cả mọi người đều bàn tán về nó; em phải cố gắng đoạt giải mới được, nhớ đấy.”

“Em không tham gia cuộc đua được rồi, thưa cậu.” Hans đáp, cậu cúi đầu xuống.

“Không tham gia cuộc đua! Tại sao vậy chứ?” Rồi ngay lập tức, Peter ngờ vực Carl Schummel.

“Bởi em không thể, thưa cậu.” Hans đáp khi cậu cúi người xuống để trượt hai bàn chân vào đôi giày to.

Có gì trong lối cư xử của người con trai trước mặt cảnh báo Peter rằng tiếp tục tra hỏi sẽ không hay ho gì. Cậu đành nói lời tạm biệt với Hans, rồi trầm ngâm đứng đó ngắm cậu con trai kia ra về.

Một phút sau, Peter gọi với theo: “Hans Brinker!”

“Vâng, thưa cậu.”

“Anh xin rút lại mọi điều mình đã nói về bác sĩ Boekman.”

“Vâng, thưa cậu.”

Cả hai cùng bật cười. Nhưng nụ cười của Peter tắt ngấm thành cái nhìn ngạc nhiên đầy khó hiểu khi cậu nhận ra Hans quỳ xuống bên con kênh để đeo đôi lưỡi trượt gỗ vào.

“Thật kỳ lạ.” Peter lẩm bẩm, lắc đầu khi cậu đi vào nhà. “Vì có gì mà cậu ấy lại không dùng đôi lười trượt mới chứ?”

XLI

Bà tiên đỡ đầu

Mặt trời đã gần khuất dạng khi người hùng của chúng ta, với một trái tim hạnh phúc nhưng khuôn mặt lại ánh lên vẻ chua cay khi cậu giữ chân để cởi đôi “giày trượt” gỗ ra, lê bước đầy hy vọng về phía căn nhà bé xíu như cái lều, còn được biết đến như “căn lều của gã ngốc”.

Đến cả đôi mắt mù mờ hơn mắt cậu cũng có thể thấy rõ hai bóng hình đang chuyển động gần cửa vào.

Cái áo khoác xám được vá khéo léo cùng chiếc váy xanh nhạt bên trong chiếc tạp dề xanh nhạt hơn, cái mũ sồn vừa khít, cùng đôi chân nhanh thoăn thoắt trong đôi giày rộng như cái thuyền, ấy chính là Gretel. Cậu có thể nhận ra bóng dáng em gái mình dù ở bất kì đâu.

Bên cạnh là một tấm áo khoác đỏ đom đóm dáng, với chiếc váy xinh xắn viền đen, cùng chiếc mũ duyên dáng lấp lánh đôi khuyên tai vàng, cái tạp dề xinh xắn và đôi giày da ấm áp có vẻ như đã lớn lên cùng đôi chân; nếu Giáo hoàng Rome chuyển phát đến cậu đôi giày này, Hans cũng có thể thề chúng là của Annie.

Hai cô bé đang chậm rãi đi lại trước căn nhà. Chúng đan cánh tay với nhau, hai cái đầu gật gù ríu rít lúc lắc một cách mạnh mẽ như thể chúng đang bàn luận mọi vấn đề của toàn vương quốc vậy.

Hans gọi một tiếng vui vẻ ríu rít chạy về phía hai cô bé.

“Hu ra, các cô gái, anh tìm được việc ríu rít đây!”

Câu nói này khiến mẹ cậu đi ra ngoài cửa.

Bà cũng đang có tin mừng. Người cha vẫn đang hồi phục. Ông đã có thể ngẩng gầy như cả ngày và giờ đang ngủ như bà Brinker tuyên bố: “Yên bình như một chú cừu vậy.”

“Đến lượt mình nhé, Hans.” Annie nói, kéo cậu lại cạnh mình sau khi cậu đã truyền lại tin tức tốt đẹp từ ngài van Holp. “Mình đã bán được lười trượt của cậu ríu rít, đây là số tiền.”

“Bảy đồng guilder sao!” Hans thốt lên, đếm số tiền trong tay một cách kinh ngạc. “Tại sao chứ, đó là gấp ba lần số tiền mình dùng mua chúng rồi.”

“Làm sao mình biết được.” Annie đáp. “Nếu người mua có nhàn lãn thì cũng đâu phải là lỗi của chúng ta.”

Hans vội ngẩng mặt lên.

“Ôi, Annie!”

“Ôi, Hans!” Cô nhại lại, trề môi ra, cố gắng hết sức để ra vẻ nham hiểm và xảo quyệt.

“Annie ạ, mình biết là cậu không có ý gì cả! Nhưng cậu cần trả lại một phần số tiền này.”

“Nhưng mình sẽ không làm thế.” Annie quả quyết. “Chúng đã được bán rồi, thế là xong.” Nhưng khi thấy vẻ khổ sở trên gương mặt bạn mình, cô trầm giọng nói thêm: “Cậu có tin mình không, Hans, nếu mình bảo rằng không có nhàn lãn gì cả, rằng người mua lừa dối của cậu quả quyết sẽ trả bảy đồng guilder cho chúng?”

“Có.” Cậu đáp, tia sáng từ đôi mắt xanh trong của cậu dường như chìm vào và lấp lánh dưới hàng lông mi của Annie.

Bà Brinker rất vui trước những đồng bạc, nhưng khi biết Hans đã phải bán thứ bảo vật của cậu để lấy được số tiền ấy, bà thở dài và cảm thán: “Cầu Chúa phù hộ con! Con hẳn phải đau lòng lắm!”

“Đây, mẹ ạ.” Cậu bé thọc tay vào sâu trong túi. “Còn từng này nữa, nếu cứ tiếp tục thế này, chúng ta sẽ trở nên giàu có mất thôi!”

“Phải rồi, tất nhiên là vậy.” Bà đáp và hào hứng đưa tay ra nhận. Thế rồi, bà trầm giọng nói thêm: “Chúng ta vốn đã giàu nếu không vì Jan Kamphuisen. Hẳn ta đã ở chỗ cây liễu nhiều năm về trước, Hans ạ. Đứng dựa vào nó!”

“Vâng, có vẻ là thế.” Hans thở dài. “Chà, mẹ ạ, chúng ta phải kiên quyết quên chúng đi thôi. Chúng đã biến mất rồi. Cha đã nói tất cả những gì cha biết. Đừng nghĩ gì về số tiền đó nữa.”

“Nói thì dễ lắm, Hans ạ. Mẹ sẽ cố, nhưng thật là khó khăn, người cha đáng thương của con thì cần nhiều thứ để chữa lành. Trời đất! Mấy cô bé vụt đi đâu rồi? Chúng vừa ở đây lúc nãy mà. Chúng nó chạy đâu rồi nhỉ?”

“Họ ra đằng sau nhà rồi ă.” Hans đáp. “Như để trốn chúng ta vậy. Con sẽ bắt hai người lại cho mẹ! Họ có thể nhẹ nhàng và nhanh nhẹn hơn cả thỏ, nhưng con sẽ rảo đầu họ.”

“Chà, ngoài đó có một con thỏ thật đấy. Chờ mẹ, Hans ă, con vật khổng lồ ấy hẳn đang rất cần rời khỏi cái hang trong thời tiết khắc nghiệt thế này. Mẹ sẽ lấy cho nó một ít vụn bánh mì.”

Nói xong, người phụ nữ nhân hậu vào trong nhà tìm kiếm. Bà nhanh chóng trở ra, nhưng Hans đã quên khuấy mất việc chờ đợi, còn con thỏ, sau khi thăm thú xung quanh căn nhà, đã chạy biến mất vào một góc bí mật nào đó. Đi qua một góc của căn nhà, bà Brinker trông thấy lũ trẻ. Hans và Gretel đang đứng trước Annie, người đang lơ đãng ngồi trên một gốc cây bị chặt.

“Đẹp như một bức tranh vậy!” Bà Brinker thốt lên, đứng sững lại để chiêm ngưỡng lũ trẻ. “Nhiều bức tranh mà cô đã xem qua trong căn nhà lớn ở Heidelberg còn không thể đẹp bằng. Hai đứa trẻ nhà cô là hai con cá bống nghèo nàn, Annie ă, nhưng cháu nhìn như một nàng tiên vậy.”

“Thật sao ă?” Annie cười, tỏa sáng với sự sống động. “Chà, vậy thì, Gretel và Hans, tưởng tượng mình là bà tiên đỡ đầu ghé thăm hai người đi. Mình sẽ ban mỗi người một đi đầu ước. Con ước đi đầu gì, hả Hans?”

Một thoáng nghiêm túc hiện lên trên khuôn mặt Annie khi cô nhìn cậu; có lẽ là bởi cô thật lòng ước ao rằng mình có năng lực thực sự của một nàng tiên.

Có gì đó thì thảo với Hans vào lúc đó, rằng cô bé trước mặt còn hơn cả một người thường. “Con ước.” Cậu nghiêm trang nói. “Rằng con có thể tìm lại được thứ mình đã tìm kiếm cả đêm qua.”



Có gì đó thì thảo với Hans vào lúc đó, rằng cô bé trước mặt còn hơn cả một người thường.

Gretel bật cười vui vẻ. Bà Brinker rên rĩ: “Xấu hổ thật đấy, Hans ạ!” Rồi bà mệt mỏi quay vào trong nhà.

Bà tiên đỡ đầu đứng dậy và giậm chân ba lần.

“Con sẽ có được đi đầu ước.” Cô nói. Rồi, Annie tỏ vẻ nghiêm trang, cô cho tay vào túi tạp dề và lấy ra một chuỗi hạt thủy tinh lớn. “Chôn cái này xuống.” Cô nói và đưa nó cho Hans. “Ngay nơi ta vừa giẫm chân, và khi trăng lên thì đi đầu ước sẽ thành sự thật.”

Gretel chưa bao giờ cười sáng khoái đến thế.

Bà tiên đỡ đầu giả vờ bức tức.

“Đứa trẻ hư đồn kia!” Cô vờ mắng mỏ. “Ta sẽ trừng phạt con vì dám cười cợt một nàng tiên, đi đầu ước của con sẽ không thành sự thật.”

“Ha!” Gretel cao giọng thốt lên. “Nên đợi cho đến khi người hỏi con đã chứ ạ, thưa mẹ đỡ đầu. Con đã ước gì đâu!”

Annie đóng kịch rất giỏi, vẫn giữ nguyên khuôn mặt bất bình trước tiếng cười vui vẻ của hai người trước mặt, cô giận dữ bước đi và tỏ vẻ như lòng tự tôn đã bị xúc phạm.

“Chúc người ngủ ngon, bà tiên đỡ đầu!” Hai anh em hét lên hết lần này đến lần khác.

“Chúc ngủ ngon, con người!” Cô quay lại chào trước khi vượt qua một con mương đóng băng và chạy thật nhanh về nhà.

“Ôi, chị ấy không phải như vườn hoa sao, thật ngọt ngào và đáng yêu!” Gretel thốt lên khi nhìn theo cô đầy ngưỡng mộ. “Cứ nghĩ xem chị ấy đã phải ở trong căn phòng tối tăm cùng với bà mình bao nhiêu lâu. Ôi, anh Hans! Sao vậy? Anh đang định làm gì?”

“Cứ chờ và xem!” Hans đáp khi cậu lao vào nhà rồi lại lao ra, gần như ngay lập tức, cùng với cái thùng và máy phá băng trong tay. “Anh sẽ chôn chuỗi hạt thủy tinh màu nhiệm này!”

Raff Brinker vẫn đang ngủ say sưa. Vợ ông lấy một cục than bùn trong số than dự trữ đang gần cạn kiệt và đặt nó trên lớp than hồng. Rồi bà mở cửa và nhẹ nhàng gọi: “Các con, vào nhà thôi.”

“Mẹ! Mẹ! Xem này!” Hans hô lên.

“Lạy Thánh Bavon!” Bà cảm thán và bước nhanh qua bậc cửa. “Có gì làm phiền thằng bé vậy?”

“Mẹ ơi, đến đây nhanh.” Cậu kêu lên trong sự phấn khích tột cùng, tiếp tục dùng hết sức mình và đào cái máy phá băng xuống theo từng từ thốt ra. “Mẹ không thấy sao? Đây mới là chỗ chôn, đứng ở đây, phía nam của gốc

cây. Tại sao đêm qua chúng ta không nhớ ra cơ chứ? Gốc cây này chính là cây liễu cũ, cái cây mà mẹ đã chặt vào mùa xuân năm ngoái bởi nó che mất ánh sáng của khoai tây. Cái cây nhỏ kia chưa ở đó khi cha còn... Hu ra!”

Bà Brinker không thể mở lời. Bà quỳ xuống bên cạnh Hans vừa đứng lúc để thấy cậu kéo lên một chiếc n ỉ đá cũ.

Cậu thọc tay vào và lấy ra một mảnh gạch, rồi thêm một mảnh gạch khác, cho đến khi mò được chiếc tất cùng cái túi da, đen đúa và cũ kĩ, nhưng chứa đầy số ti ền đã mất tích từ lâu!

Thật là một khoảnh khắc tuyệt vời! Thật là những tiếng cười vui sướng! Thật là những tiếng khóc mừng rỡ! Họ đếm ti ền rôm rả sau khi bước vào trong nhà. Thật kỳ diệu khi Raff không bị đánh thức. Dù sao thì ông cũng đã có những giấc mơ thật dễ chịu, bởi ông đã mỉm cười khi đang ngủ.

Bà Brinker cùng hai người con đã có một bữa tối thịnh soạn, ta phải đảm bảo là vậy. Không cần phải tích trữ các món ngon nữa.

“Chúng ta sẽ mua cho cha các con đồ ăn tươi mới vào ngày mai.” Bà Brinker nói khi mang nào là thịt nguội, rượu, bánh mì, thạch đặt trên chiếc bàn gỗ thông. “Ng ồi xuống đi các con, ng ồi đi.”

Đêm đó, Annie chìm vào giấc ngủ khi đang tự hỏi không biết có phải Hans bị mất con dao không, và nghĩ sẽ thật buồn cười làm sao nếu cậu ấy thực sự tìm được nó.

Hans chỉ vừa nhắm mắt khi cậu thấy mình chậm bước dọc theo bụi cây; những cái n ỉ chứa vàng nằm khắp mọi nơi, cùng với những chiếc đ ồng hồ và lược trượt băng, cùng những hạt cườm lấp lánh treo trên mọi cành cây.

Thật kì lạ là khi cậu tiến gần đến, mọi cái cây đều biến thành cái gốc đã bị chặt và trên gốc cây ấy là một nàng tiên xinh đẹp nhất thế gian đang ng ồi, mặc một chiếc áo khoác đỏ cùng váy lót màu xanh dương.

XLII

Cái đồng hồ bí ẩn

Còn một thứ khác ngoài những đồng guilder mất tích được đưa ra ánh sáng cũng vào cái ngày mà vị tiên đồ đầu ghé thăm. Ấy là câu chuyện về chiếc đồng hồ mà người vợ trung thành của Raff đã cất giữ trong sự ghen tị suốt mười năm. Bấy lâu nay, bà vô cùng sợ phải nhắc đến chiếc đồng hồ, nếu không thì bà sẽ không chống lại nổi cám dỗ mà làm trái lời chông mình mất. Thật là khó khăn khi nhìn thấy các con đói khát mà biết rằng nếu bán chiếc đồng hồ kia thì hoa hồng sẽ lại nở rộ trên đôi má bà. “Nhưng không.” Bà nói. “Meitje Brinker không phải là người có thể lãng quên lời yêu cầu cuối cùng của chông mình, cứ để chuyện gì muốn đến thì đến.”

“Hãy cất giữ thứ này cẩn thận, mình ạ.” Ông đã nói vậy khi trao chiếc đồng hồ cho bà, chỉ có vậy. Không có lời giải thích nào thêm, bởi sau đó bà khó mà nghe được gì khi một người đồng nghiệp của ông chạy vào căn nhà và kêu lên: “Đến nhanh đi! Mực nước đang dâng rồ! Người ta đang cần anh ở trên đê.”

Raff đã rời đi ngay lập tức và đó là lần cuối cùng bà Brinker được thấy chông mình trong tình trạng tỉnh trí.

Vào cái ngày mà Hans đang ở Amsterdam tìm việc, còn Gretel đang đi tìm các mẫu gỗ, cành cây, tất cả những gì có thể nhóm lửa được sau khi làm xong việc nhà, bà Brinker đặt chiếc đồng hồ vào tay chông mình với sự hồi hộp kìm nén.

“Không có lí do nào.” Bà bảo với Hans sau đó. “Để chờ đợi thêm nữa, khi lời cha con đã phơi bày tất cả. Không người phụ nữ nào không muốn biết chông mình làm sao có được chiếc đồng hồ như thế?” Raff Brinker xoay thứ đồ vật sáng choang trong tay mình, rồi ông xem xét dải nơ đen mượt dính với nó. Ông trông không có vẻ gì là nhận ra thứ đồ vật này. Cuối cùng ông mở lời. “A, anh nhớ ra rồi! Chà, em có vẻ đã đánh bóng nó cho đến khi nó sáng như đồng bạc mới vậy, mình à.”

“Phải.” Bà Brinker đáp và mẫn nguyện gật đầu.

Raff nhìn nó lần nữa. “Tội nghiệp chàng trai!” Ông lẩm bầm, rồi rơi vào trầm ngâm.

Thế là quá sức chịu đựng của người vợ. “Tội nghiệp chàng trai!” Bà nhắc lại có phần chua chát. “Anh nghĩ em đứng đây để làm gì chứ, Raff Brinker, với sự chờ đợi mòn mỏi mà chỉ để nghe anh nói vậy thôi sao?”

“Anh đã nói tất cả từ lâu rồi mà.” Raff quả quyết khi ông ngạc nhiên ngược lên nhìn vợ mình.

“Tất nhiên là chưa bao giờ!” Người vợ đáp.

“Chà, nếu chưa thì, bởi đây cũng không phải chuyện của chúng ta, chúng ta không nên nhắc về nó làm gì nữa.” Raff nói và buồn bã lắc đầu. “Trong khi anh như đã chết đi suốt thời gian vừa rồi, chàng trai tội nghiệp ấy có lẽ cũng đã lên thiên đường. Cậu ta lúc ấy trông đã gần như chết rồi, tội nghiệp!”

“Raff Brinker! Nếu anh định đối xử với em như thế này, sau khi em đã chăm sóc và chịu đựng anh từ khi em được hai mươi hai tuổi, thì đúng là một sự tủi hổ! Đúng vậy, một sự xúc phạm.” Người vợ thốt lên với khuôn mặt đỏ bừng và hơi thở khó nhọc.

Giọng Raff vẫn còn rất yếu ớt. “Đối xử với em như thế nào, hả Meitje?”

“Thế nào.” Bà Brinker nhại lại giọng và cách nói của chồng mình. “Thế nào sao? Chà, cũng như mọi người phụ nữ trên thế giới này bị đối xử khi cô ấy đi bên cạnh chồng mình suốt quãng thời gian tẻ nhạt nhất, như...”

“Meitje!”

Raff rướn người tới với đôi cánh tay mở ra. Đôi mắt ông đầy nước.

Ngay lập tức bà Brinker đến bên chân ông và ẵm hai bàn tay ông trong tay mình.

“Ôi, xem em đã làm gì này! Làm người đàn ông của em khóc, mà người ấy mới chỉ trở về với em chưa đến bốn ngày! Nhìn này, Raff! Không, Raff, anh của em, em xin lỗi đã làm anh đau. Thật là khó khăn với em khi không được nghe câu chuyện về chiếc đồng hồ sau mười năm chờ đợi, nhưng em sẽ không hỏi nữa, Raff ạ. Đây, chúng ta sẽ cất thứ đồ vật gây nên sự khúc mắc đầu tiên giữa chúng ta này đi, sau khi Chúa vừa mới trả lại anh cho em.”

“Anh đúng là đồ ngốc mới khóc, Meitje ạ.” Ông nói và hôn bà. “Và không có gì đúng đắn hơn là kể cho em sự thật. Nhưng làm vậy thì có cảm giác như đang kể lại bí mật của người chết vậy.”

“Có phải người đàn ông – chàng trai – anh đang nói chính là người đã chết?” Người vợ hỏi, giấu đi chiếc đồng hồ trong tay nhưng lại ngó xuống chiếc ghế dài đặt ở cuối giường một cách mong chờ.

“Khó mà nói được lắm.” Ông đáp.

“Cậu ta bị ốm sao?”

“Không, không ốm, anh nghĩ thế; nhưng gặp phải rắc rối, mình ạ, rắc rối rất lớn.”

“Cậu ta đã làm gì sai ư, anh nghĩ vậy à?” Bà trầm giọng hỏi.

Raff gật đầu.

“Giết người sao?” Bà vợ thì thào, không dám ngẩng đầu lên.

“Cậu ta nói gần như là vậy.”

“Ôi! Raff, anh đang làm em hoảng sợ đấy. Hãy kể tiếp đi, anh nói chuyện thật kì quặc, người anh còn run lẩy bẩy nữa. Em cần biết tất cả.”

“Nếu anh run rẩy, mình à, thì là do cơn sốt. Anh không có chút tội lỗi nào trong mình, vì Chúa!”

“Hớp một ngụm rượu này đi, Raff. Đấy, giờ anh sẽ thấy tốt hơn. Anh đang bảo cậu ta gần như đã phạm tội sao?”

“Phải, Meitje ạ, gần như là giết người. Chính cậu ta nói với anh thế. Nhưng anh không thể tin nổi. Đó là một chàng trai có vẻ ngoài triển vọng, năng nổ và trung thực, chỉ là có gì đó không can đảm và thẳng thắn ở cậu ấy.”

“Vâng, em hiểu.” Người vợ nhẹ nhàng nói, không muốn cắt ngang câu chuyện.

“Cậu ta đột ngột va phải anh.” Raff tiếp tục. “Anh chưa từng thấy mặt cậu ấy bao giờ, một khuôn mặt tái bột, hoảng loạn nhất anh từng thấy. Cậu ta túm lấy cánh tay anh. ‘Anh trông có vẻ trung thực.’ Cậu ta nói vậy.”

“Phải, cái đó thì cậu ta đúng.” Người vợ quả quyết nói.

Raff trông khá hoang mang. “Anh nói đến đâu rồi nhỉ?”

“Cậu ta túm lấy cánh tay anh, Raff ạ.” Bà thấp thỏm nhìn chòng mình.

“Phải, đúng rồi. Lời cậu ấy nói nghe thật lú lú trong tai anh, mọi thứ thì như là mơ vậy, em biết đấy.”

“Trời! Không lạ gì, người chồng tội nghiệp ạ.” Bà thở dài và vỗ về tay ông. “Chà, cậu trai đó chớp lấy cánh tay anh và nói anh có vẻ trung thực. (Có thể là thế!) Rồi sao nữa? Lúc ấy đang là buổi trưa sao?”

“Không, trước khi bình minh lên, còn cách tiếng chuông chòm báo sáng rất lâu.”

“Đó cũng chính là ngày anh bị thương.” Người vợ nói. “Em biết anh đi làm việc vào lúc nửa đêm. Anh đang dừng lại ở chỗ chàng trai đó bắt lấy cánh tay anh, Raff ạ.”

“Phải.” Chồng bà nói tiếp. “Anh có thể thấy gương mặt của cậu ấy một chút – trắng bệch và hoang dại. ‘Hãy đưa tôi xuống dòng sông,’ cậu ta nói. Lúc đó anh đang làm việc ở tít dưới con sông, bên kia Amsterdam. Anh nói với cậu ta anh không phải người chèo thuyền. ‘Đây là vấn đề sống còn,’ cậu ta nói. ‘Làm ơn đưa tôi đi vài dặm thôi. Ở đằng kia có một chiếc xuồng không bị khóa, nhưng đó có thể là xuồng của một người đàn ông nghèo khổ và tôi sẽ bị trừng phạt nếu trộm xuồng của ông ấy!’ (Lời nói thực sự có thể khác, mình ạ, bởi tất cả cứ như một giấc mơ vậy.) Chà, nên anh đưa cậu ta xuống, tầm sáu đến tám dặm gì đó, rồi cậu ta nói mình có thể chạy nốt từ đó lên bờ. Lúc ấy anh đang vội quay thuyền lại. Trước khi nhảy xuống, cậu ta nói như nức nở: ‘Tôi có thể tin anh. Tôi đã làm một việc, Chúa biết tôi không hề cố ý, nhưng người đó chết rồi. Tôi phải chạy trốn khỏi Hà Lan.’”

“Cái gì vậy? Raff, cậu ta nói vậy sao? Cậu ta đã bắn một người khi họ biểu tình ở Đại học Gottingen sao?”

“Anh không nhớ vụ đó. Có thể cậu ta đã kể lại, nhưng tất cả chỉ như là mơ vậy. Anh đã bảo cậu ta một người Hà Lan tử tế không thể bất chấp pháp luật mà giúp cậu ta cao chạy xa bay thế được, nhưng cậu ta liên tục nói: ‘Chúa biết tôi vô tội!’ Rồi cậu ta nhìn anh bằng đôi mắt sáng như trời đầy sao, như đôi mắt trong vắt của Hans bé nhỏ nhà ta vậy, nhưng anh chỉ càng lùi ra xa hơn.”

“Đó hẳn là con xuồng của Jan Kamphuisen.” Bà Brinker lạnh nhạt nói. “Chẳng ai khác có thể để mái chèo của mình ở đó một cách bất cẩn như vậy cả.”

“Phải, đó là xuồng của Jan, chắc chắn rồi. Cậu ấy sẽ đến thăm anh vào Chủ nhật, có vẻ thế nếu cậu ấy đã biết tin, cùng Hoogsvliet trẻ nữa. Anh nói đến đâu rồi nhỉ?”

“Anh đang nói đến đâu à? Chà, chưa xa lắm, hẳn rồi, cậu trai vẫn chưa đưa cho anh chiếc đồng hồ mà, lạy Chúa, em nghi ngờ cậu ta liệu có thực sự sở hữu nó hay không!”

“Sao thế được.” Raff Brinker thốt lên với giọng tổn thương. “Cậu ấy ăn mặc gọn gàng và đẹp đẽ như hoàng tử vậy. Rõ ràng chiếc đồng hồ chính là của cậu ta.”

“Vậy sao cậu ta bỏ nó lại?” Người vợ hỏi, bà bất an nhìn đồng lửa trong lò bởi nó đang cần thêm một viên than bùn nữa.

“Anh vừa kể đó thôi.” Ông bố rồi trả lời.

“Kể lại đi.” Bà Brinker nói, khôn khéo gạt đi sự gián đoạn.

“Chà, ngay trước khi nhảy khỏi thuyền, cậu ta đưa cho anh chiếc đồng hồ và nói: Tôi phải rời khỏi quê nhà dù đây là đi đâu tôi chưa từng nghĩ tới. Tôi sẽ tin tưởng anh bởi anh trông rất thật thà. Anh sẽ đưa thứ này đến cho cha tôi chứ, không phải ngày hôm nay mà là sau một tuần, rồi nói với ông ấy rằng đưa con vô phúc của ông ấy là người gửi, rằng nếu ông ấy còn muốn tôi quay trở lại, tôi sẽ liêu mình trở về. Hãy nói ông ấy gửi thư tới... tới... đó, tất cả mọi thứ biến mất hết rồi. Anh không thể nào nhớ bức thư đáng ra phải được gửi tới đâu. Tội nghiệp chàng trai, tội nghiệp!” Raff buồn bã kết thúc, rồi lấy lại chiếc đồng hồ từ tay vợ mình. “Thế là nó vẫn chưa được gửi cho người cha cho đến tận ngày hôm nay.”

“Em sẽ gửi nó, Raff ạ, đừng lo, khi mà Gretel quay trở lại. Con bé sắp về rồi. Tên của người cha là gì nhỉ? Chúng ta phải tìm ông ấy ở đâu?”

“Chúa ơi!” Raff đáp rồi chậm rãi nói thêm. “Tất cả đều biến mất khỏi đầu anh rồi. Anh có thể thấy gương mặt và đôi mắt sáng của chàng trai rất rõ ràng, anh còn nhớ cậu ta mở chiếc đồng hồ để lấy đi thứ gì đó rồi hôn lên nó, nhưng chỉ có vậy. Tất cả những chi tiết còn lại đã biến mất; mỗi khi anh cố gắng suy nghĩ, có thứ tiếng như thể tiếng nước vỗ vang lên trong đầu anh vậy.”

“Phải. Raff ạ, rõ ràng là em cũng có cảm giác như vậy mỗi khi bị sốt. Anh mệt rồi đấy. Em phải đưa anh vào giường. Con bé đang ở đâu vậy nhỉ?”

Bà Brinker mở cửa và gọi: “Gretel! Gretel!”

“Đứng sang một bên đi mình.” Raff yếu ớt nói khi ông rướn người về phía trước và cố gắng nhìn ra cảnh bên ngoài trông trơn. “Anh muốn đứng ra ngoài cửa chỉ một lần thôi.”

“Không, không.” Bà bật cười. “Em sẽ nói với quý ngài rằng anh đã phải khiêu khích, thấp thỏm và phàn nàn để được ra ngoài ra sao; nếu ngài ấy cho phép, em sẽ mặc đồ thật ấm cho anh và giúp anh một tay ngay ngày mai. Nhưng em sẽ làm anh lạnh cóng nếu cứ mở cửa thế này mãi. Kìa chẳng phải là Gretel với cái tạp dề đầy ắp đang trượt trên kênh như phát điên kia sao? Chà, anh à.” Bà gần như hét lên khi đóng sầm cửa lại. “Anh lại đang về giường mà không cần em đỡ sao? Anh có thể bị ngã đấy!”

Tiếng thốt lên của người vợ cho thấy sự sợ hãi pha lẫn hạnh phúc, còn rõ ràng hơn cả hành động vội vàng chạy đến đỡ chồng mình của bà. Ông nhanh chóng được đặt xuống chiếc đệm lót giường mới tinh thoải mái, khi vợ cẩn thận đắp chăn cho ông, ông tuyên bố rằng hôm đó sẽ là ngày cuối cùng người ta thấy ông nằm trên giường.

“Phải rồi! Em cũng hy vọng thế đấy.” Bà Brinker bật cười. “Khi mà anh đang hồi phục nhanh như vậy.” Khi Raff nhắm mắt lại, người vợ nhanh chóng thổi lại lửa, hay đúng hơn là rút bớt lửa xuống, bởi than bùn Hà Lan cũng giống như người Hà Lan, bắt lửa chậm rãi nhưng cực kì mạnh mẽ một khi đã bắt đầu. Thế rồi, bà cất chiếc máy quay sợi bị bỏ quên đi, rồi lấy ra ổ đan từ một chiếc túi bí ẩn nào đó và ngồi xuống bên giường.

“Nếu anh có thể nhớ ra tên của người đàn ông, Raff ạ.” Bà cẩn trọng nói. “Em có thể đi trả chiếc đồng hồ cho ông ấy khi anh đang ngủ. Gretel sẽ về nhà sớm thôi.”

Raff cố gắng suy nghĩ, nhưng vô ích.

“Có thể nào là Boomphoffen không?” Người vợ gợi ý. “Em nghe nói họ có hai người con trai đã trở nên hư hỏng – Gerard và Lambert?”

“Cũng có thể.” Raff nói. “Em xem trên chiếc đồng hồ có chữ gì không; có thể đi đâu đó sẽ giúp chúng ta.”

“Chúa phù hộ anh.” Người vợ hạnh phúc thốt lên, háo hức cầm chiếc đồng hồ lên. “Chà, anh nhanh trí thật! Đúng rồi. Đây có dòng chữ đây! L.J.B. Đó có thể là Lambert Boomphoffen. J là gì thì em không biết, nhưng họ hẳn từng là những người có địa vị, như những con gà với bộ lông quý

tộc. Chỉ có họ mới đặt cho trẻ con tên kép thế này, ngoại trừ trong Kinh thánh ra.”

“Anh không biết về đi đâu đó, mình ạ. Đối với anh thì những cái tên pha trộn dài ngoằng trong Kinh thánh đều khó để nhận diện. Nhưng em đã đoán ra ngay từ lần đầu tiên. Đó vẫn luôn là kiểu của em mà.” Raff nói và nhắm mắt lại. “Hãy mang chiếc đồng hồ đến nhà Boompkink hỏi thử xem.”

“Không phải Boompkink. Em có biết ai tên như thế đâu; đó là Boomphoffen.”

“Phải rồi, đưa chiếc đồng hồ tới đó.”

“Đưa tới đó sao! Khi mà cả nhà họ đã tới Mỹ bốn năm trước rồi. Nhưng anh cứ ngủ đi, Raff ạ, anh trông mệt mỏi và nhợt nhạt lắm. Rồi chuyện tốt nhất sẽ đến vào sáng mai.”

“A, quý cô Gretel! Cuối cùng con cũng về!”

Trước khi Raff tỉnh dậy vào tối hôm đó, bà tiên đỡ đầu mà chúng ta đều biết đã tới căn lầu, những đồng bạc guilder lại được khóa chặt một cách an toàn trong chiếc rương to, còn bà Brinker cùng lũ trẻ thì được đánh chén một bữa thịnh soạn với thịt, bánh mì trắng và rượu.

Người mẹ, với trái tim hân hoan, đã kể lại cho hai đứa con câu chuyện về chiếc đồng hồ sau khi thận trọng cân nhắc. Bà cho rằng làm vậy là công bằng nhất với hai đứa trẻ đáng thương đã luôn giữ kín bí mật từ khi chúng đủ tuổi để có thể nhận biết.

XLIII

Một phát hiện

Mặt trời ló rạng ngày hôm sau mang tới một ngày mới bận rộn với cả nhà Brinker. Đầu tiên là tin tức về một ngàn đồng guilder, tất nhiên là đã được kể lại với người cha. Tin vui đó không thể nào làm hại ông ấy được. Rồi trong khi Gretel cần mẫn nghe lời mẹ “dọn dẹp căn nhà cho sáng khoải như một bề biao mới”, Hans cùng mẹ vui vẻ đi mua than bùn cùng lương thực cho cả nhà.

Hans cảm thấy thư thái và vô ưu; mẹ cậu thì bận rộn một cách sung sướng bởi sức cảm dỗ khó lí giải đến từ một ngàn đồng guilder vừa mới mọc ra như nấm sau mưa. Người phụ nữ hạnh phúc ấy cười nói thật vui vẻ với Hans trên đường tới Amsterdam và cũng có những nỗi lo sợ nhỏ nhất khiến cậu phải gãi đầu khó hiểu khi dựa vào kệ lò sưởi, tự hỏi liệu câu nói “Cái túi càng to, miệng buộc càng chặt” có phải là từ trong thơ của Jacob Cats hay không, hay là cậu đã mơ về nó khi đang mê man trong cơn sốt.

“Con đang mơ màng cái gì đây, Mất to?” Mẹ cậu hỏi với giọng phẫn khởi, cứ như được đọc suy nghĩ của cậu khi đang bận rộn chuẩn bị bữa tối. “Con đang nghĩ gì vậy? Chà, Raff ạ, anh có tin nổi không, thằng bé cứ như đang lo nghĩ cho cả nửa đất Hà Lan vậy. Chúa phù hộ chúng ta! Thằng bé có thể mang cho chúng ta nhiều cà phê như nó có thể lấp đầy cái ấm đun này vậy. ‘Không, không, con ạ.’ Em nói. ‘Không có thời gian nghỉ ngơi khi con tàu đã chắt đầy hàng đâu.’ Rồi thằng bé cứ nhìn, phải rồi, y như nó đang nhìn lúc này. Này, anh bạn, lại đây đi. Con sẽ biến thành cái lò sưởi nếu cứ đứng đó nhìn đắm chiêu đấy. Giờ thì, Raff, cái ghế của anh đặt ở đầu bàn, cũng là nơi nó nên được đặt, bởi giờ chúng ta đã có người đàn ông của gia đình rồi, em sẽ nói thế ngay trước mặt Đức vua. Phải, đúng thế – hãy dựa vào người Hans. Thằng bé khỏe lắm. Lớn nhanh như cỏ dại vậy, cứ như vừa mới hôm qua thằng bé vẫn còn là một đứa con nít. Ngồi đây, anh của em, ngồi đây.”

“Em có còn nhớ không hả mình?” Raff nói khi cẩn trọng ng ồi xuống chiếc ghế lớn. “Chiếc hộp âm nhạc kì diệu đã reo ca khi em làm việc trong căn biệt thự ở Heidelberg?”

“Có chứ, em còn nhớ.” Bà đáp. “Chỉ cần vặn cái chìa bằng đồng thau ba lần và thứ đồ ma thuật sẽ vang lên tiếng nhạc diệu kì chạy lên xuống sống lưng của người nghe. Em nhớ nó rõ lắm. Nhưng, Raff này.” Bà trở nên nghiêm trang. “Anh sẽ không tiêu những đồng guilden của chúng ta vào một thứ như thế chứ?”

“Không, không, anh sẽ không làm thế, mình à, bởi Chúa trời đã ban anh một hộp nhạc mà không tốn đồng bạc nào r ồi.”

Có ba ánh mắt vội nhìn nhau và nhìn Raff trong hoảng sợ. Ông ấy lại mất trí r ồi sao?

“Phải đấy, một hộp nhạc mà anh sẽ không đời nào bán đi dù có được trả giá năm mươi túi đầy đồng bạc đi chẳng nữa.” Raff tiếp tục. “Nó được bật lên bằng cách xoay cán chổi, r ồi nó trượt và lượn khắp phòng như tia sáng, ca hát cho đến khi em th ờ rằng mình như đang nghe thấy những chú chim hót ca vậy.”

“Lạy thánh Bavon!” Người vợ thét lên. “Người đàn ông này bị sao vậy?”

“Bị thoải mái và hạnh phúc, người đàn ông của em bị thế đấy! Cứ hỏi Gretel, hỏi chiếc hộp nhạc nhỏ bé Gretel của anh xem người đàn ông của em có thấy thiếu thoải mái và bất hạnh trong mấy ngày nay không đi.”

“Cha không sao đâu, mẹ à.” Gretel cười. “Cha cũng là hộp nhạc của con nữa. Con và cha từng ca hát cùng nhau suốt khi mẹ vắng nhà.”



Con và cha từng ca hát cùng nhau suốt khi mẹ vắng nhà.

“Phải rồi, mà...” Bà thờ phào nói. “Hans à, con không thể nuốt được cả miếng đó đâu, nhưng thôi không sao, đứa bé này, con đã phải chịu đói lâu quá rồi. Đây, Gretel, ăn thêm miếng xúc xích này đi. Nó sẽ đưa máu lên má con đấy.”

“Ôi! Ôi, mẹ à.” Gretel cười phá lên, hăm hở chìa đĩa ra. “Máu không thể nở trên má những bé gái được, ý mẹ là những bông hồng ấy à. Có phải là bông hồng không anh Hans?”

Trong khi Hans đang nhanh nhẩu nuốt một miếng đây để có thể trả lời lại câu hỏi vắn vẻ ấy, bà Brinker đã kịp chần chĩnh lại. “Chà, bông hồng hay máu thì với mẹ đều như nhau cả thôi, đằng nào thì sắc hồng cũng sẽ hiện lên trên gương mặt rạng rỡ của con. Mẹ đã đủ xanh xao và mệt mỏi mà không cần đến...”

“Thôi nào, mình à.” Raff vội nói. “Lúc này em trông khỏe khoắn và hồng hào hơn cả hai đứa bé nhà ta cộng lại đấy.”

Câu nhận xét này, dù không đủ để chứng tỏ sự minh mẫn của một bộ óc vừa thức tỉnh, nhưng cũng đã khiến bà vô cùng vừa lòng. Bữa tối cứ thế mà trôi qua một cách vui vẻ.

Sau bữa tối, cả nhà họ bàn luận nghiêm túc về chiếc đồng hồ cùng những chữ cái bí ẩn bên trên nó.

Hans chỉ vừa đẩy chiếc ghế đầu về phía sau, dự định ngay ngày mai sẽ đến gặp cậu van Holp, còn mẹ cậu chỉ vừa mới đứng dậy để đặt lại chiếc đồng hồ vào chỗ giấu cũ, thì họ nghe thấy tiếng bánh xe lăn trên nền băng.

Có tiếng ai đó gõ cửa và mở cửa cùng lúc.

“Mời vào.” Bà Brinker lấp bắp, vội vã cố gắng che giấu chiếc đồng hồ trên ngực. “Ồ, là ngài sao, quý ngài! Chúc ngài một ngày tốt lành! Chẳng tôi gần như khỏe lại rồi, ngài thấy đấy. Chúng tôi đón tiếp ngài lộn xộn quá, thưa ngài, bữa tối còn chưa dọn dẹp xong.”

Bác sĩ Boekman hầu như chẳng để ý đến lời xin lỗi của bà. Ông trông rõ ràng là đang vội vã.

“E hèm!” Ông thốt lên. “Tôi cho là không sao đâu. Bệnh nhân đang hồi phục nhanh thật.”

“Chà, đúng là vậy, thưa ngài.” Bà kêu lên. “Bởi vừa mới tối qua chúng tôi đã tìm thấy một nghìn đồng guilder mà chúng tôi đã mất mười năm qua.”

Bác sĩ Boekman mở to mắt.

“Đúng vậy, thưa ngài.” Raff nói. “Tôi bảo vợ mình nói cho ngài biết, mặc dù đáng ra nó chỉ là bí mật giữa chúng tôi mà thôi, nhưng tôi biết ngài có thể giữ kín nó tốt hơn bất cứ ai khác.”

Vị bác sĩ cầu nhàu. Ông chưa bao giờ thích những lời nhận xét cá nhân.

“Thưa ngài, bây giờ.” Raff nói tiếp. “Ngài cần được trả tiền đúng với công sức của ngài. Chúa biết rõ ngài xứng đáng, nếu việc đưa một người vô tri tội nghiệp trở lại với cuộc sống và gia đình là nhờ một công ngài.”

“Thôi, thôi!” Vị bác sĩ từ tốn nói. “Đừng nói gì về tiền bạc nữa. Ta có thể được trả công hậu hĩnh thường xuyên, nhưng hiếm khi nào được trả sự biết ơn. Lời cảm ơn của cậu bé đó.” Ông gật đầu về phía Hans. “Đã là đủ cho ta rồi.”

“Có lẽ ngài cũng có một người con trai chẳng?” Bà Brinker nói, khá vui vẻ khi thấy người đàn ông trước mặt mình trở nên hòa đồng hơn.

Vẻ tươi tỉnh của bác sĩ Boekman biến mất ngay tức khắc. Ông gặm gù (có vẻ là thế theo lời Gretel) nhưng không đáp lại gì.

“Xin đừng nghĩ vợ tôi là kẻ tọc mạch, thưa ngài.” Raff nói. “Cô ấy vừa mới bị xúc động mạnh bởi một chàng trai có người thân thích đã rời đi hết, không ai biết giờ họ ở đâu, và tôi cần chuyển lại cho họ lời nhắn từ chàng trai ấy.”

“Tên của họ là Boomphoffen.” Người vợ nóng lòng nói. “Ngài có biết chút gì về gia đình đó không, thưa ngài?”

Vị bác sĩ đáp lại ngắn gọn và cộc cằn:

“Có. Một đám người rắc rối. Họ tới Mỹ từ lâu rồi.”

“Có lẽ là thế này, Raff ạ.” Bà Brinker nhẹ giọng nói. “Quý ngài đây biết họ ở đất nước ấy, mặc dù em nghe bảo họ là những người xấu xa nhất ở đó. Nếu quý ngài có thể đưa chiếc đồng hồ này lại cho nhà Boomphoffen cùng với lời nhắn của chàng trai xấu số đó, thì ấy sẽ là điếu đáng quý nhất.”

“Thôi, mình à, tại sao chúng ta lại làm phiền quý ngài tốt bụng như vậy, khi mà những bệnh nhân sắp chết thì cần ngài ở khắp nơi? Làm sao em biết được mình đã đoán đúng tên của họ?”

“Em chắc chắn mà.” Bà đáp. “Họ có một người con trai tên Lambert, có chữ L viết tắt cho Lambert và một chữ B viết tắt của Boomphoffen ở mặt sau, mặc dù còn có một chữ J kì lạ nữa, nhưng quý ngài có thể sẽ hiểu được.”

Nói thế rồi bà lấy chiếc đồng hồ ra.

“L.J.B.!” Bác sĩ Boekman kêu lên và xông đến chỗ bà.

Cần gì phải nỗ lực miêu tả cảnh tiếp theo cơ chứ? Ta chỉ cần nói rằng lời nhắn của chàng trai cuối cùng cũng đã được chuyển đến người cha, khi vị bác sĩ tuyệt vời đang khóc nức nở như một đứa trẻ.

“Laurens! Ôi Laurens của tôi!” Ông khóc, nhìn chiếc đồng hồ với nỗi mòn mỏi khi ông nâng niu chúng trong lòng bàn tay. “A, ước gì tôi đã biết sớm hơn! Laurens là một đứa bé lang thang không nhà. Trời ơi! Nó có thể đang chịu khổ, đang sắp chết ngay lúc này! Nghĩ đi, anh bạn, thằng bé có thể ở đâu? Con trai tôi nói rằng lá thư cần được gửi đến đâu?”

Raff buồn bã lắc đầu.

“Nghĩ đi nào!” Vị bác sĩ van vãn. Bộ óc vừa được ông thức tỉnh gần đây hẳn là không thể từ chối phục vụ ông trong giờ phút này được.

“Tất cả đã biến mất hết rồi, thưa ngài.” Raff thở dài.

Hans chợt quên hết ranh giới của thứ bậc và địa vị, cậu chỉ còn biết đến nỗi đau khổ của người bạn tốt của mình, cậu ôm lấy cổ vị bác sĩ.

“Cháu có thể đi tìm con trai ngài. Nếu anh ấy còn sống thì anh ấy sẽ chỉ ở đâu đó thôi. Trái đất này đâu có lớn đến thế. Cháu sẽ dành mỗi ngày của đời mình để đi tìm anh ấy. Mẹ giờ không cần cháu nữa rồi. Ngài thì giàu mà, thưa ngài. Hãy gửi cháu đến bất kì đâu ngài muốn.”

Gretel bật khóc. Để Hans đi là một điếu đứng đắn, nhưng làm sao gia đình có thể sống mà thiếu cậu?

Bác sĩ Boekman không trả lời, cũng không đẩy Hans ra. Mắt ông dính chặt vào người Raff Brinker một cách lo âu. Đột nhiên, ông nâng chiếc đồng hồ lên và, với sự hồi hộp run rẩy, cố gắng mở nắp nó ra. Cái lò xo cứng đồ cuối cùng cũng khuất phục; nắp đồng hồ bật mở, hiện ra mặt giấy đồng hồ có hình một đoá lưu ly xanh. Raff, khi thấy vẻ thất vọng tràn trề trên gương mặt người bác sĩ khi ấy, vội vã nói: “Trong đó từng có một thứ gì khác nữa, thưa ngài, nhưng chàng trai trẻ đã xé nó ra trước khi đưa đồng hồ cho tôi. Tôi thấy cậu ấy hôn lên nó rồi cất nó đi.”

“Ấy là bức ảnh của mẹ thằng bé.” Vị bác sĩ than thở. “Bà ấy mất khi thằng bé mới mười tuổi! Ôn Chúa! Thằng bé vẫn còn nhớ! Cả hai cùng chết rồi sao? Không thể nào!” Ông thốt lên rồi đứng dậy. “Con tôi vẫn còn sống. Mọi người cần nghe câu chuyện của nó. Laurens từng là trợ tá của tôi. Nó vô tình pha chế nhầm thuốc cho một bệnh nhân, thứ thuốc ấy biến

thành độc dược chết người, nhưng nó không hề giết ai cả, bởi tôi đã kịp thời phát hiện ra. Người đàn ông ấy vẫn không qua khỏi ngày hôm ấy. Tôi thì quay cu ồng trong công việc cho đến tận sáng ngày hôm sau. Khi tôi về nhà, thằng bé đã biến mất. Laurens tội nghiệp!” Vị bác sĩ thôn thức và bật khóc. “Nó không nghe một chút tin gì từ tôi bao lâu nay. Tin nhắn của nó cũng không đến được tai tôi. Ôi, thằng bé chắc đã phải chịu khổ nhiều lắm!”



“Ấy là bức ảnh của mẹ thằng bé.” Vị bác sĩ than thở.

Bà Brinker mở lời. Bất cứ thứ gì cũng đều tốt hơn là nhìn quý ngài khóc.

“Thật là nhẹ lòng khi biết chàng trai vô tội. A, cậu ấy hẳn đã lo sợ lắm! Khi mà cậu ấy kể cho anh, Raff ạ, rằng cậu ấy đã như phạm vào tội giết người. Ý cậu ấy là chế nhạo thuốc. Hẳn là phạm tội! Chà, chính Gretel

của chúng ta cũng có thể mắc sai lầm như thế mà! Có thể chàng trai tội nghiệp biết được người bệnh nhân kia không qua khỏi, thế nên mới bỏ trốn, thưa ngài. Cậu ấy nói, anh biết đấy, Raff, rằng cậu ấy sẽ không bao giờ có thể trở về Hà Lan được nữa, trừ khi...” Bà do dự. “A, thưa ngài, mười năm là một quãng thời gian mệt mỏi để chờ đợi tin tức từ...”

“Thôi nào, mình!” Raff nghiêm giọng nói.

“Chờ đợi tin tức...” Vị bác sĩ rên rỉ. “Và tôi, như một kẻ ngốc, cứ đầu ng ẫ tại nhà, những tưởng thằng bé đã bỏ rơi tôi. Tôi chưa bao giờ tưởng tượng được rằng, Brinker ạ, rằng thằng bé đã nhận ra sai lầm của mình. Tôi cứ tin nó là một thằng ngốc trẻ dại, vô ơn, mê du hí nên mới bỏ đi. Laurens tội nghiệp, tội nghiệp của tôi!”

“Nhưng ngài biết đấy, thưa ngài, giờ thì.” Hans thì thầm. “Ngài biết anh ấy vô tội, rằng anh ấy yêu thương ngài cùng người mẹ đã mất của mình. Chúng cháu sẽ tìm anh ấy. Ngài sẽ được gặp anh ấy lần nữa, thưa ngài đáng mến.”

“Chúa phù hộ cháu!” Bác sĩ Boekman nói và nắm lấy tay cậu bé. “Có thể chuyện sẽ được như cháu nói. Ta nên thử... ta nên thử... và, Brinker này, nếu nhớ lại dù chỉ một chút gì về thằng bé, anh sẽ nhắc ta ngay chứ?”

“Tất nhiên rồi!” Tất cả đều kêu lên trừ Hans, lời hứa thầm lặng của cậu đã đủ để làm hài lòng vị bác sĩ cho dù các thành viên còn lại có không nói gì đi chăng nữa.

“Cậu bé nhà hai người có đôi mắt.” Ông quay sang bà Brinker. “Giống con trai tôi đến kì lạ. Lần đầu thấy thằng bé, tôi có cảm tưởng như Laurens đang nhìn mình.”

“Phải, thưa ngài.” Người mẹ tự hào đáp. “Tôi có thể hiểu ngài ưu ái thằng bé rất nhiều.”

Quý ngài trở nên trầm tư trong một lúc, rồi chợt tỉnh lại và nói bằng một giọng khác: “Thứ lỗi cho tôi, Raff Brinker, vì sự phiền phức này. Đừng cảm thấy áp lực vì tôi. Hôm nay tôi sẽ trở về nhà với tâm trạng vui vẻ nhất trong nhiều năm qua. Tôi có thể mang theo chiếc đồng hồ không?”

“Tất nhiên rồi, ngài cần phải mang nó theo, thưa ngài. Đó là mong muốn của con trai ngài mà.”

“Kể cả vậy.” Vị bác sĩ đáp, ngắm nghía món đồ quý giá trên tay với một cái cau mày kì lạ, bởi gương mặt ông không thể từ bỏ thói quen xấu

ngày xưa chỉ trong một giờ được. “Kể cả vậy. Giờ tôi phải đi rồi. Không có liều thuốc nào cần thiết nữa, anh chỉ cần sự yên bình và vui vẻ thôi, mà ở gia đình này hai thứ đó thật nhiều. Chúa trời ban ơn cho những người bạn tốt của tôi! Tôi sẽ luôn biết ơn mọi người.”

“Chúa trời ban ơn cho ngài nữa, thưa ngài, hy vọng ngài chóng tìm được con mình.” Bà Brinker chân thành nói sau khi chấm vôi khoe mắt mình bằng góc tạp dề

Raff nói một tiếng “Amen!” thật cảm động và Gretel nhìn ông bằng ánh mắt mong chờ, hồi hộp khi ông ra về đến nỗi khiến ông đưa tay xoa đầu cô bé.

Hans cũng đi ra ngoài.

“Khi nào cháu có thể giúp ngài, thưa ngài, cháu luôn sẵn sàng?”

“Tốt lắm, cậu bé.” Bác sĩ Boekman đáp lời với vẻ vô cùng nhã nhặn. “Hãy nói với họ là đừng kể cho ai biết chuyện này. Trong lúc đó, Hans ạ, khi cháu ở cùng cha, hãy quan sát biểu hiện của ông ấy. Cháu đã có kinh nghiệm rồi. Bất cứ khi nào ông ấy cũng có thể đột nhiên nhớ ra nhiều hơn.”

“Cứ tin tưởng ở cháu, thưa ngài.”

“Chúc cháu một ngày tốt lành, cậu bé!” Vị bác sĩ nói khi ông vội bước đến chiếc xe ngựa đang đứng yên của mình.

A ha! Hans nghĩ khi chiếc xe lăn bánh đi, quý ngài có sức sống hơn mình tưởng nhiều.

XLIV

Cuộc đua

Cùng thì ngày Hai mươi của tháng Mười hai cũng đến, mang theo tiết trời đông hoàn hảo. Ánh nắng ấm phủ khắp lên mặt băng bằng phẳng, cố gắng vận dụng sức mạnh của mình lên những mặt hồ, con kênh, dòng sông, nhưng lớp băng chỉ lóa lên chống đối và chẳng hề có dấu hiệu gì là bị tan chảy. Những chiếc chong chóng gió hình con gà trông trên nóc nhà đứng im lìm như để thưởng thức cảnh đẹp. Chính đi đầu này tạo ra một kì nghỉ lễ cho những chiếc cối xay gió. Gần như cả tuần trước chúng cứ quay vòng vòng; giờ, như thể đã mệt hết hơi, chúng lười nhác xoay đều trong bầu không khí trong lành, êm ả. Lẽ nào cối xay gió còn làm việc mà những chiếc chong chóng kia lại không may mắn suy chuyển ư!

Hôm đó, mọi công việc nghỉ ngơi, già hay trẻ đều được gác lại. Đây là một đi đầu tốt cho những chủ cối xay gần Broek. Ngay từ buổi sáng, họ đã quyết định hạ buồm và tới xem cuộc đua. Mọi người đều đổ về đó, phía bắc của nhánh Y đóng băng đã kịp bị bao vây bởi những người háo hức đến xem. Tin tức về cuộc đua trượt băng lớn đã truyền đi xa rộng. Đàn ông, phụ nữ và trẻ nhỏ xúng xính trong những bộ trang phục lễ hội, đổ ồa ra nơi tổ chức. Một vài người mặc đồ lông cùng áo khoác và khăn choàng đầu mùa đông, nhưng có nhiều người, vì nghe theo cảm giác trong mình hơn là thời tiết, lại mặc như thể trời vẫn còn đang tháng Mười.

Nơi được chọn để tổ chức cuộc đua là một khoảng sân băng không có gì để chê gần Amsterdam, trên nhánh sông lớn của Zuider Zee, nơi mà người Hà Lan gọi là Con Mất. Người trong thị trấn đến rất đông. Người lạ từ nơi khác cũng cho rằng đây là một cơ hội tuyệt vời để xem đi đầu nên xem. Nhiều người nông dân từ miền Bắc đã khôn ngoan chọn ngày Hai mươi là ngày thực hiện chuyến mua bán thương mại vào thành phố. Có vẻ như tất cả mọi người, dù trẻ nhỏ hay cụ già, dù bằng xe bánh, lười trượt hay chân không thì cũng đều vội vàng tới xem.

Có những quý tộc ngẫ trên xe ngựa, ăn mặc như người Paris, mang đến sự tươi mới của khu phố lớn; lũ trẻ Amsterdam mặc bộ đồng phục trường thiện nguyện; các bé gái từ Trại mồ côi Thiên Chúa giáo La Mã trong chiếc váy dài bằng lông chồn zibelin và đeo băng đô trắng; các cậu bé từ Viện Burgher, mặc quần bó màu đen và chiếc áo khoác ngắn sắc sỡ. Có những quý ông lỗi thời đội chiếc mũ ba góc và quần túm gối bằng nhung; có cả các quý bà lỗi thời nữa, trong những chiếc váy hai lớp cứng đờ với vạt váy bằng gấm thêu kim tuyến lấp lánh. Thấp túng họ là những người hầu cận mang theo lò sưởi chân và áo khoác. Một số người nông dân mặc lên mình bất kì bộ đồ nào có thể mặc được của người Hà Lan, các thanh niên từ quê lên rụt rè với hàng cúc áo màu đồng; những cô thôn nữ giản dị che giấu mái tóc vàng hoe sau dải băng quấn tóc màu vàng; những người phụ nữ với cái tạp dề dài hẹp, cứng lại bởi hình thêu; những người phụ nữ với lọn tóc xoắn tít thả rơi trước trán; những người phụ nữ với cái đầu cạo trọc đội chiếc mũ vừa khít; và cả những người phụ nữ mặc váy kẻ sọc đội mũ bê rê mềm. Đàn ông thì mặc đồ da thuộc, đồ vải thô, đồ nhung hay vải bóng mỏng; những người dân tỉnh diện trang phục đúng chuẩn châu Âu, cũng có những người mặc áo khoác ngắn, quần ống rộng cùng nón chóp nhọn.

Có những cô gái người Friesland xinh đẹp trong đôi giày gỗ và váy lót dài bằng vải thô, cùng mũ miện vòng quanh đầu, kết thúc ở mỗi bên thái dương với một phù hiệu hoa hồng cố định bằng một sợi dây phải đến cả thế kỉ tuổi. Một vài người đeo vòng cổ, mặt dây chuyền và khuyên tai làm bằng vàng ròng. Nhiều người vừa lòng với đồ trang sức dát vàng hay thậm chí chỉ làm bằng đồng thau, nhưng phụ nữ Friesland thường đeo mọi đồ quý giá của gia đình lên trên chiếc mũ miện. Nhiều cô gái đã đội cả một gia tài đáng giá hai ngàn đồng guilden lên tóc mình ngày hôm ấy.

Xen lẫn trong đám đông là những người nông dân đến từ vùng đảo hay Marken, với đôi giày đế gỗ, quần tất đen và quần ống túm rộng nhất có thể; cũng có những người phụ nữ đến từ Marken mặc chiếc váy lót dài đáng ngắn màu xanh cùng áo khoác đen được trang trí sắc sỡ ở mặt trước. Cánh tay áo họ có màu đỏ, chiếc tạp dề màu trắng cùng chiếc mũ như mũ tế của giám mục che khuất đi mái tóc vàng của họ.

Bọn trẻ con thường trông già dặn và kì quặc giống như thế hệ trước của chúng. Tóm lại, một phần ba đám đông cứ như đã bước ra từ bộ sưu tập

những bức tranh vẽ của Hà Lan vậy.

Dù ở nơi đâu người ta cũng có thể thấy những người phụ nữ cao và những người đàn ông lùn mập, những cô bé với gương mặt rạng ngời đầy sức sống, những thanh niên với sắc mặt chẳng đổi thay từ lúc mặt trời mọc đến khi mặt trời lặn.

Có vẻ như mỗi thị trấn có tiếng ở Hà Lan đều có ít nhất một nghề đặc trưng. Là những người đội nước vùng Utrecht, người làm pho mát Gouda, người làm gốm Delft, người chưng cất rượu Schiedam, người cắt kim cương Amsterdam, thương gia Rotterdam, những người đóng gói cá trích khô cùng hai người chần cừu buồm ngủ đến từ Texel. Mỗi người đều có một tàu thuốc cùng túi thuốc lá. Một vài người còn mang cái thứ gọi là bộ đồ nghề hoàn chỉnh của một kẻ hút thuốc – tàu thuốc, thuốc lá, một mảnh giẻ để lau ống, một tấm lưới bạc để bảo vệ cái bát và một hộp que diêm lưu huỳnh cháy mạnh nhất.

Các cháu nên nhớ, một người đàn ông Hà Lan thực thụ hiếm khi không mang bên mình tàu thuốc bất cứ dịp nào có thể. Ông ấy có thể quên thỏ trong một lát, nhưng khi tàu thuốc bị lãng quên, ông ấy chắc chắn sẽ chết. Tầng luồng khói bay lên từ khắp mọi hướng. Luồng khói càng có hình dạng thú vị thì người hút càng điềm tĩnh và trầm lặng.

Nhìn các cô bé cậu bé đi cà kheo kia! Đó là một ý hay đấy. Chúng có thể quan sát qua đầu của những người cao nhất. Thật là kì lạ khi thấy những bóng dáng nhỏ bé đứng cao đến thế trên những đôi chân bí ẩn của chúng. Chúng có vẻ quyết tâm trên khuôn mặt tròn trịa, thảo nào mà các quý ông bần chần với đôi chân yếu ớt đã phải cau mày và run rẩy khi những con tiểu quỷ chân dài trượt qua họ.

Các cháu sẽ đọc được trong một vài cuốn sách rằng người Hà Lan là những con người trầm lặng, bình dị thì đúng hơn. Nhưng hãy nghe đi! Các cháu đã từng nghe thấy tiếng ồn ào đến vậy chưa? Tất cả đều là tiếng con người, à không, có tiếng ngựa thêm vào đôi chút, cùng tiếng vĩ cầm kêu kít lên đầy tiếc nuối (tiếng đàn vang lên mới đau thương làm sao!), nhưng thứ âm thanh lớn tưởng chừng như được tạo ra bởi vox humana lại chính là của con người.

Chú lùn lạ lùng đi loanh quanh với cái rổ nặng trĩu, len lỏi vào ra giữa dòng người mà không giúp ích gì hết. Bạn có thể nghe tiếng kêu ré của anh ta giữa những thứ tiếng khác: “Mua thuốc lá đi! Mua thuốc lá đi!”

Cậu em trai cao to hơn, dù trông rõ ràng là trẻ hơn vài tuổi, đang bán bánh vòng và kẹo nhân mềm. Cậu ta cất tiếng rao, gọi tất cả những đứa trẻ xinh đẹp mau mau lại gần kéo bánh sẽ nhanh chóng hết sạch mất.

Cháu đã biết khá nhiều về những người đến xem r ễ ấ y. Phía trên cao ở căn nhà lầu đằng kia, được dựng đứng trên một kệ băng là một vài người mà cháu đã gặp gần đây. Ở giữa là phu nhân van Gleck. Hôm nay là sinh nhật bà, cháu còn nhớ chứ; nên bà được ng ồi ở vị trí danh dự. Ngài van Gleck, với tàu thuốc còn chưa kịp đốt trên môi, cũng xuất hiện cạnh bà. Có thêm người ông và người bà, những người mà cháu đã gặp vào ngày mà Thánh Nicholas ghé thăm. Con cháu đều quây quần bên họ. Thời tiết ôn hòa đến độ họ mang theo cả em bé. Tạo vật nhỏ bé tội nghiệp được quấn kín mít như thể xác ướp Ai Cập, nhưng vẫn có thể bi bô vui vẻ, và khi ban nhạc đang chơi, đứa trẻ mở r ễ lại đóng đôi găng tay sống động của mình ăn khớp hoàn hảo theo điệu nhạc.

Người ông, với tàu thuốc, cặp kính và chiếc mũ lông, trông như một bức tranh khi ông bế đứa bé đặt lên trên đầu gối mình. Ng ồi cao trên bục có mái che, họ nhìn thấy rõ những gì đang diễn ra. Không mấy khó hiểu khi mà các quý bà nhìn lớp băng trong suốt một cách mãn nguyện; với mỗi một cái lò sưởi chân đặt trên chiếc ghế đầu, họ thậm chí có thể thư thái ng ồi nơi cực Bắc.

Có một quý ông ở cùng họ, người có vẻ gì giống Thánh Nicholas khi ngài xuất hiện trước mặt lũ trẻ nhà van Gleck vào ngày mừng Năm tháng Mười hai. Nhưng vị thánh có bộ râu dài trắng, còn người này có khuôn mặt nhẵn thín như vỏ táo. Vị thánh có thân hình lớn hơn, và (giữa chúng ta) người này lại có một đôi đê trong miệng, đi ầu mà một quý ông không bao giờ làm. Đây hẳn không thể là Thánh Nicholas r ễ.

Gần đó, ở ngay căn lầu bên cạnh là nhà van Holp với con trai và con gái họ (cũng là nhà van Gend) đến từ La Hay. Chị gái của Peter không hề quên lời hứa của mình. Cô đã mang theo những bó hoa tinh tế nhất từ nhà để dành tặng người thắng cuộc.

Những túp lầu đặt san sát đó đã được dựng lên từ sáng sớm. Chúng tạo thành một vòng bán nguyệt, gồm có cả căn lầu của gia đình ngài Korbes – vô cùng đẹp đẽ và chứng tỏ tài năng của người Hà Lan trong việc dựng lầu, dù vậy thì ta vẫn thích căn nhà lầu của ngài van Gleck nhất, cái căn ở giữa ấy, với những sọc đỏ trắng và trang trí bằng dây thường xuân.

Căn lầu với những lá cờ màu xanh là nơi của các nhạc công. Những thứ có hình dạng như mái chùa, trang trí đầy vỏ sò và dải cờ đầy màu sắc là chỗ đứng của các vị giám khảo, còn những cái cột và cây cờ cắm trên dấu băng là giới hạn đoạn đường đua. Có hai cây cột màu trắng pha xanh, được nối với nhau ở phần đầu bởi dải vải dài bay phấp phới, đánh dấu điểm xuất phát. Những cây cột cắm cờ cách đó nửa dặm thì được đặt ở mỗi đoạn kết thúc của đường biên, chúng đủ nổi bật để các thí sinh nhìn thấy, nhưng không đủ để làm họ ngã khi quay trở lại vạch xuất phát.

Không khí trong lành đến độ khó có thể tin được rằng những cái cột và cột cắm cờ lại ở xa nhau đến thế. Tất nhiên, chỗ đứng dành cho giám khảo cũng vậy nhưng gần nhau hơn một chút.

Trong bầu không khí như thế này, một nửa dặm trên mặt băng cũng chỉ là một quãng đường ngắn mà thôi, đặc biệt là với hàng rào sống những người chứng kiến đang vây quanh.

Nhạc đã nổi lên. Thứ giai điệu như thể đang tận hưởng chính mình trong bầu không khí! Tiếng đàn vĩ cầm đã quên đi sự đau khổ của mình, mọi thứ trở nên đồng điệu. Cho đến khi các cháu nhìn về phía căn lầu màu xanh, có vẻ như tiếng nhạc vang lên từ ánh nắng, thật vô hạn, thật vui vẻ. Chỉ khi cháu nhìn thấy khuôn mặt lạnh tanh của các nhạc công, cháu mới nhận ra sự thật.

Các thí sinh đâu hết rồi? Tất cả đều đang tập trung gần những cây cột trắng. Ấy là một cảnh đẹp. Bốn mươi cô bé, cậu bé trong những bộ quần áo đủ màu sắc lướt qua lướt lại trong nhóm với tốc độ nhanh như tia điện, hoặc chúng đi theo bộ đôi hay bộ ba, ra hiệu, bàn tán, thì thầm với sự vui vẻ hết mức của tuổi trẻ.

Một vài người thì đang cẩn thận lỏng dây buộc; những người khác thì dừng lại trên một chân, với khuôn mặt đỏ bừng hăm hở, đột nhiên đầy lười trượt cảm thấy nghi ngờ qua đầu gối mình, rồi sau khi lắc nó để kiểm tra thì lại trượt đi thật nhanh. Tất cả đều bị linh hồn của chuyển động chiếm lấy. Chúng không thể đứng yên. Lười trượt đã trở thành một phần của mỗi người, ai nấy cũng đều trông như bị mê hoặc.

Dù gì đi nữa thì Hà Lan cũng là đất nước dành cho người trượt băng. Ở đâu khác mà gần như mọi cô bé, cậu bé có thể biểu diễn trên băng mà khiến cả đám đông kéo đến như ở Công viên Trung tâm như thế này được chứ? Nhìn Ben mà xem! Cậu ấy đang thực sự kinh ngạc trước những người dân

nơi đây; thế này thì không dễ dàng gì mà giành chiến thắng ở Hà Lan. Cứ giữ sức đi, Ben ạ, cậu sẽ cần nó sớm thôi. Giờ các cậu trai khác đang thử sức! Ben bị vượt qua mất rồi. Những cú nhảy, cú xoay người, cú bay người, cú bật đàn hồi thật xuất sắc! Cậu con trai đội chiếc mũ đỏ cứ như một con sư tử vậy; lưng cậu ta là cái lò xo đồng hồ, thân hình cậu ta thì như cái nút bần; không, nó như được làm bằng sắt vậy, không thì nó đã gãy làm đôi rồi! Cậu ta đúng là một chú chim, một con quay, một con thỏ, cái mở nút chai rượu, một yêu tinh, một quả bóng người cùng một lúc. Khi bạn nghĩ cậu ta đứng thẳng, cậu ta lại cúi người, và lúc bạn nghĩ cậu ta cúi thì cậu ta lại đứng lên. Cậu ta đánh rơi chiếc găng tay xuống nền băng và lộn người một cú để nhặt nó lên. Không cần dừng lại, cậu ta giật lấy chiếc mũ từ cái đầu ngạc nhiên của Jacob Poot rồi đội nó lại, mặt sau quay ra đằng trước. Những người đứng xem hoan hô và cười phá lên. Đúng là cậu bé ngốc nghếch! Dưới chân là cái lạnh buốt, nhưng ở bên trên thì không khí lại hết sức cuồng nhiệt. Những giọt mồ hôi to đã bắt đầu chảy xuống trán các cháu rồi kia. Dù cháu có trượt băng giỏi đến đâu, thì khả năng thua cuộc vẫn có thể xảy ra.

Một khách du lịch người Pháp đứng đó với cuốn sổ trên tay, đã thấy người bạn Anh quốc của chúng ta. Ben đã mua một chiếc bánh vòng từ em trai của chú lùn và ăn nó. Thế nên, ông ta viết vào trong cuốn sổ rằng người Hà Lan ăn những miếng rất to và thích thú với món khoai tây đun trong nước hàng.

Có một vài gương mặt quen thuộc ở gần những cây cột trắng. Lambert, Ludwig, Peter và Carl đều ở đó, trông thoải mái và tự tin để bắt đầu cuộc đua. Hans ở cách đó không xa mấy. Rõ ràng là cậu sẽ tham gia cuộc đua, bởi cậu đang mang đôi lưỡi trượt dưới chân, chính là đôi mà cậu đã bán đi với giá bảy đồng guilder! Cậu đã sớm nghi ngờ rằng bà tiên đỡ đầu chính là “người bạn” bí ẩn đã mua đôi lưỡi trượt kia. Chắc hẳn là vậy, cậu đã mạnh dạn đề nghị mua lại đôi lưỡi trượt, và cô, biết quá rõ rằng tất cả số tiền dành dụm ít ỏi của mình đã dùng để mua đôi lưỡi trượt, không đủ can đảm để từ chối số tiền. Thông qua bà tiên đỡ đầu, cậu cũng mới được mua lại nó với giá hậu hĩnh. Bởi vậy mà Hans vẫn có mặt trong cuộc đua. Carl chưa bao giờ khó chịu đến thế vì việc này, nhưng bởi còn có ba cậu bé nông dân khác tham gia cuộc đua nên Hans không bị cô lập.

Có tổng cộng hai mươi cậu bé và hai mươi cô bé. Nhóm các cô bé lúc này đã đứng lên hàng trước, chuẩn bị tư thế bởi chúng sắp sửa nghe khẩu lệnh “Chạy”. Hilda, Rychie và Katrinka cũng nằm trong số ấy; hai hay ba cô bé vội vàng cúi xuống để thắt chặt dây lười trượt lần cuối. Thật là thú vị khi nhìn các cô bé giậm giậm chân để chắc chắn đôi lười trượt đã được buộc chặt. Hilda đang thoải mái chuyện trò cùng một tạo vật duyên dáng nhỏ bé trong chiếc áo khoác đỏ cùng cái váy lót mới màu nâu. Chà, ấy là Gretel! Chiếc mũ mới, cái váy mới cùng đôi giày xinh xắn kia mới tạo nên sự khác biệt làm sao. Annie Bouman cũng có mặt. Kể cả em gái của Janzoon Kolp cũng được cho đến, nhưng Janzoon đã bị hội đồng tổ chức loại bỏ khỏi cuộc thi vì cậu ta đã giết hại một con cò và chỉ mới hè vừa rồi đã bị bắt quả tang ăn trộm trứng trong tổ cò, một điếu phạm pháp ở Hà Lan.

Cậu Janzoon Kolp này, như các bạn thấy đấy, là... Thôi, ta chưa thể kể được. Cuộc đua sắp bắt đầu rồi.

Hai mươi cô bé xếp thành hàng. Âm nhạc nổi lên.

Một người đàn ông mà chúng ta nên gọi là người rao tin, đứng giữa những cây cột và chỗ đứng hàng đầu của các giám khảo. Ông ta đọc luật thi với một giọng lớn: “Các cô bé, cậu bé sẽ lần lượt thi đấu, cho đến khi một cô bé và một cậu bé chiến thắng hai lần. Mọi người sẽ xuất phát từ vạch được đánh dấu bởi các cây cột, trượt đến chỗ cắm cột cò, quay lại và trở về vị trí xuất phát, mỗi lần như thế là được một dặm.”

Lá cò trên tay các giám khảo vẫy một cái. Phu nhân van Gleck đứng dậy trong lều. Bà rướn người ra với chiếc khăn tay trắng trong tay. Khi bà đánh rơi nó, người thổi kèn đưa ra hiệu lệnh xuất phát.

Chiếc khăn tay chạm xuống sàn rồi! Chúa ơi!

Chúng đã xuất phát!

Không. Bắt đầu lại. Vạch đó không chính xác bởi nó đã vượt quá vị trí của giám khảo.

Hiệu lệnh vang lên lần nữa.

Chúng lại xuất phát. Lần này thì không có trục trặc gì. Chà! Chúng mới đi nhanh làm sao!

Tiếng ai nấy đều bỗng im bật trong phút chốc, bị nuốt nghẹn bởi sự hẫng hụt trông chờ.

Thế rồi tiếng hò reo cổ vũ rộn lên từ hàng người xem. Hoan hô! Năm cô bé ở đầu đống thanh. Ai đang vụt trở lại từ đường biên thế nhỉ? Chúng ta không biết được. Chỉ thấy có màu đỏ mà thôi. Ngay sát đằng sau là một đốm xanh dương, rồi một vệt vàng còn gần hơn nữa. Người đứng xem ở đầu hàng cố căng mắt ra và ước gì họ đã tới vị trí gần cột cờ hơn.

Tiếng hò reo lại vang lên ngay lập tức. Giờ chúng tôi thấy được rồi. Katrinka đang dẫn đầu!

Cô lướt vụt qua căn lều của nhà van Holp. Tiếp theo là lều của phu nhân van Gleck. Dáng người nghiêng về phía trước ấy cứ như một thỏi nam châm. Hilda vượt qua Katrinka, vẫy tay với mẹ mình khi lướt qua. Hai người khác đang rút ngắn khoảng cách, họ lướt vèo đi như hai mũi tên. Hai tia đỏ và xám đó là gì vậy? Hoan hô, chính là Gretel! Cô bé cũng vẫy tay nhưng không hướng về bất kì căn lều sắc sỡ nào. Đám đông đang hò hét, nhưng cô bé chỉ còn nghe thấy tiếng cha mình. “Làm tốt lắm, Gretel bé nhỏ!”

Chẳng mấy mà Katrinka, với một tiếng cười nhanh lạnh lớt vượt qua Hilda. Cô gái trong bộ áo váy màu vàng đang tăng tốc. Cô ấy vượt qua tất cả, ngoại trừ Gretel. Ban giám khảo nhào người về trước mà không hề nhấc mắt khỏi đống hồ. Tiếng reo hò cổ vũ cứ vang lên trong không gian; những cây cột có vẻ như cũng rung chuyển. Gretel đã vượt qua chúng. Cô bé đã chiến thắng.

“Gretel Brinker, một dặm!” Người rao tin hô lên.

Các giám khảo gật đầu. Họ viết gì đó lên tấm bảng mà mỗi người cần một cái trên tay.

Khi các cô bé đang nghỉ ngơi – một nhóm thì háo hức tụ lại quanh Gretel nhỏ bé đang hoảng sợ, một vài người thì đứng ngoài nhìn vào với vẻ khinh khỉnh – thì các cậu bé lại xếp thành hàng.

Ngài van Gleck lần này là người buông khăn tay. Người thổi kèn thổi lên tiếng chói tai. Các cậu bé đã xuất phát.

Đã được nửa đường rồi! Các cháu có cảm nhận được sự phấn khích không?

Ba trăm cái chân vụt qua trong chớp mắt. Nhưng chỉ có hai mươi cậu bé mà thôi. Không thành vấn đề, vẫn có đến hàng trăm cái chân, ta chắc chắn là thế! Chúng đang ở đâu rồi? Có tiếng người kinh ngạc thốt lên.

Người ta đang cười nhạo cái gì vậy? Ồ, là cậu bé béo ú ở phía sau kia. Nhìn cậu ấy chạy xem! Nhìn xem! Cậu ấy sẽ gục sớm thôi; không, không đâu. Ta tự hỏi liệu cậu ấy có biết người ta đã bỏ cậu ấy lại một mình hay không; các cậu bé còn lại đã gần tới đích rồi. Phải, giờ cậu ấy đã biết. Cậu ấy dừng lại! Cậu ấy lau khuôn mặt nóng bừng của mình. Cậu ấy cười mũ rùi nhìn xung quanh. Tốt hơn hết là từ bỏ với lòng tự trọng. Cậu đã bắt bạn được với cả trăm người chỉ với tiếng cười nhiệt thành, kinh ngạc ấy. Jacob Poot tốt bụng!

Cậu bạn nhanh chóng đứng vào hàng người xem, hăm hở nhìn những cậu bé còn lại thi đấu.

Một đám mây băng bay lên từ gót giày trượt khi các cậu bé phanh lại và quay đầu ở chỗ cột cờ.

Có gì đó màu đen đang tới, một trong các cậu bé, như chúng ta đã biết. Cậu ta đã chạm vào nút vox humana của đám đông; và giờ tiếng hò reo rộn rã hơn bao giờ hết. Các cậu bé đã tiến lại gần hơn, chúng ta có thể trông thấy chiếc mũ đỏ. Kia là Ben... kia là Peter... kia là Hans!

Hans đang dẫn đầu! Phu nhân trẻ van Gend gần như vò nát bó hoa trên tay; cô đã từng chắc nịch rằng Peter sẽ thắng. Carl Schummel theo sát, rồi đến Ben, rồi đến cậu trai trẻ với cái mũ đỏ. Một dáng người cao vút qua giữa họ. Cậu ta vượt qua cậu mũ đỏ, vượt qua Ben rồi vượt qua Carl. Bây giờ là một cuộc rượt đuổi cân bằng giữa cậu ta và Hans. Phu nhân van Gend nín thở.

Là Peter! Peter dẫn đầu rồi! Hans lại vượt qua cậu. Đôi mắt Hilda lấp lánh nước mắt. Peter cần phải thắng. Đôi mắt Annie sáng rỡ tự hào. Gretel chăm chú quan sát với bàn tay nắm chặt, chỉ cần bốn sải chân nữa thôi là anh cô bé sẽ về đích.

Anh ấy đến nơi rồi! Đúng vậy, nhưng cậu Schummel đã nhanh hơn một giây. Trong giây cuối, Carl đã dùng hết sức lực để phi lên giữa họ và giành chiến thắng.

“Carl Schummel, một dặm!” Người rao tin hô lên.

Chốc sau, phu nhân van Gleck lại đứng dậy. Chiếc khăn tay rơi xuống, tiếng kèn hiệu, tiếng kèn hiệu nổi lên như một cung tên bắn đi hai mươi cô bé như hai mươi mũi tên.

Ấy là một cảnh tượng tuyệt đẹp, nhưng ngắn ngủi; trước khi chúng ta kịp phân biệt các thí sinh thì họ đã ở tít đằng xa rồi. Lần này họ thi đấu suýt soát hơn; thật khó để xác định ai sẽ chạm đích trước khi họ phi về từ cột cờ. Có những gương mặt mới ở hàng đầu, hăm hở, sáng bừng và chưa từng được chú ý. Katrinka ở đó cùng với Hilda, nhưng Gretel và Rychie còn đang ở phía dưới. Gretel đang vẫy chào, nhưng khi bị Rychie vượt qua, cô bé bắt đầu một cuộc chạy mới. Giờ họ đã gần như trượt bên cạnh Katrinka rồi. Hilda vẫn đang dẫn trước, cô sắp về tới “nhà”. Cô không hề bị phân tâm kể từ khi tiếng kèn cất lên; cô bay như mũi tên về phía đích. Tiếng hò reo cổ vũ vang lên. Peter im lặng, nhưng mắt cậu sáng như vì sao. “Hoan hô! Hoan hô!”

Tiếng người rao hiệu vang lên lần nữa.

“Hilda van Gleck, một dặm!”

Một tiếng thì thào tán thành lớn chạy dọc đám đông, hòa hợp với tiếng nhạc vang lên cho đến khi chúng trở thành cùng một giai điệu, với nhịp điệu mừng rỡ thồn thức trong xúc cảm của nó. Trong khi những lá cờ bay phấp phới thì tất cả đều bất động.

Kèn tiếp tục vang lên một tiếng lớn. Nó gửi những chàng trai lướt đi như những cơn rơm khô trước gió.

Cơn rơm quay ngoặt trở lại ở chỗ cột cờ, vẫn giữ tốc độ nhanh nhờ tiếng cổ vũ và hò hét ở ngoài biên. Chúng ta bắt đầu thấy được đi đâu gì sắp xảy ra. Có ba cậu bé dẫn đầu lần này, cả ba trượt ngang bằng nhau. Đó là Hans, Peter và Lambert. Carl nhanh chóng bứt phá lên, vượt qua với một tiếng rít. Bay đi, Hans; bay đi, Peter; đừng để Carl đánh bại các cậu. Carl cay cú. Carl thô lỗ. Van Mounen đang mệt rồi, nhưng hai cậu thì còn rất khỏe. Hans và Peter, Peter và Hans; ai hơn đây? Chúng ta yêu cả hai cậu ấy. Chúng ta ít khi nào quan tâm xem trong họ ai nhanh hơn ai.

Hilda, Annie và Gretel ngẩng trên chiếc tràng kỷ đỏ, không thể nào giữ im lặng được nữa. Họ đứng bật dậy thật khác biệt dù ai cũng đang rất mong chờ. Hilda ngay lập tức ngẩng lại xuống. Không ai cần biết cô đang háo hức như thế nào, không ai cần biết cô đang lo lắng, đang hy vọng như thế nào. Hãy nhắm mắt lại, Hilda ạ, hãy giấu đi gương mặt tràn đầy hạnh phúc. Peter đã chiến thắng.

“Peter van Holp, một dặm!” Người rao tin hô lên.

Sự phấn khích lại rộn lên, trong khi các giám khảo ghi chép, những nhíp điều rập rình lan tỏa khắp đám đông ồn ã; nhưng có gì đó khác biệt. Một nhóm người nhỏ túm tụm xúm xít xung quanh thứ gì đó ở gần cây cột. Carl bị ngã. Dù không bị thương nhưng cậu ta hơi choáng. Nếu bớt sưng sả hơn, cậu ta đã nhận được nhiều sự cảm thông hơn từ những người bạn nhiệt thành. Họ lãng quên cậu ngay khi cậu vừa đứng vững trên đôi chân lần nữa.

Các cô bé chuẩn bị trượt lần thứ ba.

Các cô gái nhỏ đứng thành hàng mới thật quyết tâm làm sao! Một số thì nghiêm nghị đầy trách nhiệm, một số thì nở nụ cười nửa ngượng ngùng, nửa khó chịu, nhưng tất cả đều toát ra vẻ kiên định.

Dặm thứ ba này sẽ quyết định kết quả. Dù vậy, nếu Gretel và Hilda không thắng trong vòng này thì các cô bé khác vẫn còn cơ hội tranh đôi lưỡi trượt bằng bạc.

Mọi cô bé đều tin chắc rằng lần này chúng sẽ về đích chỉ trong một nửa thời gian của hai chặng trước mà thôi. Hãy nhìn chúng giậm chân để thử lưỡi trượt kìa! Chúng mới thật lo lắng kiểm tra dây buộc làm sao! Cuối cùng chúng mới đứng thẳng người làm sao, tất cả đều nhìn lên phu nhân van Gleck!

Tiếng kèn rung chuyển vang lên giữa chúng lần nữa. Với sự hăm hở run rẩy, chúng vọt về phía trước với dáng người cúi thấp nhưng giữ cân bằng tuyệt đối. Mỗi một sải chân nhanh nhẹn lại có vẻ dài hơn sải trước.

Giờ chúng đang quay trở lại trong chớp nhoáng.

Một lần nữa, những ánh mắt tập trung ánh lên vẻ háo hức, những tiếng hò reo và cổ vũ, sự phấn khích rung động và sau một lát, có bốn đến năm cô bé đang vượt lên phía trước và tiến càng lúc càng gần về những cây cột trắng.

Ai dẫn đầu vậy? Không phải Rychie, Katrinka, hay Hilda, cũng không phải cô bé áo vàng, mà là Gretel. Gretel, cô bé trượt băng nhanh nhất trên đời. Hai dặm trước cô bé chỉ chơi đùa mà thôi, giờ thì cô bé mới thực sự vào cuộc, hay đúng hơn là có gì đó trong cô bé đã quyết tâm phải chiến thắng. Cái dáng gầy gò nhỏ bé đó trông nhẹ nhàng như không, nhưng chẳng gì có thể cản nó được, cho đến khi vạch đích đã bị vượt qua!

Người rao tin cố hết sức hét lên. Nhưng chẳng ai nghe thấy gì. Anh ta cũng chẳng cần phải thông báo, vì cả đám đông đã reo hò kết quả rồi. **GRETEL ĐÃ THẮNG ĐÔI LƯỠI TRƯỢT BẰNG BẠC!**

Như một con chim, cô bé bay khắp mặt băng, rồi rụt rè và ngớ ngàng nhìn xung quanh. Cô bé mong mỗi được chạy về căn nhà nơi góc khuất, nơi có cha mẹ mình đang đứng. Nhưng Hans đang ở bên cạnh cô bé đây rồi, cùng với các cô gái khác nữa. Giọng nói nhân hậu và vui vẻ của Hilda thổi bên tai cô bé. Từ giờ phút này, không ai có thể khinh rẻ cô bé được nữa. Dù có đi chần ngỗng hay không thì Gretel giờ đã là nữ hoàng trượt băng rồi!

Với niềm tự hào đúng lẽ, Hans quay ra xem liệu Peter van Holp có đang chứng kiến chiến thắng của em gái mình hay không. Peter đang không hề nhìn họ. Cậu ấy đang quỳ gối, cúi thấp gương mặt với vẻ lo lắng và đang bận rộn với dây buộc. Hans ngay lập tức lại gần cậu.

“Cậu đang gặp rắc rối gì sao, thưa cậu?”

“A, Hans, là em đó sao? Ừ, anh phải dừng cuộc vui ở đây thôi. Anh đang cố thắt chặt dây buộc để tạo một cái lỗ mới và rồi con dao này đã gần như cắt nó làm đôi.”

“Thưa cậu.” Hans đáp và tháo lưỡi trượt ra. “Thế thì cậu hãy dùng dây buộc của em đi!”

“Không được, tất nhiên rồi, Hans Brinker ạ.” Peter kêu lên và ngược nhìn. “Mặc dù anh vẫn vô cùng chân thành cảm ơn. Hãy vào vị trí đi, anh bạn, tiếng kèn sắp thổi lên chỉ trong một phút nữa thôi.”

“Thưa cậu.” Hans khàn giọng năn nỉ. “Cậu đã gọi em là bạn cậu. Thế nên hãy lấy sợi dây buộc này, nhanh lên! Không thể để phí bất kì giây phút nào. Em sẽ không trượt lần này đâu. Hơn nữa em còn không luyện tập nhiều. Thưa cậu, cậu phải lấy sợi dây buộc.” Hans không chịu nghe bất kì lời từ chối nào, cậu luồn sợi dây vào lưỡi trượt của Peter rồi thúc giục cậu mang nó vào.

“Nhanh lên, Peter!” Lambert từ trong hàng gọi với ra. “Chúng tôi đang đợi anh đây.”

“Hãy làm vậy vì phụ nhân.” Hans nài nỉ. “Nhanh lên. Phụ nhân đang ra hiệu cho cậu gia nhập cùng các thí sinh đấy. Đó, gần như đeo vào được rồi.”

Nhanh lên, thưa cậu, hãy thắt chặt nó vào. Em không thể có cơ hội thắng. Cuộc đua này là cuộc đua giữa cậu Schummel và cậu.”

“Em thật là một anh bạn khiêm tốn, Hans ạ!” Peter cảm thán và đành chịu thua. Cậu vừa kịp trượt tới nơi xuất phát khi chiếc khăn tay rơi xuống mặt đất. Tiếng kèn cất lên, to, rõ và vang vọng.

Các cậu bé đã xuất phát!

“Chúa tôi.” Một ông già khắc khổ đến từ Delft thốt lên. “Chúng có thể đánh bại bất cứ thứ gì, các thanh niên Amsterdam này đây. Cứ nhìn đi!”

Tất nhiên là phải nhìn họ rồi! Họ như thần Mercury với đôi cánh vậy. Họ đang nhận nhiệm vụ gấp gáp nào vậy? A, ta biết rồi. Họ đang truy đuổi Peter van Holp. Cậu ấy như một kẻ đang nhanh chân tẩu thoát khỏi Olympus. Mercury cùng đoàn quân anh em họ có cánh của mình đang đuổi theo sát sao. Họ sẽ bắt được cậu ấy mất! Giờ thì Carl là kẻ tẩu thoát. Cuộc đuổi bắt càng lúc càng gay cấn. Bên giờ lại là người dẫn đầu!

Cuộc đuổi bắt chợt bị một đám sương mù che khuất. Nó đang tiến tới đằng này. Ai đang là người truy đuổi? Chính là Mercury. Ấy là Peter; bay đi, Peter, Hans đang trông đợi cậu đấy. Cậu ấy đang gửi tất cả sự nhanh nhẹn, sức mạnh đến đôi chân cậu. Mẹ và chị gái cậu trắng bệch đi với sự mong chờ. Hilda thì run rẩy và không dám ngẩng lên. Bay đi, Peter! Đám đông vẫn chưa phát điên đâu, họ mới chỉ đang cổ vũ mà thôi. Những kẻ truy đuổi đang áp sát cậu đấy! Hãy chạm đến cây cột trắng đi nào! Nó đang mời gọi, nó đang rung chuyển trước mặt cậu đấy, nó...

“Hoan hô! Hoan hô! Peter đã thắng lưới trượt bằng bạc!”

“Peter van Holp!” Người rao tin hô lên. Nhưng làm gì có ai nghe! “Peter van Holp!” Cả hơn trăm giọng nói cùng hô lên bởi giờ cậu đã trở thành tâm điểm của sự chú ý. “Hoan hô! Hoan hô!”

Giờ thì âm nhạc nổi lên. Nó mở ra một bầu không khí sống động, rồi đến một lễ diễu hành hoành tráng. Những người xem chăm chú tận hưởng bởi đây là một đi đầu mới đối với họ.

Các thí sinh đứng thành một hàng. Peter, người cao nhất, đứng đầu tiên. Gretel, cô bé nhỏ người nhất nên đứng ở cuối cùng. Hans đã mượn được sợi dây buộc từ cậu bé bán bánh, cậu cũng đứng vào hàng ở gần đầu.

Ba chiếc cổng vòm tươi sáng được đặt trên con sông đối diện căn lầu nhà van Gleck trong giờ nghỉ.

Các cô bé cậu bé chần chập trượt theo điệu nhạc về phía trước với Peter dẫn đường.

Thật là một cảnh tượng đẹp để khi hàng người tươi tắn nối đuôi nhau như một sinh vật sống động. Nó uốn cong rồi gấp đôi, rồi kéo thân hình dài của mình ra và vào những cánh cổng. Peter – hay phần đầu – quyết đi đâu thì phần đuôi cũng sẽ theo như vậy. Đôi lúc nó đâm thẳng ra cánh cổng trung tâm, rồi, như thể chợt nảy ra ý định mới, nó lại quay ngoắt và cuộn lại quanh cánh cổng đầu tiên, rồi dần dần gỡ mình ra, cúi đầu thấp với một cái uốn mình nhanh gọn như rắn, vắt ngang qua con sông, vươn đến tận chiếc cổng vòm xa nhất.

Khi âm nhạc còn chậm, hàng người từ từ trượt đi với vẻ sợ sệt. Khi nhạc trở nên sống động hơn, sinh vật ấy vươn mình về phía trước với một cú nhảy, lướt đi thật nhanh giữa những vòm cửa, cuộn tròn, uốn lượn, rẽ lối, không hề bị vỡ đội hình cho đến khi tiếng kèn nhúc óc rít xuyên qua tiếng nhạc, nó đột ngột tan vào người những cô bé cậu bé đứng thành hai hình bán nguyệt trước lối của phu nhân van Gleck.

Peter và Gretel đứng ở giữa, bên trên những người khác. Phu nhân van Gleck trang trọng đứng đây. Gretel run rẩy, nhưng cô bé cảm thấy mình cần phải ngược lên nhìn quý bà tuyệt đẹp ấy. Cô bé chẳng thể nghe thấy gì, xung quanh quá ồn ào. Cô bé đang nghĩ mình có nên thử nhún chào một cái hay không, như mẹ cô bé đã nhún chào quý ngài, khi đột nhiên một thứ gì đó lấp lánh được đặt vào tay khiến cô bé bật lên tiếng thốt mừng rỡ.

Rồi cô bé thử nhìn sang xung quanh. Peter cũng đang nâng thứ gì đó trên tay mình. “Ồi!Ồi! Tuyệt vời làm sao!” Cô bé bật khóc, câu nói “Ồi! Thật tuyệt vời!” vang vọng khắp đám đông.

Trong lúc ấy, đôi lượt trượt lấp lánh dưới ánh mặt trời và chiếu sáng lên hai gương mặt hạnh phúc.

Phu nhân van Gend gửi kèm theo những bó hoa một lời nhắn nhủ nhỏ. Một cho Hilda, một cho Carl, còn những bó còn lại đều dành cho Peter và Gretel.

Nhìn thấy những đóa hoa, nữ hoàng trượt băng không thể kiềm chế cảm xúc. Với ánh nhìn cảm kích, cô bé gói lượt trượt cùng bó hoa trong chiếc tạp dề, ôm chúng vào lòng rồi vội vã đi kiếm cha và mẹ trong đám đông hỗn loạn.

XLV

Niềm hạnh phúc trong căn lều

Các cháu sẽ thấy ngạc nhiên khi biết Raff và vợ ông đã có mặt tại cuộc đua. Các cháu chắc sẽ còn kinh ngạc hơn nữa nếu các cháu đã ở cùng họ trong buổi chiều hân hoan ngày Hai mươi tháng Mười hai đó. Trông căn lều nhà Brinker nằm đơn độc trên đăm lầy đóng băng, với bốn bức tường gồ ghề thảm thương, cùng cái mái nhà xập xệ như một chiếc mũ luộm thuộm kéo sụp xuống tận mắt, người ta sẽ chẳng thể nào ngờ tới bầu không khí hết mực sôi nổi bên trong nó. Bên ngoài, ánh ban mai không để lại dấu tích gì khác ngoài một đường ánh sáng phía chân trời. Một vài đám mây ưa phiêu lưu đã sớm đỏ ánh lửa, còn những đám khác với phần rìa cháy sém đã mất dạng trong đám khói.

Một tia nắng đi lạc lọt xuống từ gốc cây liễu, âm thầm len lỏi vào trong căn lều. Nó như cảm thấy rằng những chủ nhân của căn nhà này sẽ nhiệt tình chào đón nếu nó lại gần họ. Căn phòng mà nó giấu mình sạch như li như lau. Từng vết nứt trên cột xà cũng được đánh bóng cả. Một mùi hương ngon miệng lan tỏa khắp không gian. Ngọn lửa đốt bằng than bùn trong lò sưởi ánh lên những tia vô hại trên bốn bức tường im lìm. Chúng thay phiên nhau bập bùng phản chiếu lên quyển Kinh thánh lớn bọc da, lên chiếc tủ đầu giường của Gretel, lên những món đồ gia dụng treo trên móc, lên lưới trượt băng tuyệt đẹp cùng những đóa hoa trên bàn. Gương mặt trung hậu của bà Brinker sáng bừng và lấp lánh dưới ánh sáng bập bùng. Gretel và Hans khoác tay nhau và dựa người vào khung lò sưởi, vui vẻ cười nói, còn Raff Brinker lại đang nhảy múa.

Ta không có ý nói ông ấy đang xoay tròn hay nhảy kiểu bôcâu vỗ cánh, bởi nói thế thì chẳng khác nào tỏ ý thiếu tôn trọng người cha của gia đình. Ta chỉ đơn giản thuật lại rằng khi cả nhà đang thư thái chuyện trò thì Raff đột nhiên bật dậy khỏi ghế, búng ngón tay và trình diễn vài động tác trong phần cao trào của một điệu nhảy sôi động đến từ Scotland. Rồi ông bắt lấy cánh tay vợ mình và khẽ nhắc bà lên khỏi mặt đất trong mừng rỡ.

“Hoan hô!” Ông kêu lên. “Anh nhớ ra rồi! Anh nhớ ra rồi! Đó là Thomas Higgs. Đó chính là cái tên cần tìm! Nó đột nhiên hiện lại trong tâm trí anh trong thoáng chốc. Hãy ghi nó lại đi, ghi nó lại!”

Có tiếng ai gõ cửa.

“Là quý ngài đấy.” Người vợ vui vẻ thốt lên. “Chúa ơi! Mọi chuyện sắp đâu vào đấy rồi!”

Người vợ cùng hai đứa trẻ trong nỗi hân hoan vội vàng đến mở cửa.

Ngoài đó không phải là vị bác sĩ, mà là ba cậu bé Peter van Holp, Lambert và Ben.

“Buổi tối tốt lành, các chàng trai.” Bà Brinker nói, hạnh phúc và tự hào đến nỗi bà cũng khó mà có thể ngạc nhiên nếu kể cả nhà vua đến đi chẳng nữa.

“Buổi tối tốt lành, thưa bà.” Bộ ba nói và trịnh trọng cúi chào.

Ôi Chúa ơi, bà Brinker nghĩ khi bà nhún chào liên tục như dụng cụ đánh sữa, thật là may mắn khi mình đã học cách nhún chào hời ở Heidelberg!

Raff hài lòng đáp lại lời chào của ba cậu bé với cái gật đầu trịnh trọng.

“Mời ngồi, xin cứ tự nhiên, các chàng trai.” Người vợ nói khi Gretel ngượng ngùng đẩy một chiếc ghế đầu về phía họ. “Các cậu thấy đấy, nhà tôi không có nhiều ghế cho lắm, nhưng chiếc ghế bên lò sưởi này dùng tốt, và nếu không chê cứng thì chiếc rương gỗ sồi ở đằng kia cũng có thể ngồi rất tốt. Phải rồi, Hans à, kéo nó ra đây.”

Cho đến khi các cậu bé đã ngồi xuống trong sự hài lòng của bà chủ nhà, Peter, với tư cách là người phát ngôn, bắt đầu giải thích rằng họ đang chuẩn bị tới Amsterdam học tập, nên họ ghé qua đây để trả lại sợi dây buộc cho Hans.

“Ôi, thưa cậu.” Hans chân thành thốt lên. “Thật là phiền cậu quá. Em vô cùng xin lỗi.”

“Không đâu, Hans ạ. Nếu không muốn qua đây thì anh đã đợi đến khi em đi làm vào ngày mai rồi. Hans này, nói về công việc, cha anh rất hài lòng với em. Một thợ khắc được thuê cũng không thể làm tốt hơn thế. Cha anh nói cha muốn em trang trí cả chòi vườn nữa, nhưng anh bảo cha rằng em sắp phải đi học trở lại rồi.”

“Phải!” Raff Brinker nhấn mạnh. “Hans phải trở lại trường ngay, cả Gretel nữa, đúng đấy.”

“Cháu mừng khi nghe chú nói vậy ạ.” Peter đáp khi quay lại nhìn người cha. “Cháu cũng rất mừng khi biết chú đã trở lại thành một người khỏe mạnh.”

“Đúng thế, thưa cậu, một người đàn ông khỏe mạnh và có thể làm việc vững vàng như trước, nhờ ơn Chúa!”

Lúc này, Hans đang vội vã viết gì đó lên rìa một tấm lịch cũ nát treo bên trên lò sưởi. “Phải rồi, đúng thế đấy, chàng trai, lấy nó xuống đây. Figgs! Wiggs! Trời ơi! Trời!” Raff tuyệt vọng thốt lên. “Nó lại biến mất rồi!”

“Không sao đâu, cha ạ.” Hans đáp. “Cái tên đã ở đây rõ ràng rồi. Đây, cha hãy nhìn đi; có lẽ phần còn lại sẽ đến thôi. Nếu chúng ta có cả địa chỉ nữa thì sẽ thật hoàn hảo!” Rồi cậu quay sang Peter và trầm giọng nói: “Em có một việc quan trọng cần vào thị trấn bây giờ, thưa cậu, nếu...”

“Ồi!” Người mẹ giơ hai tay lên và cảm thán. “Đừng vào Amsterdam tối nay, chân con đang đau nhức mà. Không được, không được, đi vào sáng sớm ngày mai vẫn chưa muộn.”

“Sáng mai sao?” Raff lặp lại. “Thế không được đâu. Không được, Meitje à, thằng bé cần phải đi ngay lúc này.”

Trong một thoáng, người vợ trông như thể sự hối phục của Raff đã mang đến một lợi ích đáng ngờ; lời của bà không còn là quy định duy nhất trong nhà nữa. Thật may mắn câu nói “Người vợ khiêm tốn là sếp của chồng” đã in sâu vào tâm tưởng bà; kể cả khi bà đang suy nghĩ thì nó cũng là những lời khắc cốt ghi tâm.

“Tốt thôi, Raff ạ.” Bà mỉm cười đáp. “Thằng bé là con anh cũng như nó là con em. A! Tôi có một gia đình rắc rối quá, các cậu trẻ ạ.”

Rồi Peter rút ra một sợi dây dài từ túi mình.

Cậu đưa nó cho Hans rồi trầm giọng nói. “Anh không cần phải cảm ơn em đã cho anh mượn sợi dây buộc này, Hans Brinker ạ. Những chàng trai như em không đòi hỏi lời cảm ơn, nhưng anh phải nói rằng em đã vô cùng tốt với anh, anh thực sự tự hào được hưởng điếu đó. Anh đã không biết.” Cậu cười khi nói thêm: “Mình đã tham vọng chiến thắng như thế nào cho đến khi suýt phải rời cuộc đua.”

Hans vui vẻ cười cùng Peter; đi đầu này đã che đậy sự ngượng ngùng cho cậu và giúp mặt cậu hạ nhiệt một chút. Những cậu bé trung thực, hào phóng như Hans sẽ có cách ngốc nghếch để đỡ mặt trong những lúc các cháu không ngờ nhất.

“Không có gì đâu, thưa cậu.” Người mẹ nhanh chóng nói để cậu con trai bình tĩnh lại. “Trái tim thằng bé thật sự chúc mừng sự chiến thắng của cậu, tôi biết vậy mà!”

Câu nói này đã giúp cứu vãn tình hình rất tốt.

“A, thưa cậu.” Hans vội vã nói. “Từ lần xuất phát đầu tiên em đã thấy chân mình tê tái và không khỏe nữa. Em nên rời khỏi cuộc đua bởi em cũng không có cơ hội để thắng.”

Peter trông có vẻ khá lo lắng.

“Chúng ta có lẽ có suy nghĩ khác nhau nữa. Đó mới chính là phần làm anh băn khoăn. Giờ đã quá muộn để anh sửa chữa, nhưng sẽ thật tốt nếu anh có thể...”

Phần còn lại, Peter thì thầm thật bí mật khiến ta không thể biết được. Nhưng Hans nhanh chóng gạt mình lại trong ngõ ngách, còn Peter, trông có vẻ xấu hổ, lắp bắp thứ gì đó về việc cậu đáng ra phải giữ nó, bởi cậu là người chiến thắng, nhưng đi đầu đó “thật là sai trái”.

Nữ van Mounen húng hắng ho như để nhắc nhở Peter rằng giờ học đang đến gần. Cùng lúc đó, Ben đặt thứ gì đó lên trên bàn.

“A.” Peter kêu lên. “Anh đã quên khuấy mất nhiệm vụ đấy. Em gái em chạy đi nhanh quá khiến phu nhân van Gleck không kịp đưa cho cô bé túi đựng lưới trượt.”

“Chắc!” Bà Brinker nói và lắc đầu tỏ vẻ không vừa lòng với Gretel. “Tôi cam đoan là con bé đã cư xử thô lỗ quá.” Nhưng trong thâm tâm, bà đang nghĩ rằng hiếm người phụ nữ nào có thể có được một đứa con gái nhỏ giỏi giang đến vậy.

“Không đâu.” Peter cười. “Cô bé đã làm rất đúng, chạy về nhà với món phần thưởng quý giá. Ai mà không làm thế cơ chứ? Thôi, chúng tôi không quấy quả em thêm nữa, Hans ạ.” Peter nói khi quay người lại, nhưng Hans, người đang nhìn cha mình với vẻ mong chờ, có vẻ như đã quên mất sự hiện diện của họ.

Trong lúc đó, Raff đang mãi mê suy nghĩ và thì thầm lặp đi lặp lại: “Thomas Higgs, Thomas Higgs, phải, chính là cái tên đó. Trời ơi! Ước gì cha có thể nhớ cả địa chỉ nữa.”

Bao đựng lưỡi trượt tinh tế được làm từ da dê thuộc màu đỏ sậm, trang trí bằng bạc. Nếu một nàng tiên có tự thiết kế nên một họa tiết tinh tế cho mình, nó cũng không thể nào tinh xảo hơn thế này được. Cụm từ “Dành cho người nhanh nhất” được viết lên trên bao bằng những con chữ lấp lánh, viền ngoài bằng nhung và ở một góc của bao có tên và địa chỉ người làm.

Gretel cảm ơn Peter theo lối đơn giản của riêng mình, rồi với vẻ vui mừng và có phần bối rối không biết phải làm gì tiếp theo, cô bé nhắc bao đựng lên, cẩn thận ngắm nghía từng chi tiết. “Nó được làm bởi ngài Birmingham.” Cô bé nói sau một lúc, đôi má vẫn hây đỏ khi cầm chiếc bao đựng lên trước mặt.

“Birmingham!” Lambert van Mounen nhắc lại. “Đó là một địa danh ở Anh mà. Đưa anh xem nào.”

“Ha! Ha!” Cậu bật cười khi đặt chiếc bao đựng đang mở trước ánh lửa lò sưởi. “Thảo nào em cho là như thế, nhưng em nhầm rồi. Chiếc bao đựng này được làm ở Birmingham, nhưng tên của thợ làm thì được viết bằng chữ nhỏ hơn. Hừm! Chúng nhỏ thật đấy, anh chẳng đọc được gì hết.”

“Để anh thử.” Peter nói và rướn người qua vai Lambert. “Chà, cái cậu này, nó khá rõ ràng mà. Kia là chữ T-H... đó là chữ T...”

“Chặc!” Lambert đắc thắng reo lên. “Nếu anh có thể đọc chúng dễ như vậy thì cứ đọc tiếp xem nào, T-H, rồi gì nữa?”

“T.H-T.H.Ồ! Hẳn là Thomas Higgs rồi.” Peter đáp, vui vẻ vì cuối cùng cũng đọc ra nó. Rồi, như cảm thấy mình đã có một chút thất lễ, cậu quay sang Hans.

Mặt Peter chợt trắng bệch! Có chuyện gì với bọn họ vậy? Raff và Hans đã đứng bật dậy và chăm chăm nhìn cậu với vẻ kinh ngạc mừng rỡ. Gretel trông như phát cuồng. Bà Brinker, với một cây nến chưa tắt trên tay, đang chạy vội khắp căn phòng và kêu lên: “Hans! Hans! Mũ của con đâu? Ôi quý ngài! Ôi quý ngài!”

“Birmingham! Higgs!” Hans kêu lên. “Cậu vừa nói Higgs sao? Chúng ta đã tìm ra chú ấy rồi! Em cần phải đi ngay.”

“Các cậu biết đấy, các cậu chủ trẻ tuổi.” Người vợ thở hỗn hển và chộp lấy cái mũ của Hans từ trên giường. “Các cậu biết đấy... chúng tôi biết ngài ấy. Ngài ấy là... à, không phải. Ý tôi là... ôi Hans, con cần phải tới Amsterdam ngay bây giờ!”

“Chúc các cậu ngủ ngon.” Hans thở dốc, rạng rỡ với niềm vui. “Chúc ngủ ngon nhé. Thứ lỗi cho em, em phải đi đây. Birmingham... Higgs... Higgs... Birmingham.” Rồi cậu lấy cái mũ từ tay mẹ cùng lược trượt từ Gretel và vội vã rời khỏi căn lều.

Các cậu bé có thể nghĩ gì khác ngoài việc nhà Brinker đã tự dưng phát điên cơ chứ!

Họ ngại ngần chào tạm biệt “Buổi tối tốt lành”, rồi quay trở ra. Nhưng Raff đã dừng họ lại.

“Người tên Thomas Higgs này, các cậu ạ, là... là một con người.”

“A!” Peter thốt lên, cậu gần như chắc chắn rằng Raff chính là người điên cuồng nhất ở đây.

“Đúng thế, là một con người. Một... ừm... người bạn. Chúng tôi tưởng cậu ấy đã chết. Tôi hy vọng đây chính là người đấy. Cậu nói đây là ở Anh sao?”

“Vâng, ở Birmingham.” Peter đáp. “Nó hẳn là Birmingham ở Anh rồi.”

“Mình có biết chú ấy.” Ben nói với Lambert. “Nhà máy của chú ấy chỉ cách nhà mình chưa tới bốn dặm. Chú ấy đúng là một người kì quặc, bất động như một con hàu, chẳng hề giống người Anh chút nào. Mình thường bắt gặp chú ấy – một người bán hàng có vẻ trăn lặng và đôi mắt tuyệt đẹp. Chú ấy từng làm cho mình một chiếc hộp bút để tặng Jenny nhân ngày sinh nhật. Chú ấy còn làm bọc sổ tay, bao kính hiển vi và những món thủ công đa thuộc khác nữa.”

Tất cả những lời trên đầu được nói bằng tiếng Anh, van Mounen tất nhiên đã dịch nó cho mọi người, cùng lúc ấy chú ý rằng cả Raff và vợ của ông đều trông không có vẻ gì là khổ sở, mặc dù Raff đang run rẩy còn đôi mắt vợ ông thì đang đầm nước.

Các cháu có thể tin chắc rằng vị bác sĩ đã nghe được hết từng từ của câu chuyện, khi ngay tối hôm đó ông đã quay trở lại căn lều cùng Hans. “Ba quý ông trẻ tuổi đã về được một lúc rồi.” Bà Brinker nói. “Nhưng có lẽ

nếu nhanh chân, chúng ta sẽ dễ dàng thấy họ đi ra từ lớp học ở đâu đó mà thôi.”

“Đúng thế.” Raff gật đầu đáp. “Nhà tôi luôn nói đúng đấy. Tốt nhất là gặp quý ông trẻ tuổi người Anh trước khi cậu ấy quên khuấy mất Thomas Higgs, thưa ngài. Đó là một cái tên khá dễ quên, ngài có thấy vậy không? Người ta chẳng thể nhớ nó sau một phút. Nó đến với tôi đột ngột và mạnh mẽ như một nhát máy đóng cọc và con trai tôi đã ghi nó lại. Là tôi thì tôi sẽ nóng lòng muốn nói chuyện với cậu bé người Anh ngay. Cậu ấy đã thấy con trai ngài nhiều lần, cứ nghĩ đến đi đâu đó mà xem!”

Bà Brinker tiếp tục mạch câu chuyện.

“Ngài sẽ nhận ra cậu ấy nhanh thôi, thưa ngài, bởi cậu ấy là bạn của Peter van Holp và có mái tóc xoắn trên trán như một anh bạn ngoại quốc vậy, và nếu ngài nghe cậu ấy nói, cậu ấy nói rất to và nhanh, chỉ có đi đầu nói bằng tiếng Anh, nhưng đi đầu đó cũng không có gì là cản trở đối với ngài.”

Vị bác sĩ đã sẵn sàng nhắc mũ rời đi. Với gương mặt bừng sáng, ông nói nhỏ gì đó về việc con mình đúng là một thanh niên ngu ngốc khi tự đặt cho mình cái tên tiếng Anh dở hơi, gọi Hans là “con trai” khiến cậu bé hạnh phúc như một vị chúa, rồi rời khỏi căn lầu mà không cần hoành tráng to tát, dù ông là một quý ngài đáng trọng.

Người đánh xe lâu bầu tự an ủi bản thân bằng cách nói hết suy nghĩ của mình khi ông đánh xe về Amsterdam. Bởi vị bác sĩ đã an toàn trú trong mui xe và không thể nghe thấy gì, đây đúng là thời điểm thích hợp để nói xấu những người đã vô tâm không để ý đến người khác và những người đã luôn muốn gọi những con ngựa hàng tá lần trong một đêm.

XLVI

Thomas Higgs bí ẩn biến mất

Nhà máy của Higgs là một cái mỏ đầy thú vị cho những lời bàn ra tán vào ở Birmingham. Đó là một tòa nhà nhỏ nhưng đủ rộng để cất trữ một bí mật. Chủ nhân của nó là ai, đến từ đâu, chẳng một ai biết được. Ông chủ nhìn như một quý ngài, đi đâu đó thì chắc chắn rồi, mặc dù mọi người đều biết ông ấy cũng từ một người học việc mà làm nên thôi, và ông ấy có thể cần bút như một bậc thầy viết chữ thực sự.

Nhiều năm về trước, có một chàng thanh niên mười tám tuổi đột ngột xuất hiện ở đây, nhiệt tình học hỏi kinh doanh, dần dần được ông chủ tín nhiệm và nhanh chóng trở thành đồng nghiệp của ông chủ ngay sau khi thời gian học việc kết thúc. Cuối cùng, khi Willett già cả qua đời, cậu ấy trở thành chủ nhà máy. Đó là tất cả những gì mà người ta biết về chủ nhân nhà máy hiện tại.

Một vài người tốt bụng xung quanh ông thường bình luận rằng ông chẳng có gì để nói với người khác cả, trong khi những người khác thì cho rằng dù ông rất chú ý để nói cho hay, cách phát âm của ông vẫn có gì đó sai sai. Họ gọi ông là một người gọn gàng, ngoại trừ dọc bên nhà máy của ông là một cái hồ xanh rì tai tiếng, quá nông cho cả loài lươn và “chỉ là ổ bệnh thôi, chắc chắn là bạn sẽ sống sót”.

Quê quán của ông chủ là một dấu hỏi lớn. Cái tên tiếng Anh đó đủ để nói lên một bên gốc tích của ông, nhưng còn gốc tích bên người mẹ thì sao? Nếu bà ấy là người Mỹ, ông ấy hẳn đã sở hữu gò má cao cùng làn da hơi đỏ; nếu là người Đức, ông ấy hẳn đã phải biết nói tiếng Đức, mà Squire Smith quả quyết là ông chủ chẳng biết gì; nếu là người Pháp (thêm nữa là cái hồ ếch có vẻ ủng hộ giả thuyết này), ông ấy hẳn đã phải thể hiện đi đâu đó qua lời nói. Nhưng không, chẳng còn lựa chọn nào khác ngoài Hà Lan. Kì lạ hơn cả là, mặc dù luôn đồng tai lên mỗi khi nghe người ta đề cập đến Hà Lan, ông ấy dường như chẳng biết bất kì thứ gì về đất nước đó khi người ta hỏi đến cả.

Dù sao đi nữa, bởi không hề có lá thư nào từ Hà Lan được gửi bởi mẹ ông ấy và cũng vì chẳng ai quanh đó từng thấy hai cụ thân sinh của Higgs, có lẽ gia đình của ông ấy không quan trọng đến thế. Có lẽ Thomas Higgs ưa sống một mình hơn cả, cứ nhìn cái cách mà ông ấy giả vờ căng đáng bản thân; còn về phần mọi người, những người hay buôn chuyện tự nhủ, họ sẽ không tự làm mình bận lòng với chuyện của ông ấy. Nhưng Thomas Higgs và bí mật xung quanh ông luôn là chủ đề thảo luận được đưa ra và chưa bao giờ có hồi kết.

Thế nên, hãy tưởng tượng sự bàng hoàng của mọi cư dân tốt bụng khi họ nghe tin từ “ai đó đã có mặt và biết chuyện”, khi cậu bé đưa thư đã trao đến Higgs một bức thư từ nước ngoài vào buổi sáng sớm hôm đó, và người đàn ông đã “trắng bệch đi như bức tường, vội vã chạy đến nhà máy, dấn dờ người thợ chính một lúc, và rồi không kịp nói lời tạm biệt mà đã đóng gói đồ đạc và đi mất trước khi người ta kịp nháy mắt”. Bà Scrubbs, chủ nhà của người đàn ông, đang khổ tâm hết sức. Tâm hồn thân thương ấy thổn thức khi nhắc về ông. “Rời khỏi nhà trọ đột ngột như thế, còn chẳng thèm thông báo trước lấy một ngày, mọi phụ nữ đều không hề muốn đối xử theo cách đó, ờn Chúa đây không phải lối cư xử bình thường của ông ấy, nhưng ông ấy có đầy đủ quyền làm vậy; đúng thế, giờ ông ấy mới đề cập đến việc thông báo trước một tuần à, thậm chí ông ấy còn chẳng nói ‘Cảm ơn nhiều, bà Scrubbs, vì sự tốt bụng của bà trong suốt những năm qua,’ đây mới là điều đáng quan tâm nhất này, mặc dù bà ấy không nên nói vậy; ít nhất bà ấy không phải kiêu người cần được cảm ơn liên tục trong mỗi phút. Điều này thật là khiếm nhã, mặc dù ông Higgs chắc chắn đã trả đủ số tiền và ta đến là muốn khóc khi thấy đôi ủng trống rỗng của ông ấy nằm ở góc phòng, cái cảnh ấy cũng lại là một cảnh đáng chán bởi ông ấy luôn đi chúng với dáng người thẳng như nhà binh, mặc dù chúng cũng chẳng đáng bán đi chỉ với một nửa giá ban đầu.”

Ngay sau khi người bạn thân thiết nhất của bà, cô Scrumkins, chạy về nhà để thông báo tin tức. Như mọi người đã biết về người nhà Scrumkins đấy, một mạng lưới tin tức sáng choang nhanh chóng phủ kín từ đầu phố đến cuối phố.

Một hội đồng điều tra tổ chức một buổi gặp mặt ngay tối hôm đó tại nhà bà Snigham, họ ngồi im lặng trước bàn ẩm chén sứ đẹp nhất của bà. Mặc dù họ chỉ được mời đến “bữa tiệc trà” yên tĩnh, họ tranh thủ rất nhiều

thời gian để bàn tán đánh giá. Những chiếc bánh quy đã lạnh ngắt khi họ bắt đầu chịu ăn. Họ còn nói nhiều nhiều nữa, công chuyện của họ quan trọng đến nỗi cần phải chắc chắn, khẳng định rằng mỗi thành viên đều đã luôn “chắc như đinh đóng cột rằng người đàn ông ấy đã gặp phải điều gì lạ thường lắm”, phải đến gần tám giờ tối thì bà Snigham mới rót cho mọi người tách trà mới.

XLVII

Ánh nắng lan rộng

Vào một ngày tháng Một có tuyết rơi, Laurens Boekman cùng cha mình đến bày tỏ lòng biết ơn tới gia đình Brinker.

Raff đang nghỉ ngơi sau một buổi làm việc ngày hôm ấy; Gretel, sau khi đã đổ đầy và thắp tàu thuốc cho cha, đang đánh bóng từng hạt bụi trên nóc lò sưởi; người mẹ đang quay sợi; còn Hans đang ngồi trên chiếc ghế đầu bên cửa sổ, cần mẫn học bài. Ấy là một gia đình yên bình, hạnh phúc mà niềm vui lớn nhất của họ trong tuần vừa qua chính là mong chờ cuộc ghé thăm này của Thomas Higgs.

Ngay sau khi màn giới thiệu trang trọng kết thúc, bà Brinker nâng nạc chuẩn bị cho các vị khách bữa trà nóng; bà nói rằng ra ngoài trong khi gió đang rít điên cuồng thế này là quá đủ để khiến người ta đông cứng rã. Trong khi họ nói chuyện với chồng bà, bà thì thầm với Gretel rằng đôi mắt của quý ông trẻ tuổi và con trai bà thực sự giống nhau như bốn hạt đậu, chưa kể đến việc họ trông như hai kẻ ngốc mặc dù thực chất họ thông thái chẳng kém người già cả.

Gretel cảm thấy thất vọng. Cô bé đã mong chờ một cảnh tượng bi tráng như Annie Bouman đã miêu tả lại từ những câu chuyện trong sách; đây là người đàn ông đã suýt nữa trở thành kẻ giết người, người mà trong mười năm qua đã lang bạt khắp trái đất, tin rằng mình đã bị chính cha mình ghét bỏ; một quý ông trẻ tuổi đã phải rời bỏ đất nước, mang theo mình rắc rối vô cùng lớn, giờ lại đang ngồi bên đống lửa trông thật thoải mái và tự nhiên hơn bao giờ hết!

Thực ra, giọng ngài ấy có hơi run rẩy khi nói chuyện với cha mẹ cô bé, và ngài ấy chạm mắt cha mình với nụ cười rạng rỡ như của một người vừa lập chiến công giết rừng đang mang về thứ nước thần của tuổi trẻ bất diệt dâng lên nhà vua, nhưng sau cùng, ngài ấy không hề trông giống vị anh hùng khuất phục trong cuốn truyện của Annie. Ngài ấy không hề giờ cánh

tay lên thiên đường và nói: “Ta đây xin thề sẽ mãi mãi trung thành với quê nhà, với Chúa, với đất nước của ta!”, mà cảnh tượng này cũng chỉ có thể đúng đắn và hợp lý khi được đặt trong câu chuyện.

Gretel nói chung thất vọng với mọi thứ. Nhưng Raff thì hoàn toàn hài lòng. Tin nhắn đã được chuyển đi thành công. Bác sĩ Boekman cùng con trai mình đã ổn thỏa, chàng trai tội nghiệp đã không hề làm đi đâu gì sai trái, chỉ trừ việc nghĩ cha mình sẽ bỏ rơi mình chỉ vì tai nạn đó. Thực ra, chàng trai duyên dáng đó nay đã trở thành một người đàn ông to béo. Raff vô thức hy vọng có thể bắt lấy bàn tay trẻ trung đó lần nữa, nhưng giờ tất cả đã thay đổi đối với Raff. Vậy nên, ông kìm nén mọi cảm xúc ngoại trừ niềm vui khi quan sát hai cha con bác sĩ ngỗ nghịch cạnh nhau bên lò sưởi. Trong lúc ấy, Hans mê mải với ý nghĩ về niềm hạnh phúc của Thomas Higgs khi ngài ấy được trở lại làm phụ tá cho quý ngài lần nữa, còn bà Brinker thì thở phào nhẹ nhõm với chính mình, ước ao rằng vợ của vị bác sĩ còn sống để có thể chứng kiến một quý ông trẻ tuổi đẹp đẽ như thế này, và bà tự hỏi làm sao mà bác sĩ Boekman có thể chịu đựng nổi khi để chiếc đồng hồ bạc kia mờ dần đi. Ông đã đeo nó từ khi Raff đưa trả lại, rõ ràng là thế. Ông ấy đã làm gì với chiếc đồng hồ vàng mình từng đeo rồi?

Gương mặt bác sĩ Boekman vô cùng tươi sáng. Ông trông mới mẻ hơn, ông trông trẻ hơn và tươi tắn hơn trước nhiều. Những nếp nhăn hà khắc đã hầu như tan biến. Ông vừa cười vừa nói với người cha của gia đình: “Tôi quả là một người đàn ông hạnh phúc, phải không Raff Brinker? Con trai tôi sẽ bán nhà máy trong tháng này rồi mở một kho hàng tại Amsterdam. Rồi tôi sẽ có mấy cái bao đựng kính miễn phí.”

Hans giật mình khỏi mơ mộng. “Một kho hàng sao, thưa ngài! Rồi Thomas Higgs sẽ... ý cháu là, con trai ngài sẽ không làm phụ tá của ngài nữa sao?”

Mặt quý ngài bỗng sa sầm đi, nhưng ông cố gắng tươi tỉnh lên và đáp lại: “Ồ, không, Laurens đã làm việc đó quá đủ rồi. Thằng bé muốn trở thành thương nhân.”

Hans trông ngạc nhiên và thất vọng đến nỗi ông nhẹ nhàng hỏi lại. “Sao cháu im lặng thế, cậu bé? Làm thương nhân có đi đâu gì đáng xấu hổ sao?”

“Kh... không phải là xấu hổ, thưa ngài.” Hans lắp bắp. “Nhưng...”

“Nhưng sao?”

“Dạ, nghề kia không phải tốt hơn nhiều sao?” Hans đáp. “Nó đáng quý hơn. Cháu nghĩ vậy, thưa ngài.” Cậu hào hứng nói thêm: “Rằng trở thành một bác sĩ, để chữa lành những người bị bệnh và tật nguyền, để cứu lấy mạng người, để có quyền năng làm nên điều mà ngài đã làm cho cha cháu, ấy chính là điều tuyệt vời nhất thế giới này.”

Vị bác sĩ nhìn cậu nghiêm nghị. Hans cảm thấy như đang bị quở trách. Đôi má cậu đỏ bừng, những giọt nước mắt nóng hổi đã chực chờ sau hàng mi.

“Đây là một công việc xấu xí, cậu bé ạ, việc phẫu thuật này.” Vị bác sĩ nói, vẫn cau mày với Hans. “Nó yêu cầu lòng kiên nhẫn, đức hy sinh cùng sự gan lì vô cùng lớn.”

“Cháu chắc chắn điều đó là sự thật.” Hans thốt lên. “Nó còn cần trí óc cùng ân huệ Chúa ban nữa. A, thưa ngài, nó có thể có những thử thách và hạn chế, nhưng ngài không thực sự có ý như ngài vừa nói. Đây là một công việc tuyệt vời và đáng quý, nó không xấu xí! Thứ lỗi cho cháu, thưa ngài. Cháu không nên cả gan nói như vậy.”

Bác sĩ Boekman tỏ vẻ không hài lòng rõ ràng. Ông quay lưng lại với cậu bé và bàn bạc riêng với Laurens. Trong lúc đó, người mẹ nghiêm khắc cảnh cáo Hans. Những người cao quý này, như bà hiểu rất rõ, không bao giờ thích nghe người nghèo ăn nói quá sỗ sàng.

Quý ngài quay trở lại.

“Cháu bao nhiêu tuổi rồi, Hans Brinker?”

“Thưa ngài, cháu mười lăm ạ.” Cậu run lên đáp.

“Cháu có muốn trở thành bác sĩ không?”

“Có ạ, thưa ngài.” Hans đáp, cả người cậu run rẩy với sự phấn khích.

“Cháu có sẵn lòng, nếu bố mẹ cháu đồng ý, cống hiến bản thân mình cho việc học tập, đi học đại học và cùng lúc đó làm trợ lý trong văn phòng của ta không?”

“Có ạ, thưa ngài.”

“Cháu nghĩ mình sẽ không trở nên mệt mỏi và đổi ý một khi ta quyết định chọn cháu làm người kế nghiệp ta chứ?”

Đôi mắt Hans lóe lên.

“Không ạ, thưa ngài, cháu sẽ không thay đổi.”

“Ngài có thể tin tưởng thằng bé.” Người mẹ thốt lên, bà không thể tiếp tục giữ im lặng nữa. “Hans kiên định như một hòn đá một khi nó đã ra quyết định, còn về việc học tập, thưa ngài, gần đây thằng bé đọc sách rất mau. Thằng bé có thể đọc qua tiếng La tinh như bất kì giám mục nào rồi!”

Vị bác sĩ mỉm cười. “Chà, Hans, ta không thấy gì có thể cản trở chúng ta thi hành kế hoạch này cả, một khi cha cháu đồng ý.”

“E hèm!” Raff lên tiếng, ông quá tự hào về con trai mình để có thể tỏ ra từ tốn. “Thưa ngài, thực ra tôi thích một cuộc sống chủ động, ngoài trời hơn. Nhưng nếu thằng bé mong muốn được học để trở thành người như quý ngài, và thằng bé sẽ được nghe lời chỉ dạy của ngài để giúp nó trưởng thành vào đời, thì tất cả đều ổn với tôi. Chỉ là tiền thì cần phải đợi, nhưng sẽ không lâu đâu, với đôi tay khỏe mạnh này, tôi có thể kiếm chúng, trước khi chúng tôi...”

“Thôi! Thôi!” Vị bác sĩ cắt ngang. “Nếu tôi lấy đi cánh tay phải của anh, tôi mới phải trả tiền chứ, và tôi sẽ rất vui lòng được làm vậy. Thế này có khác gì tôi sẽ có đến hai người con trai, nhỉ, Laurens? Một là thương nhân và một là bác sĩ phẫu thuật. Tôi sẽ là người hạnh phúc nhất đất Hà Lan này! Hans này, sáng nay hãy đến chỗ ta rồi chúng ta sẽ thu xếp mọi chuyện ngay lập tức.”

Hans cẩn trọng cúi chào. Cậu không dám tin tưởng bản thân nếu cất tiếng đáp lại.

“Và, ông Brinker.” Vị bác sĩ tiếp tục. “Con trai Laurens của tôi sẽ cần một người đáng tin và sẵn sàng như anh khi thằng bé mở kho hàng ở Amsterdam, nó cần một người có tầm nhìn và trông coi những tên hề lười biếng trong xưởng làm việc. Ai đó có thể... Sao con không tự nói với ông ấy đi, thằng nhãi này!”

Câu cuối cùng nói với con trai quý ngài nghe không hề gay gắt như những gì nó được ghi bằng từ ngữ. “Thằng nhãi” cùng Raff nhanh chóng hiểu nhau một cách hoàn hảo.

“Tôi không thích phải rời con dê chút nào.” Raff nói sau khi họ đã trò chuyện với nhau một lát. “Nhưng đây quả là một lời đề nghị hấp dẫn, thưa ngài, tôi sẽ ăn cướp của chính gia đình mình nếu từ chối nó mất.”

Ông nhìn Hans thật lâu khi cậu ngẩng đầu nhìn quý ngài với vẻ cảm kích, bởi ông sẽ không được thấy cậu bé lần nữa trong nhiều năm tới.

Còn Gretel... A, trước mắt cô bé quả là một viễn cảnh tồi rồi! Đúng vậy, nhờ có anh Hans mà từ giờ cô bé sẽ được đi học. Nếu cậu thực sự sẽ trở thành người như quý ngài, thì em gái cậu sẽ không được làm cậu xấu hổ.

Ánh mắt cô bé tìm kiếm những viên đá quý lẫn giấu trong những cuốn sách học xù xì thật nhiệt thành làm sao! Cái cách mà chúng tỏa sáng đầy mong chờ trước cảnh ghé thăm của người mà cô bé chỉ biết đến là cậu bé đội mũ đỏ cùng ngày mà cô bé được nhận đôi lười trượt băng bạc trong vật tạp dề của mình!

Nhưng vị bác sĩ cùng Laurens phải về Bà Brinker đang cúi chào một cách duyên dáng nhất. Raff đứng bên bà, ra dáng người đàn ông của gia đình khi ông bắt tay quý ngài. Qua cánh cửa mở của túp lều, họ có thể nhìn ra vùng đất Hà Lan bằng phẳng, sống động với những bông tuyết đang rơi.

Phần kết

Câu chuyện gần như đã đến hồi kết. Thời gian trôi qua ở Hà Lan cũng thật chậm mà chắc như ở đây. Về khía cạnh đó thì không đất nước nào khác biệt cả.

Nhà Brinker trải qua những sự thay đổi rất lớn. Hans đã dành nhiều năm thật nhiệt huyết và có ích để chinh phục những thử thách và theo đuổi một mục tiêu với tất cả năng lượng cậu có. Dù chặng đường có vô cùng gian nan, lòng quyết tâm của cậu chưa bao giờ chịu khuất phục. Đôi lúc cậu vẫn nhắc lại, với người bạn tốt lớn tuổi của mình, những lời mà ông đã nói thật lâu trước đó trong căn lều gần Broek: “Phẫu thuật là một nghề xấu xí.” Nhưng trong trái tim cậu luôn vang vọng câu nói thật lòng: “Nó là một nghề tuyệt vời và đáng quý! Nó đánh thức sự tôn kính dành cho tác phẩm của Chúa!”

Nếu cháu còn ở Amsterdam ngày hôm nay, cháu sẽ thấy vị bác sĩ Brinker nổi tiếng cưỡi xe ngựa đi thăm các bệnh nhân, hoặc, có thể, cháu sẽ thấy cậu ấy trượt băng cùng các cô cậu bạn trên con kênh đóng băng. Về phần Annie Bouman, cô bé nông dân xinh đẹp với trái tim ngay thẳng ấy, các cháu sẽ vô vọng mà hỏi thăm thôi; nhưng Annie Brinker, vợ của vị bác sĩ tuyệt vời, trông rất giống cô ấy; chỉ có đi đầu, Hans nói, cô ấy còn đáng yêu hơn, khôn ngoan hơn và giống bà tiên đỡ đầu hơn bao giờ hết.

Peter van Holp cũng đã lấy vợ. Ta có thể tiên liệu rằng cậu ấy cùng Hilda sẽ nắm tay và lướt qua cuộc đời cùng nhau, cũng như nhiều năm về trước họ đã trượt băng bên nhau trên con sông đóng băng ngập nắng.

Có một lần, ta gần như đã ám chỉ rằng Katrinka và Carl sẽ về với nhau. Thật là may vì ta đã không nói thẳng ra, bởi Katrinka đã thay đổi suy nghĩ và đến giờ này vẫn còn độc thân. Vị tiểu thư không còn vui vẻ như trước kia nữa, ta rất buồn phải thông báo rằng một vài chiếc chuông đã hỏng. Nhưng cô ấy vẫn là sự sống trong vòng tròn xã giao của chính mình. Ta ước gì cô ấy sẽ trung thực với bản thân, dù chỉ một chút mà thôi, nhưng không; đó không phải là bản chất cô nàng. Nỗi lo lắng cùng sự buồn rầu

chỉ có thể phá hỏng tiếng chuông lanh lảnh; chúng không bao giờ có thể đánh thức những âm thanh trậ̀n hơn.

Tâm hồn Rychie đã bị lay động đến tận sâu thẳm nhất trong suốt nhiều năm qua. Quá khứ của cô bảo rằng thứ hạt giống bị gieo quấy quá sẽ có lúc mọc lên sự đau khổ và sau một vụ mùa thành công vẫn sẽ là công cuộc gieo hạt mệt mỏi. Nếu ta không nhàn, cháu sẽ đọc được dòng ghi chép từ rất lâu; đó là nếu như cháu đã quen thuộc với tiếng Hà Lan. Theo lời khôn ngoan mà chân thành của vị tác giả, người có những tác phẩm được đón chào bởi hàng ngàn gia đình Hà Lan đến tận ngày nay, chẳng mấy người còn nhận ra một Rychie kiêu ngạo, khinh khỉnh từng khinh miệt Gretel bé nhỏ nữa.

Lambert van Mounen và Ludwig van Holp là những người theo đạo Thiên Chúa tốt bụng và, đi đầu này thì dễ thấy hơn chỉ sau một cái nhìn, những công dân giàu có. Cả hai đều định cư tại Amsterdam, nhưng một người ở thành phố cổ đó, còn một người thì là dân lập cư đến vùng đất mới. Ngôi nhà hiện tại của van Mounen ở không xa Công viên Trung tâm, và cậu bảo rằng nếu người New York làm nhiệm vụ của mình, công viên sẽ chẳng mấy mà đẹp bằng Bosch của cậu ở gần La Hay. Cậu thường nhớ về Katrinka trong thời trẻ của mình, nhưng giờ cậu mừng rằng Katrinka đã từ chối cậu, dù hồi xưa đó là kỷ ức tồi tệ nhất của cậu. Em gái của Ben, Jenny, đã biến cậu thành một người hạnh phúc hơn bao giờ hết trên thế giới này.

Carl Schummel đã có một cuộc sống khó khăn. Cha cậu gặp trắc trở trong kinh doanh, và bởi Carl không có mấy người bạn tốt, trên hết là cậu ta chẳng có lấy một đức tính tốt đẹp, cậu ta đã bị quật qua quật lại dưới tay vọt của thần may mắn cho tới khi những nét tươi sáng nhất của cậu ta cũng bị đánh bật ra. Giờ cậu ta là thủ thư ở ngôi nhà khang trang tại Amsterdam của Boekman và Schimmelpenninck. Voostenwalbert, cộng sự trẻ tuổi hơn của cậu ta, đối xử với cậu ta rất tốt; và cậu ta cũng trở nên rất tôn trọng “con khỉ với cái tên dài như cái đuôi”.

Trong số những người bạn Hà Lan của chúng ta, Jacob Poot là người duy nhất đã ra đi. Vẫn là một con người tốt bụng, ngay thẳng, rộng lượng cho đến phút cuối cùng, cậu được mọi người nhớ đến, yêu quý và trêu chọc như khi cậu còn sống. Trước khi chết, cậu trở nên rất gầy, gầy hơn cả

Benjamin Dobbs, người mà bây giờ đã trở nên phục phịch nhất trong số những người phục phịch.

Raff Brinker cùng vợ giờ có một cuộc sống hết sức thư thái ở Amsterdam trong nhiều năm. Họ là một cặp đôi chung thủy hạnh phúc, đơn giản và thẳng thắn dù sống trong sung túc, cũng như cái cách mà họ đã sống đầy kiên nhẫn và tin tưởng trong những tháng ngày tăm tối. Họ xây một căn nhà hóng mát gần túp lều của mình và thường tới đó nghỉ ngơi với con cháu trong những buổi chiều hè thư thái, khi hồ hoa súng bắt đầu ngấp nghé nụ hoa vương giả trên mặt nước.

Câu chuyện về Hans Brinker sẽ chưa thể đi đến hồi kết nếu chúng ta không đề cập đến Gretel đang đứng gần cậu. Gretel nhỏ bé đáng mến, nhanh nhẹn, kiên nhẫn! Giờ cô bé làm gì? Hãy hỏi bác sĩ Boekman, ông ấy sẽ khẳng định cô là ca sĩ tuyệt vời nhất, người phụ nữ đáng yêu nhất vùng Amsterdam. Hãy hỏi Hans và Annie, họ sẽ đáp rằng cô là người em gái thân thương nhất họ từng biết. Hãy hỏi chồng cô, anh sẽ trả lời rằng cô là người vợ nhỏ bé tươi tắn và ngọt ngào nhất đất Hà Lan. Hãy hỏi bà Brinker cùng Raff, đôi mắt họ sẽ lấp lánh với những giọt nước mắt mừng rỡ. Hãy hỏi những người nghèo và rồi không khí sẽ tràn ngập lời chúc phúc của họ.

Nhưng, trừ khi bạn đã quên mất bóng dáng nhỏ bé run rẩy và nức nở trên đụn đất trước căn lều nhà Brinker, hãy hỏi nhà van Gleck; họ sẽ không bao giờ mệt mỏi khi kể lại câu chuyện về một cô bé đáng mến đã thắng giải lưới trượt băng bạc.

- HẾT -

Table of Contents

Lời nói đầu

Lá thư gửi từ Hà Lan

§1. Hans và Gretel

§2. Hà Lan

§3. Lưỡi trượt băng bằng bạc

§4. Hans và Gretel tìm được một người bạn

§5. Bóng tối trong nhà

§6. Ánh mặt trời

§7. Hans thỏa lòng ước nguyện

§8. Giới thiệu Jacob Poot và anh họ của cậu ấy

§9. Lễ hội mừng Thánh Nicholas

§10. Điêu các cậu bé đã thấy và làm ở Amsterdam

§11. Hội chứng lớn và những đi đầu kì quặc nhỏ

§12. Trên đường tới Haarlem

§13. Một thảm họa

§14. Hans

§15. Những mái ấm

§16. Haarlem - Các cậu bé nghe thấy những giọng nói

§17. Người đàn ông bốn đầu

§18. Bạn bè lúc hoạn nạn

§19. Trên con kênh

§20. Jacob Poot thay đổi kế hoạch

§21. Ngài Kleef và hóa đơn bữa ăn của ngài

§22. Sư Tử Đỏ trở nên nguy hiểm

§23. Trước tòa

§24. Những thành phố bị bao vây

§25. Leyden

§26. Tòa lâu đài trong rừng

§27. Hoàng tử Buôn và Chị gái Hoàng tử

§28. Đi khắp La Hay

- §29. Một ngày nghỉ ngơi
- §30. Chuyển đi về nhà
- §31. Các cậu bé và cô bé
- §32. Khủng hoảng
- §33. Gretel và Hilda
- §34. Thức tỉnh
- §35. Xương và lười
- §36. Cảnh báo mới
- §37. Sự trở lại của người cha
- §38. Một ngàn đồng guilden
- §39. Những ý niệm mơ hồ
- §40. Đi tìm việc
- §41. Bà tiên đỡ đầu
- §42. Cái đồng hồ bí ẩn
- §43. Một phát hiện
- §44. Cuộc đua
- §45. Niềm hạnh phúc trong căn lều
- §46. Thomas Higgs bí ẩn biến mất
- §47. Ánh nắng lan rộng
- §48. Phần kết